

BỘ XÂY DỰNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH KIẾN TRÚC

Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Phú Yên, tháng 5 - 2024

BỘ XÂY DỰNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH KIẾN TRÚC

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

Phú Yên, tháng 5-2024

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH KIẾN TRÚC
(Kèm theo Quyết định số 261/QĐ-ĐHXDĐT ngày 01 tháng 4 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung)

TT	Họ và tên	Chức danh, Chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1.	Phan Văn Huệ	TS, Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng	
2.	Lê Đức Thường	TS, Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch Hội đồng	
3.	Ngô Đức Quý	ThS.KTS, Phụ trách khoa Kiến trúc	Phó Chủ tịch Hội đồng	
4.	Trịnh Tiến Dũng	TS, Phụ trách phòng Quản lý chất lượng	Thành viên - Trưởng ban thư ký	
5.	Nguyễn Văn Trạm	ThS, Phụ trách phòng Hành chính - Quản trị	Thành viên	
6.	Dương Văn Danh	ThS, Phụ trách phòng Tổ chức - Nhân sự	Thành viên	
7.	Phạm Trung Nguyên	ThS, Phó trưởng phòng Quản lý Đào tạo	Thành viên	
8.	Nguyễn Đình Đại	ThS, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính	Thành viên	
9.	Lê Đàm Ngọc Tú	TS, Trưởng phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế	Thành viên	
10.	Nguyễn Nguyên Khang	ThS, Trưởng phòng Công tác sinh viên	Thành viên	
11.	Nguyễn Văn Thành	ThS, Phụ trách Trung tâm Thông tin - Thư viện	Thành viên	
12.	Phạm Ngọc Tân	ThS, Phó trưởng phòng Quản lý chất lượng	Thành viên	
13.	Đình Văn Vinh	ThS, Phó trưởng phòng Tổ chức - Nhân sự	Thành viên	
14.	Trần Minh Loan	ThS, chuyên viên phòng Tổ chức - Nhân sự	Thành viên	
15.	Nguyễn Thị Khánh Trang	ThS.KTS, Phó trưởng khoa Kiến trúc	Thành viên	
16.	Lê Trọng Hoài	ThS, Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	Thành viên	
17.	Tạ Thị Hoài Thu	Sinh viên lớp D20KTR1	Thành viên	

(Danh sách gồm có 17 người).

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT	9
PHẦN I. KHÁI QUÁT.....	10
1.1. Đặt vấn đề.....	10
1.2. Tổng quan chung.....	12
1.2.1. Tổng quan về Trường Đại học Xây dựng Miền Trung.....	12
1.2.2. Tổng quan về Khoa Kiến trúc	19
PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ	22
Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	22
Mở đầu.....	22
Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của CSGD đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.	22
Tiêu chí 1.2. CDR của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà NH cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT.....	23
Tiêu chí 1.3. CDR của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.....	25
Kết luận về Tiêu chuẩn 1.....	26
Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo	26
Mở đầu.....	26
Tiêu chí 2.1. Bản mô tả CTĐT đầy đủ thông tin và cập nhật	27
Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật	28
Tiêu chí 2.3. Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận	30
Kết luận về Tiêu chuẩn 2.....	30
Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	31
Mở đầu.....	31
Tiêu chí 3.1. CTDH được thiết kế dựa trên CDR	32
Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CDR là rõ ràng	33
Tiêu chí 3.3. CTDH có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp.....	34
Kết luận về Tiêu chuẩn 3.....	35
Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	36
Mở đầu.....	36

Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan.....	36
Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được CDR	39
Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của NH	42
Kết luận về Tiêu chuẩn 4.....	45
Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học	46
Mở đầu.....	46
Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học (NH) được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CDR	46
Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của NH (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới NH.....	50
Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng	54
Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để NH cải thiện việc học tập	57
Tiêu chí 5.5. NH tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập... ..	59
Kết luận về Tiêu chuẩn 5.....	60
Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên và nghiên cứu viên	61
Mở đầu.....	61
Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng	61
Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.....	64
Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai	68
Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá	70
Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó	72

Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng	75
Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng ..	78
Kết luận về Tiêu chuẩn 6.....	82
Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên	82
Mở đầu.....	82
Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng	83
Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.	85
Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá	86
Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.....	88
Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.....	89
Kết luận về tiêu chuẩn 7	91
Tiêu chuẩn 8. Chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học	91
Mở đầu.....	91
Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, công bố công khai và cập nhật.....	92
- Tiếp tục công bố công khai các chính sách, quy định về tuyển sinh của Nhà trường được thêm nhiều hình thức đa dạng, phong phú khác....;	94
Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được xác định rõ ràng và được đánh giá	95
Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.	98
Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của NH.	101
Tiêu chí: 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân NH.....	105
Kết luận về tiêu chuẩn 8	108
Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị.....	108

Mở đầu.....	108
Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	109
Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	111
Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.....	113
Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	115
Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.	118
Kết luận về Tiêu chuẩn 9.....	121
Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng.....	121
Mở đầu.....	121
Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học.	121
Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được xác lập, được đánh giá và cải tiến.....	123
Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.	124
Tiêu chí 10.4. Các kết quả NCKH được sử dụng để cải tiến việc dạy và học..	125
Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.....	127
Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.....	129
Kết luận về Tiêu chuẩn 10.....	130
Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra	130
Mở đầu.....	130
Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.....	131
Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.	133
Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.....	138

Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.....	141
Kết luận về Tiêu chuẩn 11.....	143
PHẦN III. KẾT LUẬN	144
3.1. Những điểm mạnh của CTĐT ngành kiến trúc.....	144
3.2. Những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của CTĐT .	151
3.3. Kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT	156
3.4. Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT theo Thông tư 04/2016.....	163
PHỤ LỤC 1. CƠ SỞ DỮ LIỆU KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	167
PHỤ LỤC 2. QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG TĐG CTĐT.....	186
PHỤ LỤC 3. KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ CTĐT	199

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

CĐR	: Chuẩn đầu ra
CSGD	: Cơ sở giáo dục
CSVC	: Cơ sở vật chất
CTDH	: Chương trình dạy học
CTĐT	: Chương trình đào tạo
ĐATN	: Đồ án tốt nghiệp
ĐH	: Đại học
ĐHXDMT	: Đại học Xây dựng Miền Trung
GDDH	: Giáo dục đại học
GS	: Giáo sư
GV	: Giảng viên
GVCV	: Giảng viên cố vấn
KHCN	: Khoa học công nghệ
KH&HTQT	: Khoa học và Hợp tác quốc tế
KLTL	: Khối lượng kiến thức tích lũy
KTR	: Kiến trúc
NCKH	: Nghiên cứu khoa học
NCS	: Nghiên cứu sinh
NH	: Người học
PGS	: Phó Giáo sư
SV	: Sinh viên
TBCHK	: Trung bình chung học kỳ
TBCTL	: Trung bình chung tích lũy
TC	: Tín chỉ
THPT	: Trung học phổ thông
TS	: Tiến sĩ

PHẦN I. KHÁI QUÁT

1.1. Đặt vấn đề

Trường Đại học Xây dựng Miền Trung được thành lập theo Quyết định số 1279/QĐ-TTg ngày 28 tháng 7 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Xây dựng số 3 (tiền thân là Trường Trung học Xây dựng số 6 được thành lập theo Quyết định số 76/QĐ-BXD-TCCB ngày 14 tháng 2 năm 1976 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng).

Trường Đại học Xây dựng Miền Trung là cơ sở giáo dục đại học công lập trực thuộc Bộ Xây dựng, được giao nhiệm vụ đào tạo và bồi dưỡng cán bộ khoa học kỹ thuật có trình độ đại học trong lĩnh vực kiến trúc, xây dựng và các lĩnh vực kinh tế khác; nghiên cứu khoa học phục vụ cho yêu cầu phát triển đào tạo nguồn nhân lực và phát triển kinh tế - xã hội của khu vực và cả nước.

Ngành Kiến trúc là ngành tương đối mới, có quá trình phát triển cùng với việc nâng cấp nhà trường từ Cao đẳng Xây dựng số 3 thành Đại học Xây dựng Miền Trung, vì vậy chất lượng CTĐT đóng vai trò quan trọng, quyết định đến sự tồn tại và phát triển của ngành Kiến trúc nói riêng và của Nhà trường nói chung. Với mục tiêu là đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng trong lĩnh vực kiến trúc, xây dựng phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội khu vực Miền Trung, Tây Nguyên và cả nước, nên Nhà trường đã tự nguyện đăng ký kiểm định và đánh giá chất lượng CTĐT trình độ đại học ngành Kiến trúc công trình theo quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thông qua việc đăng ký kiểm định, Trường Đại học Xây dựng Miền Trung đã tiến hành tự đánh giá CTĐT trình độ đại học ngành Kiến trúc công trình, từ đó giúp Nhà trường, Khoa Kiến trúc tự rà soát, đánh giá thực trạng chất lượng CTĐT và đề ra các giải pháp, xây dựng triển khai các kế hoạch hành động nhằm cải tiến nâng cao chất lượng CTĐT.

Để thực hiện tốt công tác tự đánh giá CTĐT ngành Kiến trúc công trình, Ban lãnh đạo Nhà trường đã chỉ đạo sâu sát, đòi hỏi sự tham gia tích cực của các bên liên quan, như: Khoa Kiến trúc, các phòng, trung tâm chức năng trong Nhà trường, giảng viên, nhân viên, người học và cựu người học, nhà tuyển dụng trong việc cung cấp số liệu, thông tin, ý kiến phản hồi vừa đảm bảo độ tin cậy vừa mang tính khoa học phục vụ cho hoạt động đánh giá của ngành.

Về cấu trúc và nội dung: Báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành Kiến trúc công trình được hoàn thiện căn cứ theo những hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo về công tác đánh giá chất lượng đào tạo trình độ đại học, cụ thể: Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Công văn số 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục về việc hướng dẫn chung về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH; Công văn số 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục về việc hướng dẫn tự đánh giá CTĐT; Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng về việc thay thế Tài liệu đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH ban hành kèm theo Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD. Cấu trúc của báo cáo tự đánh giá CTĐT gồm 04 phần, với các nội dung chính như sau:

- Phần I. Khái quát: Giới thiệu chung về bản tự đánh giá của ngành Kiến trúc công trình.

- Phần II. Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí: Nội dung tự đánh giá gồm 11 tiêu chuẩn, với 50 tiêu chí.

- + Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT;
- + Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả CTĐT;
- + Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học;
- + Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học;
- + Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học;
- + Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên;
- + Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên;
- + Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học;
- + Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị;
- + Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng;
- + Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra.

- Phần III. Kết luận: Đánh giá những điểm mạnh, điểm yếu và phương hướng hành động để khắc phục các điểm tồn tại trong quá trình đào tạo.

- Phần IV. Phụ lục

Cách mã hóa minh chứng: Các minh chứng trong báo cáo tự đánh giá được mã hóa theo hướng dẫn của Công văn 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH. Việc mã hóa thông tin và minh chứng (Mã MC) được ký hiệu bằng chuỗi 11 ký tự, bao gồm 01 chữ cái, ba dấu chấm và 07 chữ số; cứ 02 chữ số có 01 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức sau: Hn.ab.cd.ef

Trong đó:

- H - viết tắt của “Hộp minh chứng”;
- n - số thứ tự của hộp minh chứng (có giá trị từ 1 đến 11);
- ab - số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10);
- cd - số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 10 viết 10);
- ef - số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí (minh chứng thứ 1 viết 01, thứ 10 viết 10).

Ví dụ:

H1.01.01.01: là MC thứ 1 của tiêu chí 1 thuộc tiêu chuẩn 1, được đặt ở hộp 1.

H8.10.03.12: là MC thứ 12 của tiêu chí 3 thuộc tiêu chuẩn 10, đặt ở hộp 8.

Mục đích của quá trình tự đánh giá: Đây là quá trình giúp Nhà trường nói chung, Khoa Kiến trúc nói riêng tự xem xét, nghiên cứu dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành để báo cáo về tình trạng chất lượng đào tạo, hiệu quả của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, nhân lực, cơ sở vật chất, cũng như các vấn đề liên quan khác. Từ đó tiến hành điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm:

- Đảm bảo và nâng cao chất lượng CTĐT trình độ đại học ngành Kiến trúc công trình tại Khoa Kiến trúc, Trường Đại học Xây dựng Miền Trung;

- Là cơ sở để đăng ký đánh giá ngoài và đề nghị công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT ngành Kiến trúc công trình;

- Thể hiện tính tự chủ và tính tự chịu trách nhiệm của Nhà trường trong toàn bộ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, dịch vụ xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu của Nhà trường.

Quy trình tự đánh giá: được thực hiện theo các bước chính sau

- Bước 1: Thành lập Hội đồng tự đánh giá;

- Bước 2: Lập kế hoạch tự đánh giá;

- Bước 3: Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng;

- Bước 4: Xử lý, phân tích các thông tin và minh chứng thu được;

- Bước 5: Viết báo cáo tự đánh giá;

- Bước 6: Lưu trữ và sử dụng báo cáo tự đánh giá;

- Bước 7: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá.

Về phương pháp và công cụ đánh giá: Dựa vào từng tiêu chuẩn, tiêu chí của bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành (Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT). Đối với mỗi tiêu chí trong từng tiêu chuẩn, Nhà trường đã tiến hành xem xét theo các nội dung sau:

- Mô tả để làm rõ thực trạng của CTĐT ngành Kiến trúc công trình;

- Phân tích, so sánh, đối chiếu và đưa ra những nhận định, chỉ ra những điểm mạnh, điểm tồn tại;

- Xây dựng kế hoạch hành động để khắc phục những tồn tại, phát huy điểm mạnh, hoạch định rõ thời gian, nguồn lực và phương pháp thực hiện nhằm nâng cao chất lượng CTĐT;

- Tự đánh giá mức độ đáp ứng tiêu chí và tiêu chuẩn.

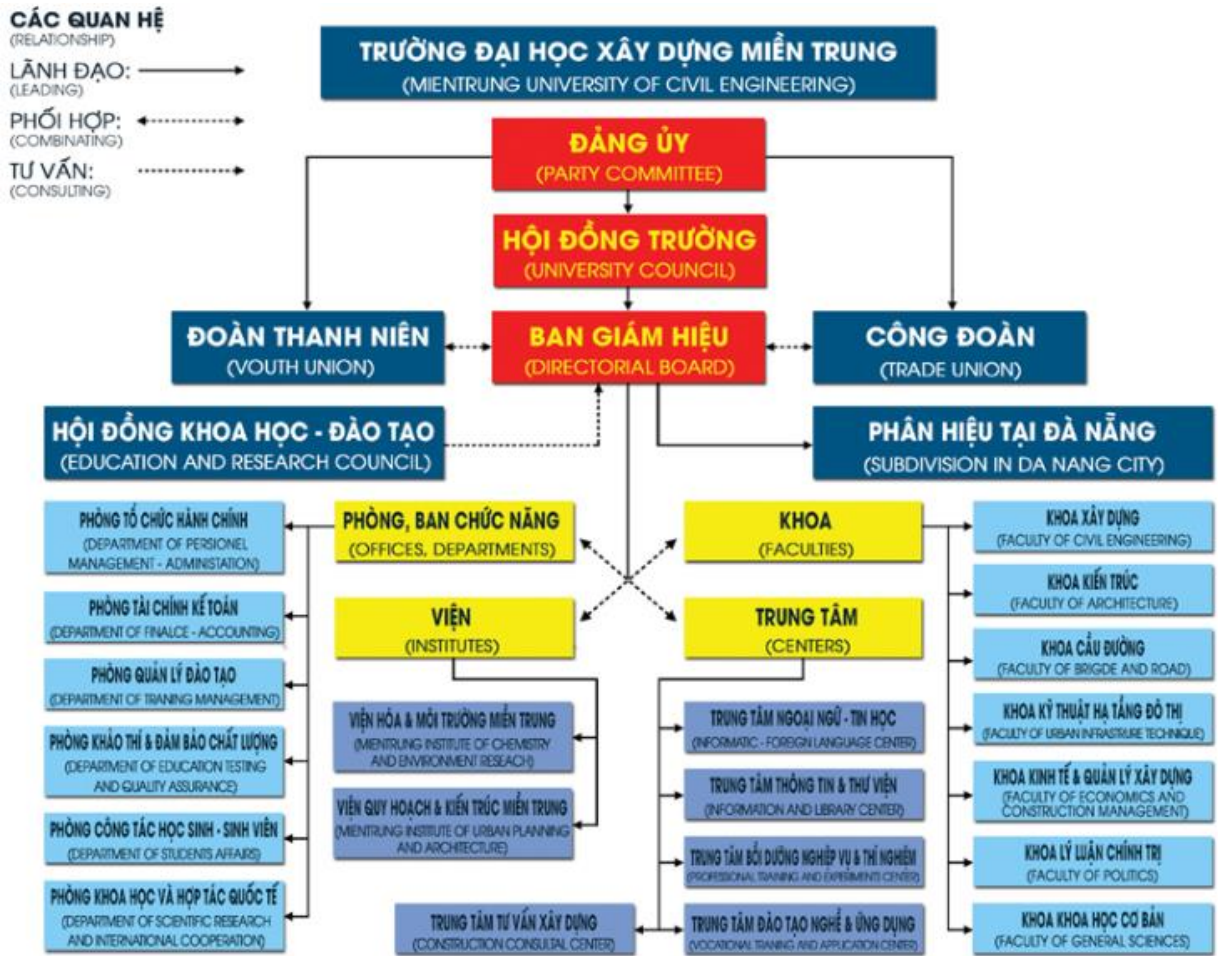
1.2. Tổng quan chung

1.2.1. Tổng quan về Trường Đại học Xây dựng Miền Trung

Trường Đại học Xây dựng Miền Trung là cơ sở giáo dục đại học công lập trực thuộc Bộ Xây dựng, được thành lập theo Quyết định số 1279/QĐ-TTg ngày 28 tháng 7 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Xây dựng

số 3 (tiền thân là Trường Trung học Xây dựng số 6 được thành lập theo Quyết định số 76/QĐ-BXD-TCCB ngày 14 tháng 2 năm 1976 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng).

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC ORGANIZATIONAL CHART



Hình 1. Sơ đồ tổ chức tổ chức Trường Đại học Xây dựng Miền Trung (Trước 2024)

Sứ mạng của Nhà trường là đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực kiến trúc, xây dựng và một số lĩnh vực khác, phục vụ cho sự phát triển kinh tế-xã hội khu vực Miền Trung, Tây Nguyên và cả nước.

Tầm nhìn đến năm 2030, Trường Đại học Xây dựng Miền Trung là trường đại học kỹ thuật đa ngành theo định hướng ứng dụng, có uy tín trong trong lĩnh vực xây dựng, từng bước hội nhập với các trường đại học tiên tiến trong khu vực ASEAN.

Các giá trị cốt lõi: Kế thừa - Phát triển; Năng động – Sáng tạo; Tận tụy - Trách nhiệm; Chia sẻ - Hợp tác.

- Kế thừa – Phát triển: Trường Đại học Xây dựng Miền Trung luôn tôn trọng và kế thừa các giá trị truyền thống trong quá trình phát triển Nhà trường, đồng thời luôn ưu tiên đầu tư để phát triển mở rộng ngành nghề đào tạo, loại hình đào tạo và trình độ đào tạo. Kế thừa các giá trị truyền thống là nền tảng cho sự phát triển bền vững trong

tương lai.

- Năng động – Sáng tạo: Trường Đại học Xây dựng Miền Trung luôn khuyến khích sự năng động, sáng tạo, tôn trọng sự khác biệt, đa dạng trong quản trị, giảng dạy, nghiên cứu khoa học.

- Tận tụy – Trách nhiệm: Sự tận tụy và trách nhiệm là chìa khóa cho mọi thành công, là tiêu chuẩn mà Trường Đại học Xây dựng Miền Trung luôn đặt ra và yêu cầu mỗi thành viên của Trường phải hướng đến, đây là yếu tố quyết định để Nhà trường đảm bảo chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội.

- Chia sẻ - Hợp tác: Trường Đại học Xây dựng Miền Trung luôn luôn chia sẻ tri thức, kinh nghiệm cho người học, đồng thời luôn coi trọng sự hợp tác với tất cả các đối tác trong đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao khoa học công nghệ, kết nối cộng đồng.

Để đạt được mục tiêu, tầm nhìn đến năm 2030, Trường Đại học Xây dựng Miền Trung đã hoàn thiện cơ cấu tổ chức, xây dựng chính sách chất lượng và các hoạt động đảm bảo chất lượng, cụ thể như sau:

Về cơ cấu tổ chức: Hiện nay, Nhà trường có 07 phòng, 05 khoa, 01 viện, 06 trung tâm trực thuộc và 01 phân hiệu tại thành phố Đà Nẵng.

Hội đồng Trường đã có Nghị quyết số 10/NQ-HĐT ngày 06/4 /2023 của Hội đồng trường Trường Đại học Xây dựng Miền Trung

18/12/2023 Nhà trường đã có Quyết định số 1082/QĐ-ĐHXDMMT ngày 18/12/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung ban hành cơ cấu tổ chức bộ máy mới trong đó Cơ cấu tổ chức bộ máy gồm: Ban Giám hiệu (gồm 01 Hiệu trưởng và 01 Phó hiệu trưởng), có 20 đơn vị thuộc, trực thuộc gồm: 07 phòng, 05 khoa, 06 trung tâm, 01 viện và 01 phân hiệu.

Về chính sách chất lượng:

- Việc tổ chức kiểm định, đánh giá chất lượng giáo dục là công tác thường xuyên, quan trọng và đi vào thực chất;

- Chất lượng giáo dục là vấn đề then chốt, là trách nhiệm của cả hệ thống, của các cấp lãnh đạo, tất cả các bộ phận, của mỗi cán bộ viên chức, giảng viên và sinh viên toàn trường;

- Định kỳ hàng năm, Trường thực hiện và kiểm tra đánh giá việc thực hiện kế hoạch chiến lược về đảm bảo chất lượng giáo dục, có những điều chỉnh kịp thời và cần thiết để đảm bảo triển khai thành công các kế hoạch đã đề ra trong chiến lược;

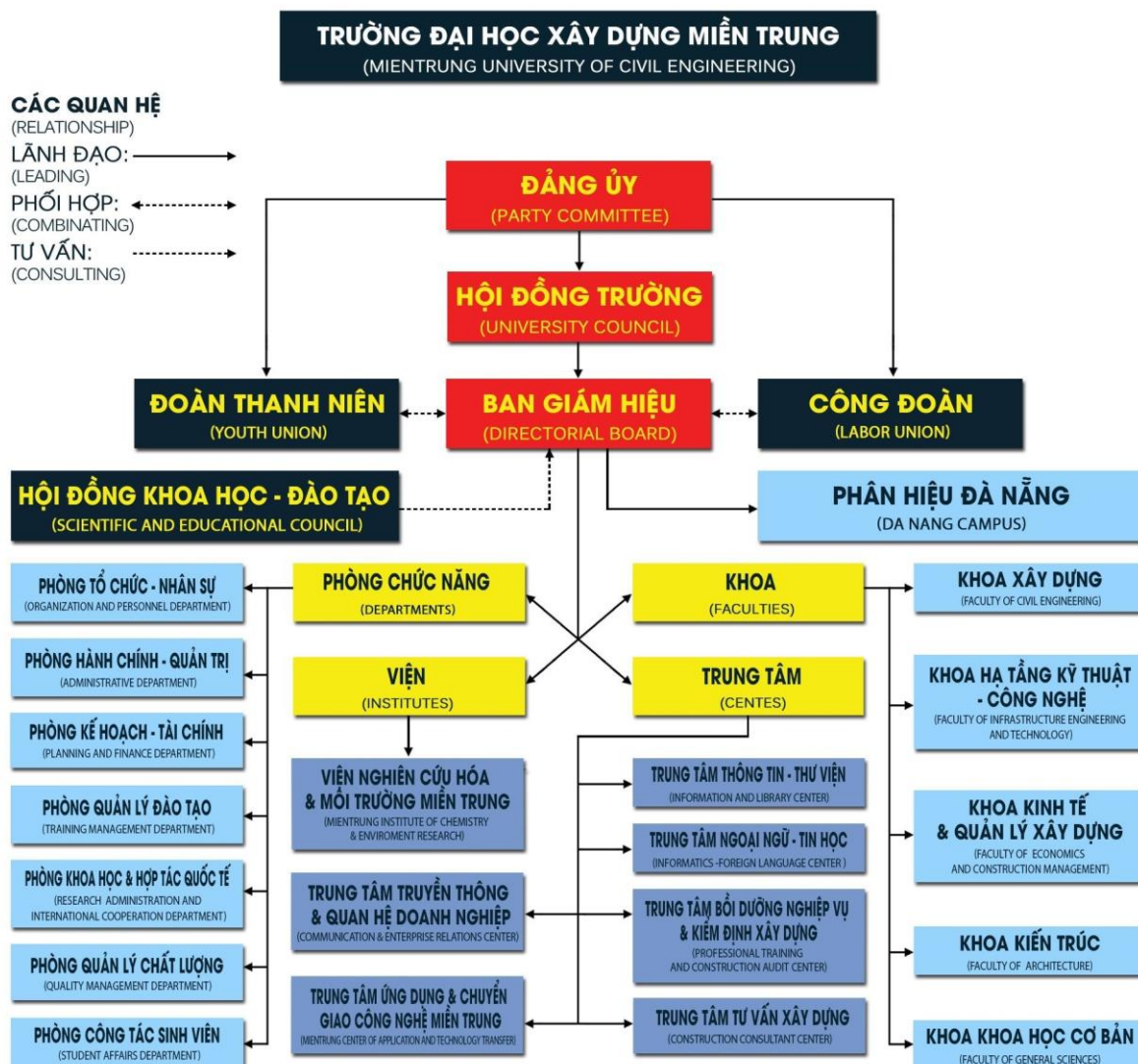
- Xác định ý kiến phản hồi của sinh viên, cựu sinh viên và nhà tuyển dụng là nguồn thông tin quan trọng trong việc cải tiến chất lượng CTĐT, hoạt động giảng dạy của giảng viên và các hoạt động hỗ trợ đào tạo của Nhà trường.

Về nhân lực: tổng số cán bộ, giảng viên và nhân viên của Trường 245 người; trong đó giảng viên cơ hữu 169 người, giảng viên cơ hữu kiêm cán bộ quản lý 34 người và nhân viên 76 người. Phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, Nhà trường hiện có

03 Phó Giáo sư, 36 Tiến sĩ, 124 Thạc sĩ và 6 đại học.

Về đào tạo: Nhà trường hiện có 16 CTĐT trình độ đại học, 01 CTĐT trình độ thạc sĩ.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC ORGANIZATIONAL CHART



Hình 2. Sơ đồ tổ chức Trường Đại học Xây dựng Miền Trung hiện nay
(Từ 01/2024)

Về cơ sở vật chất: Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục 180.060 m², diện tích nơi làm việc 10.515 m², diện tích nơi học 20.230 m², diện tích nơi vui chơi giải trí 36.878 m², diện tích phòng học 9.611 m², tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy 3,83 m²/SV, tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Thư viện 865 đầu sách với 25.522 bản.

Về nghiên cứu khoa học: Cùng với hoạt động dạy và học, hoạt động NCKH đã góp phần nâng cao vị thế và thương hiệu Trường. Từ năm 2018 đến nay, Trường đã thực hiện 03 đề tài cấp Nhà nước, 12 đề tài cấp Bộ và tương đương, 130 đề tài cấp trường (bao gồm đề tài trọng điểm, nhiệm vụ biên soạn bài giảng, tài liệu học tập, sáng

kiến cải tiến, ngân hàng đề thi), 53 bài báo được đăng trên các tạp chí quốc tế (có 17 bài trong hệ thống ISI/Scopus) và hơn 71 bài được đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước được tính điểm GS/PGS. Nhà trường đã tổ chức nhiều hội thảo cấp quốc gia/quốc tế, như: Hội thảo Khoa học “Những tiến bộ trong Xây dựng và kiến trúc” ACEA 2018, Hội nghị khoa học toàn quốc “Địa chất công trình - Địa kỹ thuật và xây dựng phục vụ phát triển bền vững khu vực miền Trung và Tây Nguyên”, ACEA-VIETGEO 2021, Hội thảo “Di sản & Kiến trúc trong phát triển bền vững đô thị du lịch biển” ngày 21/4/2022 trong chuỗi chương trình Liên hoan Sinh viên Kiến trúc toàn quốc lần thứ XIII từ 20-24/4/2022; Hội nghị khoa học Cơ học Thủy khí toàn quốc lần thứ 26. Thông báo KHCN của Nhà trường đã được đăng ký chỉ số ISSN 2615-9546, dự kiến năm 2024 sẽ xúc tiến nâng cấp thành Tạp chí khoa học của Trường. Số lượng đề tài khoa học do sinh viên thực hiện là 91 đề tài. Nhiều sinh viên đạt giải thưởng quốc tế, quốc gia và trong khu vực, như: giải thiết kế nhà do UNDP tổ chức, giải kiến trúc của Đại học Kitakyushu Nhật Bản, giải Loa Thành, giải Kiến trúc xanh, giải Eureka, giải triển lãm khu vực.

Về hợp tác trong nước và quốc tế:

Trong 5 năm qua, Nhà trường đã thiết lập, xây dựng 37 mối quan hệ hợp tác với nhiều đối tác như Trường Đại học Khoa học ứng dụng Leipzig, Trường Đại học Savannakhet, Trường Đại học Khoa học và Công nghệ quốc gia Hàn Quốc - Seoul Tech, Viện Công nghệ quốc gia (thuộc Gifu College), Tổ chức tình nguyện quốc tế Solidarités Jeunesses tại Việt Nam (SJ Việt Nam), Công ty cổ phần Tập đoàn Đèo Cả, Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Hải (THACO), Công Ty TNHH phần mềm FPT Miền Trung...

Nhà trường đã ký kết 37 biên bản thỏa thuận hợp tác với các đối tác, các trường, doanh nghiệp, tổ chức tại Đức, Nhật Bản, Hàn Quốc, Pháp, Việt Nam... về hợp tác đào tạo và nghiên cứu khoa học, trao đổi giảng viên sinh viên, phối hợp tổ chức hội nghị, hội thảo, chuyên đề, trao đổi thông tin, tài liệu. Hiện nay, Nhà trường duy trì mối quan hệ với 28 đối tác trong và ngoài nước.

+ Về đào tạo quốc tế: Trong giai đoạn 2018-2023, Nhà trường tiếp nhận và đào tạo 18 Lưu học sinh Lào. Trong đó, 12 sinh viên nhập học chính thức hệ đại học, cao đẳng vào đợt tháng 9/2016 (có 2 sinh viên hệ đại học, dạng học bổng Hiệp định) với các chuyên ngành Kinh tế Xây dựng, Quản lý Xây dựng, Kế toán, Kỹ thuật Xây dựng, Kiến trúc. Tháng 9-10/2020, Nhà trường tiếp tục tiếp nhận 6 học sinh Lào đến học tập khóa dự bị tiếng Việt. Đến tháng 9/2021, 6 LHS này nhập học chuyên môn. Tính đến tháng 12/2023, Nhà trường đang đào tạo 5 Sinh viên Lào khóa 2021-2026 với các chuyên ngành Xây dựng, kế toán, kiến trúc.

+ Về Trao đổi sinh viên/giảng viên: Trong 5 năm qua, Nhà trường và Viện Công nghệ Quốc gia (thuộc Gifu College) đã tổ chức thành công 2 chương trình trao đổi thực tập ngắn hạn dành cho sinh viên của 2 trường. Ngày 8/7/2019 đến 29/7/2019, 02 Sinh viên MUCE có chuyến trao đổi thực tập ngắn hạn tại Viện Công nghệ Quốc gia. Trong thời gian thực tập, các em đã được tham gia nghiên cứu tại Phòng thí nghiệm, học hỏi nhiều kiến thức chuyên môn bổ ích, trải nghiệm và tham gia các hoạt động giao lưu, trao đổi văn hóa, khám phá ẩm thực... Ngày 17/8/2023 đến 7/9/2023, Trường Đại học Xây dựng Miền Trung tiếp nhận 02 em sinh viên năm 2, chuyên ngành kỹ thuật xây dựng từ Viện Công nghệ Quốc gia, Nhật Bản đến thực tập tại trường.

Bên cạnh đó, Từ năm 2018 đến nay, Nhà trường đã tiếp đón 33 đoàn khách nước ngoài đến và làm việc với Nhà trường. Các đoàn đến từ nhiều quốc gia khác nhau như Lào, Nhật Bản, Hàn Quốc, Nga, Pháp, Đức... Trong 5 năm qua, Nhà trường cũng đã triển khai 8 đoàn ra. Nhà trường tạo điều kiện cho các giảng viên, cán bộ đi học tập, trao đổi kinh nghiệm, làm việc và ký kết các chương trình hợp tác quốc tế; đi tham dự hội nghị, hội thảo quốc tế như Hội thảo quốc tế “Environmental Sustainability and Disaster prevention, ESDP 2018” tại Nhật Bản; hội thảo quốc tế “Environmental Sustainability, Disaster Prevention and Reduction, and Engineering Education (ESDPR&EE 2019)” tại Nhật Bản ; hội thảo ICBMC 2019 tại Singapore; hội thảo Geo-Congress 2022 tại Mỹ;

Về phục vụ cộng đồng:

Từ năm học 2018-2019 đến nay có khoảng 2000 lượt viên chức và sinh viên tham gia hiến máu nhân đạo. Đội hiến máu dự bị của Đoàn trường đã hiến gần 100 đơn vị máu và luôn sẵn sàng hiến máu cho Bệnh viện Đa khoa và Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Phú Yên để kịp thời cấp cứu bệnh nhân.

Hàng năm, Nhà trường cử viên chức cùng sinh viên tham gia chiến dịch Mùa hè xanh tình nguyện nhằm giúp đỡ những địa phương còn khó khăn về vật chất cũng như tinh thần, như:

- Năm 2019, thực hiện công trình Nhà Nhân ái với diện tích gần 35m², tổng giá trị công trình là 60 triệu đồng; hỗ trợ thị trấn Phú Hòa thi công công trình bồn hoa thanh niên trên đường dẫn vào UBND thị trấn Phú Hòa với diện tích 250m²; Thực hiện công trình thanh niên vẽ tranh tường tại Trường mầm non thị trấn Phú Hòa với diện tích vẽ hơn 200m², tổng giá trị công trình là 12 triệu đồng; thực hiện công trình thanh niên Thắp sáng đường quê tại thị trấn Phú Hòa với chiều dài thực hiện 500m, giá trị thực hiện công trình là 10 triệu đồng; tổ chức Đội hình trực tiếp sức người bệnh vào các ngày thứ 2 và thứ 6 hàng tuần từ ngày 6/7/2019 đến 1/8/2019, kết quả đã hỗ trợ được hơn 2500 lượt người nhà và bệnh nhân;

- Năm 2020, tổ chức vẽ hơn 60m² tranh tường tại kè chắn sóng khu vực phường Phú Thạnh, kinh phí thực hiện hơn 50 triệu đồng; tổ chức thực hiện công trình thanh

niên “Sắc cờ quê hương” đoạn đường 27/7 vào nghĩa trang liệt sĩ tỉnh với kinh phí thực hiện hơn 20 triệu đồng; thực hiện công trình sửa chữa nhà cho Mẹ Việt Nam anh hùng Nguyễn Thị Ánh tại xã Hòa Quang Nam, huyện Phú Hòa với tổng giá trị công trình là 40 triệu đồng; thực hiện công trình thanh niên vẽ tranh tường tại Trường mầm non xã Hòa Quang Nam với diện tích vẽ gần 100m² và tổng giá trị công trình là 10 triệu đồng;

- Năm 2021, thành lập 5 đội hình tình nguyện hỗ trợ phòng chống dịch bệnh Covid với các nội dung hỗ trợ: công tác nhập giữ liệu cho sở Y tế tại CDC đường Lý Thái Tổ; hỗ trợ công tác nhập giữ liệu cho CDC đường Trần Hưng Đạo; tham gia hỗ trợ công tác nhập giữ liệu cho CDC tại nhà; phối hợp Thành Đoàn Tuy Hòa thực hiện các nội dung công việc như: làm hơn 5000 mũ chắn giọt bắn để tặng cho lực lượng tuyến đầu chống dịch, tham gia hỗ trợ vận chuyển nhu yếu phẩm đến cho người dân trong vùng cách ly, tuyên truyền các biện pháp phòng chống dịch cho người dân và đoàn viên sinh viên nhà trường;

- Năm 2022, thực hiện công trình sửa chữa nhà nhân ái cho bà Nguyễn Thị Sỹ tại thị trấn Phú Hòa, huyện Phú Hòa với tổng giá trị công trình hơn 110 triệu đồng;

- Năm 2023 thực hiện công trình khu vui chơi thiếu nhi với 6 dụng cụ trò chơi, tổng trị giá 24,4 triệu đồng, Công trình thắp sáng đường quê tại Thôn Định Trung 3 với chiều dài 500m, tổng kinh phí hơn 22,5 triệu đồng, Công trình vẽ tranh tường tại Trường mầm non xã An Định với hơn 100m² tranh tường có tổng kinh phí là 15 triệu đồng; phối hợp với Huyện Đoàn Tuy An, Đoàn thanh niên và bà con xã An Định thực hiện công trình Sắc cờ quê hương tại 2 thôn Phong Hanh và Phong Hậu với chiều dài 3,5km, tổng kinh phí cho công trình này là hơn 16 triệu đồng.

Trường cũng tổ chức các chiến dịch Xuân tình nguyện mang niềm vui đến cho các em thiếu nhi vùng sâu, vùng xa bằng những phần quà và các hoạt động văn hóa văn nghệ:

- Năm 2019, tổ chức chiến dịch Xuân tình nguyện năm 2019 tại các xã Hòa Quang Bắc, huyện Phú Hòa, xã Hòa Hiệp Nam huyện Đông Hòa và xã Cà Lúi huyện Sơn Hòa với các nội dung thực hiện như: mua tôn sửa lại mái nhà cho cụ Dương Thị Xò xã Hòa Quang Bắc với tổng diện tích mái gần 35m² trị giá 3.2 triệu đồng; tặng 82 suất quà và học bổng cho các gia đình chính sách, các gia đình có hoàn cảnh khó khăn tại xã Hòa Quang Bắc, xã Hòa Hiệp Nam và xã Cà Lúi với tổng giá trị là 35,9 triệu đồng;

- Năm 2020, tổ chức chương trình Xuân tình nguyện tại các huyện Tuy An, Đồng Xuân, Phú Hòa, với các hoạt động: sửa chữa nhà cho hộ neo đơn, giao lưu văn nghệ, tặng quà và các suất học bổng với tổng giá trị các phần quà là 38 triệu đồng;

- Năm 2021, tổ chức chiến dịch Xuân tình nguyện tại 3 huyện Phú Hòa, Sơn Hòa và Sông Hinh, kết quả đã vận động được 61 triệu đồng để tổ chức chiến dịch và tặng các suất quà, học bổng cho gia đình khó khăn, trẻ em nghèo vượt khó;

- Năm 2023, tổ chức chương trình Xuân tình nguyện tại thị xã Đông Hòa, tặng 70 suất quà và 10 suất học bổng với tổng giá trị 27,5 triệu đồng; Tổ chức chương trình Xuân tình nguyện tại Trung tâm Hỗ trợ phát triển Giáo dục hòa nhập Phú Yên, tặng 115 suất quà và 10 suất học bổng với tổng giá trị 10 triệu đồng; Tổ chức chương trình Xuân tình nguyện tại xã Ea Trol huyện Sông Hinh, trao tặng 40 suất quà tết và 10 suất học bổng cho học sinh vượt khó học tốt, tổng kinh phí 15 triệu đồng; Tổ chức chương trình Xuân tình nguyện tại xã Xuân Quang huyện Đồng Xuân, trao tặng 40 suất quà tết, tổng kinh phí 13.5 triệu đồng;

- Năm 2024 tổ chức chương trình Xuân tình nguyện 4 địa điểm: Xã Suối Trai, huyện Sơn Hòa; Xã Ea Bá, huyện Sông Hinh; Xã An Định, huyện Tuy An và Xã Phước Tân, Huyện Sơn Hòa, kết quả vận động kinh phí tặng quà tết và các suất học bổng cho các em thiếu nhi với tổng kinh phí 109 triệu đồng.

Đảng bộ cùng với viên chức Nhà trường hàng năm thường xuyên đóng góp cho quỹ chất độc da cam, quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ xoá đói giảm nghèo, quỹ phòng chống thiên tai,....

1.2.2. Tổng quan về Khoa Kiến trúc

Ngay sau ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, để đáp ứng nhu cầu về đội ngũ cán bộ ngành Xây dựng, phục vụ cho công việc kiến thiết đất nước sau chiến tranh. Ngày 14/02/1976 Bộ trưởng Bộ Xây dựng đã quyết định thành lập Trường Trung học Xây dựng số 6 với nhiệm vụ đào tạo đội ngũ cán bộ bậc trung học kỹ thuật xây dựng và nghiệp vụ cho các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên, địa bàn thường xuyên gánh chịu thiên tai và là khu vực khó khăn nhất trong cả nước.

Dựa trên nhu cầu đào tạo và nguồn nhân lực tại thời điểm đó nhà trường chỉ thành lập một số tổ môn như: tổ Thực hành, tổ Kỹ thuật, tổ Kinh tế chính trị và các phòng chức năng phục vụ công tác quản lý - phục vụ đào tạo.

Năm 1982 tổ Kiến trúc được thành lập. Chức năng, nhiệm vụ của tổ môn là nghiên cứu giảng dạy các môn Vẽ xây dựng, Cấu tạo, Dự toán và Thiết kế kiến trúc cho các bậc trung cấp ngành xây dựng và kế toán cũng như công nhân kỹ thuật. Ngoài ra tổ Kiến trúc còn kết hợp với trung tâm tư vấn của nhà trường tư vấn và thiết kế các công trình xây dựng trong tỉnh.

Năm 2001: Trường Cao đẳng Xây dựng Số 3 được thành lập trên cơ sở Trường Trung học Xây dựng Số 6. Để phù hợp với mục tiêu và chương trình đào tạo Bộ môn Kiến trúc được hình thành dựa trên tổ Kiến trúc thực hiện nhiệm vụ và chức năng đào tạo bậc cao đẳng, bậc trung cấp ngành xây dựng và kế toán cũng như tích cực tham gia các hoạt động lao động sản xuất; như thiết kế, giám sát thi công công trình.

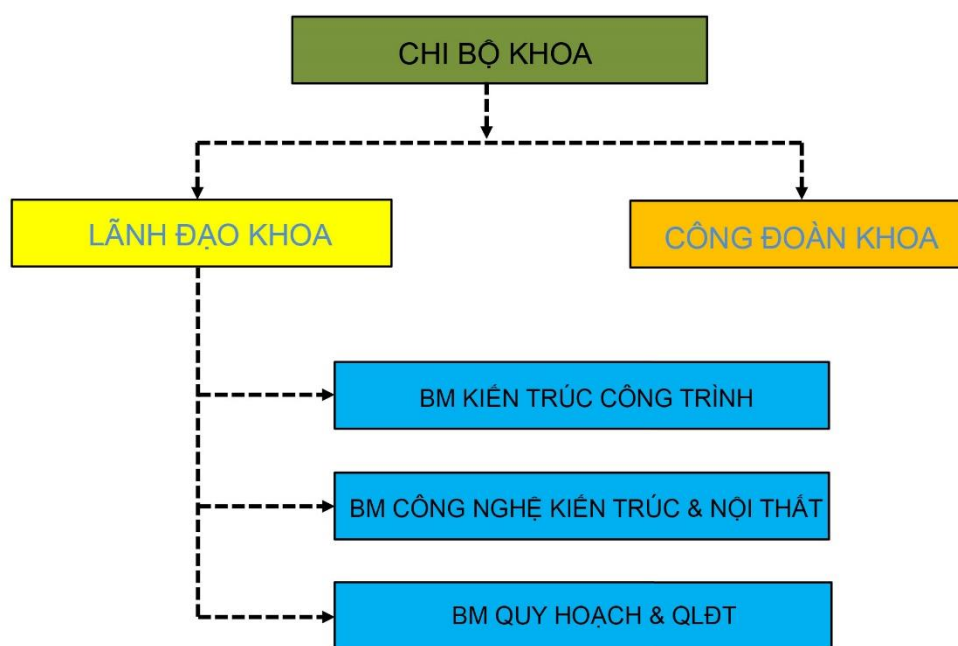
Năm 2008: thực hiện chủ trương đổi mới phương pháp đào tạo, gắn đào tạo với thực tế sản xuất. Mở rộng quy mô, phát triển ngành nghề đào tạo đi đôi với việc đổi mới phương pháp dạy học để nâng cao chất lượng đào tạo, khoa Kiến trúc được thành lập với đội ngũ cán bộ giáo viên đảm bảo chất lượng. Với chức năng thực hiện

giảng dạy theo kế hoạch đào tạo của Trường và tham gia nghiên cứu khoa học với các Khoa, Phòng khác.

Năm 2011: Trường ĐHXD Miền Trung được thành lập trên cơ sở Trường Cao đẳng Xây Dựng Số 3. Để phù hợp với mục tiêu chương trình đào tạo từ một Khoa trực thuộc trường Cao đẳng nay được thành lập Khoa Trực thuộc Trường Đại học, chức năng nhiệm vụ cũng ngày càng được nâng cao.

Với mục tiêu đào tạo cán bộ kỹ thuật thuộc lĩnh vực kiến trúc có trình độ cao cho khu vực cũng như cả nước, Khoa Kiến trúc không ngừng nỗ lực và phát triển. Trong quá trình hoạt động, Khoa luôn luôn nhận được sự quan tâm và chỉ đạo trực tiếp của Đảng uỷ, Ban Giám hiệu nhà trường, bên cạnh đó tập thể giảng viên trong khoa đều yêu nghề, nhiệt tình công tác, luôn đoàn kết gắn bó, cùng giúp đỡ nhau tiến bộ, thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, có tinh thần tự học hỏi nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đáp ứng yêu cầu công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học, phần lớn giảng viên trong Khoa có trình độ chuyên môn sâu, khả năng nghiên cứu khoa học tốt.

Về cơ cấu tổ chức: Khoa Kiến trúc gồm có Ban lãnh đạo và 03 Bộ môn trực thuộc. Để tham mưu giúp công việc cho Ban lãnh đạo khoa và các công tác liên quan đến giáo vụ, Khoa Kiến trúc được nhà trường bố trí thêm 01 trợ lý giáo vụ khoa. Bên cạnh cơ cấu tổ chức về mặt chính quyền, Khoa Kiến trúc hiện nay có 01 Chi bộ Đảng, 01 Công đoàn bộ phận.



Về nhân lực: Tổng số viên chức của Khoa là 15 người, trong đó 14 giảng viên và 01 thư ký. Trình độ chuyên môn của đội ngũ giảng viên trong Khoa không ngừng được nâng cao, cụ thể: có 02 tiến sĩ, 13 thạc sĩ. Tuổi đời trung bình hiện nay của đội ngũ giảng viên Khoa Kiến trúc là 42 tuổi, đây là độ tuổi khá lý tưởng đảm bảo về kinh nghiệm nghề nghiệp và sức khỏe để công tác.

Về đào tạo: Khoa Kiến trúc hiện có 01 CTĐT trình độ thạc sĩ, 03 CTĐT trình độ

đại học. Từ năm 2012 đến nay, mỗi năm Khoa Kiến trúc quản lý khoảng 180 đến 200 sinh viên trình độ đại học ngành kiến trúc công trình.

Về nghiên cứu khoa học: hàng năm giảng viên Khoa Kiến trúc đăng ký thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học và hướng dẫn sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học. Kết quả nghiên cứu được mang lại hiệu quả tốt trong công tác giảng dạy và học tập, công bố trên các tạp chí trong nước và quốc tế. Đặc biệt, Khoa Kiến trúc đã giao nhiệm vụ cho các bộ môn triển khai biên soạn hầu hết các tài liệu giảng dạy các học phần do Khoa quản lý. Từ năm 2017 đến nay, kết quả cụ thể về nghiên cứu khoa học của giảng viên như sau: 01 đề tài cấp Bộ, 20 đề tài cấp Trường, xuất bản 02 đầu sách giáo trình và tham khảo, 25 bài báo đăng trên các tạp chí khoa học quốc tế và trong nước, 13 bài báo đăng trên tạp san cấp trường. Về kết quả nghiên cứu khoa học của sinh viên: tham gia nhiều các cuộc thi trong nước và quốc tế và có khoảng 06 đề tài cấp trường.

Về chiến lược phát triển:

- Đến năm 2030, Khoa Kiến trúc tiếp tục khẳng định chất lượng đào tạo của mình thông qua việc mở rộng quy mô tuyển sinh; mở rộng địa bàn tuyển sinh; liên kết với các trường trong khu vực về hợp tác đào tạo; liên kết với các doanh nghiệp, tập đoàn lớn để đào tạo theo đơn đặt hàng.

- Khuyến khích và động viên giảng viên học tập, nâng cao khả năng sử dụng Tiếng Anh trong việc giảng dạy một số học phần và hợp tác nghiên cứu;

- Hợp tác nghiên cứu với các nhóm nghiên cứu trong và ngoài nước; hợp tác với các cơ quan, doanh nghiệp trong việc đào tạo, chuyển giao công nghệ, tổ chức các Hội thảo chuyên ngành, đặc biệt là với các cơ quan, doanh nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh Phú Yên và các vùng lân cận.

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mở đầu

Chương trình đào tạo trình độ đại học, ngành Kiến trúc tại Trường Đại học Xây dựng Miền Trung được triển khai đào tạo từ năm học 2012-2013, đến nay đã có 06 khóa tốt nghiệp ra trường. Chương trình đào tạo có mục tiêu rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường, mục tiêu của giáo dục đại học, phù hợp với quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định cụ thể, chi tiết và bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt để người học đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo. Nội dung của chuẩn đầu ra, chương trình tổng quát và chương trình đề cương chi tiết được xây dựng một cách thống nhất, có sự tham khảo ý kiến từ các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được cung cấp đến người học thông qua các kênh thông tin như trang web của Nhà trường, của Khoa Kiến trúc, sổ tay sinh viên và qua việc giảng dạy các học phần của giảng viên. Với sứ mạng “đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng; nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực Kiến trúc và một số lĩnh vực khác, phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội khu vực Miền Trung, Tây Nguyên và cả nước” và tầm nhìn “đến năm 2030, Trường Đại học Xây dựng Miền Trung là trường đại học kỹ thuật đa ngành theo định hướng ứng dụng; có uy tín trong lĩnh vực xây dựng; từng bước hội nhập với các trường đại học tiên tiến trong khu vực ASEAN” có thể khẳng định rằng nội dung chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra hoàn toàn có thể đáp ứng và phù hợp với chức năng cũng như các nguồn lực hiện có của Nhà trường.

Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của CSGD đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.

1. Mô tả

Trải qua quá trình phát triển, khoa Kiến trúc Trường Đại học Xây dựng Miền Trung được Nhà trường giao nhiệm vụ đào tạo cán bộ kỹ thuật ngành kiến trúc cho khu vực Miền Trung, Tây Nguyên cũng như cả nước. Bắt đầu từ năm 2012, khoa Kiến trúc được giao nhiệm vụ đào tạo trình độ đại học ngành Kiến trúc công trình. Đến năm 2018, chương trình được cập nhật, điều chỉnh cho phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường [H1.01.01.01], [H1.01.01.02], [H1.01.01.03], công bố công khai trên website [H1.01.01.04] và sổ tay sinh viên của trường [H1.01.01.05].

Ngoài ra, mục tiêu của chương trình đào tạo được cụ thể hóa qua chuẩn đầu ra thông qua Quyết định ban hành [H1.01.01.06] và công khai trên trang thông tin của Nhà trường. Nội dung của sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường rõ ràng và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và nguồn lực của Trường là: đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực kiến trúc, xây dựng và một số lĩnh vực khác, phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội khu vực Miền

Trung, Tây Nguyên và cả nước; đến năm 2030, Trường Đại học Xây dựng Miền Trung là trường đại học kỹ thuật đa ngành theo định hướng ứng dụng, có uy tín trong lĩnh vực xây dựng, từng bước hội nhập với các trường đại học tiên tiến trong khu vực ASEAN. Sứ mạng và tầm nhìn của nhà trường còn được thể hiện trong đề án phát triển trường Đại học Xây dựng Miền Trung giai đoạn 2017- 2021 và tầm nhìn đến năm 2030 [H1.01.01.07]. Bên cạnh đó, mục tiêu chung của chương trình đào tạo ngành Kiến trúc công trình được xác định tuân theo mục tiêu chung của Luật giáo dục đại học [H1.01.01.08], Thông tư ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo GDDH và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành CTĐT trình độ ĐH [H1.01.01.09]. Hơn nữa, mục tiêu của chương trình đào tạo ngành kiến trúc được quán triệt trong Nghị quyết Đảng bộ nhà trường [H1.01.01.10] và báo cáo tổng kết hàng năm của Khoa [H1.01.01.11].

2. Điểm mạnh

Mục tiêu của chương trình đào tạo ngành Kiến trúc công trình được xây dựng phù hợp với mục tiêu của GDDH quy định tại Luật GDDH, sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường, kinh nghiệm và uy tín trong đào tạo kết hợp với thực tế nhu cầu của xã hội. Do đó, mục tiêu của chương trình đào tạo luôn được xác định rõ ràng, kịp thời và phù hợp.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến nhận xét về mục tiêu của chương trình đào tạo của cựu người học và nhà tuyển dụng nhằm bổ sung, hoàn chỉnh mục tiêu đạt hiệu quả chưa cao.

4. Kế hoạch hành động

Tăng cường ký kết hợp tác với các tập đoàn, công ty có uy tín cao trong lĩnh vực kiến trúc, xây dựng nhằm gửi sinh viên đi tham quan, thực tập tại doanh nghiệp. Định kỳ hàng năm, nhà trường tiếp tục thu thập ý kiến đánh giá nội dung chương trình đào tạo từ phía cựu người học và nhà tuyển dụng. Tăng cường tham gia các hội thảo về đổi mới giáo dục, học hỏi kinh nghiệm đào tạo từ các trường lớn trong và ngoài nước để điều chỉnh CTĐT phù hợp với nhu cầu xã hội.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7

Tiêu chí 1.2. CDR của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà NH cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT.

1. Mô tả

Chuẩn đầu ra ngành Kiến trúc công trình xác định: *Về Kiến thức*: có kiến thức lý thuyết, kiến thức thực tiễn, kỹ thuật thực hành và ứng dụng chuyên sâu trong lĩnh vực chuyên ngành Kiến trúc công trình, đủ năng lực phát hiện, giải quyết các công việc phức tạp liên quan đến thiết kế kiến trúc, tổ chức không gian, quản lý kiến trúc, có khả năng tự học, tự nghiên cứu, ứng dụng. *Về kỹ năng*: có khả năng phân tích kết cấu,

cấu tạo kiến trúc, thực hiện các bước thiết kế từ cơ sở đến kỹ thuật thi công. Giao tiếp làm việc nhóm, điều hành nhóm. *Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm*: Có đạo đức nghề nghiệp, phát triển nghề nghiệp, phát triển bản thân, thái độ tích cực học tập suốt đời.

Chuẩn đầu ra này là rõ ràng, súc tích, phản ánh được mục tiêu của CTĐT, bao quát được cả yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. Việc xác định chuẩn đầu ra được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ GDĐT [H1.01.02.01]. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo đáp ứng chuẩn bậc 6 (đại học) Khung năng lực trình độ Quốc gia Việt Nam, quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp [H1.01.02.02]

Chuẩn đầu ra là văn bản cụ thể hóa của mục tiêu đào tạo nên được cung cấp rõ ràng và đầy đủ trong văn bản ban hành chương trình đào tạo và được Hiệu trưởng ký ban hành trước khi công khai rộng rãi trên các kênh thông tin [H1.01.02.03]. Các kênh thông tin công khai chuẩn đầu ra hiện nay của chương trình đào tạo ngành Kiến trúc công trình, đó là trang thông tin điện tử của nhà trường [H1.01.02.04], sổ tay sinh viên của nhà trường [H1.01.02.05] và tài liệu quảng bá tuyển sinh hàng năm [H1.01.02.06].

Chuẩn đầu ra cũng được đo lường thông qua kết quả khảo sát lấy ý kiến người học về khóa học hàng năm [H1.01.02.07] và các cựu sinh viên, doanh nghiệp sử dụng lao động ngành kiến trúc [H1.01.02.08].

Với mục tiêu hướng đến khách hàng, đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội, Nhà trường thường xuyên thu thập thông tin để kịp thời điều chỉnh, rà soát chuẩn đầu ra chương trình đào tạo. Công tác này được cụ thể hóa thông qua thông báo về việc xây dựng, điều chỉnh CĐR và CTĐT [H1.01.02.09]. Các biên bản liên quan đến việc rà soát, điều chỉnh CĐR và CTĐT [H1.01.02.10].

2. Điểm mạnh

CĐR chương trình đào tạo ngành Kiến trúc công trình của Trường Đại học Xây dựng Miền Trung hiện tại đảm bảo bao quát được các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt. Đặc biệt, khoa Kiến trúc chú trọng xây dựng CĐR bám sát các kiến thức và kỹ năng về hoạt động nghề nghiệp để người học sau tốt nghiệp có thể hành nghề với những vị trí cụ thể và rõ ràng. Chương trình đào tạo đã có những điều chỉnh, đổi mới đáng kể về chuẩn đầu ra qua những lần điều chỉnh.

3. Điểm tồn tại

Việc thu thập thông tin, khảo sát ý kiến các bên liên quan chưa được bao quát và đầy đủ.

4. Kế hoạch hành động

Thực hiện rà soát điều chỉnh đề cương định kỳ 02 năm/lần. Tăng cường khảo sát lấy ý kiến người học, cựu sinh viên, doanh nghiệp về chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo để việc xây dựng sát với thực tế hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7

Tiêu chí 1.3. CDR của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.

1. Mô tả

Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Kiến trúc công trình phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan về mặt kiến thức, kỹ năng, thái độ làm việc, khả năng sử dụng ngoại ngữ, tin học và cơ hội nghề nghiệp khi tốt nghiệp [H1.01.03.01], [H1.01.03.02]. Cụ thể chuẩn đầu ra được xác định trên cơ sở đối sánh với các trường khác, có sự tham vấn của người học, cựu người học, doanh nghiệp sử dụng lao động, cơ quan quản lý [H1.01.03.03], [H1.01.03.04].

Chương trình đào tạo ngành Kiến trúc công trình được tiến hành rà soát, điều chỉnh nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động, sự phát triển kinh tế xã hội vùng miền cũng như quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trước khi tiến hành xây dựng chương trình đào tạo, Khoa Kiến trúc căn cứ vào các nội dung trong Thông tư của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo GDDH và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành CTĐT trình độ ĐH [H1.01.03.05]. Khoa từng bước xây dựng chuẩn đầu ra cho chương trình đào tạo và có sự tham gia góp ý từ giảng viên trong Khoa, các đại diện từ các đơn vị có liên quan trong trường và được Hội đồng khoa học và Đào tạo thông qua [H1.01.03.06]. Trên cơ sở chuẩn đầu ra này, Khoa Kiến trúc tiến hành xây dựng bản đặc tả chương trình đào tạo [H1.01.03.07], chương trình dạy học, nội dung đề cương chi tiết các học phần trong chương trình đào tạo.

CDR của ngành Kiến trúc công trình được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường và của Khoa Kiến trúc [H1.01.03.08], sổ tay sinh viên [H1.01.03.09]. tài liệu quảng bá tuyển sinh [H1.01.03.10]. Việc rà soát, điều chỉnh CDR và nâng cao chất lượng CTĐT luôn nằm trong kế hoạch và nhiệm vụ hàng năm của Khoa Kiến trúc và Trường Đại học Xây dựng Miền Trung.

2. Điểm mạnh

Chuẩn đầu ra ngành Kiến trúc công trình được kịp thời bổ sung, điều chỉnh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, có sự tham khảo ý kiến phản hồi từ phía nhà tuyển dụng lao động, người tốt nghiệp, giảng viên và các cơ sở giáo dục trong nước nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực ngành Kiến trúc. Ngoài ra, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Kiến trúc công trình được công bố công khai rộng rãi trên các kênh thông tin.

3. Điểm tồn tại

Việc tiếp nhận thông tin phản hồi từ phía đơn vị sử dụng lao động về chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Kiến trúc công trình vẫn còn khiêm tốn, chưa thể bao quát rộng rãi và đa dạng.

4. Kế hoạch hành động

Từ những điểm mạnh và tồn tại, Khoa Kiến trúc xác định cần tiếp tục tập trung vào việc cải tiến chương trình đào tạo theo định kỳ 02 năm/lần, phù hợp với quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tăng cường khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan để điều chỉnh nội dung trong quá trình giảng dạy, phù hợp với nhu cầu thị trường; tăng cường trang bị cơ sở vật chất và liên kết với các trường mạnh để nâng cao năng lực của giảng viên.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 1

Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Kiến trúc công trình đã xác định rõ ràng, cụ thể, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của Đại học xây dựng Miền Trung, phù hợp với mục tiêu giáo dục đại học được ghi tại điều 5 Luật GDĐH 2012. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành khóa học. Thông qua mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo người học có thể yên tâm lựa chọn ngành nghề, giám sát nội dung chương trình đào tạo, chủ động trong học tập, nghiên cứu. Về phía Nhà trường, Khoa Kiến trúc sẽ luôn bám sát nội dung mục tiêu và chuẩn đầu ra để chủ động trong công tác chuẩn bị nguồn lực, tổ chức, giảng dạy và học tập nhằm đạt được các nội dung đã cam kết. Ngoài ra, mục tiêu và chuẩn đầu ra còn thể hiện sự gắn kết, là cầu nối giữa Nhà trường với nhu cầu đào tạo của xã hội; là cơ sở để hội nhập phát triển trong đào tạo. Trong quá trình vận hành chương trình đào tạo, Nhà trường và Khoa Kiến trúc luôn chú trọng đến chất lượng nội dung, đồng thời có tham khảo nội dung các trường có uy tín trong nước, ý kiến của các chuyên gia đầu ngành, các đơn vị tuyển dụng sinh viên và cựu sinh viên. Với mục tiêu “Đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng nhằm phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Chương trình đào tạo trang bị cho sinh viên: phẩm chất chính trị, đạo đức; có sức khỏe; có kiến thức chuyên môn và kỹ năng hoạt động nghề nghiệp về lĩnh vực xây dựng; có tư duy và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân.” cơ bản đáp ứng và phù hợp với điều kiện hiện nay, đáp ứng được nhu cầu của xã hội. Tuy nhiên, một số hạn chế trong việc xây dựng hệ thống đánh giá lấy ý kiến đầy đủ của các bên liên quan như ý kiến của các nhà tuyển dụng và các chuyên gia đầu ngành chưa được thực hiện thường xuyên và đầy đủ.

Tiêu chuẩn 1 có 03 tiêu chí, trong đó cả 03 tiêu chí đạt mức 4/7.

Tự đánh giá tiêu chuẩn 1: 4,0/7

Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Mở đầu

Bản mô tả chương trình đào tạo ngành Kiến trúc công trình là tài liệu cung cấp thông tin về CTĐT cho người học, nhà tuyển dụng và các bên liên quan khác giúp nhà trường và Khoa đảm bảo các CDR của CTĐT được thiết kế một cách cụ thể, rõ ràng

để người học có thể đạt được. Bản mô tả CTĐT năm 2012 được xây dựng trên cơ sở qui định tại Quyết định 43/2007/QĐ - BGDĐT ban hành ngày 15/8/2012 và bản mô tả chương trình đào tạo năm 2018 được điều chỉnh theo các qui định tại văn bản hợp nhất số 17/VBHN- BGDĐT ngày 15/5/2014, và trên cơ sở đối sánh với các CTĐT trong và ngoài nước, giữa các khóa với nhau, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường, của Khoa, được công bố công khai, dễ tiếp cận, gắn với nhu cầu của người học, nhu cầu xã hội về ngành Kiến trúc.

Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần trong chương trình đào tạo ngành Kiến trúc công trình cung cấp các thông tin về chương trình, dự kiến kết quả, cấu trúc khóa học, chuẩn đầu ra của toàn bộ chương trình và của từng học phần cụ thể, bản tổng hợp các học phần, các tiêu chí và yêu cầu tuyển sinh, đề cương học phần cũng như các thông tin chi tiết về phương pháp dạy, học, kiểm tra/đánh giá học phần. Bản mô tả đảm bảo công tác triển khai giảng dạy và học tập tất cả các đề cương chi tiết trong chương trình đào tạo.

Tiêu chí 2.1. Bản mô tả CTĐT đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả

Bản mô tả chương trình đào tạo là một tài liệu rất quan trọng trong quá trình xây dựng cũng như điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo. Thông qua bản mô tả này, các thông tin như cơ sở đào tạo, mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, kế hoạch dạy học, phương pháp dạy học và đánh giá,... được trình bày. Sau khi xác định được mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra ngành kiến trúc công trình, chương trình tổng quát của chương trình đào tạo và bản mô tả các học phần được xây dựng nhằm đạt được mục tiêu và chuẩn đầu ra đã được thiết kế [H2.02.01.01]. Bản mô tả CTĐT có đầy đủ thông tin về: Tên cơ sở đào tạo; Tên CTĐT; Mã ngành đào tạo; Thời gian đào tạo; Cơ sở pháp lý và thực tiễn của chương trình đào tạo; Mục tiêu và chuẩn đầu ra; Đối tượng tuyển sinh; Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp; Cấu trúc CTĐT; Chiến lược giảng dạy và học tập; Tiến trình đào tạo; Quy trình đào tạo; (điều kiện tốt nghiệp; Nội dung chi tiết từng học phần; Phương pháp kiểm tra đánh giá,...Tiếp đến, để chương trình đảm bảo tính liên kết giữa các khối kiến thức, sự linh hoạt trong việc phân bổ nguồn lực của Nhà trường, chương trình dạy học và hướng dẫn thực hiện chương trình được thiết kế.

Tiếp theo, công tác triển khai xây dựng đề cương chi tiết các học phần trong chương trình đào tạo sẽ được tiến hành. Nội dung đề cương chi tiết phải thể hiện được mức độ đóng góp và tính khả thi trong việc xác định chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo [H2.02.01.02]. Từng nội dung trong bản đặc tả được sự góp ý và cho ý kiến từ phía đội ngũ giảng viên trong Khoa, các đơn vị trong Trường, đơn vị sử dụng lao động và người học [H2.02.01.03]. Khi chương trình đưa vào áp dụng, các nội dung trong bản đặc tả chương trình đào tạo được thể hiện trên tờ rơi, tài liệu quảng bá về CTĐT, trong các học phần, bản tin của nhà trường [H2.02.01.04]. Ngoài ra, bản đặc tả chương

trình đào tạo được công khai trên trang điện tử của Khoa và Nhà trường [H2.02.01.05] nhằm công khai với người học và xã hội về những nội dung trong chương trình đào tạo sẽ đạt được.

Tương tự nội dung chuẩn đầu ra chương trình đào tạo, bản đặc tả chương trình đào tạo cũng được rà soát, điều chỉnh vào năm 2018 và 2022. Việc rà soát, điều chỉnh được thực hiện theo thông báo và kế hoạch cụ thể của Nhà trường [H2.02.01.06], [H2.02.01.07]. Công tác này được tiến hành sau khi Khoa tổ chức đối sánh kết quả học tập các khóa trước nhằm tìm ra những hạn chế trong CTĐT [H2.02.01.08], khảo sát cựu người học và doanh nghiệp sử dụng lao động liên quan đến CTĐT [H2.02.01.09]. Nội dung chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo, bản đặc tả cũng như đề cương chi tiết các học phần trong chương trình đào tạo được Hiệu trưởng ký quyết định ban hành [H2.02.01.10], [H2.02.01.11].

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT ngành Kiến trúc công trình được xây dựng bám sát các văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thể hiện được sự liên hệ giữa các thông tin quan trọng về ngành Kiến trúc và được tích hợp những nội dung mới. Qua bản mô tả này, người học và xã hội hiểu được lộ trình dự kiến toàn bộ khóa học cũng như phương pháp dạy-học và kiểm tra đánh giá nhằm đạt được CDR của ngành Kiến trúc công trình.

3. Điểm tồn tại

Bên cạnh việc cập nhật những nội dung mới và có kế hoạch rà soát điều chỉnh theo từng giai đoạn cụ thể, bản mô tả CTĐT vẫn cần được triển khai và cụ thể hóa trong tất cả các đề cương học phần.

4. Kế hoạch hành động

Khoa Kiến trúc xác định cần tiếp tục rà soát và bổ sung, đặc biệt là nội dung giảng dạy và phương pháp đánh giá cho tất cả các học phần trong chương trình đào tạo. Tiếp tục đăng tải CTĐT trên các phương tiện thông tin để đến với người học dễ dàng nhất.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7

Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả

Đề cương các học phần là nội dung rất quan trọng, thể hiện rõ vai trò và trách nhiệm của cả giảng viên lẫn sinh viên nhằm đạt được mục tiêu và chuẩn đầu ra cho học phần đồng thời góp phần đạt được chuẩn đầu ra cho chương trình đào tạo [H2.02.02.01]. Các chuẩn đầu ra trong học phần được thể hiện rõ trong các nội dung giảng dạy và đánh giá. Trong quá trình xây dựng, điều chỉnh đề cương các học phần, Khoa Kiến trúc đã bám sát các văn bản liên quan của Bộ Giáo dục và Đào tạo như Bản mô tả CTĐT năm 2012 được xây dựng trên cơ sở qui định tại Quyết định 43/2007/QĐ - BGDĐT ban hành ngày 15/8/2012 [H2.02.02.02] và bản mô tả chương trình đào tạo

năm 2018 được điều chỉnh theo các qui định tại văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 [H2.02.02.03]. Đề cương các học phần thể hiện đầy đủ các thông tin gồm: thông tin chung về học phần; mô tả tóm tắt học phần; mục tiêu học phần; chuẩn đầu ra học phần; nội dung đánh giá học phần; điều kiện dự thi kết thúc học phần; kế hoạch và nội dung học phần; tài liệu tham khảo; và cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy. Đề cương phải đảm bảo thể hiện được sự tương hợp giữa ba yếu tố quan trọng: nội dung giảng dạy nhằm đạt được chuẩn đầu ra của học phần, phương pháp giảng dạy/học tập để có thể đạt được các chuẩn đầu ra đã nêu và phương pháp đánh giá để đánh giá hiệu quả giảng dạy. Định kì 02 năm đều có sự rà soát, điều chỉnh [H2.02.02.04]. Các đề cương học phần đã có sự cập nhật, điều chỉnh đáng kể theo hướng ngày càng cụ thể, sát hợp hơn ở CTĐT năm 2018, 2022 so với những năm trước đó. Tính cập nhật thể hiện ở mục tiêu, CDR và ma trận tích hợp giữa mục tiêu học phần với CDR của chương trình đào tạo, của học phần với mức độ chỉ định năng lực ở mỗi mục tiêu. Nhà trường đã ra thông báo và những hướng dẫn cụ thể cho việc cập nhật chương trình [H2.02.02.05]. Việc biên soạn đề cương chi tiết các học phần do các bộ môn quản lý học phần đảm nhiệm. Quá trình biên soạn nội dung đề cương các học phần dựa vào chuẩn đầu ra chương trình đào tạo, tranh thủ ý kiến của các giảng viên nhiều kinh nghiệm, ý kiến phản hồi của sinh viên trong các buổi họp chuyên môn [H2.02.02.06].

Để sinh viên, các nhà tuyển dụng lao động tiếp cận được nội dung đào tạo ngành Kiến trúc công trình, đề cương chi tiết các học phần được công bố công khai bằng các văn bản, trên website của Trường và Khoa Kiến trúc và bắt buộc giảng viên cung cấp cho sinh viên trước khi bắt đầu giảng dạy học phần [H2.02.02.07].

2. Điểm mạnh

Đề cương chi tiết các học phần của ngành Kiến trúc công trình được thể hiện đầy đủ các thông tin, được rà soát, đánh giá và điều chỉnh cho phù hợp với CDR, từng thời điểm cụ thể. Đã có góp ý của các nhà sử dụng lao động, các doanh nghiệp để cập nhật nhằm cải tiến.

3. Điểm tồn tại

Việc tiếp nhận ý kiến từ phía nhà tuyển dụng lao động còn chậm, chưa thật sự phong phú và khách quan.

4. Kế hoạch hành động

Tích cực cập nhật nội dung mới trong các đề cương môn học. Khoa Kiến trúc cần tranh thủ ý kiến của các bên liên quan nhiều hơn và khách quan hơn nữa để việc xây dựng đề cương chi tiết các học phần chất lượng và hiệu quả, ngày càng đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7

Tiêu chí 2.3. Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận

1. Mô tả

CTĐT và Đề cương học phần sau khi được thông qua đã được Khoa Kiến trúc và Nhà trường công bố công khai để các bên có thể tiếp cận [H2.02.03.01], trong đó bản rút gọn được công bố trong sổ tay sinh viên [H2.02.03.02].

Khoa Kiến trúc đã công bố công khai cho người học và các bên liên quan bản mô tả CTĐT và Đề cương các học phần bằng nhiều hình thức khác nhau như công khai trước khi giảng dạy tại lớp, tờ rơi giới thiệu về khoa [H2.02.03.03], các buổi Openday [H2.02.03.04], Tư vấn tuyển sinh trong và ngoài tỉnh [H2.02.03.05].

Các nội dung của bản mô tả chương trình đào tạo sẽ được cụ thể hóa trong đề cương chi tiết các học phần của chương trình đào tạo. Cũng giống như bản mô tả, đề cương chi tiết các học phần [H2.02.03.06] phải được phê duyệt trước khi đưa chương trình vào áp dụng chính thức. Để người học tiếp cận được nội dung các học phần, đề cương chi tiết các học phần được giảng viên cung cấp cho sinh viên trong buổi đầu lên lớp. Bên cạnh đó, nội dung đề cương chi tiết của chương trình đào tạo còn được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường và của Khoa [H2.02.03.07] để các đơn vị sử dụng lao động, người học,.. dễ dàng tiếp cận.

2. Điểm mạnh

Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần luôn được công khai kịp thời cho người học bằng nhiều kênh thông tin khác nhau như thông qua sổ tay sinh viên, công khai trên website của Trường, của Khoa hoặc do giảng viên cung cấp trực tiếp đến sinh viên.

3. Điểm tồn tại

Nội dung bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần chưa thực sự nhận được nhiều ý kiến phản hồi từ cựu sinh viên và các cơ quan, đơn vị sử dụng lao động, và việc giám sát và đánh giá thường xuyên xem mức độ tiếp cận của họ như thế nào để cải thiện tốt hơn cũng chưa sâu sát.

4. Kế hoạch hành động

Trong thời gian tới, Khoa Kiến trúc cần đánh giá việc tiếp cận mô tả CTĐT và đề cương học phần của các bên liên quan một cách thường xuyên và hệ thống để xem mức độ tiếp cận như thế nào nhằm cải tiến tốt hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2

Các thông tin trong bản mô tả chương trình đào tạo ngành kiến trúc công trình, trình độ đại học được công bố công khai, rõ ràng trên các kênh thông tin liên quan, đảm bảo người học, phụ huynh, nhà tuyển dụng hoàn toàn có thể tiếp cận và tham

chiều. Các nội dung của bản mô tả chương trình đào tạo thể hiện rõ mục tiêu, chuẩn đầu ra, các ma trận liên quan giữa chuẩn đầu ra chương trình đào tạo với chuẩn đầu ra học phần, ma trận liên quan giữa chuẩn đầu ra với các phương pháp giảng dạy, đánh giá,... và được cụ thể hóa trong các đề cương chi tiết học phần của chương trình. Đề cương chi tiết các học phần được chuẩn hóa theo quy định của Nhà trường. Mọi thông tin liên quan đến bản mô tả chương trình đào tạo, đến học phần; cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra đánh giá, ... của học phần đều được cung cấp đầy đủ, công khai trên các kênh thông tin để sinh viên, phụ huynh, nhà tuyển dụng có thể chủ động trong học tập, lựa chọn và tham khảo. Bản mô tả chương trình đào tạo thường xuyên được điều chỉnh, cập nhật đáp ứng nhu cầu người học, nhu cầu xã hội và điều kiện thực tế của nhà trường về lĩnh vực xây dựng. Quá trình điều chỉnh, cập nhật các nội dung của bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần luôn được Khoa quan tâm và tiếp nhận các thông tin, ý kiến đóng góp của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Nhà trường, Hội đồng khoa học của Khoa Kiến trúc, cựu sinh viên, giảng viên, các đơn vị tuyển dụng, các nhà khoa học. Mặc dù có nhiều nỗ lực nhằm đáp ứng nhu cầu người học, nhu cầu của xã hội nhưng vẫn còn một số tồn tại như: thông tin về bản mô tả chương trình đào tạo và nội dung các đề cương chi tiết học phần vẫn chưa được thực hiện một cách bài bản và chuyên nghiệp; các bên liên quan như nhà tuyển dụng, phụ huynh chưa tiếp cận các thông tin của bản đặc tả và đề cương chi tiết một cách thường xuyên, đầy đủ. Việc lấy ý kiến của nhà tuyển dụng, của cựu sinh viên để bổ sung, điều chỉnh và cập nhật bản mô tả chương trình đào tạo, các đề cương chi tiết học phần còn khiêm tốn và chưa thật sự khách quan.

Tiêu chuẩn 2 có 03 tiêu chí, trong đó cả 03 tiêu chí đạt mức 4/7.

Tự đánh giá tiêu chuẩn 2: 4,0/7

Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Mở đầu

Chương trình đào tạo ngành Kiến trúc công trình trình độ đại học được cấu trúc hợp lý và hệ thống, tuân thủ theo các văn bản quy định về xây dựng CTĐT của Bộ giáo dục và Nhà trường, với các yêu cầu chặt chẽ về hình thức, mục tiêu, yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng mềm, và trách nhiệm cá nhân với xã hội, đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động. Từ CDR đã được xác định, cấu trúc và nội dung CTĐT được thiết kế để đảm bảo CDR, đồng thời chiến lược dạy học cũng được xác định. Các phương pháp dạy và học, kiểm tra đánh giá sinh viên được sử dụng để nhằm đảm bảo đạt các CDR chung của cả CTĐT và các CDR của học phần. Chủ đề và nội dung các học phần được cấu trúc logic, theo trình tự và mang tính tích hợp, linh hoạt, thể hiện tính khoa học của toàn bộ CTĐT. Đồng thời CTĐT liên tục được rà soát định kỳ nhằm đảm bảo tính thích hợp và cập nhật ở từng học phần cụ thể và ở CTĐT tổng thể. Trách nhiệm dạy học và chiến lược dạy học được thể hiện chi

tiết trong đề cương học phần.

Tiêu chí 3.1. CTDH được thiết kế dựa trên CDR

1. Mô tả

Chương trình dạy học ngành Kiến trúc công trình thể hiện được sự cam kết về chất lượng CTĐT với xã hội và nâng cao năng lực người học sau khi tốt nghiệp. Chương trình được thiết kế nhằm đạt được các chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm cho chương trình đào tạo. Bản mô tả chương trình dạy học [H3.03.01.01] chứa đựng các nội dung về phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra, đánh giá. Nội dung cụ thể từng phương pháp dạy học và công cụ đánh giá được thể hiện cụ thể trong bản mô tả các học phần [H3.03.01.02]. Thông qua nội dung các phương pháp giảng dạy và các công cụ đánh giá, các chuẩn đầu ra của từng học phần trong chương trình đào tạo được định lượng một cách cụ thể. Hơn nữa, giữa chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra học phần có sự liên hệ với nhau một cách chặt chẽ. Tương tự, sự liên hệ giữa phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá cũng có mối liên hệ với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Các mối liên hệ này được thể hiện ở các bảng ma trận kỹ năng tương ứng [H3.03.01.01]. Nguồn lực của Nhà trường để đảm bảo thực hiện đồng bộ các phương pháp giảng dạy cũng như kiểm tra đánh giá được thể hiện trên kế hoạch học tập hằng năm [H3.03.01.03].

Việc thiết kế CTDH từ lịch trình giảng dạy các học phần theo hướng tiếp cận các khối kiến thức mang tính thống nhất, các học phần khối kiến thức cơ sở ngành và ngành ở năm thứ 2 và các khối kiến thức chuyên ngành và kiến thức bổ trợ liên ngành ở các năm sau. Việc thiết kế các hoạt động của GV và SV theo yêu cầu của CDR giúp người dạy và người học chủ động và trách nhiệm trong thực hiện vai trò của mình; đến phối hợp các nguồn lực của Nhà trường trong việc đạt được CDR.

Trong khi xây dựng bản mô tả các học phần, giảng viên đã tham khảo ý kiến của các đơn vị sử dụng lao động, ý kiến của cựu sinh viên, sinh viên đang học [H3.03.01.04], và đối sánh kết quả học tập các khóa [H3.03.01.05], [H3.03.01.06]. Quá trình chuẩn bị, cách thức thực hiện cũng như kết quả đạt được của các nội dung được mô tả trong đề cương chi tiết học phần được thể hiện đầy đủ trong hồ sơ giảng dạy của giảng viên.

2. Điểm mạnh

Chương trình dạy học chứa đựng sự đa dạng và phong phú phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá, khai thác một cách hiệu quả nguồn lực hiện có của nhà trường.

3. Điểm tồn tại

Một số phương pháp giảng dạy và đánh giá còn mang tính hình thức, việc triển khai áp dụng chưa thật sự hiệu quả.

4. Kế hoạch hành động

Khoa Kiến trúc sẽ nghiên cứu và triển khai áp dụng các phương pháp giảng dạy

cũng như phương pháp đánh giá một cách khách quan, khoa học trong thời gian sắp tới.

5. Tự đánh giá: **Đạt, mức 4/7.**

Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CDR là rõ ràng

1. Mô tả

Chương trình tổng quát ngành Kiến trúc công trình được xây dựng chứa đựng các khối kiến thức giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp nhằm đảm bảo đạt được chuẩn đầu ra đã công bố. Các khối kiến thức của chương trình đào tạo được chia thành các học phần. Nội dung các học phần chứa đựng một lượng kiến thức nhất định và đảm bảo có sự tương thích một cách chặt chẽ giữa các học phần trong chương trình đào tạo. Sự liên hệ này của các học phần trong chương trình đào tạo được thể hiện rõ ràng thông qua bản mô tả học phần trong CTĐT [H3.03.02.01]. Nội dung cụ thể từng học phần được thiết kế đảm bảo đạt được một số chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, thể hiện rõ trên ma trận liên hệ giữa chuẩn đầu ra và chương trình tổng quát (ma trận kỹ năng) và đề cương chi tiết môn học [H3.03.02.02].

Thông qua bản mô tả CTDH [H3.03.02.01], các nhóm biên soạn chương trình đề cương chi tiết các học phần sẽ nghiên cứu, lựa chọn tổ hợp phương pháp giảng dạy và tổ hợp công cụ kiểm tra, đánh giá phù hợp nhất để định lượng các chuẩn đầu ra của học phần. Quá trình xây dựng chương trình dạy học và đề cương chi tiết từng học phần được thực hiện theo một quy trình chặt chẽ, có tổ chức hội thảo cấp bộ môn hoặc cấp khoa để tranh thủ các ý kiến đóng góp của các chuyên gia cùng lĩnh vực trước khi trình Hội đồng Khoa học cấp khoa thông qua [H3.03.02.03]. Sự phân bổ kế hoạch giảng dạy trong từng học kỳ và nguồn lực tương ứng đảm bảo để thực hiện chương trình đào tạo được trình bày trong kế hoạch và tiến độ trong việc thực hiện CTDH [H3.03.02.04]. Ngoài ra, sự liên hệ giữa các phương pháp và công cụ đánh giá với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo được thể hiện rõ ràng trên ma trận các kỹ năng [H3.03.02.02].

Để đảm bảo tính khách quan và khoa học, bản mô tả chương trình dạy học và bản mô tả học phần trong CTĐT được công khai trong các tài liệu quảng bá chương trình, bản tin về khóa học [H3.03.02.05], [H3.03.02.06] nhằm tranh thủ các ý kiến góp ý, phản hồi của các bên liên quan [H3.03.02.07]. Thông qua các kênh liên quan, Khoa Kiến trúc tiến hành đánh giá mức độ đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Từ đó, định kỳ Khoa sẽ tiến hành chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo, chương trình dạy học, nội dung bản mô tả các học phần,... để nâng mức độ đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo.

2. Điểm mạnh

Các học phần trong chương trình đào tạo được xây dựng thể hiện sự liên hệ mật thiết và tương thích với nhau. Sự phân bổ các khối kiến thức trong từng học phần đảm bảo tính khoa học, không có sự trùng lặp kiến thức.

3. Điểm tồn tại

Việc lựa chọn tổ hợp phương pháp giảng dạy và đánh giá cho từng học phần còn thể hiện tính chủ quan của người biên soạn chương trình giảng dạy học phần. Ngoài ra, quy trình giám sát việc thực thi nội dung giảng dạy, đánh giá từng học phần chưa đảm bảo tính toàn diện.

4. Kế hoạch hành động

Khoa Kiến trúc sẽ nghiên cứu các kênh phản hồi về việc xây dựng và triển khai thực hiện bản mô tả chương trình các học phần trong thời gian tới một cách thường xuyên và đầy đủ hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.

Tiêu chí 3.3. CTDH có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp

1. Mô tả

Chương trình dạy học [H3.03.03.01] được xây dựng theo quy định của Bộ Giáo dục [H3.03.03.02], [H3.03.03.03] và của Nhà trường [H3.03.03.04], [H3.03.03.05], để đảm bảo đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo một cách tối ưu và khoa học nhất. Nội dung tổng quát của chương trình được cấu trúc thành hai khối kiến thức chính, đó là khối kiến thức đại cương và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Khối kiến thức đại cương chứa đựng nền tảng kiến thức về khoa học tự nhiên, kiến thức về ngoại ngữ, kiến thức về tin học, kiến thức về giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng-an ninh, kiến thức về lý luận chính trị và kiến thức về pháp luật. Tùy thuộc vào sự tương đồng nhất định về kiến thức, Nhà trường giao cho khoa quản lý ngành đặt hàng các đơn vị liên quan xây dựng chương trình giảng dạy các học phần trong khối kiến thức này. Đối với khối kiến thức chuyên nghiệp, nội dung bao gồm kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành. Để học kiến thức cơ sở ngành, sinh viên cần trang bị nền tảng kiến thức đại cương. Tương tự, để lĩnh hội kiến thức chuyên ngành, sinh viên cần học xong kiến thức cơ sở ngành và nền tảng kiến thức đại cương. Điều này thể hiện rõ trong bản mô tả môn học/học phần trong đề cương chi tiết [H3.03.03.06]. Trước khi thông qua Hội đồng khoa học và đào tạo, nội dung chương trình tổng quát cũng như nội dung các khối kiến thức và sự liên hệ giữa các khối kiến thức với nhau, sự ràng buộc của từng học phần trong chương trình đào tạo được khoa quản lý ngành thông qua các cuộc họp, hội thảo [H3.03.03.07].

Việc bố trí các học phần trong chương trình dạy học đảm bảo tính khả thi, phát huy được các nguồn lực hiện có của Nhà trường, đạt được chuẩn đầu ra trong chương trình đào tạo. Sự hợp lý trong việc bố trí các học phần thể hiện qua kế hoạch và tiến độ trong việc thực hiện chương trình dạy học [H3.03.03.08]; ma trận thể hiện sự liên hệ giữa chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra các học phần, ma trận liên hệ giữa các phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo [H3.03.03.01]; bản mô tả học phần trong chương trình đào tạo

[H3.03.03.06].

Trong quá trình thực hiện, chương trình, nội dung đào tạo thường xuyên được cập nhật điều chỉnh cho phù hợp với nhu cầu xã hội [H3.03.03.09]. Bên cạnh tham khảo các ý kiến từ người học, các đơn vị sử dụng lao động, Khoa Kiến trúc tham khảo chương trình dạy học của một số trường trong nước nhằm đối sánh để điều chỉnh chương trình dạy học của Nhà trường một cách khoa học và tối ưu nhất [H3.03.03.10].

2. Điểm mạnh

Chương trình dạy học thường xuyên được rà soát, bổ sung và đánh giá. Quá trình xây dựng, bổ sung có tham khảo chương trình từ một số trường có uy tín cùng lĩnh vực trong nước.

3. Điểm tồn tại

Chất lượng sinh viên đầu vào khá thấp so với mặt bằng chung cả nước nên việc khả năng đạt được chuẩn đầu ra từ các khối kiến thức trong chương trình dạy học còn khá khiêm tốn so với áp lực thời gian khổng lồ của chương trình.

4. Kế hoạch hành động

Khoa Kiến trúc sẽ nghiên cứu đề xuất cấu trúc chương trình dạy học, phương pháp dạy học cùng công cụ đánh giá một cách phù hợp để khả năng đạt chuẩn đầu ra hiệu quả nhất.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 3

Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học ngành Kiến trúc công trình, trình độ đại học do Khoa Kiến trúc quản lý được thiết kế với các học phần có nội dung bám sát các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Khoa Kiến trúc chú trọng đến tính logic, khoa học và tính tích hợp trong các học phần của chương trình dạy học, nhằm đảm bảo cho sinh viên tiếp cận được các kiến thức theo trình tự từ cơ bản đến cơ sở ngành và chuyên ngành. Các học phần cơ sở, các học phần thuộc khối kiến thức chung cho các nhóm ngành được thiết kế linh hoạt, không gây khó khăn cho sinh viên trong việc lựa chọn đăng ký học phần. Nội dung của các học phần cơ sở ngành và học phần chuyên ngành phù hợp, bổ trợ lẫn nhau. Chương trình dạy học đảm bảo đánh giá được năng lực của sinh viên sau khi tốt nghiệp. Đội ngũ giảng viên của Khoa luôn ý thức trong việc cập nhật, điều chỉnh nội dung đào tạo trong mỗi học phần, nhằm trợ giúp tốt hơn cho sinh viên trong việc đạt được kết quả đầu ra. Các học phần được thiết kế đảm bảo tính đặc thù ngành nghề: sâu sát từng vị trí công việc thực tế, ứng dụng cho vùng miền,...

Tiêu chuẩn 3 có 03 tiêu chí, trong đó cả 03 tiêu chí đạt mức 4/7.

Tự đánh giá tiêu chuẩn 3: 4,0/7

Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mở đầu

Trong xu hướng tăng cường liên kết, trao đổi hoạt động đào tạo, việc làm trong khu vực và trên thế giới, cũng như yêu cầu phải nâng cao chất lượng đào tạo nên việc đổi mới phương pháp dạy và học là bắt buộc. Nó giúp cho việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục - đào tạo và cải tiến chất lượng chương trình đào tạo, giúp cho người học nâng cao khả năng tự khám phá tri thức, phát triển tính chủ động sáng tạo trong học tập. Khoa Kiến trúc chọn cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm, tổ chức và triển khai các hoạt động dạy và học, các hoạt động ngoại khóa, các hoạt động thực hành, thực tập tại doanh nghiệp, các phương pháp kiểm tra đánh giá đa dạng nhằm đạt được chuẩn đầu ra đã tuyên bố trong CTĐT.

Để đạt được kết quả tốt trong các phương pháp tiếp cận trong dạy và học, CTĐT phải được thiết kế rõ ràng trong các mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng và thái độ. Người học vừa được trang bị kiến thức chuyên ngành, vừa có kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, đàm phán, viết, tra cứu, tư duy độc lập, tự học, hợp tác, lãnh đạo, quản lý, có phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp, năng lực hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện, đánh giá các vấn đề chuyên môn và bối cảnh xã hội. Giảng viên của Khoa Kiến trúc đều được đào tạo, bồi dưỡng về phương pháp giảng dạy phù hợp với đào tạo theo tín chỉ, với các yêu cầu của chuẩn đầu ra, với năng lực thực tế của sinh viên. Cách thức đánh giá kết quả học tập của người học cũng được thực hiện theo nhiều cách tùy thuộc vào các học phần và linh hoạt trong đào tạo.

Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan

1. Mô tả hiện trạng

Theo thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT thì triết lý giáo dục được định nghĩa là “*một tập hợp các quan điểm cốt lõi định hướng mục tiêu giáo dục, nội dung và phương pháp dạy học, vai trò của giảng viên và người học trong hoạt động giáo dục*”. Có thể hiểu là nó xác định mục đích, mục tiêu của giáo dục, vai trò của giảng viên, của sinh viên, nội dung và phương pháp giảng dạy như thế nào, và đặc biệt là có sự tham gia của người sử dụng lao động trong việc hình thành triết lý giáo dục của ngành.

Trong Đề án phát triển Trường Đại học Xây dựng Miền Trung giai đoạn 2016-2020 và tầm nhìn đến 2030, Nhà trường đã xác định việc xây dựng chương trình và hoạt động giảng dạy cần dựa trên kiến thức, chuyên môn, kỹ năng và phẩm chất đạo đức của người học. Đây được xem là triết lý giáo dục ban đầu của Trường Đại học Xây dựng Miền Trung (Trang 20, Đề án phát triển trường, Quyết định số 442) [H4.04.01.01]. Năm 2017, Nhà trường tổ chức buổi họp cán bộ chủ chốt nhằm thảo luận và điều chỉnh triết lý giáo dục cho phù hợp với giai đoạn phát triển mới của Nhà trường cũng như xu thế phát triển chung của giáo dục đại học [H4.04.01.02]. Trên cơ sở kết luận cuộc họp, Nhà trường chính thức ban hành triết lý giáo dục của Trường Đại

học Xây dựng Miền Trung, đó là “Kiến thức, Kỹ năng, Trách nhiệm”.

Kiến thức chuyên ngành luôn được Khoa cập nhật, bổ sung, đổi mới chương trình đào tạo cho phù hợp với xu hướng phát triển chung; nâng cao trình độ, kỹ năng của giảng viên ngang tầm khu vực Đông Nam Á theo định hướng chung của nhà trường. Bên cạnh đó, thông qua các chương trình Workshop, Khoa cũng mời các giảng viên, chuyên gia ngoài nước về tham gia trao đổi học thuật, chia sẻ những kinh nghiệm giảng dạy và kiến thức mới cho sinh viên. Trong một thế giới luôn vận động và thay đổi nhanh chóng thì sinh viên cần khả năng học tập suốt đời để bắt kịp cái mới, cần tiếp xúc và làm việc với nhiều người ở nhiều quốc gia, cần tư duy để tìm ra giải pháp và đưa ra sáng kiến thay vì chỉ làm theo mệnh lệnh. SV được đào tạo *kỹ năng* làm việc song song với học tập kiến thức chuyên môn, các kỹ năng mềm như: làm việc nhóm, giao tiếp, đàm phán, viết, tra cứu, tư duy độc lập, tự học, hợp tác, lãnh đạo, quản lý... được Nhà trường đưa vào trong chương trình đào tạo chính khóa và ngoại khóa.

Trách nhiệm chính yếu của mỗi SV chính là học tập. SV phải được đào tạo là người dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm. Đây là mẫu của những người tự chủ. Giáo dục cho SV tinh thần trách nhiệm với bản thân, với gia đình và với cộng đồng. Gắn kết giáo dục ở trường với giáo dục ở cộng đồng. Theo tinh thần này, SV không chỉ hướng tới xây dựng sự nghiệp cho bản thân mà còn đóng góp cho cộng đồng, cho xã hội, không chỉ ở hiện tại mà còn cho các thế hệ tương lai.

Triết lý giáo dục cùng với sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi của Trường được phổ biến đến tất cả cán bộ, GV và NH thông qua Quyết định số 195 và công khai trên trang điện tử muce.edu.vn [H4.04.01.03]. Triết lý giáo dục cũng đã được trình bày trong báo cáo tự đánh giá chất lượng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung năm 2019 đã giúp cho cán bộ, GV, NH biết đến mục tiêu giáo dục của Nhà trường.

Mục tiêu giáo dục của khoa Kiến trúc là đào tạo các kiến trúc sư có trình độ chuyên môn, tin học và ngoại ngữ cao với các kỹ năng cần thiết; có năng lực tư duy, năng lực hợp tác và cạnh tranh; có khả năng tự học để nâng cao suốt đời và phát triển toàn diện về thể lực, trí lực, đạo đức và văn hóa. Với mục tiêu giáo dục đó, Khoa Kiến trúc đã xây dựng bản đặc tả chương trình đào tạo các chuyên ngành trong đó quy định rõ chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo. Đề cương các học phần đều nêu rõ những kiến thức, kỹ năng, thái độ, phương pháp giảng dạy và học tập để đạt được chuẩn đầu ra, bám sát nhu cầu thực tiễn của xã hội [H4.04.01.04], [H4.04.01.05].

Trong xu thế cạnh tranh hiện nay, công tác truyền thông đóng vai trò rất quan trọng trong việc quảng bá hình ảnh, thông tin đến với người học nhanh nhạy, kịp thời. Vì thế, việc xây dựng trang web riêng của Khoa được ban lãnh đạo Khoa rất quan tâm và đầu tư. Ngoài ra, các CLB cũng thành lập các trang fanpage riêng để phục vụ cho việc thông tin và giới thiệu các hoạt động. Khoa đã phân công trách nhiệm cho một nhóm GV, trong đó có một lãnh đạo khoa, phụ trách việc biên tập trang web Khoa [H4.04.01.06]. Khoa đã thường xuyên đăng tải các thông tin chung, mục tiêu giáo dục

của ngành, các hoạt động dạy - học của giảng viên và sinh viên, các khóa học chuyên ngành ngắn hạn, các hoạt động rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp và các hoạt động khác, cơ hội việc làm trong và ngoài nước sau khi tốt nghiệp... đã giúp cho người học có cái nhìn tổng quan và cụ thể về ngành đào tạo Kiến trúc công trình của Khoa [H4.04.01.07].

Trong quá trình đào tạo ngành kiến trúc từ năm 2012, khoa Kiến trúc hàng năm đều tổ chức lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan để đánh giá, bổ sung, cải tiến chương trình đào tạo phù hợp với thực tiễn xã hội. Các hoạt động giảng dạy và học tập của Khoa được đánh giá phục vụ cải tiến chất lượng hàng năm trên cơ sở lấy ý kiến phản hồi từ nhiều nguồn khác nhau theo quy định chung của trường [H4.04.01.08].

Mặt khác, trong phiếu khảo sát thể hiện cụ thể các nội dung cần khảo sát như: kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, thái độ, kỹ năng mềm, phẩm chất cá nhân,...Cụ thể một số kết quả khảo sát người học như: khảo sát mức độ hài lòng của người học về chất lượng các hoạt động phục vụ, hỗ trợ [H4.04.01.09]; kết quả khảo sát ý kiến của SV về GV năm 2018-2022 [H4.04.01.10]; kết quả khảo sát việc làm của SV tốt nghiệp [H4.04.01.11]; kết quả khảo sát ý kiến doanh nghiệp về chuẩn đầu ra của SV ngành Kiến trúc [H4.04.01.12].

Trên cơ sở kết quả các khảo sát việc làm, Khoa và Nhà trường đã đánh giá lại mối quan hệ giữa kết quả đào tạo và tình trạng việc làm của SV tốt nghiệp, từ đó có những kiến nghị cải tiến trong công tác mở ngành, tuyển sinh, đào tạo, kết nối doanh nghiệp với Nhà trường [H4.04.01.13].

Mục tiêu giáo dục của khoa Kiến trúc được công bố trên website của Nhà trường, trong niên giám chương trình đào tạo, sổ tay sinh viên... để cho GV, SV, cộng đồng và xã hội dễ dàng tiếp cận [H4.04.01.14].

Hàng năm, khoa Kiến trúc cùng với Nhà trường tổ chức ngày “Open day” là một dịp để học sinh các Trường Trung học phổ thông tham gia, thu hút sự chú ý của học sinh và xã hội. Thông qua đó, Khoa Kiến trúc tích cực quảng bá, tư vấn cho học sinh chọn ngành, nghề và các thông tin tuyển sinh liên quan. Nhờ đó, ngành học kiến trúc cũng như mục tiêu giáo dục được truyền tải đến các bên liên quan [H4.04.01.15].

2. Điểm mạnh

Mục tiêu giáo dục ngành kiến trúc công trình được tuyên bố rõ ràng và phổ biến rộng rãi đến người dạy, người học và cộng đồng, xã hội.

3. Điểm tồn tại

Việc khảo sát lấy ý kiến của doanh nghiệp, nhà tuyển dụng, cựu SV về mục tiêu giáo dục của ngành kiến trúc công trình chưa được tiến hành rộng khắp trên các vùng khác, mà chủ yếu chỉ tập trung ở khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

4. Kế hoạch hành động

Nhà trường và Khoa Kiến trúc sẽ đẩy mạnh việc quảng bá thông tin, tổ chức thường xuyên việc lấy ý kiến phản hồi từ phía các doanh nghiệp, các nhà tuyển dụng

cho mục tiêu giáo dục của Nhà trường cũng như của Khoa.

Thường xuyên nâng cấp trang web Khoa: đăng tải những thông tin cần thiết của ngành, các hoạt động dạy - học của giảng viên và SV, các hoạt động rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp và các hoạt động khác, cơ hội việc làm trong và ngoài nước sau khi tốt nghiệp... để giúp cho người học có cái nhìn tổng quan và cụ thể về ngành đào tạo kiến trúc công trình của Khoa.

Cải tiến nội dung, nâng cao chất lượng chương trình “Open day” để tăng cường quảng bá Khoa, ngành kiến trúc cũng như Trường.

5. Tự đánh giá: **Đạt, mức 5/7**

Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được CDR

1. Mô tả

Chuẩn đầu ra có thể được xem như lời cam kết, lời khẳng định của Nhà trường đối với xã hội với người sử dụng lao động, với người học về những công việc cụ thể mà sinh viên sẽ làm được, về những kiến thức, kỹ năng, thái độ,.. mà sinh viên sẽ đạt được sau khi được đào tạo tại trường. Chương trình đào tạo của ngành kiến trúc công trình bao gồm các nội dung bắt buộc và các nội dung tự chọn xen kẽ nhau trong suốt quá trình triển khai chương trình học đảm bảo cho SV vừa tiếp thu kiến thức chuyên môn, vừa học tập được các kỹ năng phục vụ cho hoạt động học tập và làm việc sau này [H4.04.02.01], [H4.04.02.02], [H4.04.02.03].

Những năm qua, các hoạt động dạy và học của GV và SV ngành Kiến trúc công trình được thiết kế và xây dựng nhằm đạt được chuẩn đầu ra, đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội. Hoạt động dạy và học được xây dựng giúp người học tích lũy kiến thức, có năng lực tư duy logic, có kỹ năng thực hành, kỹ năng mềm, năng động, sáng tạo, có phẩm chất đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, phát huy tính tích cực và chủ động trong học tập. Các hoạt động dạy/học tập tại khoa Kiến trúc như sau:

Hình thức dạy/học lý thuyết: Các học phần lý thuyết trong chương trình đào tạo được bố trí với nhiều hình thức tổ chức dạy/học đa dạng và phong phú như: giảng lý thuyết, thảo luận, báo cáo chuyên đề. Chú trọng đến các hoạt động dạy/học theo hướng tích cực hóa người học, lấy người học làm trung tâm, hình thức học linh hoạt gắn với thực tế công trình.[H4.04.02.04].

Bài tập lớn/Đồ án học phần: Đặc thù của ngành Kiến trúc là các Đồ án môn học chiếm tỷ lệ lớn trong chương trình đào tạo, đó là những học phần nhằm áp dụng các kiến thức lý thuyết vào công tác thiết kế. Thông qua đó, các học phần Đồ án còn là cơ hội để đào tạo kỹ năng làm việc, giúp sinh viên hình thành kỹ năng làm việc ngay trong quá trình đào tạo. Nội dung Đồ án luôn được nghiên cứu để bám sát với thực tế, theo kịp nhu cầu của xã hội, trên cơ sở vẫn đảm bảo các kiến thức cơ bản, trọng tâm [H4.04.02.05].

Tham quan thực tế công trình: Trong chương trình đào tạo, học phần tham quan

luôn được duy trì như là một điều kiện bắt buộc. Chương trình Tham quan được xây dựng hàng năm với mục tiêu, mục đích rõ ràng, thông qua đó để lựa chọn các thể loại công trình phù hợp, phục vụ cho mục tiêu đào tạo. Qua những buổi tham quan, sinh viên được tiếp xúc với công việc thực tế, môi trường làm việc thực tế, con người làm việc thực tế. Từ đó SV sẽ kết nối được kiến thức lý thuyết với kiến thức thực tế cần, học hỏi thêm nhiều kiến thức từ môi trường thực tế, yêu thích ngành nghề mà mình lựa chọn, hình thành thái độ đúng đắn. Điều này sẽ giúp SV có thêm động lực học tập và rèn luyện trên giảng đường [H4.04.02.06].

Thực tập tốt nghiệp: Là giai đoạn học tập rất hữu ích không chỉ cho quá trình tự rèn luyện kiến thức và kỹ năng đã tích lũy được tại Trường mà còn thúc đẩy và giúp SV hình thành khả năng tự học hỏi, học tập và định hướng tương lai, tạo lập quan hệ tạo mạng lưới về chuyên môn, giúp ích việc phát triển chuyên môn và việc làm sau này. Đây là cơ hội để sinh viên tự khẳng định mình, tự giới thiệu mình trước các nhà tuyển dụng tương lai, sớm bắt nhịp với môi trường làm việc thực tế. Trong quá trình thực tập, Khoa Kiến trúc vẫn cử giảng viên tới kiểm tra tại các cơ sở để nắm bắt thông tin phản hồi từ sinh viên, từ đơn vị tiếp nhận nhằm đảm bảo chất lượng của hoạt động này. Kết quả của việc thực tập tốt nghiệp là báo cáo tổng hợp của sinh viên trong suốt quá trình với các nội dung được yêu cầu cụ thể [H4.04.02.07].

Thư viện của Trường có không gian rộng, thoáng mát với đầy đủ các loại sách, tạp chí, có máy tính nối mạng để sinh viên tra cứu tài liệu, thông tin trong thư viện điện tử. Toàn bộ không gian của Trường được phủ sóng wifi. Trường có các trung tâm đào tạo, tư vấn, sản xuất và các câu lạc bộ học thuật để cung cấp cho SV một môi trường đa dạng trong học tập ngoài kiến thức tiếp thu do GV cung cấp, cụ thể: Trung tâm Thông tin Thư viện; Trung tâm bồi dưỡng nghiệp vụ và thí nghiệm; Câu lạc bộ Kiến trúc; Câu lạc bộ Ngoại ngữ; Câu lạc bộ Kỹ năng; các câu lạc bộ sở thích [H4.04.02.08], [H4.04.02.09].

Tạo môi trường thuận lợi và tăng tính chủ động để sinh viên dễ dàng đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: Nhà trường đã thành lập Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học có chức năng đào tạo, sát hạch chuẩn đầu ra và cấp chứng chỉ theo quy định của pháp luật; Nhà trường cũng chấp nhận những văn bằng, chứng chỉ do những cơ sở đào tạo khác cấp theo quy định và phù hợp với quy định về chuẩn đầu ra chương trình đào tạo, không yêu cầu sinh viên phải sát hạch lại [H4.04.02.10], [H4.04.02.11]. Trong chương trình đào tạo còn có học phần ngoại ngữ phục vụ chuyên ngành, giúp sinh viên có thể tự nghiên cứu, tự mở rộng kiến thức trên nền tảng kiến thức phong phú, đa dạng của nhân loại trên thế giới [H4.04.02.12]. Câu lạc bộ Tiếng Anh Trường Đại học Xây dựng Miền Trung là nơi tạo cho SV có môi trường để thực hành, nâng cao khả năng nói và làm việc, giúp ích cho ngành nghề trong tương lai.

Trong thời đại toàn cầu hóa như hiện nay thì việc giao lưu trao đổi văn hóa, chuyên môn học thuật là điều tất yếu. Một số SV xuất sắc của Khoa Kiến trúc đã được

Nhà trường cử đi du học tại các trường đại học trên thế giới [H4.04.02.13]. Bên cạnh đó, Khoa cùng Nhà trường cũng đã tiếp nhận du học sinh nước ngoài đến học tập, sinh viên nước ngoài đến giao lưu với trường cũng như tiếp nhận tình nguyện viên người nước ngoài đến giao lưu với sinh viên [H4.04.02.14], [H4.04.02.15].

Sinh viên yêu thích sáng tạo, nghiên cứu được khuyến khích tham gia NCKH, tham dự các hội thảo chuyên môn dưới sự hướng dẫn của các GV có kinh nghiệm. Hội nghị NCKH SV cấp Khoa và Trường được tổ chức hàng năm là nơi để SV trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm nghiên cứu khoa học [H4.04.02.16]. Bên cạnh đó, SV còn được khuyến khích tham gia các kỳ thi Olympic cấp Trường, các kì Festival Sinh viên kiến trúc toàn quốc, các giải thưởng thường niên, các kì thi trong và ngoài nước [H4.04.02.17].

Khoa Kiến trúc xác định đổi mới phương pháp dạy và học là một trong những khâu đột phá nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo, giúp sinh viên đạt được chuẩn đầu ra. Trong thời gian 02 năm 2020 – 2021 và 2021- 2022 là thời gian dịch bệnh Covid hoành hành, việc học tập hoàn toàn là trực tuyến cũng gây khó khăn cho việc triển khai các học phần của ngành Kiến trúc, nhất là các học phần Đồ án. Tuy nhiên, giảng viên của Khoa đã linh hoạt tìm tòi và sáng tạo các phương pháp giảng dạy mới thông qua sự hỗ trợ của các thiết bị công nghệ như bảng vẽ điện tử, làm bài giảng online. Việc bảo vệ Đồ án tốt nghiệp trực tuyến cũng được triển khai chặt chẽ, mang lại một cách làm mới trong thời kỳ dịch bệnh, Đồ án của mỗi sinh viên được xem xét kĩ hơn và đánh giá sát hơn. [H4.04.02.18].

Các hoạt động giảng dạy và học tập được lựa chọn và áp dụng cho từng học phần, qua từng nội dung bài học, thông qua các phương pháp giảng dạy và học tập khác nhau để mang lại hiệu quả cao nhất cho người học, đồng thời lồng ghép được mục tiêu của mỗi bài học, mỗi học phần và toàn bộ chương trình đào tạo. Trong suốt năm học, Bộ môn tổ chức triển khai hoạt động đảm bảo chất lượng các hoạt động dạy và học, các phương pháp dạy và học được sử dụng trong CTĐT thông qua các buổi dự giờ GV, kiểm tra giáo án bài giảng [H4.04.02.19], [H4.04.02.20], [H4.04.02.21].

2. Điểm mạnh

Các hoạt động dạy và học của các học phần đã đáp ứng tốt tiêu chí đề ra, đội ngũ giảng viên trong Khoa thường xuyên cập nhật, trau dồi kiến thức, kỹ năng kinh nghiệm giúp sinh viên lĩnh hội những kiến thức lý thuyết và thực tiễn tốt nhất. Khoa Kiến trúc đã đổi mới toàn diện phương pháp dạy và học theo hướng phát huy tính tích cực sáng tạo của người dạy và người học nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra của ngành.

3. Điểm tồn tại

Sinh viên tham gia vào quá trình học chưa thật sự thích nghi với phương pháp dạy và học như tự học và tự nghiên cứu, đặc biệt là những sinh viên năm đầu. Đây cũng chính là điểm cần hoàn thiện và cải tiến hơn nữa để hoàn thiện phương pháp tiếp cận dạy và học.

4. Kế hoạch hành động

Tiếp thu ý kiến phản hồi từ phía người sử dụng lao động nhằm đổi mới phương pháp giảng dạy, theo hướng bắt kịp nhu cầu của xã hội là cách để Khoa Kiến trúc cải tiến hoạt động đào tạo của mình. Từ năm 2018, ngành Kiến trúc công trình chú trọng tổ chức các hội nghị thảo luận về phương pháp dạy và học mới cho sinh viên đặc biệt là sinh viên năm đầu để người học nắm bắt và thay đổi tư duy theo cách thức học tập trong môi trường Đại học.

GV khoa Kiến trúc chú trọng bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ thông qua hoạt động sản xuất bên ngoài, lắng nghe, tiếp thu các phản hồi từ các đơn vị sử dụng lao động, tham gia các lớp nghiệp vụ sư phạm, tham dự các hội nghị, hội thảo về các tiếp cận trong dạy và học theo tiêu chuẩn mới, thực hành nghề nghiệp với xã hội nhằm nâng cao trình độ chuyên môn.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của NH

1. Mô tả

Tất cả các đề cương chi tiết học phần đã mô tả rõ việc sử dụng tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm. Khoa Kiến trúc đã xác định quan điểm giáo dục lấy SV làm trung tâm, nên nội dung của từng khối kiến thức và kỹ năng được điều chỉnh phù hợp cho từng chuyên ngành thông qua các học phần cụ thể hoặc các môn học bổ trợ, hoạt động định hướng nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của NH.

Đặc điểm của ngành học kiến trúc là khuyến khích phát huy tính tự chủ, khả năng sáng tạo và thuyết phục của người học, vận dụng các kiến thức cơ sở kết hợp với tiếp thu các kiến thức mới, đáp ứng kịp với nhu cầu xã hội. Do vậy, các môn học được xây dựng trên cơ sở gợi mở, không rập khuôn, nhằm tạo điều kiện cho giảng viên tích cực thay đổi cách tiếp cận, người học có không gian để sáng tạo hơn. Điều này đã kích thích người học ham học hỏi, rèn luyện kỹ năng tự học để nâng cao khả năng học tập suốt đời. 100% đề cương chi tiết các học phần mô tả rõ các hoạt động dạy và học, các bài tập nhóm, các bài thảo luận, bài tập cá nhân, nghiên cứu thực tế và các hoạt động nghiên cứu khoa học, thực hành nghề nghiệp, học kỹ năng mềm đều hướng tới mục tiêu hình thành khả năng phân tích, tổng hợp, khả năng nhận diện vấn đề, tư duy phản biện, sáng tạo, rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng mềm. [H4.04.03.01].

Đầu năm học, Khoa thông báo đến các Bộ môn để triển khai việc rà soát, điều chỉnh, cập nhật nội dung đề cương chi tiết, hình thức thi, cách đánh giá của các học phần trong chương trình đào tạo. Đồng thời thông báo cho giảng viên rà soát, biên soạn lại giáo án bài giảng, điều chỉnh phương pháp dạy, phương pháp kiểm tra, đánh

giá để nâng cao chất lượng đào tạo [H4.04.03.02].

Công tác giảng dạy của giảng viên luôn được Khoa, Bộ môn kiểm tra, cải tiến thông qua các buổi dự giờ do Phòng Quản lý Đào tạo, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng phối hợp thực hiện. Qua đó, GV kịp thời rút kinh nghiệm để đổi mới phương pháp giảng dạy, đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra của học phần [H4.04.03.03].

Việc nâng cao chất lượng giảng dạy còn được thực hiện thông qua kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của sinh viên khi kết thúc môn học [H4.04.03.04] và tại các buổi đối thoại giữa sinh viên với lãnh đạo Nhà trường tổ chức theo định kỳ [H4.04.03.05]. Những ý kiến phản hồi của SV là một kênh quan trọng để Khoa tiếp thu, cải tiến nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy. Sau mỗi kỳ khảo sát hay gặp mặt SV, Khoa quán triệt thông báo đến toàn thể GV kết quả khảo sát, biên bản cuộc họp đáp ứng công tác cải tiến hoạt động giảng dạy.

Chương trình đào tạo luôn được Khoa coi trọng để điều chỉnh, cập nhật đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra. Mục tiêu CTĐT của ngành Kiến trúc là theo định hướng ứng dụng, phát huy tinh thần tự học. Nội dung các CTĐT được thiết kế, triển khai và hỗ trợ để người học có thể tự học và theo các yêu cầu mới của Bộ Giáo dục. Ngoài các điều chỉnh nhỏ trong từng năm theo thực tế giảng dạy, trong thời gian 05 năm từ 2018-2022, Khoa thực hiện hai lần điều chỉnh lớn nhằm đạt chuẩn đầu ra [H4.04.03.06].

Nhà trường đã ban hành các qui chế học cải thiện để có cơ sở hướng dẫn sinh viên thực hiện nhằm đảm bảo chất lượng CDR. Các CVHT hướng dẫn và tư vấn SV trong việc lập kế hoạch học tập, đăng ký học phần và kỹ năng học để đạt CDR một cách tốt nhất. Hoạt động học tập đa dạng giúp SV hiểu được các chiến lược học tập khác nhau để có thể lựa chọn chiến lược phù hợp nhất cho từng nhiệm vụ học tập cụ thể [H4.04.03.07].

Một trong những quy định đào tạo trình độ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ là SV có thể đăng ký học vượt, học lại các học phần chưa đạt. Vì thế giáo viên cố vấn sẽ tư vấn, hỗ trợ SV đăng ký các học phần sao cho phù hợp với khả năng của từng SV. Các lớp học cải thiện luôn được các Khoa tổ chức thường xuyên nhằm tạo điều kiện cho SV đăng ký học [H4.04.03.08]. Trong môi trường học tập của Trường Đại học Xây dựng Miền Trung, chương trình đào tạo được cải tiến sao cho SV có khả năng học tập chuyển đổi linh hoạt trong các lĩnh vực đào tạo có liên quan đến chuyên ngành. Sau khi tốt nghiệp, người học có thể học tiếp các khóa đào tạo để lấy các văn bằng khác trong nước hoặc ngoài nước theo quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, góp phần thúc đẩy việc học tập suốt đời của SV [H4.04.03.09], [H4.04.03.10].

Trong các hoạt động NCKH và thực hành nghề nghiệp, thực tập thực tế, GV hướng dẫn SV phải rèn luyện khả năng vận dụng kiến thức vào việc giải quyết vấn đề cụ thể nhằm hỗ trợ người học rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời. Các bài tập nhóm dưới hình thức thu thập dữ liệu thực tế từ công trình, làm báo cáo thuyết trình rèn cho SV khả năng diễn đạt và kỹ năng truyền thụ kiến thức của

mình cho người khác. Việc SV thi đua nhau trong NCKH, trong tìm tòi tài liệu về đề án, trình bày suy nghĩ của mình và phản biện lẫn nhau đã tạo ra sự say mê học hỏi, tự khám phá nghiên cứu sẽ giúp rèn luyện và phát triển khả năng học tập suốt đời. Kết quả là nhiều nhóm SV đạt giải cao trong các kì thi thiết kế, Loa Thành, Kiến trúc Xanh [H4.04.03.11].

Trong quá trình học tập, SV khoa Kiến trúc được trang bị đầy đủ các nguồn tư liệu, sách báo, phim ảnh phục vụ hoạt động dạy và học. Thư viện của Trường có không gian rộng, thoáng mát với đầy đủ các loại sách, tạp chí, có máy tính nối mạng để sinh viên tra cứu tài liệu, thông tin trong thư viện điện tử. Đầu năm học, thư viện thông báo cho GV, NH số lượng danh mục sách, báo, tài liệu và các sách mới dự kiến sẽ bổ sung [H4.04.03.12], [H4.04.03.13], [H4.04.03.14]. Toàn bộ không gian của Trường được phủ sóng wifi. Bên cạnh đó, Khoa Kiến trúc còn được trang bị các phòng máy tính thực hành được cài các phần mềm chuyên ngành phục vụ cho giảng dạy và học tập. Đặc biệt, đặc thù của kiến trúc là ngành học sáng tạo và làm việc nhóm, nên phòng họa thất dành cho sinh viên thực hiện các đề án là rất quan trọng trong quá trình đào tạo. Trường đã xây dựng các phòng học Họa thất với diện tích và trang thiết bị bàn vẽ đầy đủ, đi kèm là các phòng bộ môn để trực tiếp hướng dẫn, sửa bài cho sinh viên [H4.04.03.15].

Một trong những kênh quan trọng trong việc hỗ trợ SV học tập là cổng thông tin trực tuyến của Nhà trường. Đầu mỗi năm học, trong tuần sinh hoạt công dân, SV được cung cấp một tài khoản riêng và hướng dẫn cách quản lý trong suốt thời gian học tại trường. Với tài khoản này, SV sẽ dễ dàng tra cứu toàn bộ các thông tin của cá nhân và Trường như: CTĐT, các biểu mẫu, thư viện số, điểm học tập, điểm rèn luyện, tải tài liệu học tập,... [H4.04.03.16], [H4.04.03.17].

Kết quả hoạt động dạy và học được đánh giá hàng năm thể hiện trong báo cáo tổng kết của Khoa Kiến trúc và một phần trong báo cáo tổng kết của Nhà trường [H4.04.03.18], [H4.04.03.19]. Để thúc đẩy nâng cao chất lượng hoạt động giảng dạy của giảng viên, Nhà trường tổ chức cho giảng viên tham gia học lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, tham gia các Workshop, các hội nghị liên quan đến các vấn đề về kiến trúc [H4.04.03.20], [H4.04.03.21]. Bên cạnh đó, để nâng cao kiến thức chuyên ngành và thực tế, GV trong Khoa được khuyến khích tham gia thực tế sản xuất, tham gia các cuộc thi thiết kế, quá trình thi đều có sự tham gia của sinh viên ngành kiến trúc ở các mức độ khác nhau [H4.04.03.22].

Sinh viên cũng thường xuyên được tham gia vào các buổi tọa đàm hướng nghiệp, các buổi tập huấn kỹ năng xin việc do Khoa, Trường tổ chức. Tham gia các buổi giới thiệu cơ hội việc làm và triển vọng hành nghề trong các môi trường mới. [H4.04.03.23].

2. Điểm mạnh

Các hoạt động dạy và học có chiến lược, được thể hiện cụ thể trong cấu trúc

CTĐT, trong các đề cương học phần cũng như các hoạt động dạy và học trên lớp và các hoạt động ngoại khóa tạo điều kiện cho SV rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm, nâng cao khả năng học tập suốt đời. 100% đề cương học phần mô tả rõ việc sử dụng hiệu quả tổ hợp các phương pháp giảng dạy/học tập nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học.

3. Điểm tồn tại

Các hội nghị, hội thảo về đổi mới, cải tiến phương pháp dạy và học vẫn còn hạn chế.

Một số ít GV chưa thực sự quan tâm áp dụng thực hiện tìm tòi, học hỏi, tự nghiên cứu để phát triển khả năng học hỏi suốt đời.

4. Kế hoạch hành động

Khoa Kiến trúc tập trung xây dựng phòng học Họa thất theo hướng đồng bộ, với mục tiêu hình thành như một xưởng thực hành Đồ án, trang bị các thiết bị, máy móc hỗ trợ cho sinh viên trong quá trình trình bày Đồ án như máy in, máy cắt CNC.

Chú trọng tới các giảng viên về phương pháp dạy học nhằm rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học: xây dựng động cơ học tập, xây dựng kế hoạch học tập, nắm vững nội dung tri thức, kiểm tra đánh giá kết quả học tập, cách nghiên cứu,...

Tăng cường quảng bá hình ảnh Khoa, ngành Kiến trúc.

Tăng cao tính thực hành, theo xu hướng trường đại học ứng dụng.

Nâng cao hơn nữa việc hợp tác với các doanh nghiệp.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 4

Với mục tiêu giáo dục rõ ràng, Khoa Kiến trúc, ngành kiến trúc công trình đã đưa ra được phương pháp dạy và học đúng đắn, phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra, thúc đẩy việc rèn luyện kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học. Quá trình đào tạo gắn với các hoạt động thực tiễn theo định hướng ứng dụng. Giảng viên và sinh viên được cọ xát thường xuyên nhằm nâng cao trình độ. Các thành tích đạt được là đáng khích lệ. Tuy nhiên, công tác lấy ý kiến phản hồi của các nhà tuyển dụng đối với mục tiêu giáo dục được thực hiện chưa hiệu quả. Cần xây dựng cơ sở dữ liệu về người học sau khi tốt nghiệp một cách có hệ thống. Thực hiện đánh giá hiệu quả các tổ hợp giảng dạy/học tập đã áp dụng làm cơ sở cho việc cải tiến, đổi mới thường xuyên. Tăng cường kiểm tra, đánh giá, kết hợp khuyến khích, tạo động lực để phát triển khả năng học tập suốt đời cho người học.

Tiêu chuẩn 4 có 03 tiêu chí, trong đó cả 03 tiêu chí đạt mức 5/7.

Tự đánh giá tiêu chuẩn 4: 5,0/7

Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Mở đầu

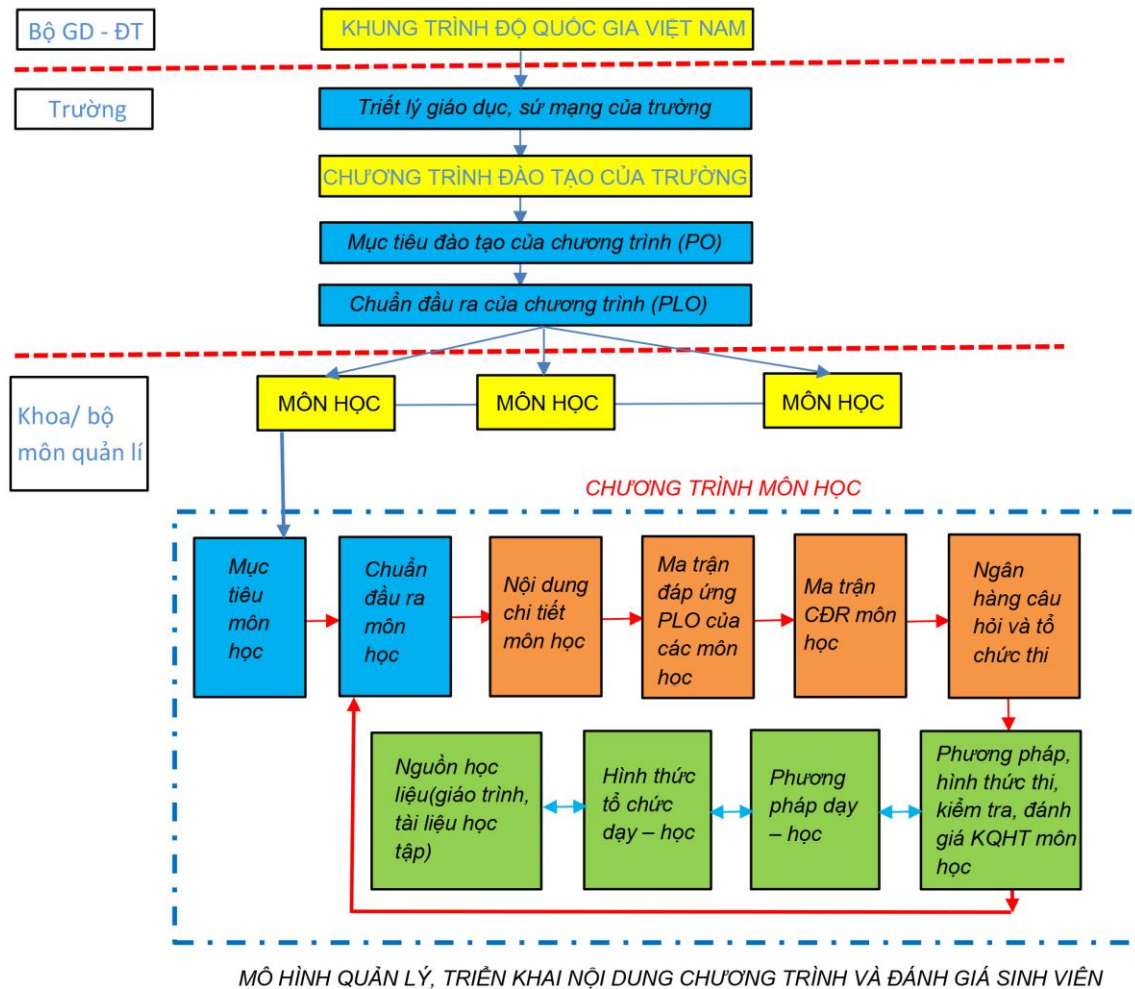
Kiểm tra, đánh giá SV là khâu cuối cùng quan trọng của quá trình dạy học. Tuy được xem là khâu cuối cùng, nhưng nó được triển khai thực hiện song song với hoạt động dạy học. Kiểm tra, đánh giá đã thể hiện vai trò trong việc xác định, đánh giá được thành tích và năng lực của sinh viên, tác động tích cực đến giáo viên cải tiến phương pháp giảng dạy, tạo động lực cho sinh viên điều chỉnh, cải tiến phương pháp học tập để đạt kết quả với thành tích cao hơn và có khả năng chứng tỏ năng lực của mình sau quá trình học tập. Bên cạnh đó, nếu nhà trường đổi mới kiểm tra, đánh giá dựa trên các yêu cầu của CDR môn học thì thông qua kết quả học tập của SV có thể đánh giá mức độ SV đạt các CDR chương trình đào tạo đã công bố. Việc đánh giá kết quả học tập của người học của ngành Kiến trúc công trình trên cơ sở quy định chung của Nhà trường nhằm đo lường được mức độ đạt được chuẩn đầu ra của ngành, bao trùm được cả kiến thức và kỹ năng chung, đặc biệt là chuyên ngành. Người học được thông báo công khai các quy định về đánh giá kết quả học tập thông qua sổ tay sinh viên lúc mới nhập học. Bên cạnh đó, trước khi bắt đầu mỗi học phần, người học được thông báo về kế hoạch, hình thức và tiêu chí kiểm tra đánh giá trong học phần đó. Điều này giúp cho người học tiếp cận dễ dàng với các quy trình khiếu nại để chủ động lên kế hoạch và điều chỉnh kế hoạch học tập một cách phù hợp. Phương pháp đánh giá kết quả học tập của Khoa Kiến trúc luôn đảm bảo tính đa dạng, độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng đồng thời được ghi chép lại để đánh giá, cải tiến, phát triển và thử nghiệm các phương pháp mới.

Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học (NH) được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CDR

1. Mô tả hiện trạng

Kiểm tra đánh giá kết quả học tập của NH là một khâu quan trọng trong quá trình dạy học. Việc đổi mới phương pháp giảng dạy phải gắn liền với việc đổi mới phương pháp đánh giá kiến thức và kỹ năng của sinh viên. Đây là hai mặt của một vấn đề không thể tách rời, muốn đổi mới phương pháp dạy học cần đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá. Việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của NH không chỉ bao hàm mục đích tạo ra động cơ học tập và định hướng phát triển của họ mà còn góp phần cải tiến chất lượng giảng dạy của giảng viên. Đây là những thông tin phản hồi ngược làm cơ sở cho việc điều chỉnh phương pháp dạy học của giảng viên. Trên cơ sở các quy định về quy trình kiểm tra đánh giá đã được ban hành của Bộ giáo dục và Đào tạo, Nhà trường đã ban hành quy định về quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ, trong đó có quy định về phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học, và qui định Xây dựng, cập nhật và quản lý chương trình đào tạo trình độ đại học[H5.05.01.01]. Chuẩn đầu ra của ngành Kiến trúc công trình nói riêng và các ngành

nói chung cũng được thông báo rộng rãi đến người học, làm cơ sở cho việc đánh giá kết quả học tập SV [H5.05.01.02].



Việc đánh giá kết quả học tập là một quá trình ghi chép, lưu giữ và cung cấp thông tin về sự tiến bộ của SV trong suốt quá trình dạy học. Bên cạnh đó, việc đánh giá cũng đảm bảo nguyên tắc rõ ràng, chính xác, khách quan và phân hóa, thường xuyên liên tục và định kỳ. Yêu cầu và tiêu chí đánh giá cụ thể được quy định rõ trong đề cương chi tiết các học phần. Mặt khác, thông tin này cũng được công bố một cách chính thống tới người học thông qua sổ tay sinh viên [H5.05.01.03], [H5.05.01.04].

Trường Đại học Xây dựng Miền Trung bắt đầu đào tạo theo hình thức tín chỉ từ năm 2010. Trong đó, ngành Kiến trúc công trình bậc đại học bắt đầu từ năm 2012. Khoa cũng đã thực hiện đối sánh kết quả học tập để thấy rõ điểm mạnh, điểm tồn tại trong phương pháp dạy học, phương thức đánh giá kết quả học tập và nội dung của các học phần, từ đó đề ra giải pháp nâng cao chất lượng [H5.05.01.05].

Trong đề cương chi tiết các học phần, đối với mỗi học phần lý thuyết có 04 cột điểm đánh giá: Điểm thái độ chiếm 10%, điểm chuyên cần chiếm 10%, điểm kiểm tra giữa kỳ (hoặc bài tập lớn) chiếm 20% và điểm thi kết thúc học phần chiếm 60%. Đối

với các học phần đồ án, thực hành, điểm của từng học phần bao gồm hai thành phần: phần hướng dẫn, thuyết minh, quá trình làm việc của sinh viên chiếm tỉ lệ 40%; phần bản vẽ, bảo vệ chiếm 60%. Đối với học phần Đồ án tổng hợp, quá trình đánh giá còn chặt chẽ hơn khi có các cột điểm kiểm tra tiến độ các giai đoạn thực hiện. Không chỉ đánh giá về mặt chuyên môn, việc thiết kế CTĐT và cách đánh giá cũng giúp người học đáp ứng được đầy đủ các mục tiêu của chuẩn đầu ra như kỹ năng mềm, ngoại ngữ, ý thức kỷ luật [H5.05.01.06].

Với những môn học cơ sở, việc đánh giá SV có thể thực hiện qua các câu hỏi tương ứng trong bài kiểm tra giữa kỳ hoặc trong kỳ thi cuối kỳ. Hình thức đánh giá chủ yếu là thi viết, với đề thi được xây dựng dựa trên thang nhận thức Bloom, giúp người học biết, hiểu và bắt đầu vận dụng được kiến thức. Trong một số môn học như tin học, ngoại ngữ thường áp dụng hình thức trắc nghiệm khách quan để kiểm tra chuẩn đầu ra [H5.05.01.06].

Với những môn học cơ sở ngành, yêu cầu sinh viên có thể vận dụng kiến thức cơ bản để giải quyết một vấn đề đơn giản, việc đánh giá sinh viên có thể qua các câu hỏi kiểm tra/thi dạng viết hoặc vấn đáp, nộp Đồ án [H5.05.01.06].

Với các môn chuyên ngành quan trọng, yêu cầu SV biết tổng hợp kiến thức để giải quyết một vấn đề phức tạp đòi hỏi nhiều thời gian, việc đánh giá SV qua quá trình thực hiện các bài tập lớn trong môn học, đồ án môn học... hình thức đánh giá chủ yếu là vấn đáp, thuyết trình đồ án [H5.05.01.06].

Đối với các chuẩn đầu ra thuộc về các kỹ năng thực hành nghề nghiệp, việc đánh giá có thể qua quá trình sinh viên thực hiện các bài thực hành/thí nghiệm và kết quả đạt được, người học phải bảo vệ báo cáo [H5.05.01.06].

Đối với SV ngành Kiến trúc công trình, đồ án tốt nghiệp là bước đánh giá cuối cùng và quan trọng nhất, yêu cầu SV vận dụng toàn bộ kỹ năng đã được học tại trường, không chỉ hiểu mà còn phải biết vận dụng, phân tích và sáng tạo, ứng dụng thực tế nghề nghiệp sau này. Do vậy hình thức đánh giá là đồ án tốt nghiệp, trong đó quy định rõ về: tổ chức và quản lý quá trình làm đồ án; nội dung, hình thức đánh giá đồ án; nhiệm vụ, quyền hạn của hội đồng tốt nghiệp và các tiểu ban; nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ hướng dẫn; nhiệm vụ, quyền hạn của SV. Đặc biệt, với khóa KTS đầu tiên ra trường, Khoa đã mời các giảng viên có kinh nghiệm từ trường Đại học Kiến trúc Hà Nội về tham gia hướng dẫn và chia sẻ kinh nghiệm [H5.05.01.07].

Khoa Kiến trúc đã hoàn thành tất cả đề cương chi tiết các học phần, quy định rõ ràng về yêu cầu và cách thức kiểm tra đánh giá. Việc tổ chức thực hiện kiểm tra, đánh giá kết quả người học được các đơn vị và cá nhân có trách nhiệm thực hiện thống nhất theo hướng dẫn trong Quy chế thi và kiểm tra đã được ban hành để đảm bảo yêu cầu về CTĐT, chuẩn đầu ra [H5.05.01.08]. Bên cạnh đó, để đảm bảo tính khách quan, công tâm, tạo thuận lợi cho GV chấm thi, Nhà trường đã ban hành quy định chấm thi theo hình thức tập trung [H5.05.01.09].

Trong công tác đánh giá kết quả học tập của NH, nhằm mục đích đánh giá học phần một cách khách quan, chính xác, công bằng, giảm thiểu sai sót trong công tác thi, thống nhất chuẩn mực trong đánh giá các học phần theo chuẩn đầu ra, đảm bảo hoạt động dạy và học theo đúng đề cương chương trình, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, Nhà trường đã ban hành quy định biên soạn, nghiệm thu, quản lý và sử dụng đề thi kết thúc học phần [H5.05.01.10].

Để có thể đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT cũng như công tác kiểm tra, đánh giá, đảm bảo chất lượng, Nhà trường đã thành lập phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng (nay là phòng Quản lý chất lượng), là đơn vị chuyên trách về công tác kiểm tra, đánh giá độc lập với công tác đào tạo [H5.05.01.11]. Phòng Quản lý chất lượng là đơn vị chuyên trách về thanh tra, kiểm tra hoạt động dạy học, kiểm tra đánh giá để đảm bảo việc đánh giá kết quả học tập của người học là khách quan, chính xác và công bằng. Một trong các chức năng của phòng Quản lý chất lượng là giám sát và kiểm tra trong đánh giá kết quả học tập của người học, kết quả được phòng tổng kết và báo cáo từng kỳ, năm [H5.05.01.12].

Kết quả khảo sát lấy ý kiến người học về đánh giá kết quả học tập cho thấy SV đồng ý với hình thức và nội dung đánh giá của GV, khuyến khích việc vận dụng kiến thức đã học, tổng hợp được kiến thức quan trọng của học phần, kích lệ khả năng vận dụng sáng tạo của người học. Những SV có kiến nghị về kết quả học tập, thi đã được khoa Kiến trúc, Nhà trường tạo điều kiện tiếp cận quy trình khiếu nại và giải quyết thỏa đáng [H5.05.01.08].

2. Điểm mạnh

Công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập đối với người học của khoa Kiến trúc được thực hiện theo đúng quy trình, quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác. Các hình thức đánh giá đa dạng, công bằng và phù hợp với phương thức đào tạo, mục tiêu và chuẩn đầu ra từng học phần.

3. Điểm tồn tại

Khoa Kiến trúc chưa tổ chức khảo sát đánh giá việc áp dụng các loại hình thi, kiểm tra đối với từng học phần để có thể phân tích mức độ phù hợp so với đặc thù của từng chuyên ngành. Trong 02 năm dịch bệnh Covid, hình thức thi kiểm tra hoàn toàn là trực tuyến nên hiệu quả của hình thức thi chưa được khảo sát, đánh giá. Phần đánh giá quá trình làm việc của sinh viên trong các học phần đồ án phụ thuộc hoàn toàn vào giáo viên hướng dẫn, chưa có hình thức kiểm tra chéo.

4. Kế hoạch hành động

Khảo sát kết quả học tập của các học phần trong từng học kỳ và so sánh các học phần với nhau để điều chỉnh đưa ra những hình thức đánh giá phù hợp nhất cho từng học phần.

Linh hoạt thưởng điểm hoặc phen điểm cho các học phần Đồ án đối với các sinh viên đạt giải thưởng trong các cuộc thi nhằm khuyến khích tính tự chủ, sáng tạo

của sinh viên.

Các đề cương chi tiết phải đưa vào nhiều hình thức đánh giá thể hiện tư duy độc lập, sáng tạo của người học.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7

Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của NH (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới NH

1. Mô tả

Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học được khoa Kiến trúc thực hiện theo đúng văn bản quy định về phương pháp, quy trình kiểm tra đánh giá của Nhà trường, cũng như quy chế đào tạo trình độ đại học, cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Xây dựng Miền Trung [H5.05.02.01], [H5.05.02.02]. Tài liệu hướng dẫn về thiết kế câu hỏi, đề thi và ngân hàng câu hỏi [H5.05.02.03] được thông báo công khai cho người học về các tiêu chí đánh giá kết quả học tập trên Website của phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng [H5.05.02.04]. Các hình thức và loại hình đánh giá đều được xác định trong đề cương chi tiết học phần [H5.05.02.05] cũng như trong bản mô tả chương trình dạy học [H5.05.02.06] và được công bố trong sổ tay sinh viên, được phổ biến trong Tuần sinh hoạt công dân sinh viên hàng năm [H5.05.02.07]. Ngoài ra các thông tin này cũng được đưa lên trang Web Khoa để NH biết và thực hiện [H5.05.02.08].

Đối với mỗi học phần lý thuyết, thực hành hay đồ án,.. có các phương pháp đánh giá khác nhau. Thang điểm đánh giá các phương pháp được quy định cụ thể trong rubric đánh giá của chương trình đào tạo [H5.05.02.09], trọng số của các cột điểm được quy định trong quy chế đào tạo [H5.05.02.02].

Điểm đánh giá học phần đối với học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và bài tập lớn như sau:

- Điểm thứ 1 (trọng số 10%): Đánh giá nhận thức và thái độ tham gia học tập;
- Điểm thứ 2 (trọng số 10%): Đánh giá mức độ chuyên cần theo bảng sau:

Bảng 5.1. Đánh giá mức độ chuyên cần

Tỷ lệ vắng	Quy ra điểm	Tỷ lệ vắng	Quy ra điểm
Không vắng	10	11% đến 15%	7
0% đến 5%	9	16% đến 20%	6
6% đến 10%	8	Vắng >20% (Cấm thi)	0

- Điểm thứ 3 (trọng số 20%): Thi giữa học phần hoặc bài tập lớn (trong học phần lý thuyết);

- Điểm thứ 4 (trọng số 60%): Thi kết thúc học phần hoặc tiểu luận.

Đối với học phần đồ án, bài tập lớn: điểm học phần được tính căn cứ vào các điểm đánh giá bộ phận như sau:

- Điểm thứ 1 (trọng số 40%): Hướng dẫn đồ án, hướng dẫn bài tập lớn;

- Điểm thứ 2 (trọng số 60%): Bảo vệ đồ án, bảo vệ bài tập lớn.

Đối với học phần thực hành, thực tập: sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm học phần là trung bình cộng của điểm các bài thực hành.

Đối với học phần Tham quan: điểm học phần là điểm chấm báo cáo thu hoạch.

Đối với học phần Thực tập cuối khóa: điểm học phần là điểm chấm báo cáo thực tập và kiểm tra vấn đáp.

Thi giữa học phần:

- Thi giữa học phần được đánh giá theo hình thức thi viết, trắc nghiệm, báo cáo tiểu luận, bài tập trên lớp, thực hành,...

- Sinh viên không dự thi giữa học phần thì bị tính điểm 0 cho điểm thi giữa học phần của học phần đó.

- Các quy định về đánh giá học phần phải được ghi đầy đủ vào đề cương chi tiết của từng học phần.

Người học được dự thi kết thúc học phần khi vắng học không quá 20% số tiết theo đề cương học phần; và phải hoàn thành đóng học phí theo quy định hiện hành của Nhà trường.

Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề thi, đề kiểm tra và cho điểm đánh giá bộ phận ngoại trừ điểm thi kết thúc học phần. Sinh viên không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần nhận điểm 0 và là điểm đánh giá học phần với ghi chú rõ trong bảng điểm quá trình.

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau:

- Số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký học vào đầu mỗi học kỳ (gọi tắt là khối lượng học tập đăng ký).

- Điểm trung bình chung học kỳ (TBCHK) là điểm trung bình chung có trọng số của các học phần mà sinh viên đăng ký học trong học kỳ đó, với trọng số là số tín chỉ tương ứng của từng học phần.

- Khối lượng kiến thức tích lũy là khối lượng tính bằng tổng số tín chỉ của những học phần đã được đánh giá theo thang điểm chữ A+, A, B+, B, C+, C, D+, D tính từ đầu khóa học.

- Điểm trung bình chung tích lũy (TBCTL) là điểm trung bình của các học phần và được đánh giá bằng các điểm chữ A+, A, B+, B, C+, C, D+, D mà sinh viên đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm được xem xét vào lúc kết thúc mỗi học kỳ.

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau

đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

Bảng 5.2. Quy đổi các thang điểm

Phân loại	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
Đạt	Từ 9,0 đến 10	A+	4
	Từ 8,5 đến 8,9	A	4
	Từ 7,5 đến 8,4	B+	3,5
	Từ 7,0 đến 7,4	B	3
	Từ 6,0 đến 6,9	C+	2,5
	Từ 5,5 đến 5,9	C	2
	Từ 4,5 đến 5,4	D+	1,5
Không đạt	Dưới 4	D	1
		F	0

Đối với những học phần chưa đủ cơ sở để đưa vào tính điểm trung bình chung học kỳ, khi xếp mức đánh giá được sử dụng các kí hiệu sau:

I - chưa đủ dữ liệu đánh giá.

X - chưa nhận được kết quả thi.

Đối với những học phần được nhà trường cho phép chuyển điểm, khi xếp mức đánh giá được sử dụng kí hiệu R viết kèm với kết quả.

Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào khối lượng kiến thức tích lũy (KLTL), sinh viên được xếp hạng năm đào tạo: sinh viên năm thứ nhất, sinh viên năm thứ hai, sinh viên năm thứ ba, sinh viên năm thứ tư, sinh viên năm thứ năm. Tùy thuộc vào khối lượng của từng chương trình giới hạn khối lượng kiến thức để chuyển xếp hạng năm đào tạo được quy định cụ thể theo từng trình độ đào tạo như sau:

Bảng 5.3. Giới hạn khối lượng kiến thức tích lũy để xếp hạng năm đào tạo

Năm đào tạo	Trình độ đại học	Trình độ cao đẳng
a. Sinh viên năm thứ nhất	KLTL < 30 tín chỉ (TC)	KLTL < 30 tín chỉ (TC)
b. Sinh viên năm thứ hai	KLTL từ 30 đến < 60 TC	KLTL từ 30 đến < 60 TC
c. Sinh viên năm thứ ba đại học và năm cuối khóa cao đẳng	KLTL từ 60 đến < 90 TC	KLTL ≥ 60 tín chỉ
d. Sinh viên năm thứ tư	KLTL từ 90 đến < 120 TC	
e. Sinh viên năm cuối khóa đại học	KLTL ≥ 120 tín chỉ	

Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào điểm trung bình chung tích lũy (TBCTL), sinh viên được xếp hạng về học lực như sau:

- Hạng bình thường: nếu điểm TBCTL đạt từ 2,00 trở lên; trong đó:

+ Loại xuất sắc : Điểm TBCTL từ 3,60 đến 4,00;

- + Loại giỏi : Điểm TBCTL từ 3,20 đến 3,59;
- + Loại khá : Điểm TBCTL từ 2,50 đến 3,19;
- + Loại trung bình: Điểm TBCTL từ 2,00 đến 2,49.

- Hạng yếu: nếu điểm TBCTL đạt dưới 2,00 nhưng chưa rơi vào trường hợp bị buộc thôi học.

Kết quả học tập trong học kỳ phụ được gộp vào kết quả học tập trong học kỳ chính ngay trước học kỳ phụ để xếp hạng sinh viên về học lực.

Để tính điểm trung bình chung học kỳ (TBCHK) và điểm trung bình chung tích lũy (TBCTL), mức điểm chữ của mỗi học phần phải được quy đổi qua điểm số theo như trong Bảng 5.2.

Điểm TBCHK và điểm TBCTL được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

- A là điểm TBCHK hoặc điểm TBCTL,
- a_i là điểm của học phần thứ i ,
- n_i là số tín chỉ của học phần thứ i ,
- n là tổng số học phần.

Điểm TBCHK để xét học bổng, khen thưởng sau mỗi học kỳ và chỉ tính theo kết quả thi kết thúc học phần lần thứ nhất. Điểm TBCHK và điểm TBCTL để xét thôi học, xếp hạng học lực sinh viên, xếp hạng tốt nghiệp và được tính theo điểm thi kết thúc học phần cao nhất trong các lần thi.

Hình thức thi và thời gian thi do các bộ môn của khoa Kiến trúc đề xuất, Hiệu trưởng quyết định và công bố từ đầu năm học cho người học [H5.05.02.10]. Vào đầu học kỳ, giảng viên nhận “Bảng điểm quá trình – danh sách dự thi kết thúc học phần” từ các khoa quản lý sinh viên để quản lý lớp học phần. GV giảng dạy học phần phải công bố công khai danh sách sinh viên không được dự thi kết thúc học phần cho lớp chậm nhất 3 ngày trước ngày thi. Điểm thi được khoa Kiến trúc công bố chậm nhất 17 ngày sau khi thi. Những trường hợp người học không đồng ý với kết quả thi được công bố có thể làm Đơn phúc khảo với mẫu đơn được cung cấp trên website Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng. Thời hạn nộp đơn không muộn quá 07 ngày từ ngày công bố kết quả thi [H5.05.02.01]. Đối với SV năm cuối làm đề án tốt nghiệp, kết quả đánh giá được thực hiện theo Quy định tổ chức và quản lý công tác tốt nghiệp trình độ ĐH tại trường ĐHXDMT [H5.05.02.11].

Thông qua kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của người học về công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng cho thấy hình thức và phương pháp kiểm tra, đánh giá học phần đã được giảng viên thông báo và

giải thích rõ ràng trước khi học, đa số người học đánh giá số lượng bài kiểm tra, hình thức, nội dung, thời gian, thời lượng kiểm tra và các tiêu chí đánh giá của khoa Kiến trúc đều đáp ứng yêu cầu.

2. Điểm mạnh

Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học theo chương trình đào tạo ngành Kiến trúc công trình là rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.

3. Điểm tồn tại

Việc đánh giá đối với các bài tập, đồ án làm theo nhóm chưa cụ thể với từng cá nhân trong nhóm.

Thực hiện, tổ chức kiểm tra, đánh giá giữa kỳ chưa đồng đều giữa các giáo viên dạy cùng học phần.

Với các Đồ án, việc đánh giá còn mang tính cảm tính, tùy thuộc vào nhận định của mỗi giáo viên.

4. Kế hoạch hành động

Các bộ môn trong khoa Kiến trúc lên kế hoạch thực hiện kiểm tra, đánh giá giữa kỳ thống nhất trong cùng một học phần giữa các lớp.

Xây dựng tiêu chí đánh giá chặt chẽ hơn cho các học phần Đồ án.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng

1. Mô tả

Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập người học của ngành Kiến trúc công trình theo đúng các quy định về các phương pháp và các quy trình kiểm tra, đánh giá của Nhà trường, bao gồm 3 hình thức thi: thi tự luận, thi vấn đáp, thi trắc nghiệm. Hình thức thi của từng học phần do bộ môn phụ trách học phần đó đề xuất và ghi rõ trong đề cương chi tiết các học phần [H5.05.03.01], [H5.05.03.02]. Ngoài ra, đầu mỗi năm học, Nhà trường cũng thông báo cập nhật danh mục và hình thức thi kết thúc các học phần trên cơ sở đề xuất của Bộ môn, khoa Kiến trúc [H5.05.03.03]. Đề thi của ngành Kiến trúc công trình được thiết kế theo quy trình để đảm bảo độ tin cậy, độ giá trị như sau:

- Bộ môn thống nhất các nội dung về kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá và đảm bảo các yêu cầu:

+ Nội dung câu hỏi thi của mỗi học phần đảm bảo bao phủ được nội dung chính đề cương giảng dạy của học phần đó trong chương trình đào tạo;

+ Các câu hỏi thi có nội dung không trùng nhau và có tác dụng đánh giá được chuẩn đầu ra của học phần đó;

+ Đánh giá được kiến thức ở các thang mức độ khác nhau như: mức độ nhớ, mức độ hiểu, mức độ áp dụng, mức độ phân tích, mức độ đánh giá, mức độ sáng tạo.

+ Đảm bảo tính vừa sức, đảm bảo thời gian làm bài của sinh viên.

- Bộ môn phân công cán bộ giảng dạy biên soạn đề thi và đáp án với nội dung đã thống nhất:

+ Cán bộ biên soạn phải là cán bộ giảng dạy học phần đó ít nhất là hai lượt;

+ Mỗi nội dung phải có ít nhất 2 phản biện khác nhau. Cán bộ phản biện là cán bộ giảng dạy học phần đó ít nhất hai lượt.

- Đề thi phải được lãnh đạo bộ môn/ khoa duyệt [H5.05.03.04].

Nội dung đề thi các môn học hàng năm đều thay đổi, cập nhật, bám sát nội dung giảng dạy và năng lực của sinh viên từng khóa. Các đề thi khi đưa ra đều được đánh giá độ tin cậy để đánh giá được năng lực của sinh viên. Mỗi bài thi kết thúc học phần đều có hai giảng viên chấm gồm một giảng viên chấm thi và Trưởng bộ môn hoặc phó bộ môn hoặc lãnh đạo đơn vị xem xét toàn bộ bài đã chấm và xác nhận vào bài thi. Đối với hình thức thi vấn đáp bố trí 02 giảng viên để đồng thời hỏi thi và đánh giá cho một thí sinh.

Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần [H5.05.03.05].

- Căn cứ vào kế hoạch đào tạo, Nhà trường tổ chức thi kết thúc học phần theo từng học kỳ. Sinh viên dự thi kết thúc học phần theo lịch thi và hướng dẫn tổ chức thi kết thúc học phần của Nhà trường.

+ Đối với từng học phần, mỗi lần học sinh viên chỉ được dự thi một lần. Nếu điểm học phần chưa đạt, sinh viên phải học lại.

+ Sinh viên vắng thi không có lí do chính đáng phải nhận điểm 0 đối với học phần vắng thi và phải học lại học phần đó.

- Phòng Quản lý Đào tạo gửi kế hoạch thi tới phòng Quản lý chất lượng trước ngày thi học phần đó ít nhất năm ngày.

- Nhà trường ban hành văn bản quy định và hướng dẫn tổ chức kỳ thi kết thúc học phần để thực hiện thống nhất trong toàn trường.

Hình thức thi kết thúc học phần và đề thi: Hình thức thi kết thúc học phần có thể là tự luận, trắc nghiệm khách quan (trên giấy hoặc trên máy tính), vấn đáp, báo cáo, thi thực hành trực tiếp trên máy tính. Các khoa đào tạo đề nghị Hiệu trưởng duyệt và công bố hình thức thi thích hợp cho từng học phần.

- Đối với hình thức thi tự luận và trắc nghiệm: số lượng câu hỏi thi khác nhau tối thiểu phải đảm bảo 10 đề thi gốc. Nội dung câu hỏi của mỗi đề thi phải bao gồm khoảng 60% câu hỏi có mức độ đánh giá trung bình, 25% câu hỏi ở mức đánh giá khá, 15% câu hỏi ở mức đánh giá giỏi.

- Đối với hình thức thi vấn đáp: số lượng câu hỏi chính phải nhiều, đảm bảo không trùng đối với một lượt bốc thăm đề. Số lượng câu hỏi chính bình quân là 20 câu/tín chỉ. Nội dung câu hỏi phải rõ ràng, không mang tính đánh đố, phù hợp với thời gian chuẩn bị và trả lời của sinh viên.

Bộ môn xây dựng bảng trọng số câu hỏi cho từng chương/phần, thống nhất loại câu hỏi... Trưởng bộ môn tổ chức duyệt và hình thành câu hỏi thi với các câu hỏi độc

lập về nội dung, trong cùng một nhóm thì các câu hỏi thi phải tương đương về mức độ khó.

Thang điểm của đáp án phải chi tiết đến 0,25 điểm đối với phần bài tập; 0,5 điểm đối với phần lý thuyết và hình vẽ. Một số học phần đặc thù có hình vẽ không thể chia nhỏ thang điểm (học phần hình họa vẽ kỹ thuật, vẽ phối cảnh...) thì thang điểm có thể lớn hơn nhưng không quá 1,0 điểm. Tổng số điểm của một đề thi là 10 điểm.

Quy định thời gian làm bài thi với các hình thức thi như sau:

- Đối với hình thức thi tự luận và trắc nghiệm:

+ Học phần có 1 tín chỉ: Thời gian thi 45-60 phút;

+ Học phần có 2-3 tín chỉ: Thời gian thi 60-90 phút;

+ Học phần có từ 4 tín chỉ trở lên: Thời gian thi 90-120 phút.

(với hình thức thi trắc nghiệm có thời gian trung bình mỗi câu trả lời 1 phút).

- Đối với hình thức thi vấn đáp: Thời gian cho mỗi sinh viên gồm thời gian chuẩn bị trả lời 5-10 phút và thời gian trả lời 5-7 phút.

Đề thi kết thúc học phần được lấy từ ngân hàng đề thi. Nhà trường có văn bản hướng dẫn và triển khai xây dựng đề thi học phần.

Đầu học kỳ cuối khóa, sau khi học xong tất cả các học phần lý thuyết và thực hành, nhà trường tổ chức cho sinh viên thực tập cuối khóa trước khi xét điều kiện làm đồ án tốt nghiệp theo quy định. SV phải tích lũy đủ số học phần và khối lượng chương trình đào tạo trừ các học phần: Giáo dục quốc phòng – an ninh, Giáo dục thể chất; đồng thời điểm trung bình chung tích lũy đạt từ 2,00 trở lên theo thang điểm 4 và không bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập trở lên thì được làm đồ án tốt nghiệp.

- Giao đồ án tốt nghiệp:

+ Phòng Quản lý Đào tạo xem xét và lập danh sách sinh viên đủ điều kiện làm đồ án tốt nghiệp, đề nghị Hiệu trưởng xét duyệt. Sau khi có Quyết định của Hiệu trưởng, Trưởng khoa thông báo cho sinh viên thực hiện đề tài dưới sự hướng dẫn của giảng viên do khoa phân công.

+ Giảng viên hướng dẫn, tổ bộ môn và Khoa có trách nhiệm theo dõi tiến độ và đánh giá đối với sinh viên trong thời gian làm đồ án tốt nghiệp, mọi hướng dẫn đều thể hiện trong sổ tay tốt nghiệp phát cho mỗi sinh viên [H5.05.03.06].

Các phương pháp đánh giá kết quả học tập người học của khoa Kiến trúc được đánh giá là công bằng, khách quan thể hiện ở trong các biên bản lãnh đạo Nhà trường đối thoại với sinh viên [H5.05.03.07]. Mọi ý kiến phản ánh từ phía sinh viên đều được giải đáp và phản hồi nhanh chóng. Hiệu quả tổ hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá được áp dụng trong các học phần cũng được khoa Kiến trúc thể hiện trong báo cáo và phương hướng hàng năm, làm tiền đề cho công tác cải tiến đánh giá kết quả học tập của NH [H5.05.03.08]

Phòng Quản lý chất lượng là đơn vị chuyên trách về thanh tra, kiểm tra hoạt động dạy học, kiểm tra đánh giá để đảm bảo việc đánh giá kết quả học tập của người

học là khách quan, chính xác và công bằng. Một trong các chức năng của phòng Quản lý chất lượng là giám sát và kiểm tra trong đánh giá kết quả học tập của người học, kết quả được phòng tổng kết và báo cáo từng kỳ, năm [H5.05.03.09], [H5.05.03.10].

Mỗi lớp được Nhà trường bố trí 01 giảng viên làm cố vấn (GVCV). Theo đó, GVCV tổ chức họp lớp định kỳ hàng tháng để nắm tình hình học tập và rèn luyện của từng sinh viên, đồng thời Nhà trường cũng tổ chức họp giao ban với ban đại diện lớp để nắm tình hình giảng dạy, học tập, công tác phục vụ, hỗ trợ,... từ đó sẽ có biện pháp xử lý kịp thời [H5.05.03.11].

- Kết thúc mỗi học kỳ, khoa Kiến trúc thực hiện tổng kết đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của từng sinh viên và thông báo kết quả đó đến cho sinh viên, GVCV và gia đình được biết [H5.05.03.12].

Trên cơ sở báo cáo tổng kết công tác ra đề, báo cáo của Ban Thanh tra, số liệu thống kê đơn từ của sinh viên về điều chỉnh điểm, Nhà trường, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, khoa Kiến trúc xem xét và cải tiến phương pháp đánh giá cho phù hợp đảm bảo sự đa dạng, tin cậy và công bằng.

2. Điểm mạnh

Công tác kiểm tra, đánh giá kết quả người học của ngành Kiến trúc công trình được thực hiện theo đúng quy trình. Phương pháp kiểm tra, đánh giá được đa dạng hóa, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu từng học phần và đảm bảo chất lượng chung giữa các môn học, giữa các chuyên ngành trong chương trình đào tạo của khoa Kiến trúc.

3. Điểm tồn tại

Công tác rà soát, nội dung đề án các môn học, đổi mới bộ đề thi, đổi mới cách ra đề thi cho một số học phần chưa được tiến hành thường xuyên, liên tục để phù hợp với thực tiễn.

Một số học phần đề án còn đánh giá theo cảm tính.

4. Kế hoạch hành động

Định kỳ từng năm học, các Bộ môn và Khoa triển khai đánh giá chất lượng và độ khó của đề thi thông qua việc thống kê, phân tích định lượng các kết quả thi của người học để kịp thời chỉnh sửa và bổ sung.

Các Bộ môn xây dựng hệ thống tiêu chí cho tất cả học phần đề án.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để NH cải thiện việc học tập

1. Mô tả

Bảng điểm đánh giá quá trình của người học được giảng viên công bố cho người học trước khi nộp cho Khoa quản lý và Phòng Quản lý chất lượng; cũng như kết quả thi, kết quả học tập được công bố theo hướng dẫn trong các quy chế đào tạo [H5.05.04.01] và quy chế thi và kiểm tra [H5.05.04.02] của Nhà trường đã ban hành.

Các quy chế đã được Nhà trường tổ chức góp ý và công bố cho giảng viên thông qua hệ thống email cũng như được lưu trữ công khai trên website của Nhà trường. Các Cố vấn học tập có nhiệm vụ thông tin cho người học các quy định liên quan đến người học trong các cuộc họp lớp hàng tháng [H5.05.04.03], cũng như được các phòng Công tác học sinh sinh viên thông tin trong các cuộc họp giao ban sinh viên [H5.05.04.04].

Kết quả học tập của người học được tổng hợp thành hồ sơ lưu trữ tại văn phòng Khoa và báo cáo tổng kết công tác đào tạo hàng năm, báo cáo tổng kết năm học và phương hướng nhiệm vụ năm học mới của khoa Kiến trúc [H5.05.04.05]. Nhà trường đã thực hiện việc cảnh báo kết quả học tập theo từng kỳ, giúp sinh viên có kết quả học tập kém nắm được và có phương án học tập thích hợp để có thể tốt nghiệp trong thời hạn tối đa được phép theo chương trình, và có được công việc đúng ngành nghề sau khi tốt nghiệp [H5.05.04.06], [H5.05.04.07].

Kết quả học tập của người học được các Bộ môn, Khoa và Nhà trường thông báo kịp thời và công khai: gửi kết quả về gia đình, thông qua các buổi họp lớp [H5.05.04.08] và trang web của Nhà trường thông qua tài khoản điện tử để người học có phản hồi và kịp thời cải thiện việc học tập. Sinh viên có thể tra cứu điểm trên tài khoản cá nhân hoặc cổng thông tin của Nhà trường [H5.05.04.09]. Sinh viên cũng có quyền được yêu cầu chấm phúc khảo theo quy định của Nhà trường [H5.05.04.10].

Kết quả học tập của người học được Nhà trường tổ chức quản lý chặt chẽ, lưu trữ đầy đủ và chính xác bằng hệ thống lưu trữ ở văn phòng khoa đào tạo, phòng Quản lý chất lượng và lưu trữ trên phần mềm quản lý đào tạo của Nhà trường. Cuối mỗi học kỳ, phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đều tiến hành tổ chức khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của người học về cách thức, thời gian phản hồi kết quả học tập [H5.05.04.11], [H5.05.04.12], [H5.05.04.13]. Các thông tin phản hồi về kết quả đánh giá đã được khoa Kiến trúc sử dụng để cải thiện việc học tập trong các học kỳ tiếp theo, kết quả cải tiến đã mang lại sự hài lòng cũng như chất lượng của người học. Hệ thống phần mềm quản lý các hệ đào tạo của Nhà trường được thiết kế bài bản và khoa học giúp Nhà trường, khoa Kiến trúc, phòng Quản lý Đào tạo, phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng quản lý kết quả học tập của người học chặt chẽ, chính xác với độ tin cậy cao; hỗ trợ tích cực công tác kiểm tra, tính toán, xử lý số liệu cũng như tra cứu kết quả học tập của người học dễ dàng, nhanh chóng, tiện lợi [H5.05.04.14]. Trong quá trình học sinh viên có quyền đề nghị Khoa cấp bằng điểm chính thức của một hoặc nhiều kỳ đã học. Bảng điểm này ghi kết quả học tập cho tất cả các học phần sinh viên đã học trong các học kỳ mà sinh viên xin cấp bằng điểm.

2. Điểm mạnh

Kết quả học tập của người học được thông báo kịp thời, được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn, tạo điều kiện tốt nhất cho việc học tập của người học.

3. Điểm tồn tại

Việc cập nhật điểm, liên thông giữa các bộ phận đối với các học phần học lại, học cải thiện còn chậm.

Nhiều Cố vấn học tập chưa thật sự nắm rõ các quy định về đánh giá, phản hồi kết quả học tập cho người học.

4. Kế hoạch hành động

Thư kí Khoa cần cập nhật điểm kịp thời, đơn đốc giáo viên nộp điểm đúng hạn.

Cần có phần mềm quản lý đăng ký, rút học phần, quản lý học vụ cho sinh viên.

Xây dựng đội ngũ cố vấn học tập đủ năng lực, đủ số lượng để tư vấn, định hướng, hỗ trợ cho sinh viên trong khoa.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 5.5. NH tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập

1. Mô tả

Khoa Kiến trúc tạo điều kiện tốt nhất để sinh viên dễ dàng theo dõi kết quả học tập của mình, đơn giản và thuận lợi trong việc tiếp cận với quy trình khiếu nại về kết quả học tập của người học khi cần thiết. Kết quả học tập của sinh viên được khoa Kiến trúc thông báo công khai rõ ràng trên trang web khoa [H5.05.05.01]. Người học khi có nhu cầu khiếu nại về kết quả học tập có thể nhận mẫu đơn đề nghị phúc khảo tại phòng Quản lý chất lượng hoặc có thể download tại trang web của phòng Quản lý chất lượng [H5.05.05.02]. Quy trình và thời gian xử lý khiếu nại về kết quả học tập của người học được thực hiện theo đúng quy định trong quy chế của Nhà trường [H5.05.05.03] và được công bố rõ ràng trong sổ tay sinh viên [H5.05.05.04]. Trong quá trình học tập, người học được quyền phúc khảo khiếu nại kết quả học tập, cụ thể:

- Đối với điểm quá trình học tập (điểm chuyên cần, điểm nhận thức và thái độ, điểm kiểm tra giữa kỳ), cán bộ giảng dạy phải công bố ở buổi dạy cuối cùng trong đợt học. Sinh viên có quyền khiếu nại trực tiếp với giảng viên giảng dạy học phần đó khi công bố điểm trên lớp.

- Đối với điểm thi kết thúc học phần, người học nếu thấy điểm do Khoa công bố không chính xác thì sinh viên làm đơn phúc khảo đề nghị xem xét lại gửi phòng Quản lý chất lượng trong thời hạn không quá 07 ngày kể từ ngày công bố kết quả điểm thi. Phòng Quản lý chất lượng có trách nhiệm tra cứu bài thi và bàn giao hồ sơ bài thi phúc khảo cho khoa (hoặc bộ môn) quản lý học phần để chấm phúc khảo. Kết quả phúc khảo được công bố cho thí sinh chậm nhất sau 12 ngày kể từ ngày hết hạn đăng ký phúc khảo.

Việc sửa điểm, điều chỉnh điểm học phần (điểm chuyên cần, điểm nhận thức và thái độ, điểm kiểm tra giữa giữa, điểm thi kết thúc học phần...) do sai sót trong các khâu nhập điểm, chấm điểm hay bất kỳ ở một khâu nào khác phải được lập biên bản đề nghị sửa điểm và minh chứng kèm theo có chữ ký xác nhận của cán bộ vào điểm, cán bộ chấm, Trưởng bộ môn, Trưởng khoa để xem xét sửa, cập nhật lại điểm. Phòng

Quản lý chất lượng theo dõi việc khiếu nại và kết quả trả lời khiếu nại về kết quả học tập của người học [H5.05.05.05] để có biện pháp khắc phục nhằm đảm bảo kết quả học tập của người học là khách quan, chính xác và công bằng.

Hàng năm, Nhà trường sẽ khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ người học về khóa học cũng như khảo sát mức độ hài lòng về chất lượng các hoạt động phục vụ, hỗ trợ người học [H5.05.05.06], [H5.05.05.07]. Từ kết quả lấy ý kiến phản hồi từ người học cũng như kết quả các buổi đối thoại của sinh viên với lãnh đạo Nhà trường về khóa học, hoạt động phục vụ của các phòng, khoa, giảng viên và cán bộ phục vụ, cho thấy thủ tục khiếu nại và giải quyết khiếu nại kết quả học tập của người học đơn giản, thuận tiện. 100% người học đã được tiếp cận với các quy định, quy trình về khiếu nại kết quả học tập thông qua các thông báo, đội ngũ cán bộ cố vấn học tập, phòng Quản lý Đào tạo, phòng Công tác sinh viên vào mọi thời điểm trong năm học. Tất cả các khiếu nại về kết quả học tập đều được giải quyết và xử lý mang lại sự hài lòng cho người học [H5.05.05.08], [H5.05.05.09].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thường xuyên khảo sát lấy ý kiến của người học về chất lượng phục vụ, hỗ trợ trong quá trình học tập. Các Phòng, Khoa, Bộ môn giải quyết nhanh chóng các khiếu nại đúng theo quy định của Nhà trường để đảm bảo được quyền lợi cho người học khi có thắc mắc về kết quả học tập.

3. Điểm tồn tại

Một số người học còn cho rằng kết quả phúc khảo chưa thực sự thỏa đáng, chưa được xem điểm chấm của bài thi.

4. Kế hoạch hành động

Đơn giản hóa hơn nữa thủ tục khiếu nại, phúc khảo bài thi.

Công tác ra đề, coi thi, chấm thi... được thực hiện chặt chẽ, nghiêm túc hơn nhằm đảm bảo tính công bằng, khách quan.

Tiếp tục thực hiện thường xuyên công tác thanh tra giảng dạy, ra đề, chấm thi để hạn chế sai sót.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 5

Việc đánh giá kết quả người học theo chương trình đào tạo ngành Kiến trúc công trình được thực hiện theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Trường Đại học Xây dựng Miền Trung và phù hợp với chuẩn đầu ra được ban hành, được thông báo rõ ràng, công khai đến tất cả các người học với phương pháp đánh giá đa dạng, đảm bảo tính giá trị, độ tin cậy, khách quan và công bằng. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập. Tuy nhiên việc SV chưa hiểu rõ trong việc tiếp cận với các quy trình đánh giá là một điều chưa được thuận lợi và cần phải cải thiện.

Tiêu chuẩn 5 có 05 tiêu chí, trong đó có 04 tiêu chí đạt mức 5/7, 01 tiêu chí đạt mức 4/7

Tự đánh giá tiêu chuẩn 5: 4,8/7

Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên và nghiên cứu viên

Mở đầu

Đội ngũ giảng viên của khoa Kiến trúc được quy hoạch, tuyển dụng, đào tạo bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Đội ngũ giảng viên của Khoa được tuyển dụng từ các trường đại học có uy tín, có năng lực chuyên môn cao, tích cực tham gia nghiên cứu khoa học. Việc tuyển dụng, đề bạt nhân sự quản lý được thực hiện công khai, đúng quy định và dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm giảng dạy, thành tích học thuật. Bên cạnh đó Nhà trường xây dựng chiến lược ngắn hạn và lâu dài để phát triển đội ngũ giảng viên đảm bảo đủ về số lượng và chất lượng để đáp ứng sứ mệnh của chương trình hiện tại và tương lai.

Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Tầm nhìn của Trường Đại học Xây dựng Miền Trung đến năm 2030 là trường đại học kỹ thuật đa ngành định hướng ứng dụng, có uy tín trong lĩnh vực xây dựng, từng bước hội nhập với các trường đại học tiên tiến trong khu vực ASEAN [H6.06.01.01]. Do vậy, nhà trường đã cam kết xây dựng đội ngũ giảng viên, Nghiên cứu viên chất lượng trong chiến lược dài hạn “Chiến lược phát triển Trường Đại học Xây dựng Miền Trung giai đoạn 2015 – 2020 tầm nhìn đến 2030” [H6.06.01.02]. Công tác quy hoạch phát triển đội ngũ giảng viên được đưa vào trong chiến lược phát triển Trường và các giai đoạn và luôn có sự điều chỉnh phù hợp [H6.06.01.03]. Việc tuyển dụng giảng viên ở Trường Đại học Xây dựng Miền Trung được thực hiện theo qui định chung của Nhà nước về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức. Theo kết quả rà soát tình hình nhân sự và nhu cầu đào tạo, Trường xây dựng kế hoạch tuyển dụng. Việc tuyển dụng được thực hiện theo qui trình tuyển dụng viên chức, có tiêu chí rõ ràng, công khai minh bạch [H6.06.01.04] [H6.06.01.05]. Việc xét duyệt hồ sơ của người dự tuyển được tiến hành theo các tiêu chí trong Quy chế tuyển dụng, hợp đồng, đào tạo bồi dưỡng và sử dụng giảng viên [H6.06.01.06; H6.06.01.07]. Phòng Tổ chức Hành chính là nơi giải quyết toàn bộ các vấn đề liên quan đến việc phát triển nguồn nhân lực. Hàng năm, Phòng Tổ chức Hành chính thông báo về việc đề xuất nhu cầu tuyển dụng, tập hợp nhu cầu tuyển dụng, đào tạo, và bồi dưỡng của các đơn vị [H6.06.01.08; H6.06.01.09] và trực tiếp báo cáo với Hiệu trưởng về kế hoạch nhân sự

hàng năm và dài hạn. Công tác bổ nhiệm, miễn nhiệm được thực hiện theo quy chế “Quy định về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý các đơn vị” của Nhà trường [H6.06.01.10].

Đội ngũ giảng viên của Khoa được phân thành nhiều Bộ môn. Trưởng bộ môn phải có tiêu chuẩn đáp ứng theo quy định của Luật giáo dục Đại học và tình hình thực tế của nhà trường, có kinh nghiệm tổ chức và định hướng cho các hoạt động chuyên môn của Bộ môn [H6.06.01.11].

Việc chấm dứt hợp đồng làm việc, nghỉ chế độ và nghỉ hưu của GV cơ hữu được thực hiện nghiêm túc và đúng quy định. Hàng năm, Trường và khoa có kế hoạch cụ thể về gia hạn hoặc chấm dứt hợp đồng với GV nghỉ hưu. Việc chấm dứt, gia hạn hợp đồng hoặc nghỉ hưu đều được thông báo trước cho GV. Các chế độ và phúc lợi xã hội được thực hiện theo đúng các chính sách hiện hành [H6.06.01.12]. Hàng năm căn cứ vào hồ sơ viên chức nhà trường ra thông báo bằng văn bản về thời điểm nghỉ hưu cho viên chức biết và đơn vị sử dụng chuẩn bị người thay thế [H6.06.01.13]; riêng các giảng viên có chức danh giáo sư, phó giáo sư và tiến sĩ có thể kéo dài thời gian làm việc, thời gian kéo dài tối đa đối với giảng viên có trình độ tiến sĩ là 5 năm, PGS là 7 năm, GS là 10 năm [H6.06.01.14]. Sau khi nghỉ hưu, giảng viên sẽ nhận được lương hưu và các quyền lợi khác theo Luật lao động và Nhà trường ký hợp đồng làm việc theo hình thức khoán gọn để tiếp tục tham gia vào các hoạt động chuyên môn của Khoa, Bộ môn [H6.06.01.15].

Đề án “vị trí việc làm” của trường đã được xây dựng và bổ sung hoàn thiện, cũng là yêu cầu, quy chế chủ yếu để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và mức lương của từng vị trí công việc cụ thể [H6.06.01.16].

Kế hoạch và kinh phí đào tạo, phát triển đội ngũ giảng viên như tài trợ kinh phí đi đào tạo, bồi dưỡng các lớp ngắn hạn, kinh phí thi chứng chỉ ngoại ngữ, hỗ trợ tiền học phí cho khóa học NCS trong nước và ngoài nước được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm của Trường [H6.06.01.17] và hàng năm nhà trường dành những khoản kinh phí để chi cho hoạt động chuyên môn nghiệp vụ và lập quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp được tổng kết trong Báo cáo tổng kết tài chính hàng năm [H6.06.01.18].

Ngoài ra, Trường Đại học Xây dựng Miền Trung có các chính sách thu hút nhân tài ngoài trường như hợp tác đào tạo, mời chuyên gia, giảng viên thỉnh giảng từ các trường khác về xây dựng đội ngũ giảng dạy và nghiên cứu cho Khoa và tham gia vào việc mở ngành đào tạo mới của nhà trường [H6.06.01.19].

Ngành Kiến trúc công trình bắt đầu đào tạo và tuyển sinh đại học từ năm 2012, với đội ngũ giảng viên có kinh nghiệm trong việc đào tạo kiến thức chuyên sâu và năng lực nghề nghiệp trong lĩnh vực Quy hoạch - thiết kế đô thị, thiết kế kiến trúc, kỹ năng làm việc nhóm, thực hành sử dụng các công cụ, phần mềm chuyên dụng, nắm bắt tâm lý khách hàng..., đáp ứng được nhu cầu giảng dạy và

nghiên cứu khoa học, phục vụ sản xuất. Trong những năm gần đây, đội ngũ giảng viên trẻ được đào tạo và nhận bằng Tiến sĩ ở các trường đại học có uy tín trong nước và ở các nước tiên tiến như Mỹ, Anh...[H6.06.01.20]. Các giảng viên trẻ này có đủ năng lực để triển khai các hoạt động giảng dạy và nghiên cứu và tích cực tham gia vào thực tiễn sản xuất [H6.06.01.21]. Hàng năm giảng viên còn được đánh giá mức độ hoàn thành công việc theo nhiệm vụ quy định trong chế độ làm việc của giảng viên và quy định về đánh giá, phân loại viên chức của nhà trường, trong đó giảng viên phải đáp ứng yêu cầu về giảng dạy và NCKH trong năm theo định mức của nhà trường [H6.06.01.22].

Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên của khoa Kiến trúc thực hiện tốt khi liên hệ với các quy định của nhà trường, tính đến nay, tổng số Giảng viên của khoa là 16 người; đội ngũ hiện có 01 TS, chiếm xấp xỉ 6,67% tổng số giảng viên toàn khoa [H6.06.01.23]. Ngoài ra, Khoa Kiến trúc còn có 01 giảng viên đang đi đào tạo TS trong nước [H6.06.01.24].

Dự báo, quy hoạch, kế hoạch nhân sự của Khoa và các Bộ môn được nêu ra trong Chiến lược phát triển của trường và của Khoa [H6.06.01.25]. Quy hoạch lãnh đạo trường, phó khoa; trưởng, phó bộ môn được Khoa rà soát định kỳ theo kế hoạch của nhà trường [H6.06.01.26]. Kế hoạch đào tạo, khoa học công nghệ và nhân lực của các Bộ môn được lập phù hợp với nguồn nhân lực hiện có và dự kiến kế hoạch cho tương lai [H6.06.01.27]. Khoa Kiến trúc trong giai đoạn 5 năm gần đây cho thấy đã bồi dưỡng và được Nhà trường bổ nhiệm giữ các chức vụ quản lý quan trọng của Khoa và của nhà trường là phù hợp với kế hoạch rà soát quy hoạch hàng năm của Khoa và Nhà trường.

2. Điểm mạnh

Việc Tuyển dụng, đào tạo đội ngũ giảng viên được Nhà trường thực hiện dài hạn theo chiến lược phát triển của Trường là phù hợp với xu hướng nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên. Công tác rà soát quy hoạch cán bộ lãnh đạo theo kế hoạch trung hạn (2018-2023, 2023-2028), giúp định hướng đội ngũ kế cận, những giảng viên trẻ chuẩn bị các điều kiện để có thể đảm nhận công việc chuyên môn và quản lý.

3. Điểm tồn tại

Chưa có nhiều nhóm nghiên cứu, chưa tạo kết nối với các nhóm nghiên cứu ở các cơ sở nghiên cứu ứng dụng trong và ngoài nước về lĩnh vực có thế mạnh của Khoa. Các cá nhân hoạt động nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng một cách đơn lẻ, nên chưa phát huy hết sức mạnh.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục Tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục	Lập nhóm nghiên cứu và tạo kết nối với các nhóm nghiên cứu	Khoa Kiến trúc, Các Khoa thuộc	Bắt đầu 2023

tồn tại	ở các cơ sở nghiên cứu ứng dụng trong và ngoài nước về lĩnh vực có thể mạnh của Khoa, đáp ứng nhiệm vụ khoa học tầm quốc gia để phục vụ công đồng và tham gia hợp tác quốc tế	nhóm Ngành, Phòng Khoa học và Hợp tác Quốc tế, Phòng Tổ chức hành chính	
---------	---	---	--

5. Tự đánh giá: **Đạt, 5/7**

Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả

Tổng số giảng viên của Khoa Kiến trúc hiện nay có 16 giảng viên cơ hữu. Hiện độ tuổi bình quân của giảng viên cơ hữu Khoa là 40 tuổi; Số giảng viên đạt trình độ Tiến sĩ là 02 (chiếm 12,5%); số giảng viên đang học nghiên cứu sinh trong và ngoài nước là 01 (chiếm 6,25 %); số Phó Giáo sư là 0 (chiếm 0 %) [H6.06.02.01]. Ngoài ra, Khoa còn có sự tham gia giảng dạy từ nhiều trường đại học, viện nghiên cứu, các tổ chức có uy tín trong nước [H6.06.02.02]. Trong chiến lược phát triển, nhà trường đã đưa ra giải pháp để phát triển nguồn nhân lực trong đó chú trọng phát triển nhân lực ngành Kiến trúc công trình đảm bảo về số lượng và chất lượng để đáp ứng được mục tiêu đào tạo và phát triển ngành [H6.06.02.03]. Đến 30/6/2023 giảng viên cơ hữu thuộc chương trình đào tạo được thể hiện trong Bảng sau:

Bảng 6.1. Số lượng giảng viên năm học 2022-2023

TT	Trình độ/ học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	<30	30-40	41-50	51-60	>60
1	Tiến sĩ	2	12,5	2			1	1		
2	Thạc sĩ	14	87,5	10	4		7	7		
3	Đại học	0	0	0					0	
	Tổng	12	100	11	3	0	7	5	0	

Đặc điểm của ngành Kiến trúc công trình là giảng viên dạy chuyên môn, gắn liền với việc ứng dụng kinh nghiệm thực tế. Do vậy để cải tiến chất lượng giảng dạy, tạo điều kiện gắn kết đào tạo với nghiên cứu khoa học và thực tiễn, gắn kết giữa Trường với các cơ sở giáo dục đại học khác, viện nghiên cứu, các doanh nghiệp, Nhà trường và Khoa Kiến trúc đã tiến hành ký kết hợp tác với các công ty, đơn vị phối hợp đào tạo, thực hành, thực tập... [H6.06.02.04]. Kế hoạch phát triển đội ngũ chuyên môn của Khoa được thực hiện tốt. Ngành Cấp thoát nước trong những năm gần đây được

đào tạo và trẻ hóa, nhiều giảng viên trẻ đã nghiên cứu và nhận bằng tiến sĩ ở các nước tiên tiến như Mỹ, Anh... Các giảng viên trẻ này có đủ năng lực và trình độ để triển khai các hoạt động giảng dạy một cách có hiệu quả và đầy đủ. Dựa trên các quy định của Bộ giáo dục đào tạo tính toán để đo lường và đánh giá khối lượng công việc của GV nhằm xác định số lượng GV cần thiết đáp ứng nhu cầu của chương trình đào tạo, sử dụng chỉ số qui đổi thời gian làm việc và tỷ lệ giảng viên/ sinh viên để làm cơ sở xác định chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm [H6.06.02.05]. Hàng năm các Bộ môn phân tích nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của cá nhân và của đơn vị mình, đề xuất thông qua Khoa đề xuất với Nhà trường, do vậy giảng viên đều được tạo điều kiện đi bồi dưỡng kinh nghiệm thực tế để nâng cao chất lượng giảng dạy và nghiên cứu khoa học [H6.06.02.06]. Trong 5 năm gần đây, hầu hết các giảng viên chuyên môn ngành Kiến trúc công trình được đào tạo chuyên môn nghiệp vụ, và đạt được các chứng chỉ nghề nghiệp cần thiết, giúp cho việc cải thiện và nâng cao chất lượng giảng dạy [H6.06.02.07].

Theo Quy định về chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tổng quỹ thời gian làm việc của giảng viên bình quân trong 01 năm học là 1.760 giờ sau khi trừ số ngày nghỉ hè, nghỉ Tết âm lịch, nghỉ học kỳ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các ngày nghỉ khác theo quy định của pháp luật (44 tuần x 40 giờ = 1.760 giờ). Đối với giảng viên giáo dục nghề nghiệp áp dụng Thông tư số 07/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp [H6.06.02.08]. Theo quy chế này, giảng viên phải làm việc hàng năm tương đương 1760 giờ, tổng số giờ này được phân ra khoảng 960 giờ làm công tác giảng dạy, 1/3 thời gian là nghiên cứu khoa học, còn lại là các hoạt động chuyên môn và thực hiện các nhiệm vụ khác. Tổng quỹ thời gian này được phân chia theo chức danh giảng viên và cho từng nhiệm vụ, cụ thể như trong Bảng định mức được ban hành kèm theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên [H6.06.02.09].

Bảng 6.2. Định mức làm việc theo giờ của giảng viên

Định mức theo giờ		Đơn vị tính: giờ				
Nhiệm vụ	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp		Giảng viên GDTC	Giảng viên	Giảng viên chính	Giảng viên cao cấp
	Thực hành	Lý thuyết				
Giảng dạy	1.280	1.120	1.280	825	825	825
Nghiên cứu khoa học	160	320	160	600	630	690

Hoạt động chuyên môn và thực hiện các nhiệm vụ khác	320	320	320	335	305	245
Tổng cộng	1760	1760	1760	1760	1760	1760

Trên cơ sở số giờ làm việc trong năm, nhà trường cũng đã định mức công tác giảng dạy là 275 giờ chuẩn (tương đương 825 giờ làm việc); công tác nghiên cứu khoa học được tính theo giờ chuẩn và được hướng dẫn tính cụ thể trong quy định về thực hiện nhiệm vụ tính giờ nghiên cứu khoa học [H6.06.02.10]; hoạt động chuyên môn và thực hiện các nhiệm vụ khác, nhà trường cũng đã có hướng dẫn được tính theo giờ làm việc hoặc tham gia các hoạt động thực tế.

Bảng 6.3. Định mức hoạt động chuyên môn của giảng viên

Nhiệm vụ	Giảng viên	Giảng viên chính	Giảng viên cao cấp
Giảng dạy (giờ chuẩn/ năm học)	275	275	275
Nghiên cứu khoa học (giờ chuẩn/ năm học)	200	210	230
Hoạt động chuyên môn và thực hiện các nhiệm vụ khác (giờ/ năm học)	335	305	245

Căn cứ Quy định đánh giá, xếp loại viên chức người lao động để có cơ sở đánh giá hiệu lực, chất lượng và nhiệm vụ thực hiện viên chức hàng năm [H6.06.02.11].

Nhà trường có quy định, tài liệu hướng dẫn chi tiết về việc quy đổi khối lượng công việc, định mức giờ chuẩn và cách thanh toán khối lượng giảng dạy được quy định trong “Quy định về chế độ làm việc của giảng viên, Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm” như: Giảng dạy thực hành, Đồ án môn học, Thí nghiệm, Hướng dẫn thực tập trực tiếp tại nơi thực tập, Hướng dẫn thực tập tốt nghiệp; Hướng dẫn Khóa luận, ĐATN... Cuối năm học, mỗi giảng viên trong các Bộ môn sẽ được Phòng Quản lý Đào tạo tính toán khối lượng giảng dạy, và được so sánh với khối lượng định mức của nhà trường [H6.06.02.12]. Đồng thời, Phòng Khoa học và Hợp tác Quốc tế của trường cũng có hướng dẫn chi tiết cách tính giờ NCKH, kết quả NCKH của giảng viên được đánh giá thông qua các sản phẩm khoa học được công bố, công nhận hoặc nghiệm thu trong năm bao gồm: Bài báo khoa học được công bố; Báo cáo khoa học tại hội nghị khoa học quốc gia và quốc tế; Chương trình đề tài, dự án NCKH được nghiệm thu; Sách phục vụ đào tạo được xuất bản...[H6.06.02.13]. Hàng năm, mỗi giảng viên sẽ thống kê khối lượng của mình, thông qua các Phòng: Quản lý Đào tạo, Khoa học và hợp tác Quốc tế, Tổ chức Hành chính và Tài chính Kế toán xác định khối lượng. Trên cơ sở khối lượng hoàn thành hàng năm học, Nhà trường tiến hành đánh giá và bình xét thi đua - khen

thưởng [H6.06.02.14].

Ngoài ra, nhà trường còn có quy định cụ thể về đánh giá khối lượng và chất lượng công việc của giảng viên. Vào đầu mỗi năm học mỗi giảng viên đều đăng ký thi đua gồm khối lượng thực hiện công việc giảng dạy, NCKH, giảng dạy theo sự phân công của bộ môn, có lịch trình giảng dạy được thông qua bộ môn [H6.06.02.15]. Cuối mỗi học kỳ và cuối năm học, mỗi giảng viên sẽ tự báo cáo tóm tắt công việc đã hoàn thành trong cả năm và tự đánh giá mức độ hoàn thành công việc, có các mức sau: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ, không hoàn thành nhiệm vụ [H6.06.02.16]. Vào cuối mỗi năm học, các GV đều thực hiện việc tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học và xác định kế hoạch trong năm học tới thông qua bản tự nhận xét, đánh giá của viên chức. Việc đánh giá được thực hiện theo qui trình và có sự đánh giá của lãnh đạo bộ môn, lãnh đạo khoa và của Trường. Căn cứ nhiệm vụ theo chức danh và căn cứ nhiệm vụ được giao, cá nhân tự đánh giá khối lượng, chất lượng công việc và mức độ hoàn thành, bộ môn đánh giá, lãnh đạo chương trình đánh giá, cuối cùng Hội đồng thi đua cấp trường đánh giá và phân loại đánh giá đối với viên chức [H6.06.02.17].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có các tiêu chí rõ ràng để đo lường, đánh giá khối lượng công việc của giảng viên, làm căn cứ để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và xét các danh hiệu thi đua khen thưởng. Đội ngũ giảng viên tận tụy, trách nhiệm, chuyên môn tốt đáp ứng tốt yêu cầu về chất lượng đào tạo.

3. Điểm tồn tại

Công tác nghiên cứu mang tính ứng dụng của giảng viên Nhà trường đã có nhưng còn ít, quy định về tính giờ khoa học còn nói lỏng nên giảng viên dễ dàng hoàn thành khối lượng nghiên cứu khoa học.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Cần rà soát lại “Quy định nghiên cứu khoa học”, quy định rõ, cụ thể chất lượng của NCKH khi tính giờ định mức NCKH	Phòng tổ chức Hành chính; Phòng Khoa học và Hợp tác Quốc tế	Bắt đầu 2023

5. Tự đánh giá: Đạt, 4/7

Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1. Mô tả

Giảng viên là lực lượng rất quan trọng, quyết định đến chất lượng đào tạo của nhà trường, do vậy Trường đã quản lý công tác tuyển dụng giảng viên rất chặt chẽ, các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên được quy định rõ ràng, cụ thể, trong đó tiêu chuẩn quan trọng nhất là tư cách đạo đức, thành tích giảng dạy, nghiên cứu, trình độ chuyên môn, khả năng sử dụng ngoại ngữ [H6.06.03.01]. Trường có các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển rõ ràng, cụ thể, trong đó chú trọng các tiêu chí trình độ chuyên môn, phẩm chất đạo đức, thâm niên giảng dạy, NCKH, khả năng sử dụng ngoại ngữ trong giảng dạy và NCKH. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV gồm: 1- Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; 2- Có bằng Tiến sĩ, Thạc sĩ đúng chuyên ngành trở lên và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho GV giảng dạy đại học. 3- Có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu công việc; 4- Đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp; 5- Lý lịch bản thân, lý lịch khoa học rõ ràng. Phòng tổ chức Hành chính phối hợp với các khoa, bộ môn rà soát nhu cầu nhân lực và tiêu chí tuyển chọn giảng viên của từng bộ môn theo kế hoạch từng năm và từng giai đoạn [H6.06.03.02]. Thông báo tuyển dụng và tiêu chí tuyển dụng sẽ được thông báo công khai qua hệ thống email và đăng lên website, fanpage của Nhà trường, các báo và gửi văn bản thông báo đến các Trường Đại học uy tín trong nước [H6.06.03.03]. Tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn GV được cập nhật, điều chỉnh theo từng thời kỳ phát triển của Trường, phù hợp với yêu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ và phù hợp với qui định chung của Nhà nước. Việc xét duyệt người trúng tuyển và quyết định trúng tuyển được căn cứ trên kết quả điểm thi tuyển theo quy định của Nghị định số 29/2012/NĐ-CP của Chính phủ và các Văn bản hướng dẫn của Bộ Nội vụ; Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập. Để thực hiện việc tuyển dụng, lựa chọn GV, Trường thành lập Hội đồng tuyển dụng để đảm bảo việc tuyển dụng được chính xác khách quan và có sự đồng thuận tập thể. Trong thành phần Hội đồng luôn có thành viên là các khoa chuyên môn có liên quan. Kết quả tuyển dụng được công bố công khai. Đối với tuyển dụng GV, ứng viên phải trải qua phần thực hành giảng dạy và trả lời các câu hỏi về chuyên môn của Hội đồng sát hạch. Sau khi trúng tuyển, các GV được giao nhiệm vụ biên soạn đề cương bài giảng, thông qua bài giảng ở bộ môn và tiến hành giảng thử tại bộ môn rồi mới được lên lớp

chính thức. Trong 1 năm tập sự, khoa sẽ cử 1 GV hướng dẫn trực tiếp cho GV tập sự [H6.06.03.04], [H6.06.03.05].

Sau khi tuyển dụng, quá trình đào tạo cho giảng viên được thực hiện theo quy chế đào tạo, bồi dưỡng viên chức và người lao động [H6.06.03.06]. Theo quy định của trường, sau khi tập sự (1 năm), nhà trường sẽ tiến hành ký hợp đồng làm việc 3 năm và sau đó ký hợp đồng không xác định thời hạn [H6.06.03.07]. Khi hết thời hạn của từng loại hợp đồng, giảng viên báo cáo những thành tích đạt được, dựa trên năng lực giảng dạy, thành tích nghiên cứu khoa học, và trình độ chuyên môn, ngoại ngữ để được xem xét ký hợp đồng làm việc tiếp theo. Ngoài ra hàng năm nhà trường còn tổ chức nhận xét, đánh giá đối với các giảng viên, những người không hoàn thành nhiệm vụ sẽ chấm dứt hợp đồng [H6.06.03.08]. Các giảng viên khi đủ các điều kiện theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo, có thể thăng cấp bậc: từ giảng viên hạng III lên giảng viên chính hạng II, hoặc giảng viên cao cấp hạng I [H6.06.03.09]. Từ năm 2015, người được bổ nhiệm chức danh PGS/GS được đồng thời chuyển lên ngạch giảng viên cao cấp [H6.06.03.10]. Các tiêu chí để đạt được chức danh nghề nghiệp này dựa trên chất lượng đào tạo, thành tích nghiên cứu khoa học và kinh nghiệm giảng dạy của giảng viên.

Ngoài các quy định của Nhà nước về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức, công tác tuyển dụng, sắp xếp, bố trí nhân sự còn được quy định trong “Đề án việc làm”. Đề án việc làm xác định khung năng lực và kết quả thực hiện nhiệm vụ của các vị trí việc làm khác nhau [H6.06.03.11]. Đối với vị trí giảng viên thuộc khoa chuyên ngành cần có năng lực tổng hợp: có trình độ thạc sĩ hoặc tiến sĩ phù hợp với giảng dạy ngành, có phương pháp sư phạm tốt, có chứng chỉ bồi dưỡng sư phạm cho giảng viên, sử dụng được ít nhất một loại ngoại ngữ từ bậc 2 trở lên, có trình độ tin học đạt chuẩn và thành thạo tin học ứng dụng cho chuyên ngành... Có năng lực giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tế, có khả năng tổng hợp phân tích, ứng dụng lý thuyết vào thực tiễn, đưa ra giải pháp tối ưu cho vấn đề thiết kế, thi công công trình... Có năng lực truyền đạt tốt, xử lý các tình huống sư phạm một cách linh hoạt thu hút sinh viên (Phụ lục 7- Đề án việc làm) [H6.06.03.12]. Căn cứ vào quy định này nhà trường đã tiến hành tuyển dụng giảng viên phù hợp với khung năng lực giảng viên [H6.06.03.13].

Việc bổ nhiệm, điều chuyển GV của chương trình được thực hiện nghiêm túc, đúng qui chế, qui trình và công khai, minh bạch. Việc bổ nhiệm viên chức lãnh đạo, quản lý còn dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế và trên cơ sở qui hoạch cán bộ đã được phê duyệt cho từng giai đoạn [H6.06.03.14].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có Quy chế tuyển dụng và ký hợp đồng làm việc với giảng viên trong đó quy định những tiêu chuẩn tuyển dụng giảng viên rõ ràng, phấn đấu theo lộ trình phù hợp, giảng viên phải đạt trình độ về các mặt giảng dạy, nghiên cứu khoa

học, học tập và rèn luyện, và các hoạt động chuyên môn khác.

3. Điểm tồn tại

Số giảng viên phấn đấu đi nghiên cứu sinh chưa nhiều, trình độ ngoại ngữ của giảng viên còn thấp.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Rà soát “Đề án việc làm”, nhằm cụ thể hóa năng lực của các ứng viên trong đó đặc biệt chú trọng về tiêu chuẩn học thuật, về ngoại ngữ.	Phòng tổ chức Hành chính	Bắt đầu 2023

5. Tự đánh giá: Đạt, 5/7

Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá

1. Mô tả

Xác định chất lượng đội ngũ giảng viên đóng vai trò quyết định trong việc nâng cao chất lượng đào tạo, Trường Đại học Xây dựng Miền Trung đã ban hành “Quy định tuyển dụng, và ký hợp đồng làm việc đối với viên chức, người lao động”. GV là nguồn lực rất quan trọng trong việc tạo ra chất lượng đào tạo. Trong định hướng phát triển của CTĐT, đầu tư phát triển đội ngũ GV cả về số lượng và đặc biệt về chất lượng luôn là một trong những mục tiêu then chốt. Mặc dù, ứng viên được tuyển dụng làm GV của Trường nói chung đều phải đáp ứng các tiêu chuẩn về học vị, ngoại ngữ, NCKH và nghiệp vụ sư phạm, nhưng sau khi trúng tuyển, họ đều được cử đi bồi dưỡng các khóa học về kỹ năng và nghiệp vụ sư phạm do Trường tổ chức [H6.06.04.01], “Quy chế Đào tạo, bồi dưỡng viên chức, người lao động năm 2017” [H6.06.04.02] và “Đề án việc làm năm 2014, sửa đổi bổ sung năm 2018” [H6.06.04.03], nhà trường đã xác định chuẩn năng lực của giảng viên về chuyên môn, ngoại ngữ, giảng dạy, NCKH, được cụ thể hóa. Hàng năm, khi đến hạn đánh giá, giảng viên sẽ được phân loại và đánh giá công khai trong toàn trường. Những giảng viên không hoàn thành nhiệm vụ sẽ được xem xét chấm dứt hợp đồng. Theo kế hoạch đào tạo và bồi dưỡng, đánh giá giảng viên hàng năm, Trường Đại học Xây dựng Miền Trung luôn hướng tới việc tăng số lượng và tỷ lệ tiến sĩ trên giảng viên cơ hữu [H6.06.04.04]. Điều này cho thấy nhà trường rất chú trọng đến đội ngũ giảng viên có đủ năng lực và khả năng để hoàn thành các hoạt động giảng dạy và triển khai chương trình giảng dạy một cách có hiệu quả.

Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá thông qua các hoạt động như: giảng dạy lý thuyết, thực hành, ứng dụng các môn học, hướng dẫn đồ án tốt nghiệp, sử dụng các phương tiện phục vụ giảng dạy... Kết thúc mỗi học kỳ, phòng KT&ĐBCL tổ chức lấy ý kiến phản hồi của người học về môn học

thông qua phiếu đánh giá chất lượng giảng dạy. Trong những năm vừa qua, kết quả đánh giá của SV đều cho thấy các hoạt động giảng dạy của Khoa đã đáp ứng được nhu cầu học tập của người học, và HV cũng hài lòng trên 80% về hoạt động giảng dạy của GV [H6.06.04.05]. Năng lực NCKH của giảng viên được thể hiện thông qua việc thực hiện các đề tài nghiên cứu mà giảng viên tham gia, các công trình khoa học của giảng viên đã công bố [H6.06.04.06].

Trên cơ sở các tiêu chuẩn về năng lực của giảng viên do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định, Nhà trường đã ban hành văn bản quy định cụ thể về năng lực của giảng viên, được thảo luận và thống nhất trong toàn trường. Hàng năm, nhà trường tổ chức hội nghị đại biểu công chức, viên chức, người lao động để ghi nhận và tiếp thu ý kiến phản hồi về các hoạt động chung, về các chế độ, chính sách của Trường nói chung và công tác tuyển dụng, đào tạo và bồi dưỡng, giải quyết chế độ chính sách đối với giảng viên nói riêng [H6.06.04.07]. Đây là kênh để nhà trường điều chỉnh chính sách với các quy định có liên quan đến giảng viên.

Nhà trường và Khoa Kiến trúc quản lý đội ngũ giảng viên thông qua việc đánh giá thường niên với các tiêu chí rõ ràng, phù hợp với nhiệm vụ giảng viên. Bắt đầu năm học, mỗi giảng viên lên kế hoạch, nhiệm vụ của mình thông qua đăng ký thi đua [H6.06.04.08]. Cuối mỗi năm học, mỗi giảng viên sẽ báo cáo tóm tắt công việc đã hoàn thành trong cả năm vào phiếu tự đánh giá của từng giảng viên. Công tác đánh giá, phân loại và bình xét thi đua hàng năm giúp các cá nhân TĐG kết quả thực hiện nhiệm vụ của mình, giúp cho các cấp quản lý ghi nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ của GV và nắm bắt tình hình về giảng dạy, nghiên cứu của GV đối với chương trình, từ đó có định hướng điều chỉnh cho phù hợp [H6.06.04.09]. Báo cáo cá nhân được trình bày trong cuộc họp ở cấp Bộ môn và được nhận xét góp ý, đánh giá công khai [H6.06.04.10]. Kết quả đánh giá viên chức và xếp loại hàng năm được thông báo công khai, minh bạch [H6.06.04.11]. Các giảng viên có kinh nghiệm sẽ đưa ra các gợi ý hoặc lời khuyên hữu ích cho giảng viên trẻ được đánh giá. Ngoài ra, từ những báo cáo này, thành tích của giảng viên được xem xét đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của mình, để có những điều chỉnh đáp ứng nhu cầu của công việc, và là căn cứ để trao thưởng cho các giảng viên đạt thành tích xuất sắc trong năm học, tặng các danh hiệu thi đua trong năm học. Những kết quả đánh giá đó là căn cứ để quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm hoặc tăng lương trước thời hạn [H6.06.04.12].

Báo cáo tổng kết và phương hướng năm học của Nhà trường hàng năm đánh giá toàn diện nhiệm vụ chính trị của Nhà trường và các Khoa theo năm học [H6.06.04.13].

2. Điểm mạnh

Các kế hoạch, quy trình, quy chế đánh giá năng lực của đội ngũ giảng viên đầy đủ và bài bản. Công tác đào tạo bồi dưỡng giảng viên và kết quả đánh giá hàng năm cho thấy đội ngũ giảng viên có năng lực hoạt động giảng dạy và triển khai chương trình đào tạo một cách có hiệu quả.

3. Điểm tồn tại

Công tác đánh giá tính ứng dụng của các đề tài NCKH để phục vụ giảng dạy chưa rõ ràng, nhiều đề tài khoa học có tính ứng dụng chưa cao. Trình độ Tiếng Anh của đội ngũ giảng viên chưa đồng đều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng chính sách khuyến khích đưa các kết quả NCKH vào phục vụ giảng dạy và ứng dụng phục vụ cộng đồng. Xây dựng đề án ngoại ngữ, bổ sung cơ sở vật chất phục vụ công tác dạy và học ngoại ngữ trong nhà trường.	Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế, Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học, Khoa Kiến trúc	Bắt đầu 2023

5. Tự đánh giá: Đạt, 4/7

Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả

Trong chiến lược phát triển đội ngũ GV, Trường có xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ về chuyên môn, nghiệp vụ cho GV. Kế hoạch được xây dựng trên cơ sở tổng hợp nhu cầu, đề xuất cụ thể của GV (qua đề xuất chung của khoa, bộ môn). Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ GV của khoa luôn bám sát qui định về đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức của Trường. Hàng năm, khoa chuyên môn xây dựng kế hoạch đào tạo và phát triển chuyên môn gửi đến Trường để Trường xây dựng thành kế hoạch chung [H6.06.05.01] và Quy chế Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ viên chức và người lao động năm 2017 [H6.06.05.02], Nhà trường và khoa đã tuyển dụng và thu hút được đội ngũ chuyên môn giỏi, có khả năng hoàn thành những nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu. Sau khi tuyển dụng, các giảng viên được tham gia bồi dưỡng các kiến thức theo đúng tiêu chuẩn của ngạch chức danh như: nghiệp vụ sư phạm, chứng chỉ giảng viên, giảng viên chính, chuyên môn nghiệp vụ, tin học, ngoại ngữ, kiểm định và các kiến thức chuyên môn nghiệp vụ khác [H6.06.05.03]. Ngoài ra, các giảng viên được khuyến khích, tạo điều kiện tham gia các khóa đào tạo dài hạn (trên 01 năm) và ngắn hạn (dưới 3 tháng) ở các trường đối tác Nhật Bản, Hàn Quốc, Thái Lan và các cơ sở giáo dục mà trước kia giảng viên học tập, nghiên cứu...[H6.06.05.04] để nâng cao kiến thức, năng lực chuyên môn, tăng cường giao lưu về khoa học với các trường Đại học, các tổ chức khoa học, trong khu vực và trên thế

giới [H6.06.05.05]. Đề khuyến khích giảng viên nâng cao trình độ tiếng Anh, phấn đấu đạt chuẩn ngoại ngữ theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường đã sử dụng kinh phí của Đề án ngoại ngữ Quốc gia nhằm tăng cường bồi dưỡng tiếng Anh cho giảng viên [H6.06.05.06].

Bảng 6.4. Thống kê bồi dưỡng giảng viên tham gia các khóa học về chuyên môn nghiệp vụ và tiếng Anh từ 2018-2023

TT	Nội dung	Chuyên môn ở nước ngoài	Chuyên môn ở trong nước	Bồi dưỡng tiếng Anh trong nước	Bồi dưỡng tiếng Anh nước ngoài	Bồi dưỡng kinh nghiệm thực tế
1	Số lượt GV được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn	2018:17	2018: 81	2018: 01	-	2018: 05
		2019: 18	2019: 07	2019: 04		2019: 02
		2020: 16	2020: 144	2020: 22		2020: 01
		2021: 13	2021: 48	2021: 02		2021: 03
		2022: 13	2022: 81	2022: 03		2022: 00
		2023: 10	2023: 04	2023: 00		2023: 00

Ngoài ra, nhu cầu về đào tạo để đảm bảo các nhiệm vụ đặt ra với từng vị trí việc làm cụ thể của giảng viên. Theo quy định muốn được bổ nhiệm giảng viên cần đạt được những tiêu chí học vị, kinh nghiệm làm việc và thể hiện được khả năng quản lý, Trưởng bộ môn ít nhất phải đạt học vị tiến sĩ và được ưu tiên lựa chọn từ các giảng viên có kinh nghiệm và là chuyên gia hàng đầu trong các lĩnh vực liên quan đến chuyên ngành của Bộ môn [H6.06.05.07]. Chỉ các giảng viên có kinh nghiệm hoặc có học vị TS mới được phân công giảng dạy các môn học nâng cao và chương trình thạc sĩ [H6.06.05.08] và chỉ các giảng viên có trình độ từ thạc sĩ trở lên với ít nhất 3 năm kinh nghiệm mới được hướng dẫn sinh viên làm Đồ án tốt nghiệp và đề tài nghiên cứu khoa học [H6.06.05.09].

Bên cạnh nhiệm vụ giảng dạy, việc tham dự các Hội nghị khoa học, đăng bài báo, đăng trong các kỷ yếu Hội thảo hoặc tạp chí khoa học trong nước, quốc tế [H6.06.05.10]. Các giảng viên được đào tạo có năng lực thiết kế chương trình, phản biện chương trình đào tạo của ngành mà khoa phụ trách, thiết kế, phản biện đề cương môn học của từng bộ môn thuộc khoa và các bộ môn liên quan [H6.06.05.11].

Ngoài ra, trong đề án phát triển nhà trường giai đoạn 2017 -2021 và định hướng đến năm 2030. Nhà trường đã đề ra các giải pháp đào tạo nguồn nhân lực nhằm phát triển đồng bộ đội ngũ nhân lực của Trường ở mọi lĩnh vực, đảm bảo đủ số lượng, có cơ cấu hợp lý về trình độ đào tạo và chuyên môn, nhiệt tình tâm huyết, chuẩn mực về tư cách đạo đức nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu phát triển Nhà trường theo chiến lược đã được phê duyệt [H6.06.05.12]. Kế hoạch và kinh phí đào tạo, phát triển đội ngũ giảng viên như: tài trợ kinh phí đi đào tạo, bồi dưỡng các lớp ngắn hạn, kinh phí thi chứng chỉ ngoại ngữ, hỗ trợ kinh phí cho các khóa học NCS trong nước, ngoài nước

được quy định trong qui chế chi tiêu nội bộ hàng năm. Để đẩy nhanh tiến độ GV đạt chuẩn TS, Trường có nhiều chính sách khuyến khích, hỗ trợ như: viên chức nhà trường đi học NCS trong nước theo hình thức tập trung và NCS nước ngoài được miễn 100% khối lượng giảng dạy, 100% NCKH, được hưởng lương cơ bản, tiền thưởng các ngày lễ tết trong năm như các giảng viên khác; được thưởng 5 triệu đồng cho cán bộ viên chức hoàn thành Luận án tiến sĩ [H6.06.05.13]. Khoa Kiến trúc cũng đã có kế hoạch đưa giảng viên đi đào tạo ở nước ngoài hàng năm [H6.06.05.14]. Tính đến 30/05/2023, đội ngũ giảng viên của Khoa Kiến trúc hiện có 2 TS, chiếm xấp xỉ 12,5% tổng số giảng viên toàn Khoa [H6.06.05.15]. Ngoài ra, Khoa còn có 01 giảng viên đang làm nghiên cứu sinh trong nước [H6.06.05.16].

Nhà trường luôn khuyến khích GV phối hợp, liên kết nghiên cứu với các GV từ các trường đại học có uy tín từ nước ngoài để nâng cao trình độ nghiên cứu và giảng dạy và học tập. GV trong chương trình thường xuyên liên kết nghiên cứu với các GV, nhà khoa học từ các trường đại học có uy tín. Ngoài các lớp đào tạo bồi dưỡng theo chương trình, Khoa còn tổ chức các hoạt động sinh hoạt chuyên đề và các hình thức học thuật khác, chủ yếu là tự đào tạo thông qua hình thức tọa đàm, hội thảo, tự học ngoại ngữ, phát triển kỹ năng giảng dạy [H6.06.05.17].

2. Điểm mạnh

Trường luôn chú trọng đến chất lượng và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đã có nhiều chính sách hỗ trợ tài chính cho việc đào tạo giảng viên trình độ sau đại học.

3. Điểm tồn tại

Việc đào tạo, bồi dưỡng GV ở nước ngoài còn hạn chế. Việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng về ngoại ngữ theo hình thức tập trung chưa đáp ứng tốt yêu cầu của GV.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Nghiên cứu ban hành các chính sách hỗ trợ đi học nghiên cứu sinh, chính sách thu hút nhân lực có trình độ cao về trường công tác; ban hành chuẩn năng lực đối với giảng viên trẻ cần đạt được của giảng viên theo các mức độ về thời gian công tác tại trường.	Phòng Tài chính kế toán, Phòng Tổ chức Hành chính	2023-2025
2	Phát huy	Dành nguồn lực tài chính thích đáng cho việc mời chuyên	Phòng Tài chính kế toán,	2023-2025

điểm mạnh	gia, nhà khoa học đầu ngành trong và ngoài nước giảng dạy và làm việc với các nhóm nghiên cứu tại trường.	Phòng Tổ chức Hành chính, Phòng khoa học và hợp tác quốc tế	
-----------	---	--	--

5. Tự đánh giá: **Đạt, 4/7**

Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Trường Đại học Xây dựng Miền Trung có hệ thống văn bản nội bộ để quản trị theo kết quả công việc của giảng viên và đề động viên, khuyến khích các cá nhân, tập thể phát huy tính năng động, sáng tạo, hoàn thành tốt nhiệm vụ và tích cực hưởng ứng các phong trào thi đua. Hệ thống văn bản nội bộ này được xây dựng dựa trên các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước [H6.06.06.01], [H6.06.06.02], [H6.06.06.03], các hướng dẫn về công tác thi đua, khen thưởng của Bộ xây dựng [H6.06.06.04]. Tất cả các quy định, quy chế trên tạo nên hệ thống đánh giá hiệu quả, đảm bảo công bằng, dân chủ, công khai. Tất cả giảng viên được tham gia vào xây dựng, góp ý trong quá trình xây dựng các tiêu chí, quy trình đánh giá hiệu quả công việc như Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy định về chế độ làm việc của giảng viên [H6.06.06.05], Quy chế quản lý Khoa học [H6.06.06.06], Quy chế đánh giá, phân loại viên chức, người lao động [H6.06.06.07], Quy chế thi đua khen thưởng [H6.06.06.08].

Theo các quy định này, từng chức danh công việc, Trường có qui định cụ thể về khối lượng công việc giảng dạy, nghiên cứu và thực hiện các nhiệm vụ khác để phục vụ cộng đồng [H6.06.06.06]. Hàng năm, vào đầu mỗi năm học mỗi giảng viên đều đăng ký thi đua gồm khối lượng thực hiện công việc giảng dạy, nghiên cứu khoa học, và thực hiện các nhiệm vụ khác [H6.06.06.9]. Khối lượng giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các nhiệm vụ khác cho mỗi vị trí giảng viên (giảng viên, giảng viên chính, giảng viên cao cấp) đã được nhà trường qui định cụ thể trong chế độ làm việc của giảng viên từ năm 2019 và 2021 để làm cơ sở cho việc đánh giá và bình xét thi đua - khen thưởng hàng năm và giai đoạn.

Bảng 6.5. Định mức công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học của giảng viên

Nhiệm vụ	Giảng viên	Giảng viên chính	Giảng viên cao cấp
Giảng dạy (giờ chuẩn/ năm học)	275	275	275
Nghiên cứu khoa học (giờ chuẩn/ năm học)	200	210	230
Hoạt động chuyên môn và thực hiện các nhiệm vụ khác (giờ/ năm học)	335	305	245

Cuối năm học, Khoa tổng kết đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng giảng viên theo kế hoạch hướng dẫn của Nhà trường với những quy định cụ thể về khối lượng công việc cũng như các quy chế đánh giá phân loại viên chức, người lao động; quy chế thi đua, khen thưởng để làm cơ sở bình xét các hình thức khen thưởng khác nhau [H6.06.06.10]. Khối lượng của các giảng viên sẽ được các phòng chức năng ghi nhận kết quả theo khối lượng thực tế đảm nhiệm, như Phòng Quản lý Đào tạo tổng hợp khối lượng giảng dạy, Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế tổng hợp khối lượng nghiên cứu khoa học và bài báo, Phòng Tổ chức Hành chính đối chiếu với định mức và đề xuất Hội đồng thi đua khen thưởng nhà trường xét phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ và xét thi đua [H6.06.06.11].

Những giảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công việc giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các công việc được giao khác luôn nhận được những danh hiệu xứng đáng: Lao động tiên tiến, Chiến sỹ thi đua các cấp, Giấy khen của Hiệu trưởng, của Bộ trưởng Bộ xây dựng [H6.06.06.12], số liệu cụ thể như trong bảng sau:

Bảng 6.6. Thống kê thành tích đạt được của cá nhân và tập thể qua các năm

Năm học	Thành tích cá nhân (%)		Thành tích tập thể	
	CSTD	LĐTT	TTLĐXS	TTLĐTT
2018-2019	11,45	68,70	13	5
2019-2020	12,45	70,82	11	10
2020-2021	13,28	82,03	7	13
2021-2022	13,11	81,56	14	7

Mức độ hoàn thành công việc sẽ làm căn cứ bình xét thi đua khen thưởng cấp Trường, cấp Bộ và cấp Nhà nước. Việc xem xét khen thưởng cho giảng viên chính là việc ghi nhận thành tích trong quá trình công tác của cá nhân. Những cá nhân có thành tích cao, đột xuất xuất sắc sẽ được tăng lương trước hạn hoặc bổ nhiệm vào vị trí quản lý của Trường. Việc ghi nhận đúng thành tích và khen thưởng kịp thời cho giảng viên sẽ tạo động lực cho giảng viên phát huy hết khả năng trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng. Các kết quả đánh giá, thi đua, khen thưởng được nhà trường thông báo công khai, minh bạch, và lấy ý kiến phản hồi của giảng viên về kết quả đánh giá qua các kênh thông tin của nhà trường [H6.06.06.13].

Thông thường, viên chức, người lao động sẽ được tăng lương sau 36 tháng (tròn 3 năm). Tuy nhiên, nếu hoàn thành nhiệm vụ phân công và đạt được thành tích tốt và có đóng góp nổi bật, sẽ được tăng lương trước thời hạn với các mức 06 tháng, 09 tháng và 01 năm [H6.06.06.14]. Trường căn cứ vào Thông tư số 08/2013/TT-BNV của Bộ Nội Vụ và Quy định số 1139/QĐ-BXD ngày 16/8/2018 của Bộ Xây dựng ban hành Quy chế nâng bậc lương trước thời hạn đối với công chức, viên chức và người lao động để xét nâng lương trước thời hạn cho giảng viên. Ngoài ra mỗi giảng viên được ghi nhận toàn bộ kết quả nghiên cứu khoa học bởi phòng khoa học và hợp tác

quốc tế, đối với sản phẩm khoa học công nghệ như là báo quốc tế, báo đăng trên các tạp chí uy tín trong nước còn được nhà trường có chính sách khen thưởng, hỗ trợ bằng vật chất cụ thể [H6.06.06.15]. Qua đó cho thấy chính sách khen thưởng đã ảnh hưởng tích cực đến công tác nghiên cứu khoa học, nâng cao chất lượng giảng dạy của nhà trường.

Bảng 6.7. Thống kê đề tài/kinh phí (triệu đồng) thực cấp từ năm 2015-2019

Đề tài các cấp	Năm thực hiện				
	2018	2019	2020	2021	2022
Đề tài cấp nhà nước, Nafosted	1/750		1/2900		
Đề tài cấp Bộ, cấp tỉnh	2/1.300	2/1.200			
Đề tài cấp cơ sở	5/137,7	4/141,4	2/74,7	4/153,6	7/268,2
Tổng cộng	8/2.187,7	6/1.341,4	3/2.974,7	4/153,6	7/268,2

(Số lượng đề tài/số tiền)

2. Điểm mạnh

Trường Đại học Xây dựng Miền Trung đã hoàn chỉnh hệ thống định mức về thời gian làm việc, giảng dạy và nghiên cứu khoa học cho từng chức danh cụ thể. Đã xây dựng được quy chế thi đua, khen thưởng nhằm động viên khuyến khích kịp thời các cá nhân và tổ chức hoàn thành nhiệm vụ được giao.

3. Điểm tồn tại

Chưa có công cụ đo lường sự đóng góp của các nghiên cứu khoa học phục vụ cộng đồng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Hoàn thiện công cụ đánh giá và các biện pháp khen thưởng cho những nghiên cứu có tính ứng dụng cao	Phòng Tổ chức Hành chính, Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế	Năm 2023
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hoàn thiện các quy chế đánh giá hiệu quả thực hiện khối lượng công việc và sẽ tiến tới trả lương, trả thu nhập hiệu quả hơn.	Phòng Tổ chức Hành chính, Phòng Tài chính Kế toán	Năm 2023

5. Tự đánh giá: Đạt, 5/7

Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Trong chiến lược phát triển Trường Đại học Xây dựng Miền Trung đã đưa ra các định hướng và các giải pháp cụ thể cho công tác nghiên cứu khoa học, trong đó đã xây dựng chính sách rõ ràng để phân phối nguồn lực con người và tài chính cho hoạt động nghiên cứu và chuyển giao công nghệ của cả giảng viên [H6.06.07.01]. Để đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học được xem như hoạt động vô cùng quan trọng đối với đội ngũ giảng viên trong toàn trường nói chung và Khoa Kiến trúc nói riêng. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên luôn được xác lập rõ ràng. Trong bản kế hoạch công tác và đăng ký thi đua hàng năm, các giảng viên luôn đề ra những mục tiêu nghiên cứu khoa học cụ thể (tham gia đề tài, dự án sự nghiệp, viết báo khoa học, hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học...) [H6.06.07.02]; giảng viên phải đảm bảo số giờ nghiên cứu phải đảm nhiệm theo chức danh đã quy định [H6.06.07.03]. Kết thúc năm học, Khoa và Nhà trường luôn có hoạt động đánh giá nhằm đảm bảo về số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên [H6.06.07.04].

Các công trình nghiên cứu của đội ngũ cán bộ luôn được giám sát chất lượng bởi Hội đồng Khoa học - Đào tạo của Khoa cũng như các tổ chức uy tín như: quỹ khoa học Nafosted, Bộ Xây dựng... Các ấn phẩm khoa học của Khoa được đăng trên những tạp chí uy tín trong nước và quốc tế có hội đồng phản biện chặt chẽ nhằm đảm bảo về chất lượng. Từ năm 2018 đến nay, mỗi năm Khoa đều có những công bố các công trình khoa học trên tạp chí chuyên ngành xây dựng cũng như các tạp chí uy tín trên thế giới [H6.06.07.05]. Trong 5 năm gần đây (từ 2018-2023) Trường Đại học Xây dựng Miền Trung có 57 bài báo quốc tế và hơn 76 bài báo trong nước được đăng trên các tạp chí khoa học với thứ hạng cao, và có 14 bài hội thảo quốc tế, 14 bài hội thảo trong nước. Trong đó Khoa Kiến trúc và ngành Kiến trúc công trình đóng góp một lượng lớn các bài báo công bố, điều này thể hiện kết quả xuất sắc trong hoạt động nghiên cứu của giảng viên của chương trình Kiến trúc công trình khi so sánh với chương trình khác trong Trường, cũng như trung bình từ các trường Đại học ở Việt Nam.

Bảng 6.8. Số lượng công bố học thuật từ năm 2018-2022

TT	Tạp chí	Năm					Tổng số
		2018	2019	2020	2021	2022	
1	Tạp chí quốc tế toàn trường	2	13	21	16	5	57
	Khoa Kiến trúc		1	1	1	2	5
2	Tạp chí trong nước	22	13	17	19	5	76

	Khoa Kiến trúc	0	3	1	2	7	13
3	Kỹ yếu hội thảo quốc tế	2	3	5	3	1	14
	Khoa Kiến trúc	0	0	0	0	0	0
4	Kỹ yếu hội thảo trong nước	0	5	0	0	9	14
	Khoa Kiến trúc	0	0	0	0	0	0

Hoạt động nghiên cứu là cần thiết đối với toàn bộ giảng viên của chương trình đào tạo ngành Cấp thoát nước; kết quả nghiên cứu của giảng viên được đánh giá hàng năm và được sử dụng như là một tiêu chuẩn quan trọng trong đánh giá năng suất làm việc, trả thu nhập và xét thi đua của giảng viên [H6.06.07.06]. Để khuyến khích giảng viên nghiên cứu khoa học, Nhà trường dành một khoản hỗ trợ giảng viên đăng báo khoa học trên các tạp chí quốc tế theo Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm. Ngoài ra, giảng viên tham gia các đề tài, dự án nghiên cứu được tài trợ từ rất nhiều nguồn tài chính khác nhau, từ cấp cơ sở (cấp trường), cấp tỉnh, cấp bộ, cấp ngành, quốc gia [H6.06.07.07]. Lĩnh vực của đề tài, dự án nghiên cứu xuất phát từ nghiên cứu cơ bản đến nghiên cứu ứng dụng [H6.06.07.08].

Bảng 6.9. Thống kê các đề tài, dự án nghiên cứu của giảng viên Kiến trúc và Trường Đại học Xây dựng Miền Trung từ 2018 đến 2022.

TT	Đề tài, dự án	Năm					Tổng số
		2018	2019	2020	2021	2022	
1	Đề tài, dự án sự nghiệp cấp Nhà nước hoặc tương đương toàn trường	2	0	1	0	0	3
	Khoa Kiến trúc	1	0	1	0	0	2
2	Đề tài, dự án sự nghiệp cấp Bộ, Tỉnh hoặc tương đương toàn trường	3	4	2	2	1	12
	Khoa Kiến trúc	2	1	1	1	0	5
3	Đề tài cấp cơ sở toàn trường	45	24	37	36	27	169
	Khoa Kiến trúc	6	1	3	6	1	17

Nhằm mục đích đẩy mạnh hợp tác và trao đổi giữa các giảng viên của Trường Đại học Xây dựng Miền Trung và giảng viên của các trường trong nước và quốc tế,

Trường Đại học Xây dựng Miền Trung đã tổ chức nhiều hội thảo, hội nghị chuyên đề liên quan đến dự án nghiên cứu nhằm tăng cơ hội cho giảng viên chương trình Kiến trúc công trình xuất bản những nghiên cứu của mình, tìm kiếm hợp tác nghiên cứu, cũng như bắt kịp xu hướng nghiên cứu trên thế giới [H6.06.07.09].

Bảng 6.10. Các hội thảo khoa học tổ chức tại Trường ĐHXDMT từ 2018- 2023

TT	Tên hội thảo	Thời gian	Cơ quan phối hợp
1.	Hội thảo quốc gia “Những tiến bộ trong Xây dựng và Kiến trúc lần 2 (ACEA2) năm 2018”	21/9/2018	Trường Đại học Kiến trúc TP. Hồ Chí Minh
2.	Chuyên đề “Nâng cao khả năng nghiên cứu khoa học, viết báo quốc tế và khai thác quỹ Nafosted”	24/12/2018	
3.	Hội thảo online "Về nên tương lai. Phát triển, Đổi mới, Bền vững, Vẻ đẹp" chào mừng sự kiện Ngày thiết kế Ý 2020 (Italian Design Day 05/11/1920 - 05/11/2020)	05/11/2020	Đại sứ quán Ý tại Việt Nam Trường Đại học Xây dựng
4.	Hội thảo “Ứng dụng BIM trong thiết kế & Quản lý dự án Xây dựng”.	17/11/2020	
5.	Tổ chức Hội thảo: Sử dụng gỗ hợp pháp và bền vững trong xây dựng, thiết kế Kiến trúc và nội thất	16/01/2021	Trung tâm Giáo dục và Phát triển (CED)
6.	Chương trình nâng cao nhận thức về quản lý rác thải nhựa cho sinh viên và “tập huấn lãnh đạo trẻ môi trường”	17/4/2021	Trung tâm Giáo dục và Phát triển (CED)
7.	Tổ chức Hội thảo “E-learning trong chuyển đổi số tại trường Đại học Xây dựng Miền Trung” (Trực tiếp và trực tuyến)	07/12/2021	
8.	Hội thảo trực tuyến: “Cơ hội và thách thức trong việc thúc đẩy xây dựng công trình xanh khu vực ven biển miền trung: tiềm năng hợp tác trong dự án CAMaRSEC”.	16/12/2021	Đại học Hamburg, Đức
9.	Hội thảo về Giáo dục 4.0 trong khuôn khổ dự án EMVITET	28/3 – 01/4/2022	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh
10.	Tọa đàm “ Tư duy hệ thống trong phát triển đô thị bền vững”	10/2/2022	
11.	Hội thảo “Di sản & Kiến trúc trong phát triển bền vững đô thị du lịch biển”	21/4/2022	Hội Kiến trúc sư Việt Nam

TT	Tên hội thảo	Thời gian	Cơ quan phối hợp
12.	Hội nghị khoa học toàn quốc “Địa chất công trình - Địa kỹ thuật và xây dựng phục vụ phát triển bền vững khu vực miền Trung và Tây Nguyên”, ACEA-VIETGEO 2021	13-14/5/2022	Hội Địa chất công trình và Môi trường Việt Nam (VAEGE)
13.	Tọa đàm “Cơ hội nghề nghiệp với dự án triệu đô 3D Modeling”	26/8/2022	Công ty TNHH Phần Mềm FPT Miền Trung
14.	Tọa đàm “Chia sẻ kinh nghiệm về phát triển trường đại học và các hoạt động đào tạo, hợp tác phát triển”	25/8/2022	Trường Đại học Kiến trúc TP. Hồ Chí Minh
15.	Hội thảo “Cơ hội việc làm tại Nhật Bản”	20/9/2022	Công ty TNHH Esuhai

Ngoài ra, để tạo điều kiện cho sinh viên và giảng viên cập nhật những kiến thức mới, Khoa Kiến trúc còn tổ chức các seminar khoa học định kỳ và có mời các chuyên gia từ các trường đại học hoặc đơn vị khoa học công nghệ trong nước, ngoài nước về trao đổi học thuật [H6.06.07.10].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã có nhiều chính sách khuyến khích giảng viên nghiên cứu khoa học. Khoa Xây dựng xác định hoạt động nghiên cứu khoa học là hoạt động mang tính bắt buộc, cần thiết để nâng cao chất lượng đào tạo và là một trong những thước đo năng lực chuyên môn của giảng viên, từ đó số lượng và chất lượng các sản phẩm nghiên cứu ngày một nâng cao.

3. Điểm tồn tại

Số lượng các bài báo quốc tế còn ít so với tiềm năng của Khoa. Cần nâng cao hơn nữa số lượng bài báo quốc tế, đặc biệt là các bài báo quốc tế có thứ hạng cao trong hệ thống ISI hoặc Scopus để nâng cao vị thế của trường.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường hợp tác nghiên cứu với nước ngoài như thông qua các chương trình hợp tác, trao đổi chuyên gia, mời chuyên gia nước ngoài sang nghiên cứu tại Trường ĐHXDMT.	Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế	Bắt đầu năm 2021
2	Phát huy điểm	Xây dựng quỹ phát triển KHCN riêng của trường và tiếp cận các nguồn khác như quỹ	Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế	Bắt đầu năm 2021

	manh	KHCN quốc gia, quốc tế		
--	------	------------------------	--	--

5. Tự đánh giá: **Đạt, 5/7**

Kết luận về Tiêu chuẩn 6

Nhà trường có chiến lược phát triển nguồn nhân lực theo từng giai đoạn phát triển cụ thể (2018-2023) phù hợp với xu thế phát triển chung của xã hội, để định hướng và phát triển đội ngũ giảng viên kế cận. Số lượng giảng viên có trình độ tiến sĩ tăng dần theo các năm, tiến tới chuẩn hóa đội ngũ giảng viên theo tiêu chuẩn của một trường đại học định hướng ứng dụng, thể hiện đội ngũ giảng viên đáp ứng tốt yêu cầu về nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Hệ thống các văn bản, quy chế, quy định liên quan đến công tác quản trị nhân lực đều được xây dựng đầy đủ. Trong thời gian đến nhà trường tiếp tục thành lập các nhóm nghiên cứu có thể mạnh để đáp ứng nhu cầu về những nhiệm vụ KHCN trọng điểm, cấp bách cấp Bộ, cấp Quốc gia và địa phương. Sẽ liên kết với các doanh nghiệp, các viện nghiên cứu trong và ngoài trường kết hợp NCKH với đào tạo và trao đổi sinh viên, giúp cho sinh viên làm quen với các công việc thực tế sau khi ra trường.

Tiêu chuẩn 6 có 07 tiêu chí, trong đó có 04 tiêu chí đạt mức 5/7, 03 tiêu chí đạt mức 4/7.

Tự đánh giá tiêu chuẩn 6: 4,57/7

Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên

Mở đầu

Chất lượng đào tạo luôn phụ thuộc vào mối quan hệ tương tác giữa khối giảng dạy, nghiên cứu (giảng viên, nghiên cứu viên) và người học; bên cạnh đó, hoạt động giảng dạy của giảng viên và hoạt động học tập của người học khó có kết quả tốt nếu thiếu sự phục vụ có chất lượng của đội ngũ chuyên viên, nhân viên. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ góp phần rất quan trọng vào công tác giảng dạy và NCKH của GV và người học. Đội ngũ cán bộ này là giáo vụ Khoa và những người làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, phòng máy tính, phòng quản trị thiết bị và Trung tâm hỗ trợ sinh viên và quan hệ doanh nghiệp. Nhà trường và Khoa Kiến trúc rất quan tâm đề ra các chính sách cũng như giải pháp để thực thi, phát triển và hoàn thiện hệ thống của bộ phận hỗ trợ nhằm đạt được chất lượng phục vụ tốt nhất. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ được quy hoạch, tuyển dụng đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ có tinh thần phục vụ cao, có năng lực chuyên môn và luôn sẵn sàng tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Để kiểm soát và nâng cao chất lượng dịch vụ hỗ trợ, Nhà trường và Khoa thường xuyên tiến hành kiểm tra các hệ thống dịch vụ, khảo sát mức độ hài lòng của giảng viên và người học khi sử dụng dịch vụ để có hướng khắc phục và phát triển hiệu quả hơn.

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. * Mô tả

Việc quy hoạch đội ngũ chuyên viên, nhân viên thư viện, phòng thí nghiệm, công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ được thực hiện bài bản, khoa học, đáp ứng tốt nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng. Hiện nay, hệ thống thư viện phục vụ việc học tập và nghiên cứu của người học được tổ chức có qui cũ theo kiểu thư viện truyền thống và tổ chức thư viện số để phục vụ cho sinh viên toàn trường nói chung và sinh viên Khoa Kiến trúc nói riêng [H7.07.01.01].

Trong chiến lược phát triển của Trường giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn đến năm 2030 cũng đã đặt ra yêu cầu về đội ngũ chuyên viên, nhân viên hỗ trợ gồm chuyên viên nghiệp vụ phải được tuyển dụng và đào tạo, bồi dưỡng để có đủ năng lực chuyên môn, đạo đức và lương tâm nghề nghiệp, và các kỹ năng sử dụng tin học, ngoại ngữ... để đáp ứng yêu cầu công việc [H7.07.01.02].

Để thực hiện được yêu cầu trên, trên cơ sở các kế hoạch phát triển về số lượng và chất lượng nguồn nhân lực được đề ra trong chiến lược phát triển trường theo từng giai đoạn, hàng năm Nhà trường đã tiến hành đánh giá về việc thực hiện công tác tổ chức bộ máy, nhân sự trong báo cáo tổng kết hàng năm [H7.07.01.03] và đồng thời xây dựng các kế hoạch tuyển dụng, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực của trường để có thể đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ ngày càng cao theo định hướng phát triển [H7.07.01.04], [H7.07.01.05]. Ngoài ra, hàng năm Phòng Tổ chức Hành chính (nay là phòng tổ chức – Nhân sự) còn thực hiện việc rà soát lại công việc của từng vị trí việc làm để có kế hoạch điều động, phân công hoặc tinh giản biên chế đối với những trường hợp không còn đáp ứng được yêu cầu công việc, kết quả tinh giản biên chế trong 05 năm gần đây là 11 viên chức [H7.07.01.06].

Năm 2015 xây dựng đề án vị trí việc làm; năm 2018 rà soát điều chỉnh đề án phù hợp với điều kiện phát triển, Nhà trường đã xây dựng đề án vị trí việc làm, rà soát đội ngũ chuyên viên, nhân viên, mô tả rõ nội dung nhiệm vụ của vị trí việc làm [H7.07.01.07]. Từ đó Trường xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để phát huy được hiệu quả sử dụng nhân lực các vị trí việc làm [H7.07.01.08]. Việc này đã được Phòng Tổ chức Hành chính thực hiện thường xuyên hàng năm [H7.07.01.09].

Bên cạnh đội ngũ cán bộ hỗ trợ, các GV giảng dạy của Khoa Kiến trúc và sinh viên còn được hỗ trợ về tài liệu, thông tin... thông qua đội ngũ nhân viên, kỹ thuật viên đủ trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của các Trung tâm và các phòng ban khác như: Phòng Công tác SV, Phòng Quản lý Đào tạo,... Các đơn vị phòng ban của Trường được bố trí đủ số lượng cán bộ, có sự phân công công việc cho từng nhân viên một cách rõ ràng và chi tiết theo chuyên môn và nghiệp vụ của từng thành viên. Đội

ngũ nhân viên hỗ trợ của Trường đáp ứng được yêu cầu đào tạo, NCKH và đáp ứng được nhu cầu của cộng đồng [H7.07.01.10],

Bên cạnh các đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin, Nhà trường còn quan tâm đến các đội ngũ phục vụ hỗ trợ khác như: các tổ chức Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên, các câu lạc bộ đội nhóm của các tổ chức này; các trung tâm hỗ trợ sinh viên, tư vấn nghề nghiệp và chuyển giao công nghệ để phục vụ cộng đồng. Hàng năm, Nhà trường đều tổ chức nhiều hoạt động có ý nghĩa nhằm để phục vụ cộng đồng như: các hoạt động vì môi trường, các hoạt động làm đường, làm nhà ở vùng khó khăn để xây dựng nông thôn mới, tham gia các cuộc thi thiết kế xây dựng gắn với phát triển bền vững...[H7.07.01.11], [H7.07.01.12].

2. Điểm mạnh

Công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng chuyên viên, nhân viên hỗ trợ có chiến lược, có kế hoạch phát triển rõ ràng, công khai minh bạch dựa trên hiện trạng và yêu cầu phải đáp ứng trong tương lai của từng vị trí việc làm.

3. Điểm tồn tại

Một bộ phận không nhỏ chuyên viên, nhân viên khối phục vụ còn ngại đi học tập, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng ngoại ngữ, tin học làm ảnh hưởng tới kế hoạch công tác của đơn vị.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ nhân sự khối quản lý, phục vụ, từ đó xây dựng khung năng lực đối với viên chức, nhân viên khối quản lý, phục vụ.	Phòng Tổ chức – Nhân sự	Năm học 2022-2023
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, mô tả lại nhiệm vụ của từng vị trí việc làm; tăng cường bồi dưỡng kỹ năng làm việc cho khối phục vụ ngày một chuyên nghiệp hơn, trả lương theo hiệu quả công việc của từng vị trí việc làm.	Phòng Tổ chức – Nhân sự Phòng Kế hoạch - Tài chính	Năm học 2022-2023

5. Tự đánh giá: Đạt, 5/7

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả

Trong quy chế về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc, tập sự và bổ nhiệm vào ngạch chức danh nghề nghiệp của Trường Đại học Xây dựng Miền Trung ban hành kèm theo quyết định số 203/QĐ-ĐHXDĐT năm 2017 đã quy định rõ các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn đội ngũ chuyên viên, nhân viên [H7.07.02.01]. Ngoài các tiêu chuẩn chung theo quy định của pháp luật, Nhà trường đã đưa ra các tiêu chuẩn cụ thể như sau: tiêu chuẩn đối với ngạch chuyên viên và tương đương phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên; chuyên ngành đào tạo phù hợp với ngành, lĩnh vực công tác; tuổi đời dự tuyển không quá 35; có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 2 (A2) khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam. Đối với chuyên viên Phòng Khoa học Hợp tác quốc tế và chuyên viên hợp tác đào tạo với nước ngoài thì phải có bằng đại học ngoại ngữ hoặc chứng chỉ IELTS quốc tế đạt điểm 5,5 hoặc tương đương trở lên; có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản; có chứng chỉ quản lý Nhà nước dành cho chuyên viên hoặc chứng chỉ nghiệp vụ khác phù hợp với vị trí việc làm. Tiêu chuẩn đối với ngạch dưới chuyên viên, nhân viên kỹ thuật, nghiệp vụ phải có bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng trở lên với chuyên ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm; tuổi đời dự tuyển không quá 35; có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 1 (A1) khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam; có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và các tiêu chuẩn khác theo đúng yêu cầu của vị trí việc làm sẽ đảm nhận.

Căn cứ trên chỉ tiêu về tuyển dụng đội ngũ nhân sự khối hỗ trợ, phục vụ của Nhà trường và căn cứ vào việc đề xuất nhu cầu bổ sung nhân sự của các đơn vị, Nhà trường sẽ xây dựng kế hoạch tuyển dụng, hoặc sắp xếp bố trí thay đổi một số vị trí việc làm chưa phù hợp hoặc đang thiếu khối lượng do ảnh hưởng của việc giảm số lượng tuyển sinh của một số ngành đào tạo để kiêm nhiệm thêm các công tác hỗ trợ, phục vụ người học của Khoa và Nhà trường. Các chỉ tiêu, tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn sắp xếp đội ngũ nhân sự được phổ biến công khai trên các phương tiện truyền thông đại chúng [H7.07.02.02]. Để đảm bảo tính chính xác và khách quan, trong quá trình tuyển dụng, Hội đồng tuyển dụng được thành lập theo đúng quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Nội vụ [H7.07.02.03], [H7.07.02.04]. Kết quả tuyển dụng được công bố công khai. Tiêu chí tuyển dụng quan trọng nhất là trình độ chuyên môn, khả năng ngoại ngữ và tin học của ứng viên [H7.07.02.05].

Nhà trường cũng đã tiêu chuẩn hóa công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý các đơn vị thuộc Trường Đại học Xây dựng Miền Trung [H7.07.02.06]. Các tiêu chuẩn này Nhà trường ban hành dựa trên các hướng dẫn và quy định của Nhà nước, hướng dẫn của Bộ Xây dựng [H7.07.02.07].

*Bảng 7.1. Tình hình theo dõi tuyển dụng và thay đổi nhân sự
thuộc các phòng ban từ năm 2018 đến 2023*

Năm học	Tuyển dụng chuyên viên, nhân viên nghiệp vụ	Nghỉ hưu	Thôi việc, chấm dứt hợp đồng; tinh giản biên chế do không còn đáp ứng vị trí việc làm
2018-2019	0	4	0
2019-2020	02	2	0
2020-2021	01	1	0
2021-2022	01	1	1
2022-2023	0	2	0

2. Điểm mạnh

Quy định chung về tuyển dụng, lựa chọn và bổ nhiệm đầy đủ, rõ ràng. Quy trình tuyển chọn chặt chẽ, công khai, xuất phát từ nhu cầu của các đơn vị cơ sở và hướng tới phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Chưa có giải pháp đào tạo, bồi dưỡng chuyên viên, nhân viên khôi phục theo vị trí việc làm một cách bài bản và đạt hiệu quả cao.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Đưa công tác đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ nhân sự khối quản lý, phục vụ là một nhiệm vụ thường xuyên hàng năm. Và ban hành tiêu chuẩn phấn đấu để đạt được khung năng lực đối với viên chức, nhân viên khối quản lý, phục vụ.	Phòng Tổ chức Hành chính	Năm học 2023-2025
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, mô tả lại nhiệm vụ của từng vị trí việc làm; tăng cường bồi dưỡng kỹ năng làm việc cho khối phục vụ ngày một chuyên nghiệp hơn, trả lương theo hiệu quả công việc của từng vị trí việc làm.	Phòng Tổ chức Hành chính, Phòng Tài chính Kế toán	Năm học 2023-2025

5. Tự đánh giá: Đạt, 5/7

Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh

giá

1. Mô tả

Yêu cầu về năng lực của chuyên viên, nhân viên của Trường Đại học Xây dựng Miền Trung nói chung và đội ngũ nhân viên được xác định dựa trên những quy định của Nhà nước (tiêu chuẩn các ngạch chức danh chuyên viên, cán sự, nhân viên...) [H7.07.03.01]; và được thể hiện ở khung năng lực vị trí việc làm trong đề án vị trí việc làm của Trường [H7.07.03.02]. Các yêu cầu về năng lực tổng hợp, thống kê, năng lực giải quyết các vấn đề thực tế, các kỹ năng soạn thảo văn bản, lập kế hoạch, phối hợp thực hiện, kỹ năng giao tiếp là các tiêu chuẩn tối thiểu để lựa chọn khi tuyển dụng, xác định và đánh giá năng lực của đội ngũ chuyên viên, nhân viên phục vụ trong quá trình công tác [H7.07.03.03]. Các đơn vị quản lý, phục vụ đều được quy định chức năng và nhiệm vụ trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường cũng như quy định về chức năng, nhiệm vụ của đơn vị thuộc, trực thuộc Trường và được tóm tắt công khai rộng rãi trên website [H7.07.03.04], [H7.07.03.05].

Năng lực của đội ngũ chuyên viên, nhân viên phục vụ, mức độ hoàn thành công việc được giao (theo các tiêu chí về trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức, trách nhiệm, kết quả thực hiện nhiệm vụ...) được đánh giá thông qua các hình thức khác nhau: đánh giá phân loại hàng tháng, khảo sát ý kiến của sinh viên, thông qua các buổi đối thoại, bình xét thi đua trong đơn vị, thông qua hội đồng thi đua cấp đơn vị, cấp trường, ... [H7.07.03.06], [H7.07.03.07], [H7.07.03.08]. Định kỳ, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng tổ chức lấy ý kiến sinh viên về thái độ phục vụ của chuyên viên, nhân viên hỗ trợ [H7.07.03.09]. Kết quả cho thấy đánh giá của sinh viên đối với nhân viên phục vụ là tốt và rất tốt cao. Ngoài ra, Định kỳ 02 lần/năm Nhà trường tổ chức các buổi đối thoại sinh viên, là nơi sinh viên được quyền bày tỏ quan điểm và góp ý về tinh thần, thái độ, trình độ và năng lực của nhân viên hỗ trợ [H7.07.03.10]. Các kết quả khảo sát, các ý kiến đóng góp của sinh viên giúp cho các đơn vị phục vụ nâng cao chất lượng giảng dạy, phục vụ.

Các kết quả đánh giá trên cũng là cơ sở quan trọng để nhà trường đánh giá đầy đủ chất lượng của hoạt động đào tạo và các đơn vị làm căn cứ tự đánh, xếp loại thi đua định kỳ, để trả thu nhập tăng thêm. Bên cạnh đó các đơn vị, hàng tháng, hàng quý có các báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao thông qua các buổi giao ban với Ban Giám hiệu [H7.07.03.11]. Cuối năm học nhà trường tổ chức đợt đánh giá viên chức, người lao động toàn trường, đánh giá năng lực và mức độ làm việc hiệu quả của các phòng ban chức năng và các đơn vị hỗ trợ [H7.07.03.12]. Kết quả đánh giá, xếp loại hàng năm làm cơ sở cho việc phân phối thu nhập tăng thêm hàng năm [H7.07.03.13].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã ban hành các quy định, quy trình và phương pháp đánh giá trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức, trách nhiệm, kết quả thực hiện nhiệm

vụ của đội ngũ chuyên viên, nhân viên phục vụ theo từng tháng, từng năm một cách rõ ràng, khoa học.

3. Điểm tồn tại

Đội ngũ chuyên viên, nhân viên phục vụ của trường có trình độ chuyên môn đạt chuẩn nhưng còn thiếu về kỹ năng, năng lực tổng hợp, nhất là các vấn đề có liên quan đến công tác hỗ trợ sinh viên của Trường.

4. * Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
	Khắc phục tồn tại	Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ nhân sự phục vụ đáp ứng tiêu chuẩn về năng lực, kỹ năng phục vụ sinh viên, phục vụ khách hàng và phục vụ cộng đồng.	Phòng Tổ chức – Nhân sự	Năm học 2023-2024
	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, mô tả lại nhiệm vụ của từng vị trí việc làm; tăng cường bồi dưỡng kỹ năng làm việc cho khối phục vụ ngày một chuyên nghiệp hơn, trả lương theo hiệu quả công việc của từng vị trí việc làm.	Phòng Tổ chức – Nhân sự, Phòng Kế hoạch - Tài chính	Năm học 2023-2024

5. Tự đánh giá: Đạt, 5/7

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Mô tả

Trong chiến lược phát triển dài hạn cũng như các kế hoạch ngắn hạn hàng năm của Trường Đại học Xây dựng Miền Trung đều xác định rõ việc đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực là hoạt động để duy trì và nâng cao chất lượng đội ngũ, là điều kiện quyết định để Nhà trường có thể đáp ứng đủ năng lực để thực hiện các chiến lược phát triển Nhà trường trong môi trường cạnh tranh ngày càng gay gắt, và yêu cầu hội nhập quốc tế về giáo dục và đào tạo ngày càng trở nên cấp bách [H7.07.04.01], [H7.07.04.02]. Để đáp ứng yêu cầu đó, Nhà trường đã ban hành quy chế đào tạo, bồi dưỡng viên chức, người lao động và các chính sách khuyến khích, tạo điều kiện cho viên chức, người lao động hỗ trợ được đi học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ. Với sự hỗ trợ về thời gian và kinh phí, viên chức, người lao động đã tích cực đi học tập, bồi dưỡng [H7.07.04.03], [H7.07.04.04]. Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức, người lao động của Trường được ban hành dựa trên nguyên tắc: đào tạo, bồi

đưỡng dựa trên cơ sở có kế hoạch, xuất phát từ yêu cầu nhiệm vụ trong từng gia đoạn của từng vị trí việc làm để bổ sung, đáp ứng kịp thời nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của Trường [H7.07.04.05]. Trong quá trình công tác, chuyên viên và nhân viên hỗ trợ phục vụ được Nhà trường tạo điều kiện để nâng cao năng lực và trình độ của bản thân, tham gia các khóa học bồi dưỡng ngắn hạn hay dài hạn nhằm trang bị, cập nhật, nâng cao kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ làm việc và hỗ trợ người học như: nghiệp vụ chuyên viên, kế toán viên, thư viện viên, văn thư, lưu trữ, các nghiệp vụ kỹ năng, nghiệp vụ về tin học, phần mềm quản lý, ngoại ngữ, các lớp đào tạo uơm mầm khởi nghiệp... [H4.07.04.06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã có quy định và có kế hoạch triển khai đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ chuyên viên, nhân viên hỗ trợ, phục vụ hàng năm một cách chủ động để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của từng vị trí việc làm.

3. Điểm tồn tại

Trình độ ngoại ngữ (tiếng Anh) của đội ngũ chuyên viên, nhân viên còn thấp, còn nhiều nhân viên chưa tích cực trong việc học tập trang bị thêm khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh.

4. * Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng kế hoạch đào tạo và xác định lại khung năng lực về việc sử dụng tiếng Anh đối với đội ngũ chuyên viên, nhân viên.	Phòng Tổ chức - Nhân sự Trung tâm ngoại ngữ- Tin học	Năm học 2023-2024
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ nhân sự phục vụ đáp ứng tiêu chuẩn về năng lực, kỹ năng phục vụ sinh viên, phục vụ khách hàng và phục vụ cộng đồng.	Phòng Tổ chức - Nhân sự	Năm học 2023-2024

5. Tự đánh giá: Đạt, 5/7

Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Công tác quản trị kết quả công việc của chuyên viên, nhân viên hỗ trợ, phục vụ của nhà trường nói chung và của khoa Kiến trúc nói riêng được triển khai có trình tự

hợp lý. Việc khen thưởng được tiến hành hàng năm đảm bảo công bằng, công khai, minh bạch theo Luật thi đua khen thưởng số 2003 và Luật sửa đổi năm 2013 [H7.07.05.01], Hướng dẫn về công tác thi đua, khen thưởng của Bộ Xây dựng [H7.07.05.02], [H7.07.05.03]. Trên cơ sở các quy định này, Nhà trường đã ban hành Quy chế thi đua khen thưởng để hướng dẫn tổ chức và bình xét các hoạt động, các phong trào thi đua trong Nhà trường hàng năm và đột xuất [H7.07.05.04].

Đầu năm học, Phòng Tổ chức Hành chính gửi thông báo phát động thi đua đến toàn thể viên chức, người lao động toàn trường qua các kênh thông tin, email, trang web của Nhà trường [H7.07.05.05]. Các đơn vị dựa vào chức năng, nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo và công việc khác có liên quan tiến hành đăng ký các mức thi đua và khối lượng hoàn thành theo mẫu đã quy định [H7.07.05.06]. Cuối năm học, các cá nhân sẽ tự lập phiếu thống kê khối lượng công việc đã thực hiện trong một năm trên cơ sở hướng dẫn về việc thống kê chi tiết về khối lượng và thời gian thực hiện, chất lượng; sau đó cá nhân tự đánh giá xếp loại [H7.07.05.07]. Trưởng đơn vị sẽ tổ chức họp đơn vị để nhận xét, đánh giá, thẩm tra và xác nhận kết quả công việc, đánh giá và xếp loại của từng cá nhân, đồng thời gửi kết quả về Hội đồng đánh giá cấp Trường thẩm định và xét duyệt kết quả [H7.07.05.08]. Các mức độ hoàn thành nhiệm vụ công tác gồm có: hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ và không hoàn thành nhiệm vụ. Các danh hiệu thi đua khen thưởng thường niên đối với cá nhân gồm có: lao động tiên tiến, chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, chiến sĩ thi đua cấp bộ. Đối với danh hiệu thi đua của tập thể gồm có: tập thể lao động tiên tiến, tập thể lao động xuất sắc hoặc bằng khen của cấp trên [H7.07.05.09], [H7.07.05.10].

Kết quả này dùng để đánh giá mức độ hoàn thành công việc và trả thu nhập tăng thêm hàng tháng, hàng năm để tạo động lực cho chuyên viên, nhân viên hỗ trợ, phục vụ. Từ các kết quả đánh giá hàng năm, chuyên viên, nhân viên hỗ trợ, phục vụ được khen thưởng, tùy theo các mức, có thể nhận giấy chứng nhận khen thưởng hay huân chương, huy chương và phần thưởng, được tăng lương định kỳ hoặc trước thời hạn và xem xét để đánh giá quy hoạch, bổ nhiệm. Kết quả của Hội đồng khen thưởng và bảng theo dõi thành tích thi đua cá nhân được công khai rộng rãi trong toàn trường [H7.07.05.11].

2. Điểm mạnh

Công tác thi đua khen thưởng đối với đội ngũ chuyên viên, nhân viên hỗ trợ, phục vụ được quy định rõ ràng và công khai giúp cho công tác quản trị công việc được triển khai tích cực trong Nhà Trường và Khoa Kiến trúc.

3. Điểm tồn tại

Các phong trào thi đua chưa được phong phú, phong trào thi đua mang tính chất chuyên đề chưa được tổ chức thường xuyên để tạo động lực cho mọi đối tượng trong Nhà trường.

4. * Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Nhà trường cần giao cho tổ chức Công đoàn đảm nhận công tác thi đua lao động tăng năng suất, hiệu quả công việc một cách thường xuyên và nội dung phong phú hơn.	Ban Chấp hành Công đoàn nhà trường	Năm học 2023-2024
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hoàn thiện công tác thi đua, gắn thi đua với việc tạo động lực làm việc và tăng thu nhập cho đội ngũ chuyên viên, nhân viên hỗ trợ, phục vụ.	Phòng Tổ chức - Nhân sự , Phòng Kế hoạch - Tài chính	Năm học 2023-2024

5. Tự đánh giá: **Đạt, 5/7**

Kết luận về tiêu chuẩn 7

Đội ngũ đội ngũ chuyên viên, nhân viên hỗ trợ, phục vụ của Khoa Kiến trúc, Trường Đại học Xây dựng Miền Trung đảm bảo cả về số lượng và chất lượng và được tuyển dụng đúng quy trình của Nhà trường, được công bố công khai. Trường Đại học Xây dựng Miền Trung và Khoa Kiến trúc luôn tạo điều kiện và khuyến khích đội ngũ chuyên viên, nhân viên hỗ trợ, phục vụ học tập, bồi dưỡng và nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Công tác thi đua khen thưởng nhằm tạo động lực cho đội ngũ này cũng được Nhà trường quan tâm và có nhiều ghi nhận, khen thưởng phù hợp. Chất lượng đội ngũ hỗ trợ, phục vụ của Khoa Kiến trúc hiện nay đảm bảo được nhiệm vụ phục vụ công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học của Khoa và Nhà trường.

Tiêu chuẩn 7 có 05 tiêu chí, trong đó cả 05 tiêu chí đạt mức 5/7.

Tự đánh giá tiêu chuẩn 7: 5,0/7

Tiêu chuẩn 7 có 05 tiêu chí, trong đó cả 05 tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chuẩn 8. Chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học

Mở đầu

Công tác tuyển sinh được Nhà trường tổ chức cho tất cả các ngành đào tạo, do Phòng Quản lý Đào tạo tham mưu. Hằng năm, Trường xây dựng chính sách tuyển sinh rõ ràng, với các tiêu chí cụ thể và được công khai theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT. Hệ thống giám sát của Nhà trường về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học minh bạch, phù hợp. Các hoạt động tư vấn và hỗ trợ người học được thực hiện một cách kịp thời, thường xuyên, tạo môi trường tâm lý xã hội tích cực, cảnh quan môi trường sạch đẹp, tiện ích. Tất cả các chính sách đối với người học được rà soát, bổ sung hằng năm nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho người học, góp phần nâng cao chất

lượng đào tạo trong Nhà trường.

Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, công bố công khai và cập nhật

1. * Mô tả

Hàng năm, căn cứ vào Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT [H8.08.01.01] và tình hình thực tiễn của Trường, Nhà trường xây dựng Đề án tuyển sinh [H8.08.01.02], trong đó có đầy đủ các thông tin về hình thức tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh của từng ngành học, quy trình xét tuyển, đối tượng ưu tiên... Nhà trường áp dụng hình thức xét tuyển với nhiều phương thức khác nhau. Hình thức xét tuyển được thực hiện theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, bao gồm xét tuyển từ kết quả thi THPT Quốc gia và xét tuyển theo học bạ dựa trên kết quả học tập THPT. [H8.08.01.03]. Để chính sách tuyển sinh phù hợp với điều kiện thực tiễn của Trường, dựa vào Quy chế tuyển sinh năm 2023 của Bộ GD&ĐT, Nhà trường đã xây dựng và ban hành Quy chế tuyển sinh riêng của Trường [H8.08.01.03]. Căn cứ vào Đề án tuyển sinh hàng năm, Nhà trường ban hành Thông báo tuyển sinh nhằm cung cấp cho thí sinh các thông tin quan trọng nhất về chính sách tuyển sinh của Trường [H8.08.01.04].

Đề án tuyển sinh, thông báo tuyển sinh của Nhà trường hàng năm đều được công bố công khai trên website [H8.08.01.05]. Thông tin tuyển sinh được in đầy đủ trong tờ rơi phát cho học sinh, được giới thiệu trong các buổi tư vấn tuyển sinh tại các trường THPT ở Phú Yên, các tỉnh Miền Trung và Tây Nguyên do Nhà trường tổ chức [H8.08.01.06], [H8.08.01.07] và tại các buổi Tư vấn tuyển sinh do các báo, đài và địa phương tổ chức [H8.08.01.08]. Ngoài ra hoạt động thông tin về tuyển sinh các ngành học trong đó có ngành kiến trúc được thực hiện thường xuyên trên các nền tảng mạng xã hội như Facebook, Zalo, Youtube, Fanpage [H8.08.01.09]. Từ năm 2018, Trường ĐHXDĐT còn tổ chức các chương trình Openday, mời học sinh các trường THPT trên địa bàn tỉnh Phú Yên đến trực tiếp tại Trường để tham quan, tìm hiểu thông tin về cơ sở vật chất, về ngành nghề, về các hoạt động của Nhà trường để từ đó giúp các em học sinh có định hướng và lựa chọn nghề nghiệp rõ ràng, chính xác hơn [H8.08.01.10].

Chính sách và các quy định về tuyển sinh của Nhà trường nói chung và của Khoa Kiến trúc nói riêng hàng năm đều được đánh giá, cập nhật, điều chỉnh cho phù hợp với nhu cầu của xã hội cũng như điều kiện thực tế của Nhà trường. Hàng năm, Nhà trường đều ban hành các Kế hoạch tuyển sinh, trong đó có quy định rõ nội dung công việc tuyển sinh, thời gian triển khai các công việc, phân công đơn vị, cá nhân phụ trách từng công việc một cách cụ thể [H8.08.01.11]. Tại các buổi họp triển khai kế hoạch và tổng kết công tác tuyển sinh hàng năm, các thông tin về chỉ tiêu tuyển sinh các ngành đào tạo, các hoạt động tuyển sinh được triển khai, đối tượng, phạm vi triển khai,... đều được lấy ý kiến các bên liên quan, đảm bảo công tác tuyển sinh được thực hiện một cách hiệu quả, đúng quy định [H8.08.01.12], [H8.08.01.13], [H8.08.01.14].

Ngoài ra, Nhà trường và Khoa Kiến trúc còn tổ chức các đợt khảo sát lấy ý kiến Doanh nghiệp và Cựu sinh viên để xác định nhu cầu của thị trường về nguồn nhân lực, chất lượng người học, tình hình có việc làm của sinh viên sau khi ra trường, từ đó xây dựng chính sách về tuyển sinh phù hợp với yêu cầu của xã hội, điều kiện thực tế của Nhà trường. [H8.08.01.15], [H8.08.01.16], [H8.08.01.17].

Với chính sách tuyển sinh như trên, trong 5 năm qua, ngành Kiến trúc đã có số lượng thí sinh đăng ký dự tuyển và số lượng thí sinh trúng tuyển và nhập học như sau:

Bảng 8.1. Tình hình tuyển sinh của ngành Kiến trúc trong 5 năm gần nhất

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/thang điểm	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2018-2019	131	49	2.7	34	13/18	17.66/20.6	0
2019-2020	118	61	1.9	34	13/18	17.58/21.87	0
2020-2021	122	84	1.5	64	15/18	17.15/20.5	0
2021-2022	169	115	1.47	58	15/18	18.42/22.4	2
2022-2023	130	88	1.48	61	15/18	21.61/21.68	0
2023-2024	106	73	1.5	58	15/18	18.13/22.0	0

2. Điểm mạnh

- Các chính sách, quy định về tuyển sinh của Nhà trường tuân thủ các quy định về tuyển sinh của BGD&ĐT, cụ thể, chi tiết phù hợp với điều kiện thực tiễn của Nhà trường, Kế hoạch tuyển sinh của Nhà trường được xây dựng chi tiết, có phân công cụ thể trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân liên quan;

- Các chính sách, quy định về tuyển sinh của Nhà trường được công bố công khai bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú....;

- Các chính sách, quy định về tuyển sinh của Nhà trường được tổng kết đánh giá và cập nhật thông qua ý kiến phản hồi đầy đủ của các bên liên quan.

3. Điểm tồn tại

Các chính sách, quy định về tuyển sinh vẫn còn thực hiện chung trong toàn trường mà chưa hình thành hệ thống các chính sách, quy định tuyển sinh riêng đối với Khoa Kiến trúc và ngành kiến trúc.

Chưa có nhiều điều tra, khảo sát và lấy ý kiến phản hồi của xã hội, người học về chính sách và các quy định tuyển sinh để làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cập nhật.

4. * Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Cần xây dựng hệ thống các chính sách, quy định tuyển sinh riêng đối với Khoa Kiến trúc và ngành kiến trúc	P.QLĐT Khoa Kiến trúc	Từ năm học 2023-2024
		Thực hiện việc điều tra, khảo sát và lấy ý kiến phản hồi của xã hội, người học về chính sách và các quy định tuyển sinh đối với ngành kiến trúc	Khoa Kiến trúc P.QLCL	Từ năm học 2023-2024	
2	Phát huy điểm mạnh	-Tiếp tục rà soát, cập nhật các chính sách, quy định về tuyển sinh của Nhà trường tuân thủ các quy định về tuyển sinh của BGD&ĐT, và cụ thể, chi tiết phù hợp hơn với điều kiện thực tiễn của Nhà trường, Rà soát xây dựng Kế hoạch tuyển sinh của Nhà trường để thực hiện đạt hiệu quả cao hơn;	P QLĐT Khoa Kiến trúc	Từ năm học 2023-2024
		- Tiếp tục công bố công khai các chính sách, quy định về tuyển sinh của Nhà trường được thêm nhiều hình thức đa dạng, phong phú khác....; Tổ chức kết nối trong công tác tuyển sinh và định hướng nghề nghiệp cho học sinh các trường THPT trên địa bàn tỉnh Phú Yên và các tỉnh Miền Trung,	P QLĐT Khoa Kiến trúc		

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
		Tây Nguyên			
		- Tổ chức kết nối trong công tác tuyển sinh và định hướng nghề nghiệp cho học sinh các trường THPT trên địa bàn tỉnh Phú Yên và các tỉnh Miền Trung, Tây Nguyên	P. QLĐT, Khoa Kiến trúc	Từ năm học 2023-2024	
		- Lấy ý kiến phản hồi của đối tượng người học về các chính sách, quy định về tuyển sinh của Nhà trường	P. QLĐT, Khoa Kiến trúc		

5. Tự đánh giá: **Đạt, mức 5/7.**

Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được xác định rõ ràng và được đánh giá

1. Mô tả

Chất lượng đầu ra của mỗi chương trình đào tạo có sự phụ thuộc vào chất lượng đầu vào của người học. Vì vậy việc xác định tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học vào ngành kiến trúc được Khoa Kiến trúc và Nhà trường xác định rõ ràng theo hình thức đào tạo bao gồm hệ chính quy, hệ liên thông và được quy định rõ trong Đề án tuyển sinh và Quy chế tuyển sinh hệ liên thông của Nhà trường [H8.08.02.01], [H8.08.02.02].

Các phương pháp tuyển chọn người học được áp dụng đối với ngành kiến trúc bao gồm: xét tuyển từ kết quả thi THPT Quốc gia; xét tuyển từ kết quả học tập THPT đối với hệ chính quy; xét tuyển kết hợp với thi tuyển áp dụng cho tổ hợp có môn năng khiếu vẽ mỹ thuật và xét tuyển thẳng.

- Tiêu chí tuyển chọn người học theo phương thức xét tuyển từ kết quả thi THPT Quốc gia là tổng số điểm 3 môn trong tổ hợp đăng ký xét tuyển cộng với điểm ưu tiên phải không nhỏ hơn số điểm quy định của ngưỡng đảm bảo chất lượng của Trường và số điểm từng môn không được thấp hơn quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Xét tuyển từ thí sinh có tổng số điểm cao nhất xuống đến thí sinh có tổng số điểm thấp hơn cho đến khi đủ chỉ tiêu; Trường hợp có nhiều thí sinh bằng điểm nhau thì ưu tiên xét thí sinh có điểm môn Toán cao nhất, sau đó lần lượt ưu tiên đến các môn tiếp theo theo thứ tự sắp xếp trong từng tổ hợp xét tuyển [H8.08.02.03], [H8.08.02.04].

- Tiêu chí tuyển chọn người học theo phương thức xét tuyển từ kết quả học tập

THPT là người học đã tốt nghiệp THPT; hạnh kiểm 3 năm học THPT từ loại Khá trở lên; tổng điểm 3 môn thuộc tổ hợp xét tuyển (điểm trung bình của 3 năm THPT, hoặc điểm trung bình của lớp 12, hoặc điểm trung bình của 5 học kỳ tính đến học kỳ I năm lớp 12), cộng với điểm ưu tiên không thấp hơn ngưỡng đảm bảo chất lượng theo quy định của Nhà trường; xét tuyển từ thí sinh có tổng điểm cao nhất xuống các thí sinh có tổng điểm thấp hơn cho đến khi đủ chỉ tiêu đã xác định; trường hợp có nhiều thí sinh bằng điểm nhau thì ưu tiên xét thí sinh có điểm môn Toán cao nhất, sau đó lần lượt ưu tiên đến các môn tiếp theo theo thứ tự sắp xếp trong từng tổ hợp [H8.08.02.03], [H8.08.02.04].

- Đối với phương thức xét tuyển kết hợp với thi tuyển môn năng khiếu vẽ mỹ thuật, thí sinh được đăng ký tham gia kỳ thi môn năng khiếu do Nhà trường tổ chức hoặc có thể sử dụng kết quả kỳ thi năng khiếu vẽ ở một cơ sở đào tạo khác để dùng làm kết quả xét tuyển, các môn còn lại trong tổ hợp đăng ký xét tuyển thí sinh có thể đăng ký sử dụng kết quả học tập theo học bạ hoặc kết quả kỳ thi THPT quốc gia; [H8.08.02.01].

- Tiêu chí tuyển chọn người học theo phương thức xét tuyển thẳng được áp dụng theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và được quy định rõ trong Đề án tuyển sinh riêng của Nhà trường, được áp dụng với các thí sinh tham dự các kỳ thi Olympic Quốc tế và thí sinh đạt giải trong các kỳ thi Olympic cấp Quốc gia các môn Toán (hoặc Lý, Hoá, tiếng Anh, Ngữ văn); thí sinh đạt giải trong các cuộc thi Khoa học kỹ thuật cấp Quốc gia; thí sinh là người khuyết tật đặc biệt nặng; thí sinh là người nước ngoài có nguyện vọng học tập tại Trường, có kết quả THPT và năng lực tiếng Việt đáp ứng quy định của Nhà trường [H8.08.02.01].

Bảng 8.2. Ngưỡng đảm bảo chất lượng tuyển sinh ngành kiến trúc

STT	Tiêu chí tuyển chọn	Quy định ngưỡng đảm bảo chất lượng					
		2018	2019	2020	2021	2022	2023
1	Xét tuyển theo kết quả thi THPT Quốc gia	13,0	13,0	15,0	15,0	15,0	15,0
2	Xét tuyển theo Qkết quả học tập THPT	18,0	18,0	18,0	18,0	18,0	18,0
3	Xét tuyển Kỳ thi đánh giá năng lực ĐHQG TP HCM				600	600	600

Tiêu chí, phương thức tuyển chọn người học của Nhà trường hằng năm đều được rà soát, đánh giá và cập nhật trên cơ sở các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại các buổi hội nghị triển khai và tổng kết công tác tuyển sinh của Hội đồng tuyển sinh và Ban Chỉ đạo công tác tuyển sinh của Nhà trường [H8.08.02.05], [H8.08.02.06], [H8.08.02.07], [H8.08.02.08]. Hội đồng tuyển sinh và các ban chuyên môn giúp việc

cho Hội đồng do Hiệu trưởng Nhà trường quyết định thành lập, thành phần Hội đồng tuyển sinh được thực hiện theo Quy chế tuyển sinh hằng năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H8.08.02.09]. Ban Chỉ đạo công tác tuyển sinh do Hiệu trưởng thành lập với thành phần bao gồm Ban Giám hiệu, Trưởng các đơn vị trong Nhà trường. Ban Chỉ đạo có nhiệm vụ triển khai thực hiện các hoạt động tuyển sinh và tổng kết kết quả công tác tuyển sinh hằng năm, từ đó tham mưu cho lãnh đạo Nhà trường ban hành các chính sách về tuyển sinh phù hợp với thực tế [H8.08.02.10], [H8.08.02.11]. Ngoài ra, Nhà trường và Khoa Kiến trúc còn tổ chức các đợt điều tra khảo sát các bên liên quan như Doanh nghiệp, cựu sinh viên về tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp, cũng như nhu cầu xã hội về lĩnh vực xây dựng, để từ đó làm căn cứ xây dựng chỉ tiêu tuyển sinh, phương thức tuyển sinh cho phù hợp với yêu cầu của các bên liên quan [H8.08.02.12], [H8.08.02.13], [H8.08.02.14].

2. Điểm mạnh

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học tại Trường ĐHXDMT nói chung và của Khoa Kiến trúc nói riêng được xác định rõ ràng và được thực hiện đúng với các quy định của Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường ĐHXDMT ban hành. Hệ thống phương pháp tuyển chọn người học khá đa dạng và linh hoạt, phù hợp với nhiều đối tượng tuyển sinh khác nhau, giúp người học có nhiều cơ hội trúng tuyển vào các ngành đào tạo của Nhà trường nói chung và ngành kiến trúc nói riêng. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học thường xuyên được rà soát, đánh giá, cập nhật trên cơ sở các quy định về tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo, ý kiến của các bên liên quan trong và ngoài trường và kết quả tuyển sinh hằng năm.

3. Điểm tồn tại

Chưa có tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học áp dụng riêng cho ngành kiến trúc.

Phạm vi khảo sát và đối tượng khảo sát còn hạn chế, nội dung khảo sát còn chưa làm rõ nhu cầu của các bên liên quan trong công tác tuyển sinh, tuyển chọn người học.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học áp dụng riêng cho ngành kiến trúc.	Khoa Kiến trúc, Phòng Quản lý đào tạo	Từ năm học 2023-2024	
		Xây dựng được hệ thống các tiêu chí, phương pháp tuyển chọn người học để hướng đến nâng cao chất	Khoa Kiến trúc, Phòng Quản lý đào tạo	Từ năm học 2023-2024	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
		lượng đầu vào.			
		Cần có kế hoạch khảo sát, lấy ý kiến các bên liên quan đến nhiều đối tượng khác nhau có nhu cầu học ngành kiến trúc.	Khoa Kiến trúc, Phòng Quản lý đào tạo	Từ năm học 2023-2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục đa dạng hóa các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học phù hợp với quy định.	Khoa Kiến trúc	Từ năm học 2023-2024	

5. Tự đánh giá: **Đạt, mức 5/7.**

Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.

1. Mô tả

Trường ĐHXDMT và Khoa Kiến trúc luôn xác định đồng hành cùng với sinh viên trong suốt quá trình học tập tại trường. Việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của sinh viên luôn được quan tâm và thực hiện một cách có hệ thống, thường xuyên, liên tục để hỗ trợ sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo và tốt nghiệp trong thời gian đào tạo. Hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập đối với sinh viên ngành kiến trúc tại Trường ĐHXDMT bao gồm nhiều đơn vị, cá nhân, các phần mềm quản lý và được quy định cụ thể trong Quy định chức năng nhiệm vụ của các đơn vị trong Nhà trường [H8.08.03.01]. Sau khi trúng tuyển và nhập học, quá trình học tập và rèn luyện của sinh viên ngành kiến trúc được quản lý, giám sát bởi các đơn vị trong Nhà trường bao gồm: Khoa Kiến trúc, phòng Quản lý Đào tạo, phòng Công tác Học sinh Sinh viên, phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng và các giảng viên được phân công làm công tác cố vấn học tập. Trong đó:

- Khoa Kiến trúc là đơn vị chuyên môn xây dựng nội dung chương trình, kế hoạch đào tạo và quản lý toàn diện về học tập và rèn luyện của sinh viên ngành kiến trúc từ khi sinh viên nhập học đến khi tốt nghiệp ra trường [H8.08.03.02].

- Phòng Quản lý Đào tạo là đơn vị đầu mối quản lý quá trình xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo, quản lý kết quả học tập của sinh viên, lập kế hoạch thi, kế hoạch thực tập, tốt nghiệp,... [H8.08.03.03].

- Phòng Công tác Sinh viên là đơn vị đầu mối quản lý sinh viên về các mặt rèn luyện, đời sống, sinh hoạt và chính trị tư tưởng,... Hằng tháng, phòng Công tác Học

sinh viên chủ trì và phối hợp với các đơn vị trong Nhà trường tổ chức họp giao ban công tác sinh viên với Ban cán sự, Ban chấp hành chi Đoàn thanh niên, Ban chấp hành chi Hội sinh viên để kịp thời nắm bắt tình hình học tập, rèn luyện, sinh hoạt, chính trị tư tưởng,... của sinh viên [H8.08.03.04].

- Phòng Quản lý chất lượng là đơn vị đầu mối quản lý công tác tổ chức thi kết thúc học phần, đảm bảo chất lượng đào tạo và thanh tra đào tạo.[H8.08.03.05].

- Cố vấn học tập là các giảng viên có kinh nghiệm của Khoa Kiến trúc được phân công để theo dõi, giám sát và hỗ trợ sinh viên một cách thường xuyên, liên tục nhằm đạt kết quả học tập và rèn luyện một cách tốt nhất [H8.08.03.06].

Trường ĐHXĐMT tổ chức đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ kể từ năm học 2012-2013, trong đó ngành kiến trúc và ngành Kiến trúc là 2 ngành được tuyển sinh và tổ chức đào tạo đầu tiên từ khi trường được nâng cấp lên thành trường đại học. Thực hiện các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo trình độ đại học theo học chế tín chỉ, về quản lý sinh viên, Nhà trường đã ban hành hệ thống các quy định về học tập và rèn luyện bao gồm: Quy chế đào tạo trình độ đại học, cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ [H8.08.03.07]; Quy định tổ chức quản lý công tác tốt nghiệp trình độ đại học [H8.08.03.08]; Quy chế thi kiểm tra kết thúc học phần [H8.08.03.09]; Quy định về công tác sinh viên [H8.08.03.10]; Quy chế đánh giá điểm rèn luyện sinh viên [H8.08.03.11]; Quy định về công tác cố vấn [H8.08.03.12]. Đây là những quy định rất quan trọng đã được Nhà trường ban hành và công khai đầy đủ đến các bên liên quan để sinh viên, giảng viên biết và thực hiện. Các đơn vị chức năng trong Nhà trường căn cứ vào những quy định này để thực hiện việc quản lý, giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của sinh viên trong đó có sinh viên ngành kiến trúc.

Khối lượng học tập của sinh viên ngành kiến trúc được quy định theo Quyết định của Hiệu trưởng Nhà trường về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học ngành kiến trúc. Đối với các khóa tuyển sinh trước năm 2017 khối lượng học tập của sinh viên ngành kiến trúc là 155 tín chỉ [H8.08.03.13]; đối với khóa tuyển sinh năm 2018, khối lượng học tập của sinh viên ngành kiến trúc là 147 tín chỉ [H8.08.03.14]; đối với khóa tuyển sinh năm 2019 trở về sau, khối lượng học tập của sinh viên ngành kiến trúc là 159 tín chỉ [H8.08.03.15].

Để quản lý toàn bộ quá trình đào tạo, khối lượng học tập, kết quả học tập, kết quả rèn luyện của sinh viên, Nhà trường đã mua bản quyền phần mềm quản lý đào tạo (BSC). Hệ thống dữ liệu trên phần mềm BSC bao gồm chương trình đào tạo; kế hoạch đào tạo; kết quả học tập của sinh viên theo từng học phần, học kỳ, năm học và kết quả tích lũy; kết quả điểm rèn luyện; ... [H8.08.03.16]. Hệ thống dữ liệu này được tích hợp với website của nhà trường và cấp công khai đến từng sinh viên theo tài khoản cá nhân để sinh viên có thể tự theo dõi quá trình học tập, rèn luyện, từ đó chủ động trong việc học tập, rèn luyện để đạt được hiệu quả cao nhất [H8.08.03.17].

Song song với việc công bố dữ liệu về khối lượng học tập, kết quả học tập, kết quả rèn luyện của sinh viên thông qua phần mềm BSC, Nhà trường và Khoa Kiến trúc còn triển khai việc xét kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên theo từng học kỳ theo các quy định về đào tạo và công tác sinh viên. Cơ sở dữ liệu phục vụ việc xét kết quả học tập được trích xuất từ phần mềm BSC và gửi đến các lớp để lấy ý kiến phản hồi từ sinh viên trước khi thông qua Hội đồng và trình Hiệu trưởng ký các Quyết định công nhận kết quả học tập, kết quả rèn luyện, cảnh báo học vụ đối với sinh viên [H8.08.03.18], [H8.08.03.19]. Sau khi có kết quả học tập và rèn luyện, Nhà trường sẽ thông báo cho giảng viên cố vấn tổ chức sinh hoạt lớp công bố kết quả học tập và rèn luyện, từ đó tư vấn, hỗ trợ cho sinh viên kế hoạch học tập trong các học kỳ tiếp theo đạt hiệu quả và có sự tiến bộ [H8.08.03.20]. Các trường hợp sinh viên bị cảnh báo học vụ, giảng viên cố vấn sẽ liên lạc với gia đình để báo cáo tình hình và phối hợp với gia đình trong việc hỗ trợ, giúp đỡ sinh viên cải thiện kết quả học tập [H8.08.03.21].

Bảng 8.3. Thống kê sinh viên tốt nghiệp ngành kiến trúc

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp					
	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
Hệ chính quy	48	61	21	21	16	22

2. Điểm mạnh

Nhà trường có quy định rõ ràng về chức năng nhiệm vụ các đơn vị trong việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của sinh viên, cảnh báo học vụ. Có phân công giảng viên cố vấn để thực hiện việc theo dõi, tư vấn, hỗ trợ sinh viên thực hiện tốt khối lượng học tập và cải thiện thành tích học tập.

Nhà trường có đầy đủ hệ thống các quy định về đào tạo theo hệ thống tín chỉ, quản lý sinh viên, quản lý công tác cố vấn, ... tạo hành lang pháp lý hoàn chỉnh phục vụ việc đào tạo, giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của sinh viên.

Nhà trường có đầy đủ cơ sở dữ liệu phục vụ cho việc theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong học tập và rèn luyện; theo dõi tỷ lệ chậm tiến độ, thôi học, ... Các dữ liệu này được quản lý bởi phần mềm quản lý đào tạo BSC, được chia sẻ đến các bên liên quan thông qua tài khoản cá nhân và được tích hợp lên website của Nhà trường.

3. Điểm tồn tại

Việc thực hiện nhiệm vụ cố vấn học tập của một số giảng viên chưa tốt, chưa hoàn thành các nhiệm vụ theo quy định công tác cố vấn;

Việc khai thác phần mềm BSC còn chưa đồng bộ, một số tính năng quản lý trong phần mềm chưa được sử dụng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Chuyên nghiệp hóa công tác cố vấn học tập để nâng cao hiệu quả, hỗ trợ tích cực hơn nữa cho sinh viên	Khoa Kiến trúc, Phòng Công tác Sinh viên	Từ năm học 2023-2024	
		Tiếp tục hoàn chỉnh cơ sở dữ liệu quản lý cho phần mềm BSC và khai thác phần mềm hiệu quả	Các đơn vị quản lý trong Nhà trường	Từ năm học 2023-2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hoàn thiện quy định về chức năng nhiệm vụ các đơn vị trong Nhà trường	Phòng TCNS	Từ năm học 2023-2024	
		Tiếp tục khai thác có hiệu quả phần mềm quản lý đào tạo BSC	Các đơn vị trong Nhà trường	Từ năm học 2023-2024	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 6/7.

Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của NH.

1. Mô tả

Công tác tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa trong Trường ĐHXDMT và Khoa Kiến trúc được xác định là nhiệm vụ quan trọng để giúp người học chiếm lĩnh được kiến thức, chủ động sắp xếp việc học của mình và hoàn thiện tốt các kỹ năng mềm. Đánh giá tầm quan trọng của các hoạt động này, Nhà trường, Khoa Kiến trúc và các đơn vị luôn quan tâm và dành nguồn lực thích đáng cho các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa đối với sinh viên nói chung và sinh viên ngành kiến trúc nói riêng. Trong nhiều năm liền, Trường ĐHXDMT là một trong những trường đứng trong top đầu về hoạt động phong trào trên địa bàn tỉnh Phú Yên. Đầu mỗi thực hiện công tác tư vấn được tập hợp từ nhiều bộ phận khác nhau, liên quan tới giảng viên, Khoa Kiến trúc, Phòng Công tác Học sinh Sinh viên, Phòng Quản lý Đào tạo, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên [H8.08.04.01], [H8.08.04.02]. Khoa Kiến trúc là đơn vị chịu trách nhiệm chính trong việc quản lý và tư vấn học tập đối với sinh viên ngành kiến trúc [H8.08.04.03]. Các giảng viên của Khoa tham gia công tác cố vấn học tập đối với sinh viên ngành kiến trúc để hỗ trợ sinh viên trong việc kiểm soát kết quả học tập, quá trình học tập và tư vấn cho sinh viên lựa chọn đăng ký học phần phù hợp với năng lực của

sinh viên. Việc phân công giảng viên chuyên môn làm công tác cố vấn học tập giúp phát huy hiệu quả công tác cố vấn học tập trong Nhà trường [H8.08.04.04]. Phòng Quản lý Đào tạo, Phòng Công tác Học sinh Sinh viên và các đơn vị quản lý khác có nhiệm vụ phối hợp với Khoa Kiến trúc để thực hiện công tác tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa cho sinh viên [H8.08.04.05], [H8.08.04.06]. Đoàn thanh niên, Hội sinh viên của Trường là các tổ chức đoàn thể tổ chức các hoạt động phong trào, hoạt động thi đua cho sinh viên toàn trường trong đó có sinh viên ngành kiến trúc [H8.08.04.07]. Để thực hiện việc tư vấn về học tập, tổ chức các hoạt động ngoại khóa, các hoạt động phong trào, thi đua cho sinh viên, Nhà trường, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên đã thành lập các Câu lạc bộ về học thuật như Câu lạc bộ Kỹ thuật xây dựng, Câu lạc bộ kỹ năng mềm, Câu lạc bộ sở thích như: văn nghệ, ghita,...hoạt động của các Câu lạc bộ này đã ổn định và ngày càng phát triển, đáp ứng được nhu cầu ngày một phong phú, đa dạng của từng nhóm sinh viên khác nhau trong Nhà trường [H8.08.04.08]. Để hoạt động hỗ trợ người học, tư vấn học tập, việc làm cho sinh viên được ổn định và phát huy hiệu quả, nâng cao trách nhiệm của các bên liên quan, Nhà trường đã ban hành Quy định về công tác cố vấn học tập, Quy chế hoạt động của Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp [H8.08.04.09] [H8.08.04.10]

Công tác định hướng nghề nghiệp, tư vấn việc làm cho sinh viên luôn được Nhà trường quan tâm ngay từ những ngày đầu sinh viên nhập học và cho đến sau khi sinh viên tốt nghiệp ra trường, chức năng này được giao cho phòng CTHSSV và Khoa Kiến trúc phụ trách. Để công tác tư vấn hướng nghiệp, tư vấn việc làm cho sinh viên được chuyên nghiệp hóa, Nhà trường đã thành lập Trung tâm tư vấn Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp trực thuộc phòng CTHSSV. Trung tâm này có chức năng Hỗ trợ sinh viên về các kỹ năng tìm kiếm việc làm, khởi nghiệp, kết nối doanh nghiệp, giới thiệu việc làm cho sinh viên trong quá trình học cũng như sau khi ra trường. Đồng thời, Trung tâm còn có chức năng về điều tra khảo sát tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp, nhu cầu của xã hội nghề nghiệp để tham mưu cho Nhà trường ban hành các chính sách tuyển sinh, xây dựng chương trình đào tạo phù hợp nhu cầu thực tế của xã hội [H8.08.04.11].

Bên cạnh hoạt động trọng tâm chính của Nhà trường là đào tạo kiến thức chuyên môn nghề nghiệp, các đơn vị chức năng, các tổ chức đoàn thể trong Nhà trường thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khóa đặc biệt là các hoạt động vẽ tranh tường sát với ngành nghề mà sinh viên đang học, các hoạt động thi đua, các dịch vụ để hỗ trợ sinh viên nâng cao kiến thức, kỹ năng trong quá trình học tập tại Trường. Các hoạt động có tính định kỳ, gắn với chức năng nhiệm vụ của các đơn vị bao gồm: Sinh hoạt lớp dưới sự chủ trì của Giảng viên cố vấn học tập; sinh hoạt các câu lạc bộ học thuật mỗi năm 1 đến 2 kỳ; các hoạt động thi đua nhân dịp cao điểm kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11 hằng năm do Nhà trường phát động trong toàn Trường; các hoạt động Hội nghị nghiên cứu khoa học sinh viên do phòng Khoa học và Hợp tác

quốc tế phối hợp với Khoa Kiến trúc phụ trách [H8.08.04.12], [H8.08.04.13], [H8.08.04.14], [H8.08.04.15]. Ngoài ra Khoa Kiến trúc, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên, các Câu lạc bộ kỹ năng trong Nhà trường cũng thường xuyên phát động các đợt thi đua, các hoạt động phong trào cho sinh viên trong toàn trường để giúp sinh viên nâng cao kỹ năng mềm bên cạnh các kỹ năng nghề nghiệp, đặc biệt là hoạt động vẽ tranh tường tại các không gian công cộng trong Tp Tuy Hòa và các cơ quan, công sở, trường học đã phát huy được sở trường và kỹ năng chuyên môn của sinh viên [H8.08.04.16], [H8.08.04.17], [H8.08.04.18], [H8.08.04.19]. Có thể nói, các hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua, hoạt động hỗ trợ người học của Nhà trường đã nề nếp và mang lại hiệu quả thiết thực trong việc đào tạo sinh viên toàn diện về năng lực nghề nghiệp và kỹ năng mềm trong cuộc sống.

Hoạt động hỗ trợ việc làm cho sinh viên thường xuyên được tổ chức. Trong suốt thời gian học tập tại Trường, sinh viên của Trường nói chung, sinh viên ngành kiến trúc nói riêng được Khoa Kiến trúc, Phòng CTHSSV thường xuyên phối hợp với các Cơ quan, Doanh nghiệp trên địa bàn, các hội nghề nghiệp, các đoàn thể tổ chức các hoạt động đào tạo kỹ năng tìm việc, kỹ năng phỏng vấn xin việc, khởi nghiệp trong sinh viên, giới thiệu việc làm, tham quan doanh nghiệp,... Nhà trường đã ký kết hợp tác với nhiều đối tác là các Doanh nghiệp trong lĩnh vực đào tạo trong đó có các đối tác lớn, các Tập đoàn về xây dựng có uy tín trong cả nước để từ đó giới thiệu cho sinh viên tham quan, thực tập, và nhận được các cơ hội việc làm tốt sau khi ra trường [H8.08.04.20].

Việc khảo sát lấy ý kiến người học về các hoạt động giảng dạy, tư vấn học tập, tình hình có việc làm của sinh viên, giới thiệu việc làm và các hoạt động dịch vụ khác trong Nhà trường thường xuyên được các phòng KT&ĐBCL, phòng CTHSSV tổ chức. Trong đó phòng KT&ĐBCL thực hiện khảo sát sự hài lòng của sinh viên về khóa học, phòng CTHSSV khảo sát sinh viên về tình hình tốt nghiệp, tỉ lệ có việc làm, khảo sát doanh nghiệp, Kết quả các đợt khảo sát cho thấy trên 75% sinh viên và các bên liên quan cho ý kiến hài lòng về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm [H8.08.04.21], [H8.08.04.22], [H8.08.04.23], [H8.08.04.24], [H8.08.04.25], [H8.08.04.26].

2. Điểm mạnh:

Có quy định, phân công rõ ràng trách nhiệm các đơn vị trong nhà trường chịu trách nhiệm tư vấn học tập, tư vấn việc làm, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của sinh viên;

Các hoạt động tư vấn học tập, tư vấn việc làm, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác được tổ chức thường xuyên, liên tục để giúp cải thiện kết quả học tập và nâng cao khả năng có việc làm của sinh viên;

Có tổ chức khảo sát, lấy ý kiến các bên liên quan về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn hỗ trợ người học, tư vấn việc làm,... để kịp thời nắm bắt thông

tin từ đó ban hành các chính sách phù hợp để nâng cao hiệu quả đào tạo và hỗ trợ người học

3. Điểm tồn tại

Công tác khảo sát, lấy ý kiến người học và các bên liên quan về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn hỗ trợ người học, tư vấn việc làm, hoạt động phong trào, hoạt động thi đua và các dịch vụ khác chỉ thực hiện chung mà chưa có chuyên đề riêng;

Chưa ban hành riêng quy định về hoạt động tư vấn hỗ trợ người học để quy định rõ vai trò, trách nhiệm và sự phối hợp giữa các bên liên quan trong hoạt động để tránh trùng lặp gây lãng phí và làm giảm hiệu quả.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Cần tổ chức khảo sát lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan về các hoạt động đào tạo, hoạt động hỗ trợ người học, hoạt động tư vấn việc làm riêng theo từng chuyên đề.	BGH, Phòng QLCL, phòng CTSV	Từ năm học 2023-2024	
		Cần ban hành quy định riêng về công tác tư vấn hỗ trợ người học	BGH, phòng CTSV	Từ năm học 2023-2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tổ chức nhiều hơn nữa các hoạt động tư vấn hỗ trợ học tập, tư vấn việc làm, các hoạt động thi đua, các hoạt động phong trào để hỗ trợ sinh viên nâng cao kết quả học tập cũng như hoàn thiện các kỹ năng mềm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường lao động	Các đơn vị trong Nhà trường	Từ năm học 2023-2024	
		Tăng cường công tác	Các đơn vị	Từ năm học	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc thành	Ghi chú
		khảo sát, sử dụng có hiệu quả kết quả khảo sát, ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan để thực hiện việc cải tiến các hoạt động tư vấn hỗ trợ học tập, tư vấn việc làm,... đáp ứng yêu cầu của người học và xã hội nghề nghiệp	trong Nhà trường	2023-2024	

5. Tự đánh giá: **Đạt mức 5/7.**

Tiêu chí: 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân NH

1. Mô tả

Trường ĐHXDMT cơ sở chính tại Phú Yên hiện có diện tích khuôn viên với đầy đủ hệ thống phòng học lý thuyết, phòng học đa phương tiện; phòng học máy tính, phòng học thí nghiệm, phòng học thực hành, các xưởng thực hành nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu đào tạo theo định hướng ứng dụng; Ký túc xá có 368 chỗ với trang thiết bị đầy đủ, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của sinh viên; Thư viện Nhà trường tại cơ sở chính với khoảng 2000 đầu sách các loại với 46.000 quyển, 14 đầu tạp chí với hơn 600 quyển và các nguồn tài nguyên số khác; khu giáo dục thể chất là quần thể hiện đại đa chức năng với sân bóng đá, bóng chày, bóng rổ, sân tennis, nhà thi đấu đa năng; Nhà trường cũng luôn chăm lo đến đời sống tâm lý, bảo vệ sức khỏe và các tiện ích khi học tập tại trường nên đã tạo được môi trường cảnh quan trong sạch, cơ sở vật chất đầy đủ, hiện đại, môi trường xã hội – tâm lý ổn định, lành mạnh đảm bảo giúp sinh viên và cán bộ giảng viên yên tâm học tập, công tác và phát huy được hết các tiềm năng của bản thân [H8.08.05.01], [H8.08.05.02], [H8.08.05.03].

Môi trường tâm lý, xã hội, cảnh quan được hiểu là những điều kiện khác bên ngoài môi trường học tập. Trường ĐHXDMT và Khoa Kiến trúc đều tạo môi trường tâm lý hài hòa, đảm bảo mô phạm, an ninh trong Trường luôn ổn định. Trong khuôn viên của Nhà trường có nhiều bảng thông tin về quy tắc ứng xử, nội quy làm việc và học tập cùng với những pano, áp phích tuyên truyền về văn hóa học đường [H8.08.05.04], [H8.08.05.05], [H8.08.05.06].

Sinh viên được sử dụng tất cả các cơ sở vật chất của nhà trường như phòng học,

thư viện, phòng thí nghiệm, Trung tâm Tin học ... Các lớp học trong khu giảng đường được cung cấp đầy đủ trang thiết bị: bàn, ghế, bảng, wifi, máy chiếu, màn chiếu, điều hòa không khí, camera. Trong khu KTX có bố trí các phòng tự học, phòng ở được trang bị đồng bộ (giường, bàn ghế học tập, điện nước, quạt, hệ thống mạng internet ...). Ngoài hệ thống đầu sách phục vụ đào tạo, NCKH thì trong thư viện còn có các khu vực tự học, phòng máy đa phương tiện. Các tiện ích khác như sân bóng, bể bơi, hội trường tập văn nghệ, phòng đọc ... sinh viên đều có thể sử dụng để rèn luyện thể chất và tinh thần. Khuôn viên của Trường đủ bóng mát và không gian để sinh viên thư giãn giữa những giờ học. Hệ thống cây xanh và chiếu sáng trong Trường được quan tâm để đảm bảo môi trường tốt nhất cho đào tạo, rèn luyện. Việc giữ gìn vệ sinh chung của trường được quan tâm và chuyên nghiệp hóa. Quanh khuôn viên và ký túc xá của Trường là các khu dân cư có môi trường văn hóa, xã hội lành mạnh [H8.08.05.02], [H8.08.05.03].

Các hoạt động ngoại khóa, hỗ trợ SV cũng luôn được tổ chức để tăng cường giao lưu giữa các Khoa, Ngành và quan trọng hơn cả là làm giàu có đời sống tinh thần của sinh viên. Đây là bước củng cố đời sống tinh thần, tâm lý cho các em sinh viên, làm nền tảng vững chắc trong thời gian học đại học để tự tin bước vào cuộc sống [H8.08.05.07], [H8.08.05.08].

Công tác chăm sóc sức khỏe cho người học và cán bộ viên chức trong Nhà trường luôn được quan tâm và được thực hiện một cách nghiêm túc theo các quy định về y tế học đường nhất là chính sách về Bảo hiểm y tế bắt buộc đối với cán bộ, viên chức và sinh viên [H8.08.05.09]. Hằng năm, cán bộ viên chức và sinh viên năm nhất được khám sức khỏe theo quy định do các trung tâm y tế có uy tín phối hợp với tổ chức Công đoàn, phòng CTHSSV của Nhà trường thực hiện [H8.08.05.10]. Ngoài ra, Nhà trường còn có phòng y tế trực thuộc phòng CTHSSV với các trang bị, thuốc men đầy đủ để thực hiện việc chăm sóc sức khỏe, sơ cấp cứu tại chỗ từ đó giúp cán bộ viên chức và sinh viên an tâm trong công tác và học tập, [H8.08.05.11], [H8.08.05.12], [H8.08.05.13]. Định kỳ hằng năm và trong các đợt cao điểm dịch bệnh truyền nhiễm, Nhà trường phối hợp với Trung tâm y tế dự phòng ở địa phương tổ chức phun thuốc diệt côn trùng trong khuôn viên và ký túc xá để phòng chống hiệu quả các bệnh truyền nhiễm do muỗi và côn trùng gây ra [H8.08.05.14].

Công tác đảm bảo an toàn phòng cháy chữa cháy trong khu vực trường học luôn được Ban Giám hiệu, các đơn vị chức năng trong Trường tổ chức thực hiện một cách nghiêm túc. Công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm tại các khu vực căn tin của Trường cũng được thực hiện đầy đủ theo quy định. Công tác phòng chống cháy nổ và vệ sinh an toàn thực phẩm là một trong những nội dung trong các cuộc giao ban hàng tháng của Nhà trường. Nhờ vậy trong những năm qua, Trường ĐHXDMT chưa xảy ra những sự cố về cháy nổ và vệ sinh an toàn thực phẩm tạo được môi trường sống an toàn, lành mạnh cho sinh viên cũng như cán bộ giảng viên của Trường

[H8.08.05.15], [H8.08.05.16], [H8.08.05.17].

Công tác khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan về mức độ hài lòng đối với các dịch vụ nói chung của Trường do phòng KT&ĐBCL thực hiện. Việc lấy ý kiến người học được thực hiện theo kỳ, theo năm học à đều có báo cáo đến các bên liên quan trong Nhà trường để kịp thời điều chỉnh, cải tiến trong hoạt động đảm bảo đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan trong đó đặc biệt quan tâm đến việc tạo được môi trường tâm lý, cảnh quan môi trường, thái độ phục vụ, an ninh an toàn,... để đảm bảo sinh viên thoải mái và phát huy hết khả năng trong quá trình học tập, rèn luyện ở Nhà trường [H8.08.05.18], [H8.08.05.19], [H8.08.05.20].

2. Điểm mạnh:

Cơ sở vật chất, cảnh quan khuôn viên và môi trường tâm lý xã hội của Trường ĐHXDMT khá đồng bộ, an toàn, thoải mái, đáp ứng tốt cho hoạt động đào tạo, rèn luyện kỹ năng cho sinh viên;

Công tác y tế học đường, phòng chống cháy nổ, vệ sinh an toàn thực phẩm được thực hiện rất nghiêm túc.

3. Điểm tồn tại

Hệ thống máy móc thiết bị, một số đã cũ và hư hỏng cần được đầu tư mua sắm mới phù hợp với nhu cầu đào tạo theo định hướng ứng dụng;

Kinh phí hoạt động của các câu lạc bộ, đội nhóm về kỹ năng mềm còn hạn chế nên hoạt động cũng chưa thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
	Khắc phục tồn tại	Đầu tư mua sắm máy móc, thiết bị phục vụ đào tạo theo định hướng ứng dụng.	BGH, phòng Kế hoạch – Tài chính, Hành chính QT	Từ năm học 2023-2024
		Cần dành nguồn lực tài chính để hỗ trợ hoạt động các câu lạc bộ, đội nhóm kỹ năng.	BGH, phòng Kế hoạch – Tài chính, ĐTN HSV	Từ năm học 2023-2024	
	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục khai thác một cách có hiệu quả cơ sở vật chất hiện có trong	Các đơn vị trong Nhà	Từ năm học 2023-2024

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc thành	Ghi chú
		Nhà trường để phục vụ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và rèn luyện kỹ năng.	trường		
		Tiếp tục thực hiện nghiêm túc công tác y tế học đường, phòng chống cháy nổ, vệ sinh an toàn thực phẩm.	BGH Phòng CTSV, phòng Hành chínhQT	Từ năm học 2023-2024	

5. Tự đánh giá: **Đạt mức 5/7**

Kết luận về tiêu chuẩn 8

Nhà trường và Khoa Kiến trúc đã có hệ thống các chính sách tuyển sinh rõ ràng, được công bố công khai với các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng. Có hệ thống theo dõi, giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của sinh viên để từ đó ban hành các chính sách về hoạt động hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp. Nhà trường và Khoa Kiến trúc đã xây dựng một môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan xung quanh sạch đẹp, thân thiện để hỗ trợ thêm cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và tạo sự thoải mái cho sinh viên từ đó giúp sinh viên phát huy hết tiềm năng, năng lực bản thân trong quá trình học tập tại Nhà trường.

Tiêu chuẩn 8 có 05 tiêu chí, trong đó có 04 tiêu chí đạt mức 5/7, 01 tiêu chí đạt mức 6/7

Tự đánh giá tiêu chuẩn 8: 5,2/7

Tự đánh giá tiêu chuẩn 8: 5.5/7

Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mở đầu

Trường Đại học Xây dựng Miền Trung (MUCE) là đại học công lập thuộc Bộ Xây dựng; thành lập ngày 14/02/1976; đến nay MUCE đã trở thành đại học hàng đầu của khu vực Miền Trung Tây Nguyên có 48 năm xây dựng và phát triển. Hệ thống trang thiết bị thí nghiệm, cơ sở vật chất (CSVC) đã được Trường từng bước đầu tư, nâng cấp đảm bảo đủ năng lực đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng, NCKH và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực xây dựng và một số lĩnh vực khác,

phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội khu vực Miền Trung, Tây Nguyên và cả nước.

Hệ thống các phòng làm việc, giảng đường, phòng hội thảo, phòng đọc, phòng máy tính, phòng nghiên cứu khoa học được xây dựng, trang bị hiện đại, kết nối internet đáp ứng theo yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học. Thư viện của Trường được đầu tư hiện đại, đầy đủ các loại tài liệu đáp ứng được nhu cầu học tập nghiên cứu của sinh viên, giảng viên và cán bộ viên chức. Thư viện điện tử Nhà trường cho phép giảng viên và người học tra cứu tài liệu trực tuyến, truy cập và download cơ sở dữ liệu của hơn 100 trường đại học trong hệ thống liên kết thư viện số.

Công tác quản tài sản, Nhà trường ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản và ứng dụng phần mềm quản lý tài sản kết nối toàn trường, giúp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tối đa hiệu quả máy móc, trang thiết bị.

Trong công tác đầu tư xây dựng, cải tạo cơ sở vật chất theo hướng hiện đại, Nhà trường luôn chú trọng thiết kế hệ thống cây xanh, xây dựng cảnh quan tạo môi trường xanh, sạch, đẹp.

Trường luôn chủ động xây dựng dự án trình Bộ Xây dựng cấp kinh phí đầu tư, tăng cường năng lực NCKH; dự án Đầu tư xây dựng các công trình Giảng đường và Nhà hiệu bộ; đầu tư sửa chữa nâng cấp các công trình đã có. Đồng thời chủ động liên kết với các doanh nghiệp và nguồn lực xã hội hóa để bổ sung, hiện đại hóa CSVC phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ...

Trong thời gian tới, trường tiếp tục công tác đầu tư xây dựng, cải tạo cơ sở vật chất: xây dựng nhà thí nghiệm, mô hình BIM mô phỏng, nhà giáo dục thể chất, xây dựng ký túc xá,...

Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả

Khoa Kiến trúc được bố trí 2 phòng làm việc 01 phòng họp chung với tổng diện tích 182m², tập trung ở tầng 5 nhà Hiệu bộ. Trong đó 01 văn phòng trưởng Khoa, 01 văn phòng phòng khoa và 01 phòng họp chung diện tích 78m², tất cả được trang bị đầy đủ bàn làm việc, máy vi tính có kết nối mạng internet, máy in, mạng wifi toàn trường,... Các trang thiết bị và phòng làm việc này phù hợp với định mức theo quy định của Nhà trường để đáp ứng cơ sở vật chất tốt nhất cho giảng viên, viên chức có nhiều điều kiện phấn đấu, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao [H9.09.01.01].

Nhà trường có 92 phòng học lý thuyết với tổng diện tích 8.055m² đảm bảo dung lượng mỗi ca học 5000 sinh viên. Các phòng học chuyên dùng như: 02 phòng thí nghiệm vật liệu xây dựng với diện tích 221m², 01 xưởng thực hành đa năng với diện tích 1.377 m², 03 sân thực hành tay nghề kỹ thuật xây dựng với diện tích 1318m², 03 phòng học đồ án kiến trúc với diện tích 126 m², 03 phòng học mỹ thuật diện tích 84

m², 05 phòng học máy tính diện tích 526 m², 02 phòng LAB học ngoại ngữ diện tích 151m², 04 phòng học đa phương tiện diện tích 200m² [H9.09.01.08]. Hệ thống xưởng thực hành/phòng học thực hành, thí nghiệm được trang bị đầy đủ các thiết bị, dụng cụ đồ dùng học tập có khả năng đáp ứng tốt nhu cầu giảng dạy và học tập của sinh viên. Các phòng học này đều được trang bị đầy đủ máy chiếu, lắp đặt thiết bị âm thanh, hệ thống chiếu sáng, góp phần đáp ứng tốt hơn cho công tác đào tạo [H9.09.01.08].

Nhà trường bố trí 05 phòng hội thảo khoa học với tổng diện tích 396,6 m² ở tầng 9 nhà Hiệu bộ, 02 phòng nghiên cứu khoa học với diện tích 172,8 m², 03 phòng thư viện, với tổng diện tích sàn 932 m², số chỗ ngồi đọc là 200, các máy tính có thể truy cập internet, hoàn toàn có thể đáp ứng được nhu cầu tổ chức hội thảo khoa học, khu vực tự nghiên cứu, tìm tài liệu của giảng viên và sinh viên của Khoa.

Hệ thống phòng làm việc, giảng đường, phòng hội thảo, phòng đọc, phòng máy tính, đều được phân phối hợp lý và có sơ đồ rõ ràng cho từng bộ môn chuyên môn, từng chuyên ngành đào tạo của Ngành [H9.09.01.01]. Các bộ phận chức năng của Nhà trường thường xuyên tiến hành khảo sát ý kiến phản hồi của cán bộ, giảng viên, người học về mức độ đáp ứng của hệ thống phòng làm việc, phòng học, giảng đường và các trang thiết bị [H9.09.01.09], [H9.09.01.12].

Hàng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị và giao nhiệm vụ cho phòng Hành chính – Quản trị phối hợp với Phòng Kế hoạch – Tài chính đảm bảo nguồn kinh phí đầu tư cho cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng như các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị và công cụ để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo và NCKH [H9.09.01.09]. Trong giai đoạn từ 2018-2022, qua từng năm, cơ sở vật chất và trang thiết bị của Nhà trường được cải thiện về số lượng và chất lượng [H9.09.01.11]. Hầu hết ý kiến của giảng viên, viên chức và người lao động trong Hội nghị VC-NLĐ của Nhà trường và của đơn vị, ý kiến sinh viên thông qua buổi đối thoại gặp gỡ trao đổi với sinh viên nhà trường cuối mỗi học kỳ đều đánh giá cơ sở vật chất và trang thiết bị của Nhà trường đáp ứng yêu cầu hoạt động giảng dạy, nghiên cứu. [H9.09.01.12]

2. Điểm mạnh

Nhà trường đầu tư cơ sở hạ tầng với tổng diện tích sử dụng 229.033 m² , diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học 15.565 m². Với số lượng phòng làm việc, phòng học, phòng hội thảo, phòng đọc, phòng máy tính, phòng thực hành, thí nghiệm được trang bị đầy đủ các thiết bị, bàn ghế, thiết bị chiếu sáng, hệ thống quạt và điều hòa đáp ứng tốt cho công tác đào tạo, NCKH,... của Trường nói chung và của Khoa kiến trúc nói riêng.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù cơ sở vật chất đã được nhà trường đầu tư, trang bị đầy đủ cho việc phục vụ đào tạo và nghiên cứu. Tuy nhiên, việc quy hoạch khai thác, sử dụng giảng đường,

phòng học còn chưa hiệu quả. Một số phòng học còn nóng vào mùa nắng và WiFi chưa đáp ứng được nhu cầu sử dụng của người học.

4. Kế hoạch hành động

T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
	Khai thác, sử dụng hiệu quả phòng học	Xây dựng kế hoạch sử dụng và bố trí phòng học Khu A	Bộ phận quản trị thiết bị và Phòng quản lý đào tạo	Thời gian hoàn thành trước tháng 09/2024
	Chống nóng phòng học vào mùa nắng	Sắp xếp phòng học hợp lý để giảm nóng	Bộ phận quản trị thiết bị và Phòng quản lý đào tạo	Thời gian hoàn thành trước tháng 09/2024	
	Nâng cấp hệ thống internet và wifi	Liên hệ Công ty dịch vụ Viễn thông VNPT và lắp đặt hệ thống wifi	Bộ phận quản trị thiết bị và Phòng quản lý đào tạo	Thời gian hoàn thành trước tháng 09/2024	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 6/7.

Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả

Để đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học, Nhà trường rất chú trọng đầu tư xây dựng và phát triển thư viện nhằm cung cấp nguồn học liệu phục vụ, hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của giảng viên và người học. Qua đó phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, nghiên cứu khoa học của người học.

Trung tâm Thông tin - Thư viện là đơn vị được Nhà trường giao nhiệm vụ tổ chức, quản lý và bổ sung nguồn học liệu, tổ chức lấy ý kiến phản hồi của bạn đọc về các nguồn học liệu, chất lượng phục vụ của thư viện **[H9.09.02.01]**.

Nhà trường đầu tư hệ thống thư viện gồm 3 phòng, với tổng diện tích sàn 820 m², số chỗ ngồi đọc là gần 200, số máy vi tính là 06 máy. Trung tâm Thông tin - Thư

viện có nguồn tài liệu đầy đủ, phong phú, gồm: 1.818 đầu sách, 45.635 bản sách; 14 loại tạp chí với 562 quyển; luận án, đề án, khóa luận tốt nghiệp hơn 100 quyển. Từ năm 2018 đến năm 2022, Nhà trường hợp đồng với thư viện số Tailieu.vn cung cấp cho bạn đọc hơn 1.700.000 tài liệu (giáo trình, ebook, luận văn, báo cáo thực tập...) và tham khảo nguồn tài nguyên số của hơn 100 trường đại học, cao đẳng trong hệ thống liên kết thư viện số [H9.09.02.02]. Trang web của Thư viện do viên chức của Trường viết đã hỗ trợ rất nhiều cho công tác quản lý thư viện [H9.09.02.03]. Năm 2023, Nhà trường hợp đồng với Thư viện số của Nhà xuất bản Xây dựng cung cấp cho bạn đọc gần 3000 tài liệu bao gồm sách, giáo trình thuộc các lĩnh vực đào tạo của Trường [H9.09.02.04]. Ngoài ra Trường còn có hơn 100 giáo trình, bài giảng, tài liệu hướng dẫn bài tập, đề án môn học... do giảng viên của Trường biên soạn trong những năm qua [H9.09.02.05]. Thư viện có đầy đủ giáo trình, tài liệu cung cấp cho các học phần của chương trình đào tạo [H9.09.02.06]. Nhận thức được tầm quan trọng của thư viện đối với trường đại học, năm 2021, Nhà trường được Bộ Xây dựng đầu tư Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm Thư viện, thời gian thực hiện 2022 - 2023 với quy mô 3 tầng, diện tích xây dựng 939 m², tổng diện tích sàn gần 3000 m² với đầy đủ các trang thiết bị điện tử hiện đại, phần mềm chuyên dụng phục vụ cho công tác thư viện, đặc biệt là thiết bị để số hóa tài liệu [H9.09.02.07]. Hiện nay Dự án này đã hoàn thành, chuẩn bị nghiệm thu đưa vào sử dụng. Đây là bước ngoặt quan trọng để Thư viện nhà trường thay đổi về diện mạo cũng như nâng cao chất lượng phục vụ, nâng tầm Thư viện đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học của Nhà trường trong giai đoạn mới [H9.09.02.08].

Thư viện đã tham mưu cho Hiệu trưởng ban hành Nội quy thư viện Trường Đại học Xây dựng Miền Trung và các hướng dẫn sử dụng thư viện, thư viện số để bạn đọc sử dụng thư viện, tiếp cận nguồn học liệu dễ dàng và hiệu quả nhất [H9.09.02.09]. Đặc biệt đối với sinh viên mới nhập học, trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, Trung tâm Thông tin - Thư viện tổ chức giới thiệu nguồn học liệu và hướng dẫn cách sử dụng thư viện, thư viện số [H9.09.02.10].

Để kịp thời cập nhật nguồn học liệu mới, hàng năm, Trường đã chi từ 500 đến 600 triệu đồng đầu tư mua sắm bổ sung sách, báo, bao gồm cả sách tham khảo cho sinh viên và giảng viên [H9.09.02.11]. Việc mua sắm, bổ sung giáo trình tài liệu tuân theo quy trình chặt chẽ: Nhà trường cho chủ trương, thông báo cho các khoa, trung tâm đề xuất. Trung tâm Thông tin - Thư viện thống kê nguồn học liệu do các khoa, trung tâm đề xuất, phối hợp với Phòng TCKT trình Ban Giám hiệu phê duyệt để mua sắm [H9.09.02.12]. Trong giai đoạn 2018 - 2022, nguồn học liệu của Nhà trường được cải thiện về số lượng và chất lượng [H9.09.02.13]. Ngoài ra, hằng năm thư viện cũng nhận được nhiều đầu sách do các nhà xuất bản và bạn đọc trao tặng [H9.09.02.14]. Do đó, nguồn học liệu bổ sung kịp thời, đáp ứng được yêu cầu cho công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học của Nhà trường.

Nhờ có chủ trương đúng đắn của Ban Giám hiệu, tinh thần làm việc nghiêm túc, trách nhiệm, nhiệt tình và thái độ phục vụ tôn trọng bạn đọc của nhân viên thư viện nên nguồn học liệu của thư viện ngày càng đáp ứng được yêu cầu của công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, mang lại sự hài lòng cho bạn đọc. Ý kiến phản hồi của bạn đọc qua các cuộc đối thoại giữa Lãnh đạo nhà trường với sinh viên cuối mỗi học kỳ, Hội nghị VC - NLD của Nhà trường và của đơn vị, qua phiếu đánh giá hằng năm đều đánh giá cao chất lượng nguồn học liệu của Nhà trường và thái độ phục vụ tận tình trách nhiệm của nhân viên thư viện **[H9.09.02.15]**.

2. Điểm mạnh

- Thư viện có nguồn tài liệu dồi dào, phong phú, có thư viện điện tử giúp giảng viên và người học tra cứu tài liệu trực tuyến mọi lúc, mọi nơi. Đặc biệt là dự án thư viện mới được xây dựng và trang thiết bị phục vụ hiện đại.

- Nguồn tài liệu được bổ sung đều đặn hàng năm, cập nhật được những kiến thức mới nhất để phục vụ công tác đào tạo và NCKH của Trường.

- Thái độ phục vụ của nhân viên thư viện rất nhiệt tình, trách nhiệm tạo cho bạn đọc nhất là người học cảm giác thoải mái khi đến với thư viện.

3. Điểm tồn tại

- Công tác liên kết, mở rộng quan hệ hợp tác với các cơ quan Thông tin - Thư viện, các tổ chức, các NXB chưa được phát triển mạnh.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Hợp tác, phát triển nguồn lực thông tin.	Liên kết, hợp tác với các cơ quan Thông tin - Thư viện, các tổ chức và các NXB	Trung tâm Thông tin - Thư viện	Thời gian hoàn thành 2024 -2025	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả

Mục tiêu đào tạo ngành Kiến trúc theo định hướng ứng dụng nên nhà trường luôn quan tâm đến công tác đầu tư trang thiết bị thí nghiệm, thực hành hiện đại phục vụ cho việc học tập và giảng dạy, gắn liền với thực tế nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu của giảng viên trong công tác giảng dạy, NCKH và kỹ năng thực hành, kỹ năng

nghề cho sinh viên khi ra trường, đáp ứng yêu cầu tuyển dụng và làm việc của các đơn vị tuyển dụng.

Hệ thống phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phục vụ đào tạo, nghiên cứu chuyên ngành Kiến trúc gồm: 02 phòng thí nghiệm vật liệu xây dựng với diện tích 221m², 01 xưởng thực hành đa năng với diện tích 1.377 m², 03 sân thực hành tay nghề xây dựng với diện tích 1318m², 03 phòng học đồ án kiến trúc với diện tích 126 m², 03 phòng học mỹ thuật diện tích 84 m², 05 phòng học máy tính diện tích 526 m² [H9.09.03.04]. Các phòng thí nghiệm, thực hành tại Trường đáp ứng được các tiêu chuẩn thiết kế và tiêu chuẩn về phòng thí nghiệm, phòng thực hành. Hệ thống xưởng thực hành, phòng học thực hành, thí nghiệm được trang bị đầy đủ các thiết bị, dụng cụ đồ dùng học tập có khả năng đáp ứng tốt nhu cầu giảng dạy và học tập của sinh viên [H9.09.03.03].

Hàng năm, Nhà trường tiến hành kiểm kê đối sánh các số lượng, chất lượng của đơn vị hiện có so với Nhà trường đang quản lý. Dựa trên kết quả kiểm kê, đơn vị sử dụng Khoa kiến trúc kết hợp Bộ phận QTTB đề xuất với Nhà trường cải tiến kế hoạch đầu tư, bảo trì cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng như các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thực hành, trang thiết bị đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH ngày càng hiệu quả hơn [H9.09.03.13].

Hàng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị và giao nhiệm vụ cho bộ phận QTTB phối hợp với Phòng TCKT đảm bảo nguồn kinh phí đầu tư cho cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng như các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thực hành, trang thiết bị và công cụ để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH [H9.09.03.07]. Trong giai đoạn từ 2018-2022, qua từng năm, hệ thống phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị của Nhà trường được cải thiện về số lượng và chất lượng [H9.09.03.13].

Trường luôn quan tâm đến công tác quản lý, sử dụng các phòng thí nghiệm, phòng thực hành nhằm phục vụ công tác đào tạo, NCKH cho giảng viên, sinh viên, viên chức nhà trường tốt hơn, hiệu quả hơn. Hàng năm, Nhà trường tiến hành khảo sát ý kiến phản hồi của giảng viên, viên chức, người học về mức độ đáp ứng của hệ thống phòng thí nghiệm, thực hành và các trang thiết bị đều đánh giá đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học [H9.09.03.06], [H9.09.03.15].

2. Điểm mạnh

Ngành Kiến trúc có thời gian đào tạo gần 20 năm, là một trong những ngành có bề dày của Trường. Mục tiêu đào tạo ngành theo định hướng ứng dụng nên nhà trường luôn quan tâm, ưu tiên đến công tác đầu tư, nâng cấp hệ thống phòng thí nghiệm, xưởng, phòng thực hành. Nhà trường đã ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công (trong đó có phân công giao nhiệm vụ bộ phận QTTB phối hợp với Phòng TCKT thực hiện kế hoạch đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị).

3. Điểm tồn tại

Một số phòng thí nghiệm vẫn còn thiết bị cũ, chưa được thay thế kịp thời phục vụ công tác đào tạo. Một số thiết bị phục vụ công tác nghiên cứu khoa học còn chưa đầy đủ.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Đầu tư, nâng cấp trang thiết bị phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học	Mua sắm, bổ sung thêm các trang thiết bị thí nghiệm cho các phòng thí nghiệm đáp ứng yêu cầu giảng dạy và NCKH	Khoa kiến trúc, Bộ phận QTTB, Phòng TCKT	- Kế hoạch năm 2023 - 2024; - Kế hoạch năm 2023 - 2026	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả

Hệ thống công nghệ thông tin là một tập hợp có cấu trúc các trang thiết bị phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu và hệ thống mạng để sản xuất, truyền nhận, thu thập, xử lý, lưu trữ và trao đổi thông tin số phục vụ cho một hoặc nhiều hoạt động kỹ thuật, nghiệp vụ của đơn vị. Nhận thức được vai trò vô cùng quan trọng đó, trong Đề án định hướng phát triển Trường Đại học Xây dựng Miền Trung đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030 đã xác định: “*Xây dựng và phát triển hệ thống thông tin quản lý, ứng dụng công nghệ số và truyền thông hiện đại trong hệ thống quản lý... Tiến đến tin học hóa công tác quản lý của Trường vào năm 2020*” và được cụ thể hóa trong Kế hoạch chiến lược trung hạn từng giai đoạn 2011 - 2015 và giai đoạn 2016 – 2020 với những quy định về việc áp dụng CNTT và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH

[H9.09.04.01].

Nhà trường giao nhiệm vụ cho Bộ phận CNTT thuộc Phòng Quản lý đào tạo trực tiếp quản lý hạ tầng công nghệ thông tin của Trường [H9.09.04.02], giao cho Trung tâm Đào tạo nghề - Ứng dụng quản lý thiết bị phần cứng, hệ thống wifi của Trường [H9.09.04.03].

Trường sử dụng mạng internet cáp quang, 3 đường truyền độc lập 500Mb/s và 1 đường truyền tốc độ 60 Mb/s... Hạ tầng mạng wifi hiện nay bao phủ khắp Trường. Hệ thống mạng Nhà trường do VNPT cung cấp [H9.09.04.04]. Website của trường hoạt động online 24/7/365, luôn cập nhật thông tin về các hoạt động trong Trường [H9.09.04.05].

Về quản lý đào tạo, Nhà trường sử dụng phần mềm BSC Emis và BSC Exam quản lý các lĩnh vực đề cương chương trình, kế hoạch học tập, thi online, tuyển sinh, nhập học, đăng ký học phần, báo điểm, thu học phí, xét kết quả học tập, các dữ liệu liên quan đến sinh viên, được xây dựng bởi Công ty CP CNTT và Viễn thông BSC [H9.09.04.06], [H9.09.04.07].

Phòng Kế hoạch – Tài chính sử dụng phần mềm kế toán MISA để quản lý tài chính và quản lý tài sản do Công ty Cổ phần MISA cung cấp [H9.09.04.08].

Phần mềm quản lý NCKH, giờ NCKH và quản lý thư viện do viên chức của Trường viết cũng góp phần nâng cao chất lượng quản lý và phục vụ ở các lĩnh vực đó [H9.09.04.09], [H9.09.04.10].

Hiện nay, Nhà trường có 320 bộ máy vi tính, trong đó số lượng máy tính phục vụ cho giảng dạy, học tập là 175 bộ, số lượng máy tính phục vụ cho công tác quản lý và điều hành là 145 bộ (130 máy tính để bàn và 15 laptop), tất cả hệ thống máy tính được nối mạng Internet. Thư viện trường có 06 máy vi tính được nối mạng Internet phục vụ cho bạn đọc tra cứu, truy cập và sử dụng tài liệu số. Nhà trường có 04 phòng thực hành với gần 175 máy tính, có 01 phòng họp trực tuyến và 01 phòng học trực tuyến đều có đầy đủ các trang thiết bị [H9.09.04.11]. Tất cả các máy tính và phòng học trực tuyến được kết nối mạng Internet, cài đặt phần mềm tùy theo yêu cầu của các môn học, diện tích rộng rãi thoáng mát, được trang bị đầy đủ tiện nghi như máy chiếu, máy in, tivi... tạo thuận lợi cho việc giảng dạy của giảng viên cũng như việc học tập của người học. Ngoài việc phục vụ học tập, Hệ thống mạng tại các phòng thực hành có tính bảo mật cao nên được sử dụng phục vụ công tác thi giữa kỳ, thi kết thúc học phần, thi theo hình thức trắc nghiệm khách quan, thi cấp chứng chỉ tin học ứng dụng và thi đánh giá năng lực ngoại ngữ của người học... [H9.09.04.12].

Mỗi CB/GV/NV và người học đều được cấp một tài khoản email mang tên miền của Trường (@muce.edu.vn) để truyền đạt thông tin nội bộ đến giảng viên, viên chức và người học nhanh chóng, kịp thời và chính xác [H9.09.04.13]. Tất cả thông tin, dữ liệu đều được sao lưu.

Về việc bảo trì, bảo dưỡng hệ thống công nghệ thông tin, Trung tâm Đào tạo nghề - Ứng dụng phân công 01 cán bộ trực tiếp xử lý kịp thời các sự cố về phần cứng, phần mềm, các mạng truyền thông và phòng họp trực tuyến [H9.09.04.14]. Phòng Quản lý đào tạo phân công 01 cán bộ phụ trách trang web của Trường và phần mềm BSC và các phần mềm khác, luôn sẵn sàng xử lý sự cố đảm bảo hệ thống công nghệ thông tin của Trường luôn được thông suốt [H9.09.04.15].

Để không ngừng cải tiến chất lượng hệ thống công nghệ thông tin, hằng năm căn cứ vào thông báo của Nhà trường [H9.09.04.16], các đơn vị chức năng đề xuất nhu cầu thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập gửi về bộ phận QTTB [H9.09.04.17] để bộ phận QTTB tổng hợp thành dự thảo kế hoạch [H9.09.04.18] và trình Lãnh đạo nhà trường xem xét quyết định [H9.09.04.19]. Công tác bảo trì, nâng cấp các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng được thực hiện theo quy trình mua sắm vật tư và trang thiết bị đã được Lãnh đạo nhà trường phê duyệt, ban hành [H9.09.04.20].

Riêng đối với thư viện, Nhà trường được Bộ Xây dựng đầu tư Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm Thư viện, thời gian thực hiện 2022 - 2023 với quy mô 3 tầng, diện tích xây dựng 939 m², tổng diện tích sàn gần 3000 m² với đầy đủ các trang thiết bị điện tử hiện đại, phần mềm chuyên dụng phục vụ cho công tác thư viện, đặc biệt là thiết bị để số hóa tài liệu [H9.09.04.21]. Hiện nay Dự án này đã hoàn thành, chuẩn bị nghiệm thu đưa vào sử dụng. Đây là bước ngoặt quan trọng để Thư viện nhà trường thay đổi về diện mạo cũng như nâng cao chất lượng phục vụ, nâng tầm Thư viện đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học của Nhà trường trong giai đoạn mới [H9.09.04.22].

Nhằm phục vụ tốt cho công tác quản lý và truyền đạt thông tin chính thống, khoa Kiến trúc quản lý một số trang mạng như sau:

Email: khoakientruc.muce.edu.vn

Website: <http://khoakientruc.muce.edu.vn>

Facebook CLB KIẾN TRÚC: <https://www.facebook.com/maic.muce> [H9.09.04.23].

Trong giai đoạn 2018 - 2022, hệ thống công nghệ thông tin của Nhà trường được cải thiện về cả số lượng và chất lượng [H9.09.04.24].

Nhờ có nhận thức đúng đắn và sự chỉ đạo quyết liệt của Lãnh đạo nhà trường, hệ thống công nghệ thông tin của Trường luôn thông suốt và không ngừng được cải tiến, đáp ứng được nhu cầu của người sử dụng. Do đó, ý kiến phản hồi của cán bộ, giảng viên, nhân viên và người học trong Hội nghị VC - NLD của Nhà trường và của đơn vị, các buổi đối thoại giữa Lãnh đạo nhà trường với người học cuối mỗi học kỳ đều đánh giá cao chất lượng hệ thống công nghệ thông tin của Trường [H9.09.04.25].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường có đầy đủ cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng, các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập, các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, cơ sở dữ liệu trực tuyến đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu đào tạo, NCKH của Trường.

- Nhà trường xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng, các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập, các nguồn lực học tập ở cấp trường và cấp khoa.

- Nhà trường quan tâm, chú trọng đến nhu cầu của người học và người có nhu cầu đặc biệt.

3. Điểm tồn tại.

- Kinh phí dành cho việc xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị công nghệ thông tin còn hạn chế.

- Chưa khai thác được nguồn tài liệu điện tử nội sinh phục vụ cho cán bộ, giảng viên và người học.

4. Kế hoạch hành động.

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin	Lập dự toán kinh phí nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin	Ban Giám hiệu; Phòng Kế hoạch – Tài chính; phòng Hành chính – Quản trị; Phòng QLĐT	Năm 2024 - 2026	
2	Khai thác nguồn tài liệu điện tử nội sinh phục vụ cho cán bộ, giảng viên và người học.	Đưa nguồn tài liệu điện tử nội sinh vào trang web của thư viện phục vụ cho cán bộ, giảng viên và người học.	Trung tâm Thông tin - Thư viện	Năm 2024-2025	

5. Tự đánh giá: **Đạt, mức 5/7.**

Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định

và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

1. Mô tả

Nhà trường giao nhiệm vụ Phòng Công tác sinh viên (Trạm Y tế trường, Ban Quản lý KTX người học) là đơn vị chịu trách nhiệm về môi trường, sức khỏe, sự an toàn và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật [H9.09.05.01] [H9.09.05.02]. Viên chức Phòng Công tác sinh viên được tham gia khóa tập huấn về cách tiếp cận, quản lý người học, nhân viên y tế được tham gia khóa tập huấn về chăm sóc sức khỏe cho người học [H9.09.05.03].

Căn cứ mục tiêu chiến lược trong đào tạo, NCKH và PVCĐ, Nhà trường đã ban hành Đề án phát triển Trường Đại học Xây dựng Miền Trung giai đoạn 2017-2021 và tầm nhìn đến năm 2030, trong đó có các nội dung về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật [H9.09.05.04]. Bên cạnh đó, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch chiến lược trung hạn từng giai đoạn 2016 - 2020 và giai đoạn 2010 - 2025 trong đó có nội dung quy định cụ thể về việc lập kế hoạch, thực hiện, đánh giá và môi trường, sức khỏe, sự an toàn và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật [H9.09.05.05].

Hàng năm, trong kế hoạch xây dựng, đầu tư cơ sở vật chất, Nhà trường luôn quan tâm tạo môi trường làm việc và học tập thuận lợi cho VC-NLĐ và người học, Nhà trường đã đầu tư hệ thống máy lạnh tại tất cả các phòng làm việc, phòng họp và một số phòng học lý thuyết và thực hành trong trường [H9.09.05.07]. Đồng thời, Nhà trường triển khai trồng cây xanh và đầu tư xây dựng sân vườn trong khuôn viên Trường [H9.09.05.07]. VC-NLĐ và người học của Trường đều mua thẻ bảo hiểm y tế [H9.09.05.08].

Tất cả các môn học thực hành, thí nghiệm đều có buổi học nội quy, hướng dẫn an toàn lao động, an toàn thực hành. [H9.09.03.09]. Đối với các môn học thực hành, thí nghiệm người học đều được yêu cầu trang bị các thiết bị bảo hộ cần thiết như khăn tay, mũ nón bảo hộ, khẩu trang. Quá trình học tập còn phải bảo vệ máy móc nên yêu cầu an toàn về sức khỏe và môi trường trong môn học này phải thực hiện nghiêm ngặt hơn [H9.09.03.10].

Hiện nay, Nhà trường có hàng rào cách ly hoàn toàn với môi trường xung quanh và Trường có bảo vệ trực 24/24h [H9.09.05.11]. Ngoài ra, Nhà trường có lắp đặt hệ thống camera tại các khu vực cầu thang và tại những lối đi chung [H9.09.05.12].

Tại những nơi công cộng và thư viện đều có bảng cấm hút thuốc trong khuôn viên trường để mọi người dễ thấy và thực hiện [H9.09.05.13]. Nhà trường có đội phòng cháy chữa cháy và được tập huấn mỗi năm [H9.09.05.14].

Phòng Công tác người học, Phòng Tổ chức Hành chính, bộ phận QTTB là những đơn vị chức năng tham mưu cho Hiệu trưởng về công tác trật tự trị an, bảo vệ chính trị nội bộ, quân sự địa phương; Nội quy an ninh bảo vệ trật tự của Trường, KTX; Phương án PCCC theo quy định; Phương án cải tạo cảnh quan cũng như vệ sinh khu

vực Trường và KTX người học; Phương án đầu tư trang thiết bị, dụng cụ y tế cũng đã được xây dựng [H7.07.05.15].

Nhà Trường định kì tổ chức kiểm tra, khám sức khỏe cho cán bộ theo quy định để đảm bảo tốt quá trình công tác. Nhà Trường còn phối hợp với tổ chức y tế cho VC-NLĐ, SV trường tham gia hiến máu nhân đạo được tổ chức hàng năm.

Trong hội nghị tổng kết năm học hàng năm, Nhà trường có tổ chức đánh giá môi trường, sức khỏe và hiệu quả hoạt động bảo vệ môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của người học [H9.09.05.16]. Hầu hết ý kiến của VC-NLĐ trong Hội nghị VC-NLĐ của Nhà trường và của đơn vị, ý kiến sinh viên thông qua đối thoại gặp gỡ trao đổi với sinh viên cuối mỗi học kỳ đều đánh giá hoạt động bảo vệ môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của người học để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ của Nhà trường được cải tiến [H9.09.05.17].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường xác định rõ ràng các tiêu chuẩn về môi trường, an toàn và sức khỏe. Toàn thể VC-NLĐ, người học, trạm y tế, Ban quản lý KTX, giảng đường,.. đều được tập huấn, học tập nâng cao nghiệp vụ trong công tác, đảm bảo môi trường làm việc an toàn, sức khỏe.

- Hàng năm, các vấn đề trật tự, trị an, các nội quy, quy định của Nhà trường được truyền đạt đến người học thông qua các buổi đối thoại giữa lãnh đạo các phòng.

3. Điểm tồn tại

- Khuôn viên của trường khá rộng, mới nên hệ thống cây xanh, đường nội bộ chưa được đầu tư đồng bộ.

- Chưa có quy định riêng về công tác phục vụ người khuyết tật.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Đầu tư xây dựng khuôn viên, hệ thống đường nội bộ tạo môi trường xanh - sạch - đẹp	Đầu tư xây dựng khuôn viên, hệ thống đường nội bộ tạo môi trường xanh - sạch - đẹp	Phòng Hành chính – Quản trị, Kế hoạch-Tài chính	Năm 2023 - 2024	
2	Quan tâm, phục vụ nhu cầu đặc thù của người	Ban hành quy định chính sách quan tâm đến nhu cầu đặc thù của người	Phòng Công tác sinh viên	Năm 2024	

	khuyết tật	khuyết tật			
--	------------	------------	--	--	--

5. Tự đánh giá: **Đạt, mức 5/7.**

Kết luận về Tiêu chuẩn 9

Cơ sở vật chất và trang thiết bị của Nhà trường đủ đáp ứng cho nhu cầu đào tạo ngành Kiến trúc, NCKH và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực kiến trúc. Phòng thí nghiệm, thực hành, phòng máy tính, được đầu tư trang thiết bị hiện đại; thư viện trường có đủ diện tích, được trang bị và đầu tư nâng cấp thường xuyên; cơ sở hạ tầng và hệ thống công nghệ thông tin hiện đại; có hội trường, khu giáo dục thể chất, sân bãi,...phục vụ hoạt động thể thao, văn nghệ cho viên chức, giảng viên và sinh viên.

Nhà trường cần tiếp tục đầu tư trang thiết bị công nghệ thông tin, đầu tư hệ thống cây xanh, đường nội bộ tạo cảnh quan xanh - sạch - đẹp.

Tiêu chuẩn 9 có 05 tiêu chí, trong đó có 04 tiêu chí đạt mức 5/7, 01 tiêu chí đạt mức 6/7.

Tự đánh giá tiêu chuẩn 9: 5,2/7

Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng

Mở đầu

Nâng cao chất lượng đào tạo là một nội dung cơ bản để thể hiện uy tín và quyết định sự tồn tại, phát triển của một trường Đại học. Để Trường Đại học Xây dựng Miền Trung nói chung và khoa Kiến trúc nói riêng có thể trở thành địa chỉ đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững ngành kiến trúc đất nước; từng bước hội nhập khu vực và Quốc tế thì nhiệm vụ quan trọng hàng đầu là phải nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng CDR của CTDH ngành Kiến trúc công trình. Công tác nâng cao chất lượng đào tạo được thực hiện một cách chặt chẽ và có hệ thống, từ việc thu nhận thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan (giảng viên, người học, cựu SV, nhà tuyển dụng) để thiết kế và phát triển chương trình dạy học, đến việc đảm bảo chất lượng trong kiểm tra, đánh giá, phục vụ, áp dụng các kết quả nghiên cứu khoa học để cải tiến việc dạy học cũng như đáp ứng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, tạo cơ chế phản hồi cho các bên liên quan nhằm xây dựng và phát triển CTDH ngành Kiến trúc công trình.

Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học.

1. Mô tả

Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan bao gồm nhà sử dụng lao động, SV đang học, cựu SV, giảng viên, chuyên gia cùng chuyên ngành và cán bộ quản lý được dùng sử dụng làm căn cứ để thiết kế và điều chỉnh CTDH trình độ đại học ngành Kiến trúc công trình. Khoa Kiến trúc, Trường Đại học Xây dựng Miền Trung với mục tiêu xây dựng và cải tiến CTDH đảm bảo từng bước hội nhập khu vực, phù hợp với điều kiện của Nhà trường về cơ sở vật chất và đội ngũ, đáp ứng nhu cầu

của xã hội và khả năng làm việc của SV sau khi tốt nghiệp, đảm bảo sự liên thông giữa các ngành và giữa các bậc đại học, CTĐT của ngành được rà soát, điều chỉnh vào năm 2018 và 2022. Việc rà soát, điều chỉnh CTDH trong các lần điều chỉnh đều được thực hiện theo kế hoạch cụ thể trong đó có bước khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan [H10.10.01.01], [H10.10.01.02], [H10.10.01.03].

CTDH từ khóa D12 năm 2012 đã yêu cầu sinh viên phải có chứng chỉ tiếng anh B1, đến khóa D14 năm 2014 bổ sung thêm chứng chỉ Tin học cơ bản mới được xét tốt nghiệp [H10.10.01.04], [H10.10.01.05]. Kết quả khảo sát từ người học, cựu người học, doanh nghiệp cho thấy CTDH có cấu trúc hợp lý, có tính hệ thống và thường xuyên cập nhật, CDR phù hợp với nhu cầu xã hội; người học nắm rõ ràng về CTDH, CDR; cựu Sinh viên đánh giá CTDH được xây dựng hợp lý, với các môn học có tính hỗ trợ lẫn nhau; nhà tuyển dụng hài lòng với CTDH mà sinh viên đã được học, mục tiêu của CTDH rõ ràng, khối lượng kiến thức vừa phải đã đáp ứng được nhu cầu công việc được giao [H10.10.01.06], [H10.10.01.07], [H10.10.01.08], [H10.10.01.09].

Trong mỗi đầu học kỳ khoa Kiến trúc và giảng viên cố vấn còn tổ chức các cuộc sinh hoạt lớp, tọa đàm về phương pháp học tập bậc đại học, trong khoảng giữa học kỳ Khoa cùng với Nhà Trường tổ chức đối thoại với sinh viên các lớp để nắm bắt và giải quyết các vấn đề về sinh hoạt và học tập cho sinh viên, nhằm hỗ trợ sinh viên tốt nhất trong học tập [H10.10.01.10], [H10.10.01.11].

2. Điểm mạnh

Hàng năm, Khoa Kiến trúc đều lấy ý kiến phản hồi của người học, đặc biệt là sinh viên năm cuối chuẩn bị tốt nghiệp về CTDH. Sự phản hồi tích cực từ các sinh viên đã góp phần giúp Khoa thường xuyên rà soát, điều chỉnh và nâng cao chất lượng đào tạo. Đặc biệt, Khoa Kiến trúc thường xuyên đưa sinh viên đi tham quan thực tế, tiếp cận doanh nghiệp, đơn vị tư vấn, thi công để trao đổi trực tiếp về nội dung cần đào tạo và yêu cầu thực tế hành nghề của ứng viên để thường xuyên cập nhật CTDH.

3. Điểm tồn tại

Số lượng khảo sát còn ít, địa bàn khảo sát còn hẹp, một số ý kiến phản hồi còn mang tính hình thức.

4. Kế hoạch hành động

Nhà trường cùng với Khoa Kiến trúc định kỳ hàng năm triển khai tăng cường mối liên hệ với các cựu sinh viên, nhà tuyển dụng và tiếp tục thực hiện việc lấy ý kiến phản hồi của các người học, cựu sinh viên, đơn vị tuyển dụng,... từ đó tổng hợp, phân tích để điều chỉnh và phát triển chương trình dạy học nhằm đáp ứng tốt hơn về nhu cầu xã hội.

Thông qua các chương trình Workshop với các trường bạn, các khoa cùng chuyên ngành, giao lưu sinh viên giữa các trường thông qua các hoạt động như Festival Kiến trúc, để từ đó có sự so sánh tìm ra những điểm mạnh và những thiếu sót trong hoạt động đào tạo của Khoa.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được xác lập, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả

CTDH ngành Kiến trúc công trình trình độ đại học tại Trường Đại học Xây dựng Miền Trung được xây dựng từ năm 2011 để áp dụng cho khoá đầu tiên năm 2012 và định kỳ điều chỉnh, đánh giá tính hiệu quả từ ý kiến phản hồi của các bên liên quan theo chu kỳ không quá 2 năm/lần. Trong mỗi lần điều chỉnh, khoa Kiến trúc luôn tuân theo về quy trình thiết kế và phát triển CTDH mà Trường Đại học Xây dựng Miền Trung ban hành như thành lập nhóm chuyên gia về chuyển đổi CTDH bao gồm đại diện một số cơ sở sử dụng SV tốt nghiệp; các giảng viên nhiều kinh nghiệm; cán bộ quản lý các cấp; các chuyên gia trong lĩnh vực Kiến trúc, sau đó dựa vào báo cáo kết quả thu được mà đưa ra quy trình khoa học để thực hiện và soát điều chỉnh theo từng giai đoạn [H10.10.02.01], [H10.10.02.02].

Trong quá trình thực hiện điều chỉnh CTDH, để đáp ứng yêu cầu, khoa Kiến trúc tổ chức hoạt động khảo sát ý kiến đối với các giảng viên về chất lượng CTDH, tính thiết yếu của các học phần trong chương trình để thường xuyên cải tiến, nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo, đáp ứng tốt kết quả học tập mong đợi của SV và đáp ứng yêu cầu của xã hội. Ngoài ra, để có cách nhìn tổng thể, trong quá trình điều chỉnh, Khoa Kiến trúc cũng đã thực hiện đối sánh với các chương trình của các trường trong nước để tìm ra những nét riêng cho chương trình đào tạo của mình [H10.10.02.03].

Trong mỗi học kỳ, vào khoảng 2 tuần trước khi thi kết thúc học phần, phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng phối hợp với Khoa thực hiện hoạt động lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về các học phần vừa được học [H10.10.02.04], đồng thời cũng lấy ý kiến cựu SV tốt nghiệp trong vòng 3 - 6 tháng về tình hình việc làm và chất lượng CTDH đã được học [H10.10.02.05].

Căn cứ vào các kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi hàng năm về CTDH, Trường khoa Kiến trúc tham mưu cho Nhà trường đưa ra các giải pháp cải tiến chất lượng phù hợp về điều chỉnh CTDH, nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội. Căn cứ vào chuẩn đầu ra đã ban hành trong các giai đoạn của CTDH trình độ đại học ngành Kiến trúc công trình, khoa Kiến trúc sẽ tiến hành đánh giá việc thực hiện chuẩn đầu ra trong việc biên soạn đề cương các học phần, giáo trình đáp ứng chuẩn đầu ra mới [H10.10.02.06].

2. Điểm mạnh

Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được khoa Kiến trúc thiết lập, đánh giá và cải tiến theo một quy trình đã được ban hành trước. Các ý kiến về hoạt động đánh giá có sự tham gia của các chuyên gia uy tín ngành kiến trúc, cán bộ quản lý các cấp, giảng viên, SV đang học, cựu SV và nhà tuyển dụng. Từ đó CTDH thường xuyên được cập nhật, điều chỉnh nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng tốt yêu

cầu của xã hội.

3. Điểm tồn tại

Chương trình dạy học vẫn chưa thể hiện rõ nét riêng của trường.

4. Kế hoạch hành động

Khoa Kiến trúc cùng với Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng sẽ định kỳ lấy ý kiến của các bên liên quan, để làm căn cứ thiết kế và phát triển chương trình dạy học được xác lập, được đánh giá và cải tiến. Tiếp tục cải tiến Phiếu khảo sát để thông tin thu nhận được có giá trị tham chiếu cao, không mang tính chung chung. Đồng thời khoa sẽ tiến hành đối sánh với các CTDH ngành Kiến trúc công trình của trường với CTDH của các trường lớn, uy tín trong nước, kể cả trong khu vực và Quốc tế.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.

1. Mô tả

Để đảm bảo quá trình dạy và học đạt chất lượng tốt, vào đầu năm học Ban Giám hiệu Nhà trường làm việc với khoa Kiến trúc và các phòng chức năng nhằm triển khai thực hiện công tác kiểm tra, đánh giá chất lượng đào tạo năm học cũ và triển khai công tác năm học mới được thực hiện thường xuyên [H10.10.03.01], [H10.10.03.02]. Việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV được quy định rõ trong đề cương từng học phần, chỉ rõ hình thức, thời gian và trọng số của từng loại điểm cho từng lần kiểm tra, đánh giá. Các lần kiểm tra, đánh giá trong một học kỳ bao gồm: đánh giá thái độ học tập, đánh giá chuyên cần, đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ. Các hình thức kiểm tra đánh giá cho mỗi học phần được đa dạng hoá theo yêu cầu và sự chủ động của giảng viên và đáp ứng mục tiêu học phần, bao gồm: bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài thảo luận trên lớp, tiểu luận, tự luận, trắc nghiệm và được định kỳ rà soát theo từng năm học [H10.10.03.03]. Trước khi thi kết thúc mỗi học kỳ, phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng của Nhà trường phối hợp với khoa Kiến trúc tiến hành lấy ý kiến phản hồi của người học liên quan tới chất lượng hoạt động giảng dạy của giảng viên, hoạt động kiểm tra đánh giá trong quá trình giảng viên giảng dạy cho tất cả các học phần [H10.10.03.04].

Trong mỗi học kỳ, các bộ môn thuộc khoa Kiến trúc thường xuyên tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn, dự giờ, góp ý đối với những giảng viên trẻ mới về trường hoặc kinh nghiệm giảng học phần mới dưới 3 năm nhằm đóng góp ý kiến cho các giảng viên về nội dung bài giảng, cách thức tổ chức dạy học, các phương pháp giảng dạy, cách thức tiến hành kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV để đảm bảo yêu cầu về CDR của học phần [H10.10.03.05].

Công tác kiểm tra giáo án, soạn giảng của Khoa cũng được thực hiện nghiêm túc theo kế hoạch chung của trường, nhằm đảm bảo nội dung giảng dạy được cập nhật

thường xuyên và chỉnh sửa phù hợp với từng khóa, từng năm học [H10.10.03.06].

Hàng năm, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đều tiến hành thanh tra, kiểm tra công tác ra đề thi, chấm thi và Khoa Kiến trúc đều cử các giảng viên có kinh nghiệm tham gia công tác này, qua đó rà soát lại những gì còn tồn tại để nhắc nhở, chấn chỉnh giảng viên nhằm làm cho việc đánh giá kết quả người học được tốt hơn [H10.10.03.07].

Theo kết quả khảo sát người học, thì kết quả học tập của SV được đánh giá chính xác, khách quan, công bằng và được đánh giá, rà soát thường xuyên [H10.10.03.08]. Đồng thời để nâng cao chất lượng đào tạo, Ban Giám hiệu Nhà trường luôn chỉ đạo phòng Quản lý Đào tạo và khoa Kiến trúc tổ chức Hội thảo về đổi mới giảng dạy, học tập cho GV và sinh viên tham gia, qua đó đảm bảo chất lượng SV tốt nghiệp khi ra trường đáp ứng CĐR [H10.10.03.09], [H10.10.03.10].

2. Điểm mạnh

Các hình thức đánh giá về thi cử được thực hiện đúng theo quy định về thi và kiểm tra kết thúc học phần và điều chỉnh theo từng năm cho phù hợp với yêu cầu mà thực tế đặt ra. Việc ra đề, chấm thi đều được thực hiện theo quy trình chặt chẽ được quy định trong quy trình thi và kiểm tra của trường. Về quy trình hướng dẫn và chấm Đồ án tốt nghiệp cho SV năm cuối cũng được phòng Quản lý Đào tạo và khoa Kiến trúc thống nhất theo quy trình được công bố trước trong sổ tay hướng dẫn tốt nghiệp.

Khoa Kiến trúc thường xuyên họp giao ban giữa lãnh đạo Khoa và các Trưởng bộ môn để nhắc nhở về quá trình giảng dạy của giảng viên, các kết quả thanh kiểm tra về ra đề thi, chấm thi, coi thi của giảng viên và các ý kiến phản hồi của SV về quá trình giảng dạy của GV, từ đó hiệu chỉnh lại phương pháp giảng dạy hoặc bổ túc kiến thức cho SV đảm bảo yêu cầu CĐR.

3. Điểm tồn tại

Việc đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên chưa được đồng bộ mà mới chỉ dựa vào ý kiến đánh giá của SV đang học là chủ yếu, trong giai đoạn 02 năm dịch Covid, việc đánh giá là không thực hiện được.

4. Kế hoạch hành động

Khoa Kiến trúc cùng với phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng của trường sẽ tiếp tục thực hiện và điều chỉnh để có hình thức thi và kiểm tra phù hợp với tất cả các học phần, định kỳ theo kế hoạch thực hiện thanh tra, kiểm tra bài thi kết thúc học phần, nhất là về nội dung bài thi.

Khoa Kiến trúc cũng sẽ cử các giảng viên trẻ đi giao lưu, học tập kinh nghiệm và nâng cao trình độ ở các trường lớn trong nước và cả quốc tế.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 10.4. Các kết quả NCKH được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.

1. Mô tả

Hoạt động KHCN có vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo

nguồn nhân lực trình độ cao, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Chính vì vậy, Trường ĐHXDMT đã đưa ra mục tiêu phát triển hoạt động KHCN, vừa đáp ứng cho nhu cầu chuyển giao công nghệ, vừa đáp ứng nhu cầu dạy và học trong trường để nâng cao chất lượng của CTDH.

Hoạt động NCKH sinh viên là một trong những nội dung của hoạt động khoa học công nghệ, hoạt động này góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, phát hiện và bồi dưỡng nhân tài cho đất nước; phát huy tính năng động, sáng tạo, khả năng NCKH độc lập của SV, hình thành năng lực tự học cho SV; góp phần tạo ra tri thức, sản phẩm mới cho xã hội. Hàng năm, phòng Khoa học và Hợp tác Quốc tế tổ chức hội nghị NCKH SV để giúp SV hiểu rõ hơn kiến thức chuyên ngành, nắm được phương pháp, cách thức tổ chức nghiên cứu, phát huy khả năng tư duy độc lập, tập hợp tài liệu, phân tích, so sánh, lý giải các vấn đề lý luận, thực tiễn đặt ra một cách khoa học [H10.10.04.01], [H10.10.04.02], [H10.10.04.03]. Công tác NCKH SV tiếp tục phát triển, số lượng đề tài tăng nhanh, chất lượng các đề tài tốt và tương đối đồng đều, số SV tham gia ngày càng tăng. Việc tổ chức đánh giá các đề tài NCKH SV được thực hiện ở các Hội đồng hàng năm [H10.10.04.04]. Đồng thời, việc tham gia các cuộc thi thiết kế trong và ngoài nước cũng là cách NCKH hiệu quả, thực tế và có sản phẩm được đánh giá [H10.10.04.05].

Đối với GV, NCKH là một trong hai nhiệm vụ chính bên cạnh giảng dạy, NCKH không chỉ là nhiệm vụ mà còn là trách nhiệm. Khoa Kiến trúc tích cực tham gia hoạt động NCKH trong và ngoài trường, số lượng bài báo khoa học đăng trên các tạp chí uy tín trong và ngoài nước của giảng viên trong Khoa tăng dần trong từng năm [H10.10.04.06], [H10.10.04.07], [H10.10.04.08], [H10.10.04.09]. NCKH giúp GV đưa vào giảng dạy những hiểu biết mới, làm tăng chất lượng giảng dạy và với sự phát triển nhanh của khoa học công nghệ, người GV phải thường xuyên cập nhật thêm nhiều những kiến thức mới, không thể giảng những kiến thức cũ đã hết giá trị, trong đó có những đề tài phục vụ công tác đào tạo. Kết quả và sản phẩm của các đề tài sau khi nghiệm thu được sử dụng làm tài liệu học tập, tham khảo và phục vụ công tác giảng dạy. Một số đề tài của GV trong khoa đã được xuất bản thành sách tham khảo để phổ biến không những cho SV trong trường mà còn ở những trường đại học khác như: Giáo trình Cấu tạo kiến trúc, Nhà ở người Chăm [H10.10.04.10].

Trong 5 năm qua, khoa Kiến trúc đã có những đề tài NCKH cấp Bộ Xây dựng, vừa đáp ứng nhu cầu thực tiễn gắn với phát triển biển đảo của địa phương, vừa đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, học tập thực hành của SV [H10.10.04.11]. Để kết quả hoạt động nghiên cứu của giảng viên và sinh viên khoa Kiến trúc được phổ biến rộng rãi trong và ngoài trường thì hàng năm Nhà trường đều xuất bản các bản tin thông báo Khoa học với tần suất 2 số/năm [H10.10.04.12]. Đặc biệt từ năm 2017, mỗi năm Nhà trường đều tổ chức hội nghị khoa học cấp Quốc gia để các Nhà khoa học trong nước và Quốc tế công bố những nghiên cứu mới nhất trong lĩnh vực Kiến trúc, Xây dựng

[H10.10.04.13].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có khuyến khích hoạt động NCKH trong giảng viên và sinh viên với cơ chế hợp lý. Giảng viên và sinh viên của khoa Kiến trúc đã tích cực tham gia NCKH, có ý thức vận dụng để cải tiến việc dạy và học, có sự hỗ trợ và hướng dẫn thực hiện đầy đủ từ phía Nhà trường. Các kết quả NCKH được công nhận và phản hồi tốt từ bên ngoài.

3. Điểm tồn tại

Giảng viên khoa chưa có điều kiện thực hiện những đề tài lớn (đề tài cấp Nhà nước), mang tính xây dựng hoặc tư vấn chính sách cho Nhà nước về lĩnh vực kiến trúc, để có thể huy động sự tham gia của hầu hết giảng viên và SV trong khoa. Các giảng viên khoa Kiến trúc chưa có nhiều các bài tham luận ở các hội thảo quốc tế (do thiếu kinh phí). Hoạt động NCKH trong SV chưa thật sự nổi bật, chưa có đề tài thật sự tốt để có thể tham gia các cuộc thi NCKH cho SV cấp quốc gia.

4. Kế hoạch hành động

Khoa Kiến trúc tích cực tham gia các đề tài, dự án sự nghiệp Nhà nước trong ngành kiến trúc, tích cực tham gia viết báo và tham dự các hội thảo trong nước và Quốc tế về lĩnh vực kiến trúc, đồng thời sẽ gắn liền các hoạt động trong thực tế với các đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên. Tích cực cử giảng viên tham gia các hội đồng phản biện, tư vấn các dự án lớn cho địa phương.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống máy tính, Wifi và các dịch vụ hỗ trợ khác,...) có ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng công tác giảng dạy, học tập, NCKH. Trường Đại học Xây dựng Miền Trung, các đơn vị phòng ban chức năng, khoa Kiến trúc và các Bộ môn luôn xác định nhiệm vụ trọng tâm của chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, trong đó Học thất là nơi cần được đầu tư trọng điểm để hỗ trợ đắc lực cho công tác đào tạo và NCKH của giảng viên cũng như sinh viên trong Khoa [H10.10.05.01], [H10.10.05.02], [H10.10.05.03].

Trong những năm gần đây, chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cho việc giảng dạy và học tập luôn được Nhà trường và khoa Kiến trúc đánh giá định kỳ và cải tiến chất lượng. Kết thúc mỗi học kỳ, phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng của Nhà trường phối hợp với Khoa tiến hành lấy ý kiến phản hồi trực tiếp hoặc thông qua các buổi đối thoại của người học với Nhà trường, không những về các học phần liên quan tới chất lượng hoạt động giảng dạy của giảng viên trên lớp mà còn liên quan đến các hoạt động kiểm tra đánh giá cơ sở vật chất, chất lượng phục vụ của các bộ phận liên

quan phục vụ cho việc học tập của SV [H10.10.05.04], [H10.10.05.05], [H10.10.05.06], [H10.10.05.07], [H10.10.05.08], [H10.10.05.09], [H10.10.05.10], [H10.10.05.11]. Nhà trường, các đơn vị có liên quan cùng với khoa Kiến trúc đều xin ý kiến đánh giá từ phía GV, người học nhằm tìm ra những điểm cần khắc phục, những điểm hài lòng để tiếp tục phát huy hoặc thay đổi, nhằm phục vụ tốt nhất cho hoạt động dạy học [H10.10.05.12].

Xưởng Họa thất là nơi học tập, trao đổi chung của các lớp sinh viên ngoài giờ học lý thuyết, các giảng viên cũng tích cực tham gia hướng dẫn, sửa bài cho các em tại xưởng. Thư viện của Nhà trường cung cấp đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt, có cả tài liệu tiếng nước ngoài và liên tục được bổ sung cập nhật đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, giảng viên và người học. Từ năm 2017, bên cạnh tài liệu truyền thống, nguồn tài liệu điện tử đã được quan tâm tạo lập và phát triển, phục vụ tốt công tác đào tạo và NCKH của Nhà trường với giải pháp thư viện số [H10.10.05.13].

Từ kết quả khảo sát và phản hồi, kế hoạch cải tiến sẽ được thực hiện định kỳ vào thời gian nghỉ hè trong năm hoặc công ty đến bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ trang thiết bị tin học, máy chiếu, micro... sửa chữa kịp thời ngay khi có đề nghị từ phía Khoa và Nhà trường (ví dụ: quạt điện trên giảng đường bị hỏng, máy chiếu của các giảng đường bị mờ, hệ thống wifi, trang bị thêm sách, v.v...) [H10.10.05.14].

Ngoài việc lấy ý kiến đánh giá của SV về điều kiện vật chất phục vụ trực tiếp cho việc học, Nhà trường cũng đánh giá những hoạt động hỗ trợ khác như căn tin, khu dịch vụ thể thao, các câu lạc bộ học thuật,...liên quan đến đời sống của SV, để từ đó đưa ra giải pháp tốt nhất cho các hoạt động này [H10.10.05.15].

2. Điểm mạnh

Việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích được tiến hành thường xuyên theo học kỳ thông qua phiếu khảo sát và hoạt động đối thoại giữa lãnh đạo Nhà trường với SV và trên cơ sở ý kiến đóng góp của các bên liên quan trong các cuộc họp, hội nghị. Thông qua kết quả khảo sát, Nhà trường đã đầu tư Cơ sở vật chất, trang thiết bị, máy thí nghiệm, tài liệu học tập,...nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng các dịch vụ hỗ trợ cho SV. Phòng thí nghiệm, phòng máy tính phục vụ học tập các môn tin học, thực hành đầy đủ, luôn bổ sung máy để đáp ứng nhu cầu của SV.

3. Điểm tồn tại

Đối với giảng đường, việc chưa lắp được máy chiếu cố định đã gây không ít khó khăn cho GV và SV. Máy chiếu mặc dù thường xuyên sửa chữa, bổ sung mới nhưng vẫn thường xuyên thiếu hụt. Tốc độ mạng Wifi còn chậm chạp, chưa đủ mạnh để SV có thể tra cứu tài liệu ngoài giờ học. Công tác cố vấn học tập trong hỗ trợ SV học tập, hướng nghiệp mặc dù đã có nhiều cuộc họp, tập huấn nhưng hiệu quả mang lại chưa cao. Việc đăng ký trực tuyến về số tín chỉ học tập còn thực hiện thủ công, chưa cho SV trực tiếp đăng ký trên máy tính.

4. Kế hoạch hành động

Khoa Kiến trúc cùng với Phòng Quản lý chất lượng của trường tiếp tục phát huy công tác định kỳ khảo sát ý kiến người học trong công tác hỗ trợ sinh viên học tập, tham mưu cho Nhà trường tiếp tục bổ sung cơ sở vật chất như máy tính, máy chiếu, trang thiết bị thí nghiệm, tài liệu tham khảo chuyên môn, nhất là tài liệu tham khảo nước ngoài của các trường nổi tiếng trong khu vực và thế giới. Đồng thời phối hợp với phòng Quản lý Đào tạo thực hiện việc chọn đăng ký học phần trực tuyến để thuận lợi trong việc đăng ký học tập của sinh viên.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 4/7.

Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả

Phòng Quản lý chất lượng trực thuộc Trường Đại học Xây dựng Miền Trung được thành lập theo Quyết định số 19/QĐ-ĐHXDMT, ngày 31/01/2012. Phòng Quản lý chất lượng có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hiệu trưởng trong công tác đánh giá, kiểm định, đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo cho Nhà trường; đồng thời là đơn vị nghiên cứu, tư vấn về các vấn đề đảm bảo chất lượng đào tạo. Hiện nay, phòng Quản lý chất lượng là đầu mối để triển khai hoạt động đánh giá chất lượng giáo dục cấp trường, đánh giá chất lượng giáo dục các CTDĐT và thực hiện các hoạt động thanh tra, đánh giá chất lượng thông qua phản hồi của các bên liên quan [H10.10.06.01], [H10.10.06.02], [H10.10.06.03]. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được thực hiện mang tính hệ thống từ người học, cựu người học, doanh nghiệp [H10.10.06.01], [H10.10.06.02], [H10.10.06.03], [H10.10.06.04], [H10.10.06.05], [H10.10.06.09]. Để hoạt động có chất lượng, trong quá trình đánh giá chất lượng CTDH các ngành trong trường, phòng Quản lý chất lượng đã xây dựng, hoàn thiện hệ thống các bảng câu hỏi phục vụ hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan, để thu thập thông tin nhằm đánh giá chất lượng giáo dục CTDH định kỳ [H10.10.06.04], [H10.10.06.05], [H10.10.06.09]. Trong các giai đoạn điều chỉnh, cập nhật CTDH ngành Kiến trúc công trình trình độ đại học, kết quả phản hồi của các bên liên quan được phân tích và sử dụng làm căn cứ để điều chỉnh khối lượng kiến thức các học phần trong chương trình, điều chỉnh chuẩn đầu ra, [H10.10.06.06], [H10.10.06.07].

Từ hoạt động lấy ý kiến và kết quả phản hồi của các bên liên quan (gồm người học, cựu người học, nhà tuyển dụng) như: khảo sát về CTDH, khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của GV; khảo sát cựu SV về việc triển khai và đánh giá chất lượng CTDH; phương pháp dạy và học, công tác ra đề thi; khả năng đáp ứng nhu cầu xã hội của CTDH, chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, cơ sở vật chất của Nhà trường; chất lượng đội ngũ GV trong đào tạo và NCKH; môi trường cảnh quan học tập; vị trí làm việc của người học sau tốt nghiệp,... được Nhà trường thực hiện hàng năm, nhằm đảm bảo mục tiêu tự đánh giá chất lượng CTDH, nếu có sự bất

hợp lý hoặc chưa phù hợp thì các bộ phận trong trường sẽ thay đổi từ quy chế, sự phục vụ của phòng ban, cảnh quan xung quanh hay phương pháp giảng dạy của các giảng viên [H10.10.06.08].

2. Điểm mạnh

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan đã được thiết lập có tính hệ thống và đã nhận được các ý kiến đóng góp cho các hoạt động của Nhà trường, đặc biệt là về CTĐT, CTDH, công tác phục vụ, đánh giá hoạt động giảng dạy của GV nhằm nâng cao chất lượng, đáp ứng CĐR của CTDH.

3. Điểm tồn tại

Chưa có sự đánh giá đầy đủ, tâm huyết của các bên liên quan như nhà tuyển dụng, cựu SV về cơ sở vật chất phục vụ cho việc đào tạo. Các hoạt động cải tiến phục vụ trong đào tạo là có nhưng hiệu quả trong hoạt động đánh giá cải tiến chưa cao.

4. Kế hoạch hành động

Khoa Kiến trúc sẽ tiếp tục lấy phiếu khảo sát của các bên liên quan, nhất là đối với cựu SV, doanh nghiệp về hoạt động dạy và học của trường. Tiếp tục cải tiến các phiếu khảo sát để đầy đủ hơn, thiết thực hơn và sẽ tham mưu Nhà trường thành lập bộ phận chuyên trách trực thuộc khoa Kiến trúc thực hiện việc lấy phiếu khảo sát và xử lý, báo cáo kết quả của các bên liên quan để làm cơ sở cải tiến CTDH được tốt hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 10

Ngành Kiến trúc công trình là một trong những ngành ra đời sớm nhất của Trường Đại học Xây dựng Miền Trung, việc nâng cao chất lượng ngành đào tạo được Nhà trường và Khoa Kiến trúc quan tâm đặc biệt. Việc thu thập các thông tin phản hồi từ người học, nhà tuyển dụng, GV của Nhà trường và đối tác nước ngoài được chú trọng và thực hiện đầy đủ một cách có hệ thống và thường xuyên. Các thông tin này là cơ sở để xây dựng và hoàn thiện và cải tiến CTDH. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên, để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR. Các NCKH thông qua đề tài NCKH các cấp, NCKH SV được quan tâm và được sử dụng trong cải tiến việc dạy và học. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, xưởng họa thất, trung tâm công nghệ thông tin, khoa Kiến trúc, ...) thường xuyên được rà soát và nâng cao nhằm tạo điều kiện tốt nhất.

Tiêu chuẩn 10 có 06 tiêu chí, trong đó có 05 tiêu chí đạt mức 5/7, 01 tiêu chí đạt mức 4/7.

Tự đánh giá tiêu chuẩn 10: 4,83/7

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Mở đầu

Việt Nam nói chung và khu vực Nam trung bộ và Tây nguyên nói riêng

đang trong quá trình xây dựng và phát triển, nhu cầu nâng cấp cơ sở hạ tầng, xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội ngày càng được chú trọng, từ đó nhu cầu nguồn nhân lực của ngành Kiến trúc ngày càng lớn. Là ngành chuyên về lĩnh vực tư vấn, thiết kế, quản lý, giám sát kiến trúc các công trình, phục vụ đời sống con người như: các công trình nhà ở, các công trình công cộng, trung tâm thương mại, quy hoạch đô thị, quy hoạch điểm dân cư nông thôn ... Ngành kiến trúc là một trong số các ngành đào tạo có truyền thống của Trường ĐHXDMT kể từ những ngày đầu thành lập cho đến nay và đã khẳng định được thương hiệu đối với thị trường lao động trong cả nước mà đặc biệt là khu vực phía Nam. Sinh viên ngành kiến trúc của Nhà trường được đào tạo bài bản và được thực hành, thực tập thực tế có sự đánh giá giám sát chặt chẽ trong suốt quá trình học tại Trường. Chính vì vậy, chất lượng đầu ra của CTĐT luôn được đảm bảo.

Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Hàng năm, tỷ lệ SV ngành kiến trúc tốt nghiệp và thôi học được xác lập, giám sát chặt chẽ. Cụ thể thông tin về tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ SV thôi học của 4 khóa gần đây được thể hiện qua bảng số liệu sau:

Bảng 11.1: Thống kê tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn và sau 1 năm so với số sinh viên nhập học ngành kiến trúc

Khóa tuyển sinh	Số sinh viên nhập học	Tỷ lệ tốt nghiệp so với số sinh viên nhập học			Tỷ lệ sinh viên bỏ học
		Đúng hạn	Sau 1 năm	Tỷ lệ tốt nghiệp	
Khóa tuyển sinh 2013	69	35	13	51%	30%
Khóa tuyển sinh 2014	95	46	15	48%	36%
Khóa tuyển sinh 2015	30	12	9	40%	30%
Khóa tuyển sinh 2016	31	18	3	58%	32%
Khóa tuyển sinh 2017	26	13	3	50%	38%
Khóa tuyển sinh 2018	36	16	6	44%	39%

Qua bảng số liệu về tỷ lệ SV tốt nghiệp, bỏ học của 5 khóa đầu tiên, có thể thấy đa số SV của ngành kiến trúc hoàn thành CTĐT đúng thời hạn các học phần trong CTĐT, tỷ lệ SV thôi học của ngành kiến trúc hàng năm chiếm tỷ lệ không nhiều (so với tổng số SV của khóa học). Nhìn chung, SV thôi học vì lý do sinh viên bỏ học nhiều, dẫn đến không theo kịp chương trình dẫn đến kết quả học tập không đạt [H11.11.01.01], [H11.11.01.02], [H11.11.01.03], [H11.11.01.04]

Nhà trường và Khoa Kiến trúc luôn giám sát chặt chẽ tiến độ học tập của sinh viên thông qua các buổi họp giao ban Cán sự lớp, các buổi Đối thoại giữa lãnh

đạo Nhà trường với sinh viên, qua công tác cố vấn học tập, qua các buổi họp xét kết quả học tập và xét công nhận tốt nghiệp. Cố vấn học tập của Khoa luôn cập nhật tình hình SV thông qua những buổi sinh hoạt lớp, qua đó có những báo cáo kịp thời lên Ban Chủ nhiệm Khoa để có những hướng giải quyết phù hợp khi có tình hình phát sinh. Với những SV thôi học, Cố vấn học tập đều có sự trao đổi để nắm tình hình, qua đó hiểu được những khó khăn vướng mắc của SV để có những tư vấn phù hợp cho các em, cũng như có những đề xuất kịp thời với Nhà trường. Các số liệu về tỉ lệ thôi học, tỉ lệ tốt nghiệp được thể hiện trong các báo cáo tổng kết năm học, báo cáo tổng kết khóa học và được các đơn vị chức năng trong Nhà trường thảo luận kỹ càng để tìm ra nguyên nhân cũng như đề ra những giải pháp phù hợp để giúp nâng cao tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn và giảm thiểu tỉ lệ thôi học trong sinh viên các khóa [H11.11.01.05], [H11.11.01.06], [H11.11.01.07], [H11.11.01.08], [H11.11.01.09].

Kết quả về tỉ lệ thôi học, tỉ lệ tốt nghiệp đã được Nhà trường và Khoa Kiến trúc tổ chức đối sánh giữa các năm học, đối sánh với các Trường ĐH có đào tạo ngành kiến trúc để từ đó đề ra những giải pháp, chính sách giúp cải thiện tình hình, nâng cao tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn và giảm tỉ lệ thôi học trong từng năm học [H11.11.01.10], [H11.11.01.11], [H11.11.01.12], [H11.11.01.13], [H11.11.01.14], [H11.11.01.15].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có hệ thống dữ liệu đầy đủ để xác lập và giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của người học.

Nhà trường có sử dụng phần mềm để quản lý thông tin tốt nghiệp của người học (phần mềm BSC);

Nhà trường có tổ chức đối sánh, phân tích kết quả tốt nghiệp của người học để phục vụ việc cải tiến chất lượng.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa có một hệ thống thông tin đầy đủ và tin cậy về lý do SV thôi học, chậm tốt nghiệp để trên cơ sở đó có những tiêu chí lựa chọn SV phù hợp ngay từ khi tuyển sinh cũng như định hướng công tác cố vấn học tập, định hướng quá trình học tập cho sinh viên ngay từ những học kỳ đầu tiên trong chương trình đào tạo.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Cần có khảo sát sinh viên và các bên liên quan về lý do thôi học và tốt nghiệp chậm	Phòng QLCL, Khoa Kiến trúc	Từ năm học 2023-2024	
2	Phát huy	Tiếp tục duy trì các	BGH	Từ năm học	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
	điểm mạnh	cuộc họp đối thoại và giao ban hàng tháng	Phòng CTSV, Khoa Kiến trúc	2023-2024	
		Tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác cố vấn học tập	Phòng CTSV, Khoa Kiến trúc	Từ năm học 2023-2024	

5. Tự đánh giá: **Đạt, mức 5/7.**

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Thời gian của một khóa đào tạo là thời gian cần thiết cho những SV bình thường hoàn thành chương trình học tập của mình để được cấp bằng tốt nghiệp. Từ năm 2012, ngành kiến trúc của Nhà trường bắt đầu tuyển sinh trình độ đại học khóa đầu tiên và được tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ với thời gian đào tạo được thiết kế là 5 năm [H11.11.02.01].

Thời gian đào tạo và nghiên cứu trong trường đại học kéo dài trung bình 5,5 năm, thời gian tối đa là 6,5 năm, thời gian tối thiểu là 5 năm. Tính đến hết năm 2022, sinh viên ngành kiến trúc của Trường ĐHXDMT đã tốt nghiệp được 5 khóa, trung bình hàng năm có khoảng 75% SV hoàn thành chương trình và được cấp bằng kiến trúc sư đúng thời hạn. Việc xác định, theo dõi, giám sát thời gian tốt nghiệp, tỷ lệ tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình được quy định rõ trong quy định về chức năng nhiệm vụ của các đơn vị trong Nhà trường mà trực tiếp là phòng Quản lý Đào tạo, phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng và Khoa Kiến trúc [H11.11.02.02], [H11.11.02.03], [H11.11.02.04], [H11.11.02.05], [H11.11.02.06].

Bảng 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên ngành kiến trúc

Khóa/ ngành	Thời gian tốt nghiệp trung bình (năm)	Tổng số thời gian thực tế so với thời gian thiết kế
Khóa tuyển sinh năm 2013	5,5	5
Khóa tuyển sinh năm 2014	5,5	5
Khóa tuyển sinh năm 2015	5,5	5
Khóa tuyển sinh năm 2016	5,5	5

Khóa tuyển sinh năm 2017	5,5	5
Khóa tuyển sinh năm 2018	5,5	5

Qua bảng số liệu cho thấy, đa số SV của ngành Kiến trúc hoàn thành CTĐT qua từng năm học đều ở mức trên 80%. Các sinh viên tốt nghiệp chậm do nhiều nguyên nhân khác nhau có thể kể ra như sau: nợ học phần trong CTĐT nên không đủ điều kiện tốt nghiệp; chưa hoàn thành yêu cầu chuẩn đầu ra về Ngoại ngữ, Tin học, Chứng chỉ Quốc phòng – An ninh và một số ít là do điều kiện cá nhân nên phải bảo lưu dẫn đến tốt nghiệp chậm tiến độ.

Khoa và Nhà trường đã có những kế hoạch, thông báo để SV nắm thông tin, chủ động hoàn thành chương trình học, để tốt nghiệp đúng tiến độ. Việc xét kết quả học tập, xét điều kiện tốt nghiệp, xét công nhận tốt nghiệp được Nhà trường, phòng Quản lý Đào tạo, phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Khoa Kiến trúc tổ chức từng học kỳ và kết quả được công bố rộng rãi đến người học thông qua website của Khoa, của Nhà trường, thông qua giảng viên cố vấn học tập [H11.11.02.07], [H11.11.02.08]. Tại các cuộc họp xét kết quả học tập, xét điều kiện tốt nghiệp, xét công nhận tốt nghiệp, các đơn vị liên quan trong Nhà trường đã thảo luận, phân tích, xác định các nguyên nhân làm cho sinh viên có kết quả học tập không tốt, không đáp ứng tiến độ, bị cảnh báo, buộc thôi học, ... để từ đó triển khai xuống giảng viên cố vấn học tập, ban cán sự lớp và đến sinh viên để cùng nhau tìm ra các giải pháp hỗ trợ sinh viên cải thiện kết quả học tập [H11.11.02.09], [H11.11.02.10], [H11.11.02.11].

Hàng năm, Nhà trường đều tổ chức các hội nghị tổng kết năm học, trong đó có tổng kết công tác đào tạo, tại các Hội nghị này, các số liệu về tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học và các vấn đề khác trong đào tạo đã được các bên liên quan trong Nhà trường thảo luận, phân tích tìm ra nguyên nhân và đề ra phương hướng hoạt động trong năm học tiếp theo, nhằm mục đích nâng cao hiệu quả công tác đào tạo, nâng cao hiệu quả các công tác hỗ trợ sinh viên trong việc cải thiện thành tích học tập cũng như đảm bảo tiến độ đào tạo theo CTĐT [H11.11.02.12], [H11.11.02.13]. Nhà trường tổ chức các hội nghị tổng kết công tác cố vấn học tập mỗi năm một lần, tại các hội nghị này, các giảng viên cố vấn sẽ trình bày những vấn đề gặp phải trong việc thực hiện nhiệm vụ cố vấn, hỗ trợ sinh viên. Các bên liên quan cùng nhau thảo luận, phân tích, để từ đó đề ra các giải pháp giúp nâng cao hiệu quả công tác cố vấn học tập, hỗ trợ sinh viên. Nhà trường cũng đã biên tập và thường xuyên cập nhật Sổ tay công tác cố vấn để giúp nâng cao hiệu quả công tác cố vấn học tập [H11.11.02.14].

Tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ bỏ học, thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên ngành kiến trúc được Nhà trường và Khoa Kiến trúc tổ chức đối sánh với các cơ sở giáo dục đại học khác có đào tạo ngành này để từ đó có những điều chỉnh về chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo và các hoạt động đào tạo khác cho phù hợp với xu hướng phát triển đào tạo trong nước và quốc tế [H11.11.02.15].

2. Điểm mạnh

Nhà trường quy định và phân công rõ ràng các đơn vị theo dõi, giám sát tỷ lệ tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp của sinh viên. Ban Lãnh đạo Khoa Kiến trúc, các đơn vị quản lý, giảng viên cố vấn học tập đã thực hiện tốt việc tư vấn, hỗ trợ sinh viên thực hiện học tập đảm bảo đúng tiến độ CTĐT, kịp thời nhắc nhở, định hướng cho các sinh viên có kết quả học tập không tốt cải thiện và nâng cao kết quả học tập.

3. Điểm tồn tại

Việc nghiên cứu, đối sánh thời gian đào tạo, thời gian tốt nghiệp, tỷ lệ bỏ học chưa được thực hiện bài bản, chưa tạo được hệ thống thông tin để các bên liên quan được theo dõi và chủ động trong việc tiếp cận.

Chất lượng đầu vào của sinh viên Nhà trường trong những năm gần đây chỉ ở mức trung bình, tính chủ động của sinh viên chưa cao trong khi đặc thù kiến thức ngành nghề tương đối khó nên cũng đã gây khá nhiều khó khăn, áp lực đối với sinh viên để có thể hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Cần có quy định về đối sánh trong hoạt động đào tạo nói chung và đào tạo ngành kiến trúc nói riêng;	Các đơn vị trong Nhà trường	Từ năm học 2023-2024	
		Cần xây dựng cơ sở dữ liệu, thông tin về tốt nghiệp, tỷ lệ bỏ học, nguyên nhân bỏ học, thời gian tốt nghiệp trung bình,... để từ đó đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo	Các đơn vị trong Nhà trường	Từ năm học 2023-2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát huy vai trò công tác cố vấn học tập	Khoa Kiến trúc Giảng viên	Từ năm học 2023-2024	
		Xây dựng và ban hành sổ tay công tác cố vấn học tập cho từng ngành học trong Nhà trường	Phòng Công tác Học sinh Sinh viên, Khoa Kiến trúc	Từ năm học 2023-2024	

5. Tự đánh giá: **Đạt, mức 5/7.**

Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Công tác khảo sát, theo dõi tình hình có việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp ra trường do phòng Công tác Học sinh Sinh viên chịu trách nhiệm chính, các Khoa Quản lý chuyên môn trong Nhà trường phối hợp với phòng Công tác Học sinh Sinh viên để theo dõi tình hình có việc làm, vị trí việc làm và mức thu nhập bình quân của sinh viên sau khi tốt nghiệp. Nhà trường cũng đã thành lập Trung tâm Truyền thông và Quan hệ doanh nghiệp với nhiệm vụ chính được giao là nắm bắt tình hình có việc làm của sinh viên sau khi ra trường, tư vấn giới thiệu việc làm cho sinh viên, quan hệ doanh nghiệp để nắm bắt nhu cầu việc làm của doanh nghiệp trong các lĩnh vực đào tạo, hỗ trợ sinh viên trong việc tham quan, thực tập thực tế trong quá trình đào tạo [H11.11.03.01] [H11.11.03.02].

Phòng Công tác sinh viên đã phối hợp với các Khoa, phòng Quản lý Đào tạo điều tra tình hình có việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp tại mỗi đợt phát bằng tốt nghiệp. Bên cạnh việc điều tra việc làm ngay sau khi tốt nghiệp, Trung tâm Truyền thông và Quan hệ doanh nghiệp còn có các đợt điều tra tình hình có việc làm của sinh viên sau khi ra trường ở nhiều tỉnh thành trong khu vực Nam trung bộ và Tây nguyên. Kết quả điều tra cho thấy trên 80% sinh viên sau khi tốt nghiệp có việc làm trong vòng 6 tháng và trên 95% sinh viên tốt nghiệp trong vòng 12 tháng [H11.11.03.03], [H11.11.03.04].

Nhà trường và Khoa Kiến trúc và các giảng viên luôn quan tâm, tạo điều kiện tốt nhất để sinh viên ngành kiến trúc áp dụng các kiến thức, kỹ năng vào thực tế, vì vậy SV sau khi tốt nghiệp có lợi thế cạnh tranh rất lớn so với SV cùng chuyên ngành ở các cơ sở đào tạo khác và được các đơn vị sử dụng đánh giá cao. Sinh viên ngành kiến trúc sau khi tốt nghiệp được tiếp nhận vào làm việc ở nhiều môi trường công việc khác nhau, với các mức thu nhập bình quân cao hơn mặt bằng thu nhập chung của xã hội [H11.11.03.05]. Cụ thể thông qua các bảng số liệu sau:

Bảng 11.3. Môi trường làm việc của sinh viên ngành kiến trúc sau khi tốt nghiệp

STT	Môi trường làm việc	Tỷ lệ phần trăm			
		Khóa 2013	Khóa 2014	Khóa 2015	Khóa 2016
1	Khu vực nhà nước	3%	0%	0%	6,6%
2	Khu vực tư nhân	97%	100%	100%	93.4%
3	Khu vực liên doanh/quốc tế	0%	0%	0%	0%
4	Tự tạo việc làm	0%	0%	0%	0%

Bảng 11.4. Mức thu nhập bình quân hàng tháng

STT	Mức thu nhập	Tỷ lệ phần trăm
1	Dưới 5 triệu	15%
2	Từ 5 đến 7 triệu	45%
3	Từ 7 đến 10 triệu	35%
4	Trên 10 triệu	5%

Qua bảng số liệu cho thấy, thu nhập bình quân hàng tháng của SV tốt nghiệp chiếm tỷ lệ cao từ trên 5 triệu – 7 triệu (48.31%). Có thể nói đây là mức thu nhập không cao, nhưng hoàn toàn phù hợp với SV mới tốt nghiệp, và phù hợp với mức thu nhập chung của thị trường lao động hiện nay.

Trên cơ sở số liệu điều tra, khảo sát việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp, Nhà trường, phòng Công tác sinh viên đã tổ chức đối sánh với các Trường đại học khác trong cả nước có đào tạo ngành kiến trúc, để từ đó có báo cáo đánh giá về xu hướng nghề nghiệp trong xã hội giúp cho việc định hướng công tác đào tạo đáp ứng với nhu cầu thế giới nghề nghiệp [H11.11.03.06], [H11.11.03.07].

Trung tâm Truyền thông và Quan hệ doanh nghiệp đã thực hiện tốt chức năng kết nối doanh nghiệp, tư vấn việc làm để hỗ trợ sinh viên trong việc tìm kiếm việc làm sau khi ra trường. Trung tâm thường xuyên nhận được nhiều đề nghị tuyển dụng từ các doanh nghiệp và chuyển tiếp thông tin tuyển dụng này đến sinh viên toàn trường một cách rộng rãi. Trung tâm cũng thường xuyên mời các đơn vị tuyển dụng đến tuyển dụng trực tiếp trong các đợt bảo vệ đồ án tốt nghiệp trước khi sinh viên tốt nghiệp ra trường [H11.11.03.08], [H11.11.03.09].

Bên cạnh hoạt động đào tạo, Nhà trường còn mở rộng sự hợp tác với các doanh nghiệp, đối tác tuyển dụng uy tín trong lĩnh vực đào tạo, để từ đó giúp sinh viên có môi trường tham quan thực tế và tăng thêm cơ hội việc làm sau khi ra trường. Qua khảo sát, đa số các doanh nghiệp, đơn vị tuyển dụng đánh giá cao chất lượng đào tạo của Nhà trường trong đó có ngành kiến trúc [H11.11.03.10], [H11.11.03.11].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có phân công rõ ràng chức năng theo dõi tình hình có việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp, có điều tra khảo sát việc làm với các số liệu đáng tin cậy, để làm căn cứ cho việc xây dựng các chính sách về đào tạo phù hợp với nhu cầu xã hội.

Công tác tư vấn việc làm và quan hệ doanh nghiệp được tổ chức thường xuyên, mang lại hiệu quả trong việc hỗ trợ người học tìm kiếm việc làm sau khi ra trường.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa ban hành quy trình khảo sát, thông kê danh sách sinh viên tốt nghiệp và có việc làm.

Việc đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp và có việc làm chưa được thực hiện bài bản và có hệ thống, để hỗ trợ thêm cho việc xác định nhu cầu đào tạo các ngành nghề trong từng thời điểm.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Cần ban hành quy trình khảo sát, thông kê danh sách sinh viên tốt nghiệp và có việc làm	Ban Giám hiệu, Phòng Công tác sinh viên	Năm học 2023 - 2024	
		Cần có quy định về việc đối sánh về tỷ lệ tốt nghiệp và có việc làm của sinh viên sau khi ra trường	Ban Giám hiệu, Phòng Công tác sinh viên	Năm học 2023 - 2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác theo dõi, khảo sát tình hình có việc làm của sinh viên sau khi ra trường	Phòng Công tác sinh viên	Năm học 2023 - 2024	
		Tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác tư vấn việc làm, quan hệ doanh nghiệp để hỗ trợ sinh viên trong tương lai	Phòng Công tác sinh viên	Năm học 2023 - 2024	

5. Tự đánh giá: Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Hoạt động nghiên cứu khoa học nói chung và nghiên cứu khoa học trong sinh viên nói riêng được Nhà trường xác định là một trong những hoạt động chính để nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Nhà trường đã ban hành Đề án phát triển Nhà trường đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 trong đó có đề ra chiến lược và giải pháp cho sự phát triển của hoạt động nghiên cứu khoa học và hội nhập quốc tế

[H11.11.04.01]. Nhà trường đã thành lập phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế (KH&HTQT) để tham mưu xây dựng chính sách và quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế [H11.11.04.02]. Phòng KH&HTQT đã tham mưu cho Ban Giám hiệu Nhà trường xây dựng và ban hành các quy định về quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học trong giảng viên, sinh viên của Nhà trường, phối hợp với các đơn vị xây dựng chính sách tài chính dành cho các hoạt động khoa học, kể cả cho giảng viên và sinh viên. Cụ thể Nhà trường đã ban hành Quy định về hoạt động khoa học công nghệ của Trường ĐHXDMT; Quy định về tài chính trong NCKH của Trường ĐHXDMT; Quy trình thực hiện đề tài NCKH cấp trường của Trường ĐHXDMT; Quy định về định mức xây dựng dự toán đối với nhiệm vụ KHCN có sử dụng kinh phí của Trường ĐHXDMT; Quy định tài chính NCKH Sinh viên. Có thể nói, chính sách và các quy định về nghiên cứu khoa học trong Nhà trường nói chung và đối với nghiên cứu khoa học của sinh viên nói riêng là khá hoàn chỉnh và đồng bộ làm cơ sở cho sự phát triển bền vững [H11.11.04.03], [H11.11.04.04], [H11.11.04.05].

Với một lực lượng cán bộ giảng dạy có trình độ chuyên môn cao, không chỉ thực hiện xuất sắc nhiệm vụ đào tạo, cán bộ giảng dạy của Khoa Kiến trúc còn tham gia nghiên cứu khoa học và hướng dẫn sinh viên nghiên cứu những công trình khoa học đã được đăng trên các tạp chí khoa học có uy tín trong lĩnh vực xây dựng và trên Thông báo Khoa học công nghệ Nhà trường, tham gia thực hiện các đề tài nghiên cứu về kiến thức chuyên sâu của nghề nghiệp, các đề tài khoa học cấp Bộ, cấp cơ sở,... [H11.11.04.06], [H11.11.04.07], [H11.11.04.08].

Hàng năm, Nhà trường luôn dành nguồn lực tài chính để hỗ trợ cho hoạt động nghiên cứu khoa học để giảng viên, sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học. Nhà trường đã ban hành quy định về thu chi đối với hoạt động khoa học và đã tích hợp vào Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường. Trong từng năm học, Nhà trường đã ban hành quy trình về việc tổ chức đăng ký, xét chọn, triển khai, nghiệm thu đối với các hoạt động nghiên cứu khoa học, trong đó có các đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên và tổ chức thực hiện một cách nghiêm túc, để đảm bảo các hoạt động khoa học đúng mục đích, đúng định hướng và việc sử dụng kinh phí dành cho hoạt động khoa học đạt hiệu quả cao nhất. Nhà trường còn có quy định thưởng cho các sinh viên/nhóm sinh viên có kết quả nghiên cứu khoa học được đánh giá ở mức xuất sắc, đề động viên và thu hút sự tham gia nghiên cứu của sinh viên [H11.11.04.09], [H11.11.04.10], [H11.11.04.11].

Hàng năm, Nhà trường đều tổ chức các hội nghị tổng kết năm học, trong đó có hoạt động nghiên cứu khoa học. Các số liệu về nghiên cứu khoa học nói chung và nghiên cứu khoa học trong sinh viên nói riêng đã được thống kê, báo cáo và đối sánh nội bộ cũng như đối sánh với các cơ sở giáo dục đại học khác, để các bên liên quan nắm bắt tình hình, từ đó thảo luận và đề xuất phương hướng hoạt động khoa học của Nhà trường từng bước phát triển, đáp ứng yêu cầu đào tạo đại học [H11.11.04.12], [H11.11.04.13], [H11.11.04.14], [H11.11.04.15].

Bảng 11.5. Thống kê số lượng người học tham gia NCKH

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài			30	
Từ 4 đến 6 đề tài				
Trên 6 đề tài				
Tổng số người học tham gia			30	

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xác lập được các loại hình nghiên cứu khoa học, có chiến lược, chính sách về nghiên cứu khoa học khá hoàn chỉnh và đồng bộ, tạo cơ sở cho sự phát triển của hoạt động nghiên cứu khoa học trong giảng viên, sinh viên.

Nhà trường có quy định, quy trình và giám sát hoạt động nghiên cứu khoa học, có phân công đơn vị phụ trách tham mưu, đề xuất, tổ chức thực hiện có hiệu quả hoạt động nghiên cứu khoa học.

3. Điểm tồn tại

Nguồn lực tài chính dành cho hoạt động nghiên cứu khoa học nói chung và nghiên cứu khoa học sinh viên nói riêng còn hạn chế.

Công tác đối sánh kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học với các cơ sở giáo dục đại học trong nước và quốc tế chưa được tổ chức bài bản và có hệ thống.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Đầu tư nguồn lực tài chính để phát triển hoạt động nghiên cứu khoa học phát triển cả về chất lượng và số lượng nghiên cứu	BGH, Phòng KH-TC	Từ năm học 2023-2024	
		Thực hiện đối sánh kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học một cách có hệ thống để làm cơ sở cho việc xây dựng chính sách về hoạt động khoa học trong thời gian tới đáp ứng yêu cầu đào tạo đại học	Phòng KH&HTQT	Từ năm học 2023-2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hoàn thiện chính sách và các quy định về nghiên cứu khoa học theo hướng cập nhật xu hướng phát triển trong nước và	Phòng KH&HTQT	Từ năm học 2023-2024	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
		quốc tế			
		Tiếp tục nâng cấp và cải tiến quy trình tổ chức thực hiện và quản lý chất lượng hoạt động nghiên cứu khoa học	Phòng KH&HTQT	Từ năm học 2023-2024	

5. Tự đánh giá: **Đạt, mức 5/7.**

Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Công tác khảo sát, lấy ý kiến người học và các bên liên quan được Nhà trường và Khoa Kiến trúc tổ chức thường xuyên, để có cơ sở xây dựng các chính sách đảm bảo chất lượng cho các mặt hoạt động của Nhà trường. Căn cứ vào Quy định chức năng nhiệm vụ của các đơn vị, Ban Giám hiệu Nhà trường đã thành lập và phân công các đơn vị phụ trách công tác lấy ý kiến các bên liên quan về các hoạt động của Nhà trường. Hiện tại công tác này được giao cho phòng Quản lý chất lượng, phòng Công tác sinh viên phụ trách. Nhà trường đã ban hành các Quy định về việc lấy ý kiến người học về công tác phục vụ, về công tác phục vụ, về thực hành, thí nghiệm, về khóa học và về khảo sát việc làm của sinh viên tốt nghiệp [H11.11.05.01].

Hàng năm, Khoa và Nhà trường tổ chức Hội nghị cán bộ, viên chức để lấy ý kiến đóng góp của cán bộ, viên chức, giảng viên, người lao động vào việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học và kế hoạch năm học mới, góp ý cho các hoạt động của Nhà trường, đặc biệt là trong công tác tổ chức và quản lý đào tạo. Việc lấy ý kiến được tổ chức dân chủ, thẳng thắn dưới sự chủ trì của Công đoàn và Ban Giám hiệu Nhà trường [H11.11.05.02], [H11.11.05.03].

Nhà trường đã ban hành quy định về lấy ý kiến sinh viên đang theo học do phòng Quản lý chất lượng phụ trách. Việc lấy ý kiến của sinh viên được tổ chức định kỳ theo học kỳ và cả năm học và trước lúc sinh viên ra trường. Ngoài ra, Nhà trường còn duy trì các cuộc họp giao ban công tác sinh viên hàng tháng và đối thoại giữa lãnh đạo nhà trường với sinh viên được tổ chức hàng năm do phòng Công tác sinh viên phụ trách tổ chức [H11.11.05.04], [H11.11.05.05].

Việc lấy ý kiến sinh viên sau khi ra trường được giao cho Trung tâm Truyền thông và Quan hệ doanh nghiệp phụ trách. Nhà trường đã tổ chức nhiều đợt lấy ý kiến của sinh viên sau khi ra trường trong vòng 6 tháng ngay tại buổi lễ trao bằng tốt nghiệp và một số đợt khảo sát mở rộng trên địa bàn các tỉnh Miền Trung, Tây Nguyên và Khu vực phía Nam kết hợp với việc khảo sát lấy ý kiến doanh nghiệp, người sử dụng lao động để phục vụ cho việc xây dựng chương trình đào tạo, xây dựng các chính sách đào tạo phù hợp với yêu cầu của xã hội [H11.11.05.06], [H11.11.05.07].

Qua các hoạt động khảo sát, lấy ý kiến các bên liên quan như đã trình bày ở trên, có thể nói công tác này đã được Nhà trường rất quan tâm và tổ chức thực hiện một cách có hệ thống. Các kết quả khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan đã được các đơn vị trong trường tổ chức thảo luận, phân tích, đánh giá và đối sánh với kết quả khảo sát nội bộ, đối sánh với mức độ hài lòng ở các trường khác có đào tạo chung nhóm ngành kiến trúc, để có cơ sở xây dựng các chính sách đào tạo, xây dựng chương trình đào tạo, các dịch vụ hỗ trợ đào tạo, nhằm đáp ứng yêu cầu của xã hội. Nhìn chung, mức độ hài lòng các bên liên quan trong các lĩnh vực hoạt động của Nhà trường đều đạt trên 80% [H11.11.05.08], [H11.11.05.09], [H11.11.05.10], [H11.11.05.11].

Từ kết quả khảo sát, ý kiến thảo luận các bên liên quan, kết quả đối sánh nội bộ và đối sánh với các cơ sở giáo dục đại học khác. Các đơn vị chức năng trong Nhà trường và Khoa Kiến trúc đã tham mưu cho Ban Giám hiệu Nhà trường cập nhật, cải tiến các chính sách về hoạt động đào tạo, về hoạt động khoa học công nghệ, về phát triển các dịch vụ hỗ trợ đào tạo, tư vấn hướng nghiệp, cải tiến các công cụ đảm bảo chất lượng đào tạo... Khoa Kiến trúc đã xây dựng Chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng vào năm 2018 theo yêu cầu của công việc thực tế, của nhà tuyển dụng đối với sinh viên ngành kiến trúc [H11.11.05.12], [H11.11.05.13], [H11.11.05.14], [H11.11.05.15].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có hệ thống quy định, phân công nhiệm vụ trong công tác đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan hợp lý và khoa học đáp ứng yêu cầu công tác đảm bảo chất lượng. Công tác triển khai thực hiện việc khảo sát sự hài lòng các bên liên quan được tổ chức thực hiện có hệ thống, rộng khắp trên nhiều lĩnh vực hoạt động.

3. Điểm tồn tại

Việc phân tích, đánh giá và sử dụng kết quả khảo sát trong việc đổi mới, cải tiến các chính sách còn một số hạn chế, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu của các bên liên quan do nguồn lực có hạn.

Công tác đối sánh mức độ hài lòng các bên liên quan với các cơ sở giáo dục còn nhiều hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường nguồn lực để thực hiện việc cải tiến chính sách trong các hoạt động của Nhà trường đáp ứng theo yêu cầu của các bên liên quan	Các đơn vị trong Nhà trường	Từ năm học 2023-2024	
		Thực hiện tốt công tác đối sánh mức độ hài lòng các bên	Các đơn vị trong Nhà	Từ năm học 2023-2024	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
		liên quan để có đầy đủ cơ sở dữ liệu phục vụ việc xây dựng, ban hành, cải tiến chính sách hướng đến đáp ứng xu hướng hội nhập ngày càng sâu rộng trong lĩnh vực đào tạo đại học	trường		
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện tốt các quy định về công tác khảo sát mức độ hài lòng các bên liên quan trong và ngoài trường trên nhiều lĩnh vực và nâng cao chất lượng công tác khảo sát	Các đơn vị trong Nhà trường	Từ năm học 2023-2024	

5. Tự đánh giá: **Đạt, mức 5/7.**

Kết luận về Tiêu chuẩn 11

Đánh giá đầu ra của SV có ý nghĩa quan trọng trong đánh giá kết quả của quá trình đào tạo. Tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ thôi học được thiết lập, giám sát và đối sánh để cải tiến. Phòng Quản lý Đào tạo, Khoa Kiến trúc giám sát tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ thôi học hàng năm để đánh giá và xem xét lại hoạt động đào tạo thông qua báo cáo tổng kết các năm học, báo cáo tổng kết khóa học. Thời gian thiết kế cho ngành Kiến trúc 5 năm là hợp lý. Tỷ lệ SV tốt nghiệp có việc làm hoặc học tiếp cao học là khá cao. Triển vọng việc làm của SV tốt nghiệp ở mức tốt. Nhiều hoạt động khuyến khích NCKH của SV. Tỷ lệ SV tốt nghiệp có việc làm của SV sau 1 năm ra trường khá cao. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được thiết lập, giám sát.

Tiêu chuẩn 11 có 05 tiêu chí, trong đó cả 05 tiêu chí đạt mức 5/7.

Tự đánh giá tiêu chuẩn 11: 5,0/7

PHẦN III. KẾT LUẬN

Việc triển khai công tác tự đánh giá CTĐT ngành Kiến trúc có ý nghĩa rất quan trọng. Đây là dịp để Trường Đại học Xây dựng Miền Trung nói chung và Khoa Kiến trúc nói riêng tự đánh giá chất lượng các hoạt động của đơn vị. Qua đó thấy được những ưu nhược điểm trong công tác quản lý, đào tạo, trong các hoạt động chuyên môn của Khoa và của các phòng ban liên quan. Từ việc đánh giá đối chiếu với các tiêu chuẩn, Trường và Khoa đã tổng hợp những ưu nhược điểm và đề xuất phương hướng hành động như sau:

3.1. Những điểm mạnh của CTĐT ngành kiến trúc

3.1.1. Về mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

Mục tiêu của chương trình đào tạo ngành Kiến trúc công trình được xây dựng phù hợp với mục tiêu của GDĐH quy định tại Luật GDĐH, sứ mạng và tầm nhìn của nhà trường, kinh nghiệm và uy tín trong đào tạo kết hợp với thực tế nhu cầu của xã hội. Do đó, mục tiêu của chương trình đào tạo luôn được xác định rõ ràng, kịp thời và phù hợp.

CĐR chương trình đào tạo ngành Kiến trúc của Trường Đại học Xây dựng Miền Trung hiện tại đảm bảo bao quát được các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt. Đặc biệt, khoa Kiến trúc chú trọng xây dựng CĐR bám sát các kiến thức và kỹ năng về hoạt động nghề nghiệp để người học sau tốt nghiệp có thể hành nghề với những vị trí cụ thể và rõ ràng. Chương trình đào tạo đã có những điều chỉnh, đổi mới đáng kể về chuẩn đầu ra qua những lần điều chỉnh.

Chuẩn đầu ra ngành Kiến trúc được kịp thời bổ sung, điều chỉnh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, có sự tham khảo ý kiến phản hồi từ phía nhà tuyển dụng lao động, người tốt nghiệp, giảng viên và các cơ sở giáo dục trong nước nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực ngành Kiến trúc. Ngoài ra, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Kiến trúc được công bố công khai rộng rãi trên các kênh thông tin.

3.1.2. Về bản mô tả CTĐT

Bản mô tả CTĐT ngành Kiến trúc được xây dựng bám sát các văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thể hiện được sự liên hệ giữa các thông tin quan trọng về ngành Kiến trúc và được tích hợp những nội dung mới. Qua bản mô tả này, người học và xã hội hiểu được lộ trình dự kiến toàn bộ khóa học cũng như phương pháp dạy-học và kiểm tra đánh giá nhằm đạt được CĐR của ngành Kiến trúc.

Đề cương chi tiết các học phần của ngành Kiến trúc được thể hiện đầy đủ các thông tin, được rà soát, đánh giá và điều chỉnh cho phù hợp với CĐR, từng thời điểm cụ thể. Đã có góp ý của các nhà sử dụng lao động, các doanh nghiệp để cập nhật nhằm cải tiến.

Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần luôn được công khai kịp thời cho người học bằng nhiều kênh thông tin khác nhau như thông qua

sở tay sinh viên, công khai trên website của Trường, của Khoa hoặc do giảng viên cung cấp trực tiếp đến sinh viên.

3.1.3. Về cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Chương trình dạy học chứa đựng sự đa dạng và phong phú phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá, khai thác một cách hiệu quả nguồn lực hiện có của nhà trường.

Các học phần trong chương trình đào tạo được xây dựng thể hiện sự liên hệ mật thiết và tương thích với nhau. Sự phân bổ các khối kiến thức trong từng học phần đảm bảo tính khoa học, không có sự trùng lặp kiến thức.

Chương trình dạy học thường xuyên được rà soát, bổ sung và đánh giá. Quá trình xây dựng, bổ sung có tham khảo chương trình từ một số trường có uy tín cùng lĩnh vực trong nước.

3.1.4. Về phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mục tiêu giáo dục ngành kiến trúc được tuyên bố rõ ràng và phổ biến rộng rãi đến người dạy, người học và cộng đồng, xã hội.

Các hoạt động dạy và học của các học phần đã đáp ứng tốt tiêu chí đề ra, đội ngũ giảng viên trong Khoa thường xuyên cập nhật, trau dồi kiến thức, kỹ năng kinh nghiệm giúp sinh viên lĩnh hội những kiến thức lý thuyết và thực tiễn tốt nhất. Khoa Kiến trúc đã đổi mới toàn diện phương pháp dạy và học theo hướng phát huy tính tích cực sáng tạo của người dạy và người học nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra của ngành.

Các hoạt động dạy và học có chiến lược, được thể hiện cụ thể trong cấu trúc CTĐT, trong các đề cương học phần cũng như các hoạt động dạy và học trên lớp và các hoạt động ngoại khóa tạo điều kiện cho SV rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm, nâng cao khả năng học tập suốt đời. 100% đề cương học phần mô tả rõ việc sử dụng hiệu quả tổ hợp các phương pháp giảng dạy/học tập nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học.

3.1.5. Về đánh giá kết quả học tập của người học

Công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập đối với người học của khoa Kiến trúc được thực hiện theo đúng quy trình, quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác. Các hình thức đánh giá đa dạng, công bằng và phù hợp với phương thức đào tạo, mục tiêu và chuẩn đầu ra từng học phần.

Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học theo chương trình đào tạo ngành Kiến trúc công trình là rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.

Công tác kiểm tra, đánh giá kết quả người học của ngành Kiến trúc công trình được thực hiện theo đúng quy trình. Phương pháp kiểm tra, đánh giá được đa dạng hóa, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu từng học phần và đảm bảo chất lượng chung giữa các môn học, giữa

các chuyên ngành trong chương trình đào tạo của khoa Kiến trúc.

Kết quả học tập của người học được thông báo kịp thời, được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn, tạo điều kiện tốt nhất cho việc học tập của người học.

Nhà trường thường xuyên khảo sát lấy ý kiến của người học về chất lượng phục vụ, hỗ trợ trong quá trình học tập. Các Phòng, Khoa, Bộ môn giải quyết nhanh chóng các khiếu nại đúng theo quy định của Nhà trường để đảm bảo được quyền lợi cho người học khi có thắc mắc về kết quả học tập.

3.1.6. *Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên*

Việc Tuyển dụng, đào tạo đội ngũ giảng viên được Nhà trường thực hiện dài hạn theo chiến lược phát triển của Trường là phù hợp với xu hướng nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên. Công tác rà soát quy hoạch cán bộ lãnh đạo theo kế hoạch trung hạn (2018-2023, 2023-2028), giúp định hướng đội ngũ kế cận, những giảng viên trẻ chuẩn bị các điều kiện để có thể đảm nhận công việc chuyên môn và quản lý.

Nhà trường có các tiêu chí rõ ràng để đo lường, đánh giá khối lượng công việc của giảng viên, làm căn cứ để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và xét các danh hiệu thi đua khen thưởng. Đội ngũ giảng viên tận tụy, trách nhiệm, chuyên môn tốt đáp ứng tốt yêu cầu về chất lượng đào tạo.

Nhà trường có Quy chế tuyển dụng và ký hợp đồng làm việc với giảng viên trong đó quy định những tiêu chuẩn tuyển dụng giảng viên rõ ràng, phân đấu theo lộ trình phù hợp, giảng viên phải đạt trình độ về các mặt giảng dạy, nghiên cứu khoa học, học tập và rèn luyện, và các hoạt động chuyên môn khác.

Các kế hoạch, quy trình, quy chế đánh giá năng lực của đội ngũ giảng viên đầy đủ và bài bản. Công tác đào tạo bồi dưỡng giảng viên và kết quả đánh giá hàng năm cho thấy đội ngũ giảng viên có năng lực hoạt động giảng dạy và triển khai chương trình đào tạo một cách có hiệu quả.

Trường luôn chú trọng đến chất lượng và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đã có nhiều chính sách hỗ trợ tài chính cho việc đào tạo giảng viên trình độ sau đại học.

Trường Đại học Xây dựng Miền Trung đã hoàn chỉnh hệ thống định mức về thời gian làm việc, giảng dạy và nghiên cứu khoa học cho từng chức danh cụ thể. Đã xây dựng được quy chế thi đua, khen thưởng nhằm động viên khuyến khích kịp thời các cá nhân và tổ chức hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Nhà trường đã có nhiều chính sách khuyến khích giảng viên nghiên cứu khoa học. Khoa Xây dựng xác định hoạt động nghiên cứu khoa học là hoạt động mang tính bắt buộc, cần thiết để nâng cao chất lượng đào tạo và là một trong những thước đo năng lực chuyên môn của giảng viên, từ đó số lượng và chất lượng các sản phẩm nghiên cứu ngày một nâng cao.

3.1.7. *Về đội ngũ nhân viên*

Công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng chuyên viên, nhân viên hỗ trợ có

chiến lược, có kế hoạch phát triển rõ ràng, công khai minh bạch dựa trên hiện trạng và yêu cầu phải đáp ứng trong tương lai của từng vị trí việc làm.

Quy định chung về tuyển dụng, lựa chọn và bổ nhiệm đầy đủ, rõ ràng. Quy trình tuyển chọn chặt chẽ, công khai, xuất phát từ nhu cầu của các đơn vị cơ sở và hướng tới phục vụ cộng đồng.

Nhà trường đã ban hành các quy định, quy trình và phương pháp đánh giá trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức, trách nhiệm, kết quả thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ chuyên viên, nhân viên phục vụ theo từng tháng, từng năm một cách rõ ràng, khoa học.

Nhà trường đã có quy định và có kế hoạch triển khai đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ chuyên viên, nhân viên hỗ trợ, phục vụ hàng năm một cách chủ động để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của từng vị trí việc làm.

Công tác thi đua khen thưởng đối với đội ngũ chuyên viên, nhân viên hỗ trợ, phục vụ được quy định rõ ràng và công khai giúp cho công tác quản trị công việc được triển khai tích cực trong Nhà Trường và Khoa Kiến trúc.

3.1.8. Về người học và hoạt động hỗ trợ người học

Các chính sách, quy định về tuyển sinh của Nhà trường tuân thủ các quy định về tuyển sinh của BGD&ĐT, cụ thể, chi tiết phù hợp với điều kiện thực tiễn của Nhà trường, Kế hoạch tuyển sinh của Nhà trường được xây dựng chi tiết, có phân công cụ thể trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân liên quan.

Các chính sách, quy định về tuyển sinh của Nhà trường được công bố công khai bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú....

Các chính sách, quy định về tuyển sinh của Nhà trường được tổng kết đánh giá và cập nhật thông qua ý kiến phản hồi đầy đủ của các bên liên quan.

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học tại Trường ĐHXDMT nói chung và của Khoa Kiến trúc nói riêng được xác định rõ ràng và được thực hiện đúng với các quy định của Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường ĐHXDMT ban hành. Hệ thống phương pháp tuyển chọn người học khá đa dạng và linh hoạt, phù hợp với nhiều đối tượng tuyển sinh khác nhau, giúp người học có nhiều cơ hội trúng tuyển vào các ngành đào tạo của Nhà trường nói chung và ngành kiến trúc nói riêng. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học thường xuyên được rà soát, đánh giá, cập nhật trên cơ sở các quy định về tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo, ý kiến của các bên liên quan trong và ngoài trường và kết quả tuyển sinh hằng năm.

Nhà trường có quy định rõ ràng về chức năng nhiệm vụ các đơn vị trong việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của sinh viên, cảnh báo học vụ. Có phân công giảng viên cố vấn để thực hiện việc theo dõi, tư vấn, hỗ trợ sinh viên thực hiện tốt khối lượng học tập và cải thiện thành tích học tập.

Nhà trường có đầy đủ hệ thống các quy định về đào tạo theo hệ thống tín chỉ,

quản lý sinh viên, quản lý công tác cố vấn, ... tạo hành lang pháp lý hoàn chỉnh phục vụ việc đào tạo, giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của sinh viên.

Nhà trường có đầy đủ cơ sở dữ liệu phục vụ cho việc theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong học tập và rèn luyện; theo dõi tỷ lệ chậm tiến độ, thôi học, ... Các dữ liệu này được quản lý bởi phần mềm quản lý đào tạo BSC, được chia sẻ đến các bên liên quan thông qua tài khoản cá nhân và được tích hợp lên website của Nhà trường.

Có quy định, phân công rõ ràng trách nhiệm các đơn vị trong nhà trường chịu trách nhiệm tư vấn học tập, tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của sinh viên;

Các hoạt động tư vấn học tập, tư vấn việc làm, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác được tổ chức thường xuyên, liên tục để giúp cải thiện kết quả học tập và nâng cao khả năng có việc làm của sinh viên.

Có tổ chức khảo sát, lấy ý kiến các bên liên quan về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn hỗ trợ người học, tư vấn việc làm, ... để kịp thời nắm bắt thông tin từ đó ban hành các chính sách phù hợp để nâng cao hiệu quả đào tạo và hỗ trợ người học

Cơ sở vật chất, cảnh quan khuôn viên và môi trường tâm lý xã hội của Trường ĐHXDMT khá đồng bộ, an toàn, thoải mái, đáp ứng tốt cho hoạt động đào tạo, rèn luyện kỹ năng cho sinh viên.

Công tác y tế học đường, phòng chống cháy nổ, vệ sinh an toàn thực phẩm được thực hiện rất nghiêm túc.

3.1.9. Về cơ sở vật chất và trang thiết bị

Nhà trường đầu tư cơ sở hạ tầng với tổng diện tích sử dụng 229.033 m², diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học 15.565 m². Với số lượng phòng làm việc, phòng học, phòng hội thảo, phòng đọc, phòng máy tính, phòng thực hành, thí nghiệm được trang bị đầy đủ các thiết bị, bàn ghế, thiết bị chiếu sáng, hệ thống quạt và điều hòa đáp ứng tốt cho công tác đào tạo, NCKH, ... của Trường nói chung và của Khoa kiến trúc nói riêng.

Thư viện có nguồn tài liệu dồi dào, phong phú, có thư viện điện tử giúp giảng viên và người học tra cứu tài liệu trực tuyến mọi lúc, mọi nơi. Đặc biệt là dự án thư viện mới được xây dựng và trang thiết bị phục vụ hiện đại.

Nguồn tài liệu được bổ sung đều đặn hàng năm, cập nhật được những kiến thức mới nhất để phục vụ công tác đào tạo và NCKH của Trường.

Thái độ phục vụ của nhân viên thư viện rất nhiệt tình, trách nhiệm tạo cho bạn đọc nhất là người học cảm giác thoải mái khi đến với thư viện.

Ngành Kiến trúc có thời gian đào tạo gần 20 năm, là một trong những ngành có bề dày của Trường. Mục tiêu đào tạo ngành theo định hướng ứng dụng nên nhà trường luôn quan tâm, ưu tiên đến công tác đầu tư, nâng cấp hệ thống phòng thí nghiệm, xưởng, phòng thực hành. Nhà trường đã ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản

công (trong đó có phân công giao nhiệm vụ bộ phận QTTB phối hợp với Phòng TCKT thực hiện kế hoạch đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị).

Nhà trường có đầy đủ cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng, các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập, các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, cơ sở dữ liệu trực tuyến đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu đào tạo, NCKH của Trường.

Nhà trường xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng, các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập, các nguồn lực học tập ở cấp trường và cấp khoa.

Nhà trường quan tâm, chú trọng đến nhu cầu của người học và người có nhu cầu đặc biệt.

Nhà trường xác định rõ ràng các tiêu chuẩn về môi trường, an toàn và sức khỏe. Toàn thể VC-NLĐ, người học, trạm y tế, Ban quản lý KTX, giảng đường,.. đều được tập huấn, học tập nâng cao nghiệp vụ trong công tác, đảm bảo môi trường làm việc an toàn, sức khỏe.

Hàng năm, các vấn đề trật tự, trị an, các nội quy, quy định của Nhà trường được truyền đạt đến người học thông qua các buổi đối thoại giữa lãnh đạo các phòng.

3.1.10. Về nâng cao chất lượng

Hàng năm, Khoa Kiến trúc đều lấy ý kiến phản hồi của người học, đặc biệt là sinh viên năm cuối chuẩn bị tốt nghiệp về CTDH. Sự phản hồi tích cực từ các sinh viên đã góp phần giúp Khoa thường xuyên rà soát, điều chỉnh và nâng cao chất lượng đào tạo. Đặc biệt, Khoa Kiến trúc thường xuyên đưa sinh viên đi tham quan thực tế, tiếp cận doanh nghiệp, đơn vị tư vấn, thi công để trao đổi trực tiếp về nội dung cần đào tạo và yêu cầu thực tế hành nghề của ứng viên để thường xuyên cập nhật CTDH.

Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được khoa Kiến trúc thiết lập, đánh giá và cải tiến theo một quy trình đã được ban hành trước. Các ý kiến về hoạt động đánh giá có sự tham gia của các chuyên gia uy tín ngành kiến trúc, cán bộ quản lý các cấp, giảng viên, SV đang học, cựu SV và nhà tuyển dụng. Từ đó CTDH thường xuyên được cập nhật, điều chỉnh nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng tốt yêu cầu của xã hội.

Các hình thức đánh giá về thi cử được thực hiện đúng theo quy định về thi và kiểm tra kết thúc học phần và điều chỉnh theo từng năm cho phù hợp với yêu cầu mà thực tế đặt ra. Việc ra đề, chấm thi đều được thực hiện theo quy trình chặt chẽ được quy định trong quy trình thi và kiểm tra của trường. Về quy trình hướng dẫn và chấm Đồ án tốt nghiệp cho SV năm cuối cũng được phòng Quản lý Đào tạo và khoa Kiến trúc thống nhất theo quy trình được công bố trước trong sổ tay hướng dẫn tốt nghiệp.

Khoa Kiến trúc thường xuyên họp giao ban giữa lãnh đạo Khoa và các Trưởng bộ môn để nhắc nhở về quá trình giảng dạy của giảng viên, các kết quả thanh kiểm tra

về ra đề thi, chấm thi, coi thi của giảng viên và các ý kiến phản hồi của SV về quá trình giảng dạy của GV, từ đó hiệu chỉnh lại phương pháp giảng dạy hoặc bổ túc kiến thức cho SV đảm bảo yêu cầu CDR.

Nhà trường có khuyến khích hoạt động NCKH trong giảng viên và sinh viên với cơ chế hợp lí. Giảng viên và sinh viên của khoa Kiến trúc đã tích cực tham gia NCKH, có ý thức vận dụng để cải tiến việc dạy và học, có sự hỗ trợ và hướng dẫn thực hiện đầy đủ từ phía Nhà trường. Các kết quả NCKH được công nhận và phản hồi tốt từ bên ngoài.

Việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích được tiến hành thường xuyên theo học kỳ thông qua phiếu khảo sát và hoạt động đối thoại giữa lãnh đạo Nhà trường với SV và trên cơ sở ý kiến đóng góp của các bên liên quan trong các cuộc họp, hội nghị. Thông qua kết quả khảo sát, Nhà trường đã đầu tư Cơ sở vật chất, trang thiết bị, máy thí nghiệm, tài liệu học tập,...nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng các dịch vụ hỗ trợ cho SV. Phòng thí nghiệm, phòng máy tính phục vụ học tập các môn tin học, thực hành đầy đủ, luôn bổ sung máy để đáp ứng nhu cầu của SV.

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan đã được thiết lập có tính hệ thống và đã nhận được các ý kiến đóng góp cho các hoạt động của Nhà trường, đặc biệt là về CTĐT, CTDH, công tác phục vụ, đánh giá hoạt động giảng dạy của GV nhằm nâng cao chất lượng, đáp ứng CDR của CTDH.

3.1.11. Về kết quả đầu ra.

Nhà trường có hệ thống dữ liệu đầy đủ để xác lập và giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của người học.

Nhà trường có sử dụng phần mềm để quản lý thông tin tốt nghiệp của người học (phần mềm BSC).

Nhà trường có tổ chức đối sánh, phân tích kết quả tốt nghiệp của người học để phục vụ việc cải tiến chất lượng.

Nhà trường quy định và phân công rõ ràng các đơn vị theo dõi, giám sát tỷ lệ tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp của sinh viên. Ban Lãnh đạo Khoa Kiến trúc, các đơn vị quản lý, giảng viên cố vấn học tập đã thực hiện tốt việc tư vấn, hỗ trợ sinh viên thực hiện học tập đảm bảo đúng tiến độ CTĐT, kịp thời nhắc nhở, định hướng cho các sinh viên có kết quả học tập không tốt cải thiện và nâng cao kết quả học tập.

Nhà trường có phân công rõ ràng chức năng theo dõi tình hình có việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp, có điều tra khảo sát việc làm với các số liệu đáng tin cậy, để làm căn cứ cho việc xây dựng các chính sách về đào tạo phù hợp với nhu cầu xã hội.

Công tác tư vấn việc làm và quan hệ doanh nghiệp được tổ chức thường xuyên, mang lại hiệu quả trong việc hỗ trợ người học tìm kiếm việc làm sau khi ra trường.

Nhà trường đã xác lập được các loại hình nghiên cứu khoa học, có chiến lược, chính sách về nghiên cứu khoa học khá hoàn chỉnh và đồng bộ, tạo cơ sở cho sự phát

triển của hoạt động nghiên cứu khoa học trong giảng viên, sinh viên.

Nhà trường có quy định, quy trình và giám sát hoạt động nghiên cứu khoa học, có phân công đơn vị phụ trách tham mưu, đề xuất, tổ chức thực hiện có hiệu quả hoạt động nghiên cứu khoa học.

Nhà trường có hệ thống quy định, phân công nhiệm vụ trong công tác đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan hợp lý và khoa học đáp ứng yêu cầu công tác đảm bảo chất lượng. Công tác triển khai thực hiện việc khảo sát sự hài lòng các bên liên quan được tổ chức thực hiện có hệ thống, rộng khắp trên nhiều lĩnh vực hoạt động.

3.2. Những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của CTĐT

3.2.1. Về mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

Việc lấy ý kiến nhận xét về mục tiêu của chương trình đào tạo của cựu người học và nhà tuyển dụng nhằm bổ sung, hoàn chỉnh mục tiêu đạt hiệu quả chưa cao.

Việc thu thập thông tin, khảo sát ý kiến các bên liên quan chưa được bao quát và đầy đủ.

Việc tiếp nhận thông tin phản hồi từ phía đơn vị sử dụng lao động về chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Kiến trúc công trình vẫn còn khiêm tốn, chưa thể bao quát rộng rãi và đa dạng.

3.2.2. Về bản mô tả CTĐT

Bên cạnh việc cập nhật những nội dung mới và có kế hoạch rà soát điều chỉnh theo từng giai đoạn cụ thể, bản mô tả CTĐT vẫn cần được triển khai và cụ thể hóa trong tất cả các đề cương học phần.

Việc tiếp nhận ý kiến từ phía nhà tuyển dụng lao động còn chậm, chưa thật sự phong phú và khách quan.

Nội dung bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần chưa thực sự nhận được nhiều ý kiến phản hồi từ cựu sinh viên và các cơ quan, đơn vị sử dụng lao động, và việc giám sát và đánh giá thường xuyên xem mức độ tiếp cận của họ như thế nào để cải thiện tốt hơn cũng chưa sâu sát.

3.2.3. Về cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Một số phương pháp giảng dạy và đánh giá còn mang tính hình thức, việc triển khai áp dụng chưa thật sự hiệu quả.

Việc lựa chọn tổ hợp phương pháp giảng dạy và đánh giá cho từng học phần còn thể hiện tính chủ quan của người biên soạn chương trình giảng dạy học phần. Ngoài ra, quy trình giám sát việc thực thi nội dung giảng dạy, đánh giá từng học phần chưa đảm bảo tính toàn diện.

Chất lượng sinh viên đầu vào khá thấp so với mặt bằng chung cả nước nên việc khả năng đạt được chuẩn đầu ra từ các khối kiến thức trong chương trình dạy học còn khá khiêm tốn so với áp lực thời gian không chế của chương trình.

3.2.4. Về phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Việc khảo sát lấy ý kiến của doanh nghiệp, nhà tuyển dụng, cựu SV về mục tiêu giáo dục của ngành kiến trúc công trình chưa được tiến hành rộng khắp trên các vùng khác, mà chủ yếu chỉ tập trung ở khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

Sinh viên tham gia vào quá trình học chưa thật sự thích nghi với phương pháp dạy và học như tự học và tự nghiên cứu, đặc biệt là những sinh viên năm đầu. Đây cũng chính là điểm cần hoàn thiện và cải tiến hơn nữa để hoàn thiện phương pháp tiếp cận dạy và học.

Các hội nghị, hội thảo về đổi mới, cải tiến phương pháp dạy và học vẫn còn hạn chế.

Một số ít GV chưa thực sự quan tâm áp dụng thực hiện tìm tòi, học hỏi, tự nghiên cứu để phát triển khả năng học hỏi suốt đời.

3.2.5. Về đánh giá kết quả học tập của người học

Khoa Kiến trúc chưa tổ chức khảo sát đánh giá việc áp dụng các loại hình thi, kiểm tra đối với từng học phần để có thể phân tích mức độ phù hợp so với đặc thù của từng chuyên ngành. Trong 02 năm dịch bệnh Covid, hình thức thi kiểm tra hoàn toàn là trực tuyến nên hiệu quả của hình thức thi chưa được khảo sát, đánh giá. Phần đánh giá quá trình làm việc của sinh viên trong các học phần đồ án phụ thuộc hoàn toàn vào giáo viên hướng dẫn, chưa có hình thức kiểm tra chéo.

Việc đánh giá đối với các bài tập, đồ án làm theo nhóm chưa cụ thể với từng cá nhân trong nhóm.

Thực hiện, tổ chức kiểm tra, đánh giá giữa kỳ chưa đồng đều giữa các giáo viên dạy cùng học phần.

Với các Đồ án, việc đánh giá còn mang tính cảm tính, tùy thuộc vào nhận định của mỗi giáo viên.

Công tác rà soát, nội dung đồ án các môn học, đổi mới bộ đề thi, đổi mới cách ra đề thi cho một số học phần chưa được tiến hành thường xuyên, liên tục để phù hợp với thực tiễn.

Một số học phần đồ án còn đánh giá theo cảm tính.

Việc cập nhật điểm, liên thông giữa các bộ phận đối với các học phần học lại, học cải thiện còn chậm.

Nhiều Cố vấn học tập chưa thật sự nắm rõ các quy định về đánh giá, phản hồi kết quả học tập cho người học.

Một số người học còn cho rằng kết quả phúc khảo chưa thực sự thỏa đáng, chưa được xem điểm chấm của bài thi.

3.2.6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Chưa có nhiều nhóm nghiên cứu, chưa tạo kết nối với các nhóm nghiên cứu ở các cơ sở nghiên cứu ứng dụng trong và ngoài nước về lĩnh vực có thế mạnh của Khoa. Các cá nhân hoạt động nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng một cách

đơn lẻ, nên chưa phát huy hết sức mạnh.

Công tác nghiên cứu mang tính ứng dụng của giảng viên Nhà trường đã có nhưng còn ít, quy định về tính giờ khoa học còn nới lỏng nên giảng viên dễ dàng hoàn thành khối lượng nghiên cứu khoa học.

Số giảng viên phấn đấu đi nghiên cứu sinh chưa nhiều, trình độ ngoại ngữ của giảng viên còn thấp.

Công tác đánh giá tính ứng dụng của các đề tài NCKH để phục vụ giảng dạy chưa rõ ràng, nhiều đề tài khoa học có tính ứng dụng chưa cao. Trình độ Tiếng Anh của đội ngũ giảng viên chưa đồng đều.

Việc đào tạo, bồi dưỡng GV ở nước ngoài còn hạn chế. Việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng về ngoại ngữ theo hình thức tập trung chưa đáp ứng tốt yêu cầu của GV.

Chưa có công cụ đo lường sự đóng góp của các nghiên cứu khoa học phục vụ cộng đồng.

3.2.7. Về đội ngũ nhân viên

Một bộ phận không nhỏ chuyên viên, nhân viên khối phục vụ còn ngại đi học tập, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng ngoại ngữ, tin học làm ảnh hưởng tới kế hoạch công tác của đơn vị.

Chưa có giải pháp đào tạo, bồi dưỡng chuyên viên, nhân viên khối phục vụ theo vị trí việc làm một cách bài bản và đạt hiệu quả cao.

Đội ngũ chuyên viên, nhân viên phục vụ của trường có trình độ chuyên môn đạt chuẩn nhưng còn thiếu về kỹ năng, năng lực tổng hợp, nhất là các vấn đề có liên quan đến công tác hỗ trợ sinh viên của Trường.

Trình độ ngoại ngữ (tiếng Anh) của đội ngũ chuyên viên, nhân viên còn thấp, còn nhiều nhân viên chưa tích cực trong việc học tập trang bị thêm khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh.

Các phong trào thi đua chưa được phong phú, phong trào thi đua mang tính chất chuyên đề chưa được tổ chức thường xuyên để tạo động lực cho mọi đối tượng trong Nhà trường.

3.2.8. Về người học và hoạt động hỗ trợ người học

Các chính sách, quy định về tuyển sinh vẫn còn thực hiện chung trong toàn trường mà chưa hình thành hệ thống các chính sách, quy định tuyển sinh riêng đối với Khoa Kiến trúc và ngành kiến trúc.

Chưa có nhiều điều tra, khảo sát và lấy ý kiến phản hồi của xã hội, người học về chính sách và các quy định tuyển sinh để làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cập nhật.

Chưa có tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học áp dụng riêng cho ngành kiến trúc.

Phạm vi khảo sát và đối tượng khảo sát còn hạn chế, nội dung khảo sát còn chưa làm rõ nhu cầu của các bên liên quan trong công tác tuyển sinh, tuyển chọn người

học.

Việc thực hiện nhiệm vụ cố vấn học tập của một số giảng viên chưa tốt, chưa hoàn thành các nhiệm vụ theo quy định công tác cố vấn.

Việc khai thác phần mềm BSC còn chưa đồng bộ, một số tính năng quản lý trong phần mềm chưa được sử dụng.

Công tác khảo sát, lấy ý kiến người học và các bên liên quan về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn hỗ trợ người học, tư vấn việc làm, hoạt động phong trào, hoạt động thi đua và các dịch vụ khác chỉ thực hiện chung mà chưa có chuyên đề riêng.

Chưa ban hành riêng quy định về hoạt động tư vấn hỗ trợ người học để quy định rõ vai trò, trách nhiệm và sự phối hợp giữa các bên liên quan trong hoạt động để tránh trùng lặp gây lãng phí và làm giảm hiệu quả.

Hệ thống máy móc thiết bị, một số đã cũ và hư hỏng cần được đầu tư mua sắm mới phù hợp với nhu cầu đào tạo theo định hướng ứng dụng.

Kinh phí hoạt động của các câu lạc bộ, đội nhóm về kỹ năng mềm còn hạn chế nên hoạt động cũng chưa thường xuyên.

3.2.9. Về cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mặc dù cơ sở vật chất đã được nhà trường đầu tư, trang bị đầy đủ cho việc phục vụ đào tạo và nghiên cứu. Tuy nhiên, việc quy hoạch khai thác, sử dụng giảng đường, phòng học còn chưa hiệu quả. Một số phòng học còn nóng vào mùa nắng và WiFi chưa đáp ứng được nhu cầu sử dụng của người học.

Công tác liên kết, mở rộng quan hệ hợp tác với các cơ quan Thông tin - Thư viện, các tổ chức, các NXB chưa được phát triển mạnh.

Một số phòng thí nghiệm vẫn còn thiết bị cũ, chưa được thay thế kịp thời phục vụ công tác đào tạo. Một số thiết bị phục vụ công tác nghiên cứu khoa học còn chưa đầy đủ.

Kinh phí dành cho việc xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị công nghệ thông tin còn hạn chế.

Chưa khai thác được nguồn tài liệu điện tử nội sinh phục vụ cho cán bộ, giảng viên và người học.

Khuôn viên của trường khá rộng, mới nên hệ thống cây xanh, đường nội bộ chưa được đầu tư đồng bộ.

Chưa có quy định riêng về công tác phục vụ người khuyết tật.

3.2.10. Về nâng cao chất lượng

Số lượng khảo sát còn ít, địa bàn khảo sát còn hẹp, một số ý kiến phản hồi còn mang tính hình thức.

Chương trình dạy học vẫn chưa thể hiện rõ nét riêng của trường.

Việc đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên chưa được đồng bộ mà mới

chỉ dựa vào ý kiến đánh giá của SV đang học là chủ yếu, trong giai đoạn 02 năm dịch Covid, việc đánh giá là không thực hiện được.

Giảng viên khoa chưa có điều kiện thực hiện những đề tài lớn (đề tài cấp Nhà nước), mang tính xây dựng hoặc tư vấn chính sách cho Nhà nước về lĩnh vực kiến trúc, để có thể huy động sự tham gia của hầu hết giảng viên và SV trong khoa. Các giảng viên khoa Kiến trúc chưa có nhiều các bài tham luận ở các hội thảo quốc tế (do thiếu kinh phí). Hoạt động NCKH trong SV chưa thật sự nổi bật, chưa có đề tài thật sự tốt để có thể tham gia các cuộc thi NCKH cho SV cấp quốc gia.

Đối với giảng đường, việc chưa lắp được máy chiếu cố định đã gây không ít khó khăn cho GV và SV. Máy chiếu mặc dù thường xuyên sửa chữa, bổ sung mới nhưng vẫn thường xuyên thiếu hụt. Tốc độ mạng Wifi còn chậm chạp, chưa đủ mạnh để SV có thể tra cứu tài liệu ngoài giờ học. Công tác cố vấn học tập trong hỗ trợ SV học tập, hướng nghiệp mặc dù đã có nhiều cuộc họp, tập huấn nhưng hiệu quả mang lại chưa cao. Việc đăng ký trực tuyến về số tín chỉ học tập còn thực hiện thủ công, chưa cho SV trực tiếp đăng ký trên máy tính.

Chưa có sự đánh giá đầy đủ, tâm huyết của các bên liên quan như nhà tuyển dụng, cựu SV về cơ sở vật chất phục vụ cho việc đào tạo. Các hoạt động cải tiến phục vụ trong đào tạo là có nhưng hiệu quả trong hoạt động đánh giá cải tiến chưa cao.

3.2.11. Về kết quả đầu ra.

Nhà trường chưa có một hệ thống thông tin đầy đủ và tin cậy về lý do SV thôi học, chậm tốt nghiệp để trên cơ sở đó có những tiêu chí lựa chọn SV phù hợp ngay từ khi tuyển sinh cũng như định hướng công tác cố vấn học tập, định hướng quá trình học tập cho sinh viên ngay từ những học kỳ đầu tiên trong chương trình đào tạo.

Việc nghiên cứu, đối sánh thời gian đào tạo, thời gian tốt nghiệp, tỷ lệ bỏ học chưa được thực hiện bài bản, chưa tạo được hệ thống thông tin để các bên liên quan được theo dõi và chủ động trong việc tiếp cận.

Chất lượng đầu vào của sinh viên Nhà trường trong những năm gần đây chỉ ở mức trung bình, tính chủ động của sinh viên chưa cao trong khi đặc thù kiến thức ngành nghề tương đối khó nên cũng đã gây khá nhiều khó khăn, áp lực đối với sinh viên để có thể hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn.

Nhà trường chưa ban hành quy trình khảo sát, thông kê danh sách sinh viên tốt nghiệp và có việc làm.

Việc đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp và có việc làm chưa được thực hiện bài bản và có hệ thống, để hỗ trợ thêm cho việc xác định nhu cầu đào tạo các ngành nghề trong từng thời điểm.

Nguồn lực tài chính dành cho hoạt động nghiên cứu khoa học nói chung và nghiên cứu khoa học sinh viên nói riêng còn hạn chế.

Công tác đối sánh kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học với các cơ sở giáo dục đại học trong nước và quốc tế chưa được tổ chức bài bản và có hệ thống.

Việc phân tích, đánh giá và sử dụng kết quả khảo sát trong việc đổi mới, cải tiến các chính sách còn một số hạn chế, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu của các bên liên quan do nguồn lực có hạn.

Công tác đối sánh mức độ hài lòng các bên liên quan với các cơ sở giáo dục còn nhiều hạn chế.

3.3. Kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT

3.3.1. Về mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

Tăng cường ký kết hợp tác với các tập đoàn, công ty có uy tín cao trong lĩnh vực kiến trúc, xây dựng nhằm gửi sinh viên đi tham quan, thực tập tại doanh nghiệp. Định kỳ hàng năm, nhà trường tiếp tục thu thập ý kiến đánh giá nội dung chương trình đào tạo từ phía cựu người học và nhà tuyển dụng. Tăng cường tham gia các hội thảo về đổi mới giáo dục, học hỏi kinh nghiệm đào tạo từ các trường lớn trong và ngoài nước để điều chỉnh CTĐT phù hợp với nhu cầu xã hội.

Thực hiện rà soát điều chỉnh đề cương định kỳ 02 năm/lần. Tăng cường khảo sát lấy ý kiến người học, cựu sinh viên, doanh nghiệp về chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo để việc xây dựng sát với thực tế hơn.

Từ những điểm mạnh và tồn tại, Khoa Kiến trúc xác định cần tiếp tục tập trung vào việc cải tiến chương trình đào tạo theo định kỳ 02 năm/lần, phù hợp với quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tăng cường khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan để điều chỉnh nội dung trong quá trình giảng dạy, phù hợp với nhu cầu thị trường; tăng cường trang bị cơ sở vật chất và liên kết với các trường mạnh để nâng cao năng lực của giảng viên.

3.3.2. Về bản mô tả CTĐT

Khoa Kiến trúc xác định cần tiếp tục rà soát và bổ sung, đặc biệt là nội dung giảng dạy và phương pháp đánh giá cho tất cả các học phần trong chương trình đào tạo. Tiếp tục đăng tải CTĐT trên các phương tiện thông tin để đến với người học dễ dàng nhất.

Tích cực cập nhật nội dung mới trong các đề cương môn học. Khoa Kiến trúc cần tranh thủ ý kiến của các bên liên quan nhiều hơn và khách quan hơn nữa để việc xây dựng đề cương chi tiết các học phần chất lượng và hiệu quả, ngày càng đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội.

Trong thời gian tới, Khoa Kiến trúc cần đánh giá việc tiếp cận mô tả CTĐT và đề cương học phần của các bên liên quan một cách thường xuyên và hệ thống để xem mức độ tiếp cận như thế nào nhằm cải tiến tốt hơn.

3.3.3. Về cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Khoa Kiến trúc sẽ nghiên cứu và triển khai áp dụng các phương pháp giảng dạy cũng như phương pháp đánh giá một cách khách quan, khoa học trong thời gian sắp tới.

Khoa Kiến trúc sẽ nghiên cứu các kênh phản hồi về việc xây dựng và triển khai thực hiện bản mô tả chương trình các học phần trong thời gian tới một cách thường xuyên và đầy đủ hơn.

Khoa Kiến trúc sẽ nghiên cứu đề xuất cấu trúc chương trình dạy học, phương pháp dạy học cùng công cụ đánh giá một cách phù hợp để khả năng đạt chuẩn đầu ra hiệu quả nhất.

3.3.4. Về phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Nhà trường và Khoa Kiến trúc sẽ đẩy mạnh việc quảng bá thông tin, tổ chức thường xuyên việc lấy ý kiến phản hồi từ phía các doanh nghiệp, các nhà tuyển dụng cho mục tiêu giáo dục của Nhà trường cũng như của Khoa.

Thường xuyên nâng cấp trang web Khoa: đăng tải những thông tin cần thiết của ngành, các hoạt động dạy - học của giảng viên và SV, các hoạt động rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp và các hoạt động khác, cơ hội việc làm trong và ngoài nước sau khi tốt nghiệp... để giúp cho người học có cái nhìn tổng quan và cụ thể về ngành đào tạo kiến trúc công trình của Khoa.

Cải tiến nội dung, nâng cao chất lượng chương trình “Open day” để tăng cường quảng bá Khoa, ngành kiến trúc cũng như Trường.

Tiếp thu ý kiến phản hồi từ phía người sử dụng lao động nhằm đổi mới phương pháp giảng dạy, theo hướng bắt kịp nhu cầu của xã hội là cách để Khoa Kiến trúc cải tiến hoạt động đào tạo của mình. Từ năm 2018, ngành Kiến trúc công trình chú trọng tổ chức các hội nghị thảo luận về phương pháp dạy và học mới cho sinh viên đặc biệt là sinh viên năm đầu để người học nắm bắt và thay đổi tư duy theo cách thức học tập trong môi trường Đại học.

GV khoa Kiến trúc chú trọng bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ thông qua hoạt động sản xuất bên ngoài, lắng nghe, tiếp thu các phản hồi từ các đơn vị sử dụng lao động, tham gia các lớp nghiệp vụ sư phạm, tham dự các hội nghị, hội thảo về các tiếp cận trong dạy và học theo tiêu chuẩn mới, thực hành nghề nghiệp với xã hội nhằm nâng cao trình độ chuyên môn.

Khoa Kiến trúc tập trung xây dựng phòng học Họa thất theo hướng đồng bộ, với mục tiêu hình thành như một xưởng thực hành Đồ án, trang bị các thiết bị, máy móc hỗ trợ cho sinh viên trong quá trình trình bày Đồ án như máy in, máy cắt CNC.

Chú trọng tới các giảng viên về phương pháp dạy học nhằm rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học: xây dựng động cơ học tập, xây dựng kế hoạch học tập, nắm vững nội dung tri thức, kiểm tra đánh giá kết quả học tập, cách nghiên cứu,...

Tăng cường quảng bá hình ảnh Khoa, ngành Kiến trúc.

Tăng cao tính thực hành, theo xu hướng trường đại học ứng dụng.

Nâng cao hơn nữa việc hợp tác với các doanh nghiệp.

3.3.5. Về đánh giá kết quả học tập của người học

Khảo sát kết quả học tập của các học phần trong từng học kỳ và so sánh các học phần với nhau để điều chỉnh đưa ra những hình thức đánh giá phù hợp nhất cho từng học phần.

Linh hoạt thưởng điểm hoặc phạt điểm cho các học phần Đồ án đối với các sinh viên đạt giải thưởng trong các cuộc thi nhằm khuyến khích tính tự chủ, sáng tạo của sinh viên.

Các đề cương chi tiết phải đưa vào nhiều hình thức đánh giá thể hiện tư duy độc lập, sáng tạo của người học.

Các bộ môn trong khoa Kiến trúc lên kế hoạch thực hiện kiểm tra, đánh giá giữa kỳ thống nhất trong cùng một học phần giữa các lớp.

Xây dựng tiêu chí đánh giá chặt chẽ hơn cho các học phần Đồ án.

Định kỳ từng năm học, các Bộ môn và Khoa triển khai đánh giá chất lượng và độ khó của đề thi thông qua việc thống kê, phân tích định lượng các kết quả thi của người học để kịp thời chỉnh sửa và bổ sung.

Các Bộ môn xây dựng hệ thống tiêu chí cho tất cả học phần đồ án.

Thư kí Khoa cập nhật điểm kịp thời, đơn đốc giáo viên nộp điểm đúng hạn.

Cần có phần mềm quản lý đăng ký, rút học phần, quản lý học vụ cho sinh viên.

Xây dựng đội ngũ cố vấn học tập đủ năng lực, đủ số lượng để tư vấn, định hướng, hỗ trợ cho sinh viên trong khoa.

Đơn giản hóa hơn nữa thủ tục khiếu nại, phúc khảo bài thi.

Công tác ra đề, coi thi, chấm thi... được thực hiện chặt chẽ, nghiêm túc hơn nhằm đảm bảo tính công bằng, khách quan.

Tiếp tục thực hiện thường xuyên công tác thanh tra giảng dạy, ra đề, chấm thi để hạn chế sai sót.

3.3.6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Lập nhóm nghiên cứu và tạo kết nối với các nhóm nghiên cứu ở các cơ sở nghiên cứu ứng dụng trong và ngoài nước về lĩnh vực có thế mạnh của Khoa, đáp ứng nhiệm vụ khoa học tầm quốc gia để phục vụ cộng đồng và tham gia hợp tác quốc tế.

Cần rà soát lại “Quy định nghiên cứu khoa học”, quy định rõ, cụ thể chất lượng của NCKH khi tính giờ định mức NCKH.

Rà soát “Đề án việc làm”, nhằm cụ thể hóa năng lực của các ứng viên trong đó đặc biệt chú trọng về tiêu chuẩn học thuật, về ngoại ngữ.

Xây dựng chính sách khuyến khích đưa các kết quả NCKH vào phục vụ giảng dạy và ứng dụng phục vụ cộng đồng. Xây dựng đề án ngoại ngữ, bổ sung cơ sở vật chất phục vụ công tác dạy và học ngoại ngữ trong nhà trường.

Nghiên cứu ban hành các chính sách hỗ trợ đi học nghiên cứu sinh, chính sách thu hút nhân lực có trình độ cao về trường công tác; ban hành chuẩn năng lực đối với giảng viên trẻ cần đạt được của giảng viên theo các mức độ về thời gian công tác tại

trường.

Dành nguồn lực tài chính thích đáng cho việc mời chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành trong và ngoài nước giảng dạy và làm việc với các nhóm nghiên cứu tại trường.

Hoàn thiện công cụ đánh giá và các biện pháp khen thưởng cho những nghiên cứu có tính ứng dụng cao.

Tiếp tục hoàn thiện các quy chế đánh giá hiệu quả thức hiện khối lượng công việc và sẽ tiến tới trả lương, trả thu nhập hiệu quả hơn.

Tăng cường hợp tác nghiên cứu với nước ngoài như thông qua các chương trình hợp tác, trao đổi chuyên gia, mời chuyên gia nước ngoài sang nghiên cứu tại Trường ĐHXĐMT.

Xây dựng quỹ phát triển KHCN riêng của trường và tiếp cận các nguồn khác như quỹ KHCN quốc gia, quốc tế.

3.3.7. Về đội ngũ nhân viên

Xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ nhân sự khối quản lý, phục vụ, từ đó xây dựng khung năng lực đối với viên chức, nhân viên khối quản lý, phục vụ.

Tiếp tục rà soát, mô tả lại nhiệm vụ của từng vị trí việc làm; tăng cường bồi dưỡng kỹ năng làm việc cho khối phục vụ ngày một chuyên nghiệp hơn, trả lương theo hiệu quả công việc của từng vị trí việc làm.

Đưa công tác đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ nhân sự khối quản lý, phục vụ là một nhiệm vụ thường xuyên hàng năm. Và ban hành tiêu chuẩn phấn đấu để đạt được khung năng lực đối với viên chức, nhân viên khối quản lý, phục vụ.

Tiếp tục rà soát, mô tả lại nhiệm vụ của từng vị trí việc làm; tăng cường bồi dưỡng kỹ năng làm việc cho khối phục vụ ngày một chuyên nghiệp hơn, trả lương theo hiệu quả công việc của từng vị trí việc làm.

Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ nhân sự phục vụ đáp ứng tiêu chuẩn về năng lực, kỹ năng phục vụ sinh viên, phục vụ khách hàng và phục vụ cộng đồng.

Tiếp tục rà soát, mô tả lại nhiệm vụ của từng vị trí việc làm; tăng cường bồi dưỡng kỹ năng làm việc cho khối phục vụ ngày một chuyên nghiệp hơn, trả lương theo hiệu quả công việc của từng vị trí việc làm.

Xây dựng kế hoạch đào tạo và xác định lại khung năng lực về việc sử dụng tiếng Anh đối với đội ngũ chuyên viên, nhân viên.

Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ nhân sự phục vụ đáp ứng tiêu chuẩn về năng lực, kỹ năng phục vụ sinh viên, phục vụ khách hàng và phục vụ cộng đồng.

Nhà trường cần giao cho tổ chức Công đoàn đảm nhận công tác thi đua lao động tăng năng suất, hiệu quả công việc một các thường xuyên và nội dung phong phú

hơn.

Tiếp tục hoàn thiện công tác thi đua, gắn thi đua với việc tạo động lực làm việc và tăng thu nhập cho đội ngũ chuyên viên, nhân viên hỗ trợ, phục vụ.

3.3.8. Về người học và hoạt động hỗ trợ người học

Cần xây dựng hệ thống các chính sách, quy định tuyển sinh riêng đối với Khoa Kiến trúc và ngành kiến trúc.

Thực hiện việc điều tra, khảo sát và lấy ý kiến phản hồi của xã hội, người học về chính sách và các quy định tuyển sinh đối với ngành kiến trúc.

Tiếp tục rà soát, cập nhật các chính sách, quy định về tuyển sinh của Nhà trường tuân thủ các quy định về tuyển sinh của BGD&ĐT, và cụ thể, chi tiết phù hợp hơn với điều kiện thực tiễn của Nhà trường, Rà soát xây dựng Kế hoạch tuyển sinh của Nhà trường để thực hiện đạt hiệu quả cao hơn.

Tiếp tục công bố công khai các chính sách, quy định về tuyển sinh của Nhà trường được thêm nhiều hình thức đa dạng, phong phú khác....;

Tổ chức kết nối trong công tác tuyển sinh và định hướng nghề nghiệp cho học sinh các trường THPT trên địa bàn tỉnh Phú Yên và các tỉnh Miền Trung, Tây Nguyên.

Tổ chức kết nối trong công tác tuyển sinh và định hướng nghề nghiệp cho học sinh các trường THPT trên địa bàn tỉnh Phú Yên và các tỉnh Miền Trung, Tây Nguyên.

Xây dựng tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học áp dụng riêng cho ngành kiến trúc.

Xây dựng được hệ thống các tiêu chí, phương pháp tuyển chọn người học để hướng đến nâng cao chất lượng đầu vào.

Cần có kế hoạch khảo sát, lấy ý kiến các bên liên quan đến nhiều đối tượng khác nhau có nhu cầu học ngành kiến trúc.

Tiếp tục đa dạng hóa các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học phù hợp với quy định.

Chuyên nghiệp hóa công tác cố vấn học tập để nâng cao hiệu quả, hỗ trợ tích cực hơn nữa cho sinh viên; Tiếp tục hoàn chỉnh cơ sở dữ liệu quản lý cho phần mềm BSC và khai thác phần mềm hiệu quả.

Tiếp tục hoàn thiện quy định về chức năng nhiệm vụ các đơn vị trong Nhà trường; Tiếp tục khai thác có hiệu quả phần mềm quản lý đào tạo BSC.

Cần tổ chức khảo sát lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan về các hoạt động đào tạo, hoạt động hỗ trợ người học, hoạt động tư vấn việc làm riêng theo từng chuyên đề.

Cần ban hành quy định riêng về công tác tư vấn hỗ trợ người học.

Tiếp tục tổ chức nhiều hơn nữa các hoạt động tư vấn hỗ trợ học tập, tư vấn việc làm, các hoạt động thi đua, các hoạt động phong trào để hỗ trợ sinh viên nâng cao kết quả học tập cũng như hoàn thiện các kỹ năng mềm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường lao động.

Tăng cường công tác khảo sát, sử dụng có hiệu quả kết quả khảo sát, ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan để thực hiện việc cải tiến các hoạt động tư vấn hỗ trợ học tập, tư vấn việc làm,... đáp ứng yêu cầu của người học và xã hội nghề nghiệp.

Đầu tư mua sắm máy móc, thiết bị phục vụ đào tạo theo định hướng ứng dụng.

Cần dành nguồn lực tài chính để hỗ trợ hoạt động các câu lạc bộ, đội nhóm kỹ năng.

Tiếp tục khai thác một cách có hiệu quả cơ sở vật chất hiện có trong Nhà trường để phục vụ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và rèn luyện kỹ năng.

Tiếp tục thực hiện nghiêm túc công tác y tế học đường, phòng chống cháy nổ, vệ sinh an toàn thực phẩm.

3.3.9. Về cơ sở vật chất và trang thiết bị

Xây dựng kế hoạch sử dụng và bố trí phòng học Khu A.

Sắp xếp phòng học hợp lý để giảm nóng.

Liên hệ Công ty dịch vụ Viễn thông VNPT và lắp đặt hệ thống wifi.

Liên kết, hợp tác với các cơ quan Thông tin - Thư viện, các tổ chức và các NXB.

Mua sắm, bổ sung thêm các trang thiết bị thí nghiệm cho các phòng thí nghiệm đáp ứng yêu cầu giảng dạy và NCKH.

Lập dự toán kinh phí nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin.

Đưa nguồn tài liệu điện tử nội sinh vào trang web của thư viện phục vụ cho cán bộ, giảng viên và người học.

Đầu tư xây dựng khuôn viên, hệ thống đường nội bộ tạo môi trường xanh - sạch - đẹp.

Ban hành quy định chính sách quan tâm đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

3.3.10. Về nâng cao chất lượng

Nhà trường cùng với Khoa Kiến trúc định kỳ hàng năm triển khai tăng cường mối liên hệ với các cựu sinh viên, nhà tuyển dụng và tiếp tục thực hiện việc lấy ý kiến phản hồi của các người học, cựu sinh viên, đơn vị tuyển dụng,... từ đó tổng hợp, phân tích để điều chỉnh và phát triển chương trình dạy học nhằm đáp ứng tốt hơn về nhu cầu xã hội.

Thông qua các chương trình Workshop với các trường bạn, các khoa cùng chuyên ngành, giao lưu sinh viên giữa các trường thông qua các hoạt động như Festival Kiến trúc, để từ đó có sự so sánh tìm ra những điểm mạnh và những thiếu sót trong hoạt động đào tạo của Khoa.

Khoa Kiến trúc cùng với Phòng Quản lý chất lượng sẽ định kỳ lấy ý kiến của các bên liên quan, để làm căn cứ thiết kế và phát triển chương trình dạy học được xác

lập, được đánh giá và cải tiến. Tiếp tục cải tiến Phiếu khảo sát để thông tin thu nhận được có giá trị tham chiếu cao, không mang tính chung chung. Đồng thời khoa sẽ tiến hành đối sánh với các CTDH ngành Kiến trúc công trình của trường với CTDH của các trường lớn, uy tín trong nước, kể cả trong khu vực và Quốc tế.

Khoa Kiến trúc cùng với phòng Quản lý chất lượng của trường sẽ tiếp tục thực hiện và điều chỉnh để có hình thức thi và kiểm tra phù hợp với tất cả các học phần, định kỳ theo kế hoạch thực hiện thanh tra, kiểm tra bài thi kết thúc học phần, nhất là về nội dung bài thi.

Khoa Kiến trúc cũng sẽ cử các giảng viên trẻ đi giao lưu, học tập kinh nghiệm và nâng cao trình độ ở các trường lớn trong nước và cả quốc tế.

Khoa Kiến trúc tích cực tham gia các đề tài, dự án sự nghiệp Nhà nước trong ngành kiến trúc, tích cực tham gia viết báo và tham dự các hội thảo trong nước và Quốc tế về lĩnh vực kiến trúc, đồng thời sẽ gắn liền các hoạt động trong thực tế với các đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên. Tích cực cử giảng viên tham gia các hội đồng phản biện, tư vấn các dự án lớn cho địa phương.

Khoa Kiến trúc cùng với Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng của trường tiếp tục phát huy công tác định kỳ khảo sát ý kiến người học trong công tác hỗ trợ sinh viên học tập, tham mưu cho Nhà trường tiếp tục bổ sung cơ sở vật chất như máy tính, máy chiếu, trang thiết bị thí nghiệm, tài liệu tham khảo chuyên môn, nhất là tài liệu tham khảo nước ngoài của các trường nổi tiếng trong khu vực và thế giới. Đồng thời phối hợp với phòng Quản lý Đào tạo thực hiện việc chọn đăng ký học phần trực tuyến để thuận lợi trong việc đăng ký học tập của sinh viên.

Khoa Kiến trúc sẽ tiếp tục lấy phiếu khảo sát của các bên liên quan, nhất là đối với cựu SV, doanh nghiệp về hoạt động dạy và học của trường. Tiếp tục cải tiến các phiếu khảo sát để đầy đủ hơn, thiết thực hơn và sẽ tham mưu Nhà trường thành lập bộ phận chuyên trách trực thuộc khoa Kiến trúc thực hiện việc lấy phiếu khảo sát và xử lý, báo cáo kết quả của các bên liên quan để làm cơ sở cải tiến CTDH được tốt hơn.

3.3.11. Về kết quả đầu ra

Cần có khảo sát sinh viên và các bên liên quan về lý do thôi học và tốt nghiệp chậm.

Tiếp tục duy trì các cuộc họp đối thoại và giao ban hàng tháng.

Tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác cố vấn học tập.

Cần có quy định về đối sánh trong hoạt động đào tạo nói chung và đào tạo ngành kiến trúc nói riêng.

Cần xây dựng cơ sở dữ liệu, thông tin về tốt nghiệp, tỷ lệ bỏ học, nguyên nhân bỏ học, thời gian tốt nghiệp trung bình,... để từ đó đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo.

Tiếp tục phát huy vai trò công tác cố vấn học tập.

Xây dựng và ban hành sổ tay công tác cố vấn học tập cho từng ngành học trong

Nhà trường.

Cần ban hành quy trình khảo sát, thống kê danh sách sinh viên tốt nghiệp và có việc làm.

Cần có quy định về việc đối sánh về tỷ lệ tốt nghiệp và có việc làm của sinh viên sau khi ra trường.

Tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác theo dõi, khảo sát tình hình có việc làm của sinh viên sau khi ra trường.

Tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác tư vấn việc làm, quan hệ doanh nghiệp để hỗ trợ sinh viên trong tương lai.

Đầu tư nguồn lực tài chính để phát triển hoạt động nghiên cứu khoa học phát triển cả về chất lượng và số lượng nghiên cứu.

Thực hiện đối sánh kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học một cách có hệ thống để làm cơ sở cho việc xây dựng chính sách về hoạt động khoa học trong thời gian tới đáp ứng yêu cầu đào tạo đại học

Tiếp tục hoàn thiện chính sách và các quy định về nghiên cứu khoa học theo hướng cập nhật xu hướng phát triển trong nước và quốc tế.

Tiếp tục nâng cấp và cải tiến quy trình tổ chức thực hiện và quản lý chất lượng hoạt động nghiên cứu khoa học.

Tăng cường nguồn lực để thực hiện việc cải tiến chính sách trong các hoạt động của Nhà trường đáp ứng theo yêu cầu của các bên liên quan.

Thực hiện tốt công tác đối sánh mức độ hài lòng các bên liên quan để có đầy đủ cơ sở dữ liệu phục vụ việc xây dựng, ban hành, cải tiến chính sách hướng đến đáp ứng xu hướng hội nhập ngày càng sâu rộng trong lĩnh vực đào tạo đại học.

Tiếp tục thực hiện tốt các quy định về công tác khảo sát mức độ hài lòng các bên liên quan trong và ngoài trường trên nhiều lĩnh vực và nâng cao chất lượng công tác khảo sát.

Tiếp tục thực hiện tốt các quy định về công tác khảo sát mức độ hài lòng các bên liên quan trong và ngoài trường trên nhiều lĩnh vực và nâng cao chất lượng công tác khảo sát.

3.4. Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT theo Thông tư 04/2016

Tên cơ sở giáo dục: Trường Đại học Xây dựng Miền Trung

Mã: XDT

Tên CTĐT: Kiến trúc

Mã CTĐT: 7580101

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			

<i>Tiêu chuẩn 1</i>											
Tiêu chí 1.1				4					4,00	3	100
Tiêu chí 1.2				4							
Tiêu chí 1.3				4							
<i>Tiêu chuẩn 2</i>											
Tiêu chí 2.1				4					4,00	3	100
Tiêu chí 2.2				4							
Tiêu chí 2.3				4							
<i>Tiêu chuẩn 3</i>											
Tiêu chí 3.1				4					4,00	3	100
Tiêu chí 3.2				4							
Tiêu chí 3.3				4							
<i>Tiêu chuẩn 4</i>											
Tiêu chí 4.1					5				5,00	3	100
Tiêu chí 4.2					5						
Tiêu chí 4.3					5						
<i>Tiêu chuẩn 5</i>											
Tiêu chí 5.1					5				4,80	5	100
Tiêu chí 5.2					5						
Tiêu chí 5.3					5						
Tiêu chí 5.4					5						
Tiêu chí 5.5				4							
<i>Tiêu chuẩn 6</i>											
Tiêu chí 6.1					5				4,57	7	100
Tiêu chí 6.2				4							
Tiêu chí 6.3					5						
Tiêu chí 6.4				4							
Tiêu chí 6.5				4							
Tiêu chí 6.6					5						

Tiêu chí 6.7					5					
<i>Tiêu chuẩn 7</i>										
Tiêu chí 7.1					5					
Tiêu chí 7.2					5					
Tiêu chí 7.3					5				5,00	5
Tiêu chí 7.4					5					
Tiêu chí 7.5					5					
<i>Tiêu chuẩn 8</i>										
Tiêu chí 8.1					5					
Tiêu chí 8.2					5					
Tiêu chí 8.3						6				
Tiêu chí 8.4					5					
Tiêu chí 8.5					5					
<i>Tiêu chuẩn 9</i>										
Tiêu chí 9.1						6				
Tiêu chí 9.2					5					
Tiêu chí 9.3					5					
Tiêu chí 9.4					5					
Tiêu chí 9.5					5					
<i>Tiêu chuẩn 10</i>										
Tiêu chí 10.1					5					
Tiêu chí 10.2					5					
Tiêu chí 10.3					5					
Tiêu chí 10.4					5					
Tiêu chí 10.5				4						
Tiêu chí 10.6					5					
<i>Tiêu chuẩn 11</i>										
Tiêu chí 11.1					5					
Tiêu chí 11.2					5					
Tiêu chí 11.3					5					

Tiêu chí 11.4					5					
Tiêu chí 11.5					5					
Đánh giá chung CTĐT								4,76	50	100,00

Phú Yên, ngày 15 tháng 4 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

PHỤ LỤC 1. CƠ SỞ DỮ LIỆU
KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 31/3/2024

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)
 - Tiếng Việt: Trường Đại học Xây dựng Miền Trung
 - Tiếng Anh: Mientrung University of Civil Engineering
2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục
 - Tiếng Việt: ĐHXDMT
 - Tiếng Anh: MUCE
3. Tên trước đây: (Trước năm 2011) Trường Cao đẳng Xây dựng số 3
4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Bộ Xây dựng
5. Địa chỉ
 - Khu A: 24 Nguyễn Du, Phường 7, Tp. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên
 - Khu B: Đường Hà Huy Tập, Bình Kiến, Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên
 - Phân hiệu Đà Nẵng: 544b Nguyễn Lương Bằng, Q.Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng
6. Thông tin liên hệ: Điện thoại: (0257)3823371 Số fax: (0257)3822628
7. E-mail: truongdaihocxaydungmientrung@muce.edu.vn
Website: <http://www.muce.edu.vn>
8. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập): 2011
9. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 2012
10. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: 2017
11. Loại hình cơ sở giáo dục:
Công lập Bán công Dân lập Tư thực
Loại hình khác (đề nghị ghi rõ) Không có

II. Thông tin chung về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)
 - Tiếng Việt: Khoa Kiến trúc
 - Tiếng Anh: Faculty of Architecture
13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:
 - Tiếng Việt: KKTr
 - Tiếng Anh: FA
14. Tên trước đây (nếu có):
15. Tên CTĐT
 - Tiếng Việt: Kiến trúc công trình
 - Tiếng Anh: Architecture
16. Mã CTĐT: 7580101
17. Tên trước đây của CTĐT (nếu có): Kiến trúc

18. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: Tầng 5 nhà Hiệu bộ, 195 đường Hà Huy Tập, xã Bình Kiến, Tp. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên
19. Số điện thoại liên hệ: (0257)3821041
20. E-mail: khoakientruc@muce.edu.vn Website: <http://khoakientruc.muce.edu.vn>
21. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập): 2011
22. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 2012
23. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 2017

III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

24. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT

Trường Đại học Xây dựng Miền Trung, tiền thân là Trường Trung học Xây dựng số 6 và Trường Cao đẳng Xây dựng số 3, được thành lập vào ngày 14/02/1976 với nhiệm vụ đào tạo đội ngũ cán bộ bậc trung học kỹ thuật xây dựng và nghiệp vụ cho các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên. Để thực hiện nhiệm vụ này, công tác xây dựng cơ sở vật chất, cơ cấu tổ chức, đội ngũ cán bộ quản lý và giảng dạy đã được triển khai tích cực. Cùng thời gian đó, Bộ môn Kiến trúc - tiền thân của Khoa Kiến trúc đã được thành lập và trải qua các giai đoạn phát triển như sau:

Năm 1982: Tổ kiến trúc được thành lập. Chức năng, nhiệm vụ của tổ môn là nghiên cứu giảng dạy các môn Vẽ xây dựng, Cấu tạo, Dự toán và Thiết kế kiến trúc cho các bậc trung cấp ngành xây dựng và kế toán cũng như công nhân kỹ thuật. Ngoài ra tổ Kiến trúc còn kết hợp với trung tâm tư vấn của nhà trường tư vấn và thiết kế các công trình xây dựng trong tỉnh.

Năm 2001: Trường Cao đẳng Xây dựng Số 3 được thành lập trên cơ sở Trường Trung học Xây dựng Số 6. Để phù hợp với mục tiêu và chương trình đào tạo Bộ môn Kiến trúc được hình thành dựa trên tổ Kiến trúc thực hiện nhiệm vụ và chức năng đào tạo bậc cao đẳng, bậc trung cấp ngành xây dựng và kế toán cũng như tích cực tham gia các hoạt động lao động sản xuất; như thiết kế, giám sát thi công công trình.

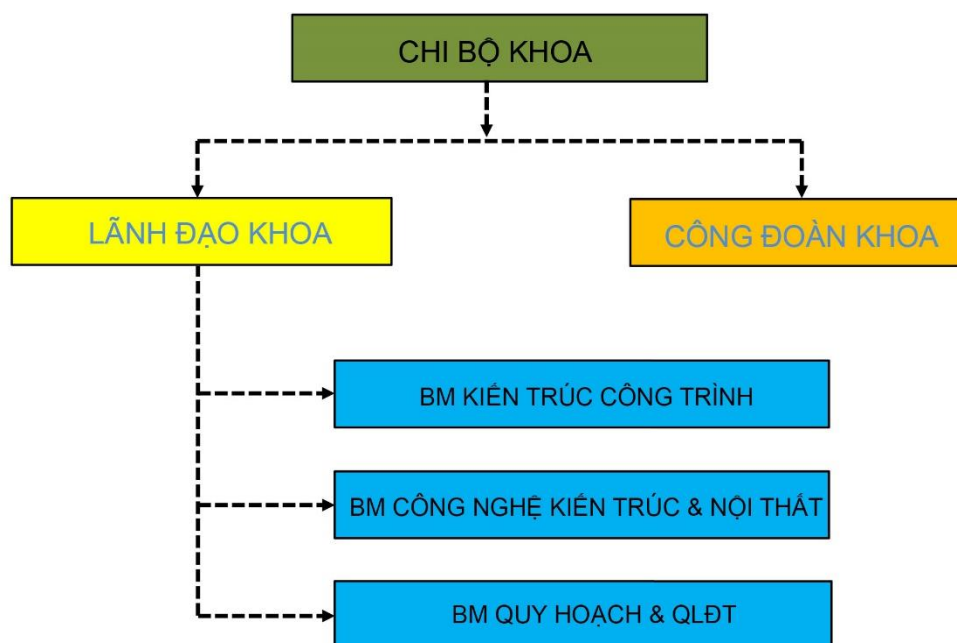
Năm 2008: Thực hiện chủ trương đổi mới phương pháp đào tạo, gắn đào tạo với thực tế sản xuất. Mở rộng quy mô, phát triển ngành nghề đào tạo đi đôi với việc đổi mới phương pháp dạy học để nâng cao chất lượng đào tạo. Khoa Kiến trúc được thành lập với đội ngũ cán bộ giáo viên đảm bảo chất lượng. Với chức năng thực hiện giảng dạy theo kế hoạch đào tạo của Trường và tham gia nghiên cứu khoa học với các Khoa, Phòng khác.

Năm 2011: Trường ĐHXD Miền Trung được thành lập trên cơ sở Trường Cao đẳng Xây Dựng Số 3. Để phù hợp với mục tiêu chương trình đào tạo từ một Khoa trực thuộc trường Cao đẳng nay được thành lập Khoa Trục thuộc Trường Đại học, chức năng nhiệm vụ cũng ngày càng được nâng cao.

Với mục tiêu đào tạo cán bộ kỹ thuật thuộc lĩnh vực kiến trúc có trình độ cao cho khu vực cũng như cả nước, Khoa Kiến trúc không ngừng nỗ lực và phát triển. Trong

quá trình hoạt động, Khoa luôn luôn nhận được sự quan tâm và chỉ đạo trực tiếp của Đảng uỷ, Ban Giám hiệu nhà trường, bên cạnh đó tập thể giảng viên trong khoa đều yêu nghề, nhiệt tình công tác, luôn đoàn kết gắn bó, cùng giúp đỡ nhau tiến bộ, thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, có tinh thần tự học hỏi nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đáp ứng yêu cầu công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học, phần lớn giảng viên trong Khoa có trình độ chuyên môn sâu, khả năng nghiên cứu khoa học tốt.

Về cơ cấu tổ chức: Khoa Kiến trúc gồm có Ban lãnh đạo và 03 Bộ môn trực thuộc. Để tham mưu giúp công việc cho Ban lãnh đạo khoa và các công tác liên quan đến giáo vụ, Khoa Kiến trúc được nhà trường bố trí thêm 01 trợ lý giáo vụ khoa. Bên cạnh cơ cấu tổ chức về mặt chính quyền, Khoa Kiến trúc hiện nay có 01 Chi bộ Đảng, 01 Công đoàn bộ phận.



Về nhân lực: tổng số viên chức của Khoa là 15 người, trong đó 14 giảng viên và 01 thư ký. Trình độ chuyên môn của đội ngũ giảng viên trong Khoa không ngừng được nâng cao, cụ thể: có 02 tiến sĩ, 13 thạc sĩ. Tuổi đời trung bình hiện nay của đội ngũ giảng viên Khoa Kiến trúc là 42 tuổi, đây là độ tuổi khá lý tưởng đảm bảo về kinh nghiệm nghề nghiệp và sức khỏe để công tác.

Về đào tạo: Khoa Kiến trúc hiện có 01 CTĐT trình độ thạc sĩ, 03 CTĐT trình độ đại học. Từ năm 2012 đến nay, mỗi năm Khoa Kiến trúc quản lý khoảng 180 đến 200 sinh viên trình độ đại học ngành kiến trúc công trình.

Về nghiên cứu khoa học: Hàng năm giảng viên Khoa Kiến trúc đăng ký thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học và hướng dẫn sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học. Kết quả nghiên cứu được mang lại hiệu quả tốt trong công tác giảng dạy và học tập, công bố trên các tạp chí trong nước và quốc tế. Đặc biệt, Khoa Kiến trúc đã giao nhiệm vụ cho các bộ môn triển khai biên soạn hầu hết các tài liệu giảng dạy các học phần do Khoa quản lý. Từ năm 2017 đến nay, kết quả cụ thể về nghiên cứu khoa học

của giảng viên như sau: 01 đề tài cấp Bộ, 20 đề tài cấp Trường, xuất bản 02 đầu sách giáo trình và tham khảo, 25 bài báo đăng trên các tạp chí khoa học quốc tế và trong nước, 13 bài báo đăng trên tạp san cấp trường. Về kết quả nghiên cứu khoa học của sinh viên: tham gia nhiều các cuộc thi trong nước và quốc tế và có khoảng 06 đề tài cấp trường.

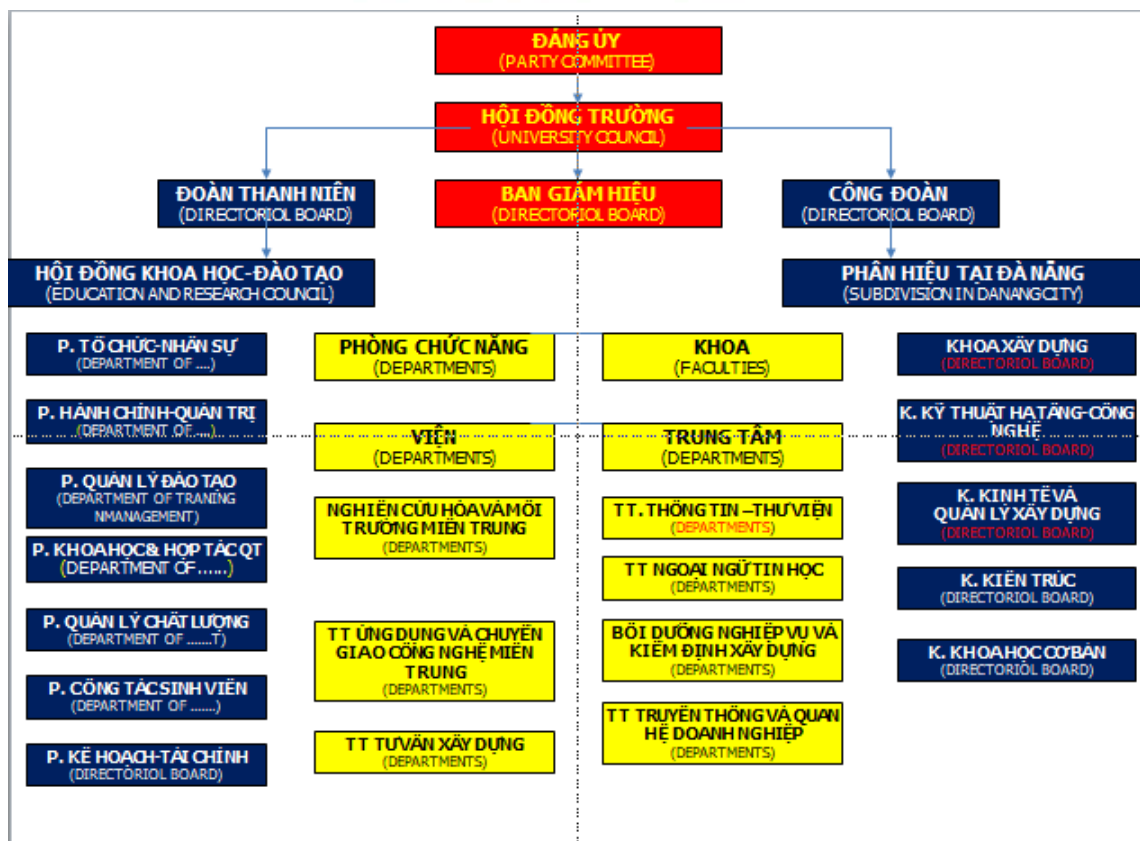
Về quan hệ hợp tác: Khoa Kiến trúc tăng cường hợp tác với các Khoa cùng ngành thuộc các trường trong cùng đơn vị chủ quản, và cả bên ngoài, cụ thể như: Khoa Kiến trúc đại học Kiến trúc Hà Nội, đại học Kiến trúc TP. HCM, Đại học Xây dựng Miền Tây. Cùng các khoa Kiến trúc của Đại học Bách Khoa TPHCM, Viện đô thị thông minh và quản lý của Trường Đại học Kinh tế TP HCM thực hiện các Workshop. Khoa Kiến trúc cũng hợp tác với các doanh nghiệp như An Cường, SiKa, Eurowindow, SaoMai, UNDP,... thực hiện các chương trình thiết kế thực tế và tuyên truyền về các xu hướng kiến trúc và vật liệu bền vững.

Về thành tích nổi bật: Với những nỗ lực trong điều kiện còn nhiều khó khăn, Khoa Kiến trúc đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và được Trường tặng bằng khen Tập thể Lao động Xuất sắc năm 2019, 2021, 2023.

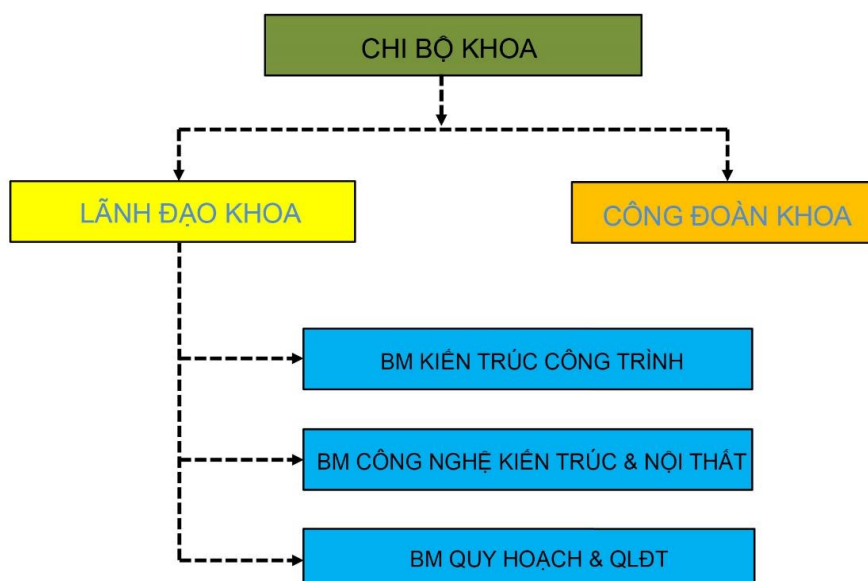
25. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT.

Cơ cấu tổ chức hành chính của Trường Đại học Xây dựng Miền Trung

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC ORGANIZATIONAL CHART



Cơ cấu tổ chức hành chính của Khoa Kiến trúc



26. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

(Riêng Ban lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT ghi đầy đủ cả cấp trưởng, phó, còn lại các bộ phận khác chỉ ghi cấp trưởng).

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh	Điện thoại	Email
Ban lãnh đạo Nhà trường						
1	Hiệu trưởng	Phan Văn Huệ	1976	Tiến sĩ	0914058937	phanvanhue@muce.edu.vn
2	Phó Hiệu trưởng	Lê Đức Thường	1980	Tiến sĩ	0776550079	leducthuong@muce.edu.vn
Đơn vị thực hiện CTĐT						
I. Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị						
1	Phụ trách Khoa	Ngô Đức Quý	1979	Thạc sĩ	0905159633	ngoducquy@muce.edu.vn
2	Phó trưởng khoa	Nguyễn Thị Khánh Trang	1978	Thạc sĩ	0942000759	nguyenthikhanhtrang@muce.edu.vn
II. Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội						
1	Bí thư Chi bộ Khoa Kiến trúc	Nguyễn Thị Khánh Trang	1978	Thạc sĩ		nguyenthikhanhtrang@muce.edu.vn
2	Chủ tịch công đoàn Khoa Kiến	Ngô Đa Đức	1975	Thạc sĩ	0942474567	ngodaduc@muce.edu.vn

	trúc					
III. Các thư ký và trợ lý giáo vụ						
1	Thư ký khoa	Nguyễn Thị Bích Vy	1979	Thạc sĩ	0984865927	nguyenthibichvy@muce.edu.vn
2	Trợ lý khoa	Trương Anh Bích Châu	1988	Thạc sĩ	0933196601	truonganhbichchau@muce.edu.vn
IV. Các bộ môn						
1	Kiến trúc công trình	Lê Tiến Vinh	1985	Tiến sĩ	0382125049	letienvinh@muce.edu.vn
2	Công nghệ Kiến trúc và nội thất	Ngô Minh Tân	1982	Thạc sĩ	0918956904	ngominhtan@muce.edu.vn
3	Quy hoạch và quản lý đô thị	Nguyễn Hữu Ninh	1977	Thạc sĩ	0944453839	nguyenhuuninh@muce.edu.vn

27. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT

Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 0

Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 1

Số lượng ngành đào tạo đại học: 3

Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 0

Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ): không

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu các ngành, chuyên ngành đào tạo theo bậc học để cung cấp thông tin cho mục 27).

28. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Không chính quy	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
Từ xa	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo với nước ngoài	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo trong nước	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình): không

29. Tổng số các ngành đào tạo: 01

IV. Cán bộ, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

30. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu¹ <i>Trong đó:</i>	12	4	16
I.1	Cán bộ trong biên chế	4	0	4
I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	8	4	13
II	Các cán bộ khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng ²)	0	0	0
	Tổng số	12	4	16

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu về cán bộ của đơn vị, bao gồm cả cơ hữu và hợp đồng ngắn hạn. Từ cơ sở dữ liệu lấy ra các thông tin trên).

31. Thống kê, phân loại giảng viên

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ³ trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ						
2	Phó Giáo sư						
3	Tiến sĩ khoa học						
4	Tiến sĩ	02	01	01			
5	Thạc sĩ	13	03	10			
6	Đại học						
7	Cao đẳng						
8	Trình độ khác						
	Tổng số	15	4	11			

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có

¹Cán bộ cơ hữu là cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong biên chế và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

²Giảng viên thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được đơn vị thực hiện chương trình đào tạo mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khoá học ngắn hạn hoặc theo các học phần, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

³Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn.

học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 15 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 93,75%

32. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo theo quy định tại khoản 3, Điều 3 Thông tư số 32/2015/TT-BGDĐT ngày 16/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (nếu đơn vị có giảng viên trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong bảng 32).

Số liệu bảng 32 được lấy từ bảng 31 nhân với hệ số quy đổi (Ví dụ đối với trường đại học, học viện).

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0							
2	Phó Giáo sư	3,0							
3	Tiến sĩ khoa học	3,0							
4	Tiến sĩ	2	2	1	1				4
5	Thạc sĩ	1	13	3	10				13
6	Đại học	0,5							
	Tổng		15	4	11				17

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

33. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

TT	Trình độ / học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	>60
1	Giáo sư, Viện sĩ									
2	Phó Giáo sư									
3	Tiến sĩ khoa học									
4	Tiến sĩ	2	13,3	2			1	1		
5	Thạc sĩ	13	86,7	10	3		6	7		
6	Đại học									

TT	Trình độ / học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	>60
	Tổng	15	100							

33.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 36,94 tuổi

33.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 13,3%

33.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 86,7%

34. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)		90%
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)		10%
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)		
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)		
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)		
	Tổng		

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

35. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh.

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/ thang điểm	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2018-2019	131	49	2.7	34	13/18	17.66/20.6	0
2019-2020	118	61	1.9	34	13/18	17.58/21.87	0
2020-2021	122	84	1.5	64	15/18	17.15/20.5	0
2021-2022	169	115	1.47	58	15/18	18.42/22.4	2

2022-2023	130	88	1.48	61	15/18	21.61/21.68	0
2023-2024	106	73	1.5	58	15/18	18.13/22.0	0

36. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
1. Nghiên cứu sinh					
2. Học viên cao học					
3. Sinh viên đại học	198	145	171	203	200
Trong đó:					
Hệ chính quy	198	145	171	180	184
Hệ không chính quy				23	16
4. SV cao đẳng					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
5. Học sinh TCCN					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
6. Khác...					

37. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học				
	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
Số lượng (người)	01	01	01	02	02
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học	0,5%	0,68 %	0,58%	0,98%	1%

38. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	1248	1248	1248	1248	1248

2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)	21	27	5	12	16
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	21	27	5	12	16
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m ² /người)	4	4	4	5.4	5.4

39. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia nghiên cứu khoa học

	Năm học				
	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
Số lượng (người)	4/180	10/131	16/149	11/160	18/173
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên	2,2%	7,63%	10,7%	6,9%	10,4%

40. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ					
2. Học viên tốt nghiệp cao học					
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học	47	18	31	15	24
Trong đó:					
Hệ chính quy	47	18	31	15	24
Hệ không chính quy					
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng					
Trong đó:					
Hệ chính quy					

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
Hệ không chính quy					
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
6. Khác...					

(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)

41. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).	54	25	24	13	20
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	(83) 65%	(27) 92,6%	(26) 92,3%	(17) 76,4%	(27) 74%
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).			84		79
3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).			16		14
3.3. Tỷ lệ người học trả lời <i>không học được</i> những kiến thức và kỹ năng cần			0		7

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp					
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/ đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%). - Sau 6 tháng tốt nghiệp. - Sau 12 tháng tốt nghiệp.			100		100
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).			0		0
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm.			7-15 triệu đồng		7-15 triệu đồng
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này. B. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).				37	50
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).				48,1	37,5
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6				14,9	12,5

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022	2022- 2023
tháng (%).					

Ghi chú:

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp.
- Người học có việc làm là người tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm.
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.
- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

42. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022	2022- 2023	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0			1	1		4,0
2	Đề tài cấp Bộ*	1,0				1		1,0
3	Đề tài cấp trường	0,5	1	4	6	2	6	9,5
4	Tổng		1	4	7	4	6	14,5

Cách tính: Cột 9 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: **14,5**

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: Tổng số đề tài quy đổi /số cán bộ cơ hữu của Khoa = $14,5 / 16 = 0,9$

43. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2019	0	0	0
2	2020	0	0	0

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
3	2021	0	0	0
4	2022	0	0	0
5	2023	0	0	0

44. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	4	6	19	
Từ 4 đến 6 đề tài				
Trên 6 đề tài				
Tổng số cán bộ tham gia	4	6	19	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

45. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2019	2020	2021	2022	2023	
1	Sách chuyên khảo	2,0		1			1	4,0
2	Sách giáo trình	1,5	1					1,5
3	Sách tham khảo	1,0						
4	Sách hướng dẫn	0,5						
	Tổng		1	1			1	5,5

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 15

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: Tổng số sách (quy đổi)/ số cán bộ cơ hữu của Khoa = 5,5 / 16 = 0.34

46. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn

Từ 1 đến 3 cuốn sách	2	1		
Từ 4 đến 6 cuốn sách				
Trên 6 cuốn sách				
Tổng số cán bộ tham gia	2	1		

47. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2019	2020	2021	2022	2023	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	3	2	1	2		8
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	1	3	1	3	2	10
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	2		1	1		2
	Tổng		6	4	3	6	2	20

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 20

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi)/ số cán bộ cơ hữu của Khoa = 20/16=1.25

48. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo		6	7
Từ 6 đến 10 bài báo	1	1	
Từ 11 đến 15 bài báo			
Trên 15 bài báo			
Tổng số cán bộ tham gia	1	7	7

49. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ	Số lượng					Tổng (đã
			2019	2020	2021	2022	2023	

		số**						quy đổi)
1	Hội thảo quốc tế	1,0		1				1
2	Hội thảo trong nước	0,5	1	1	1		1	2
3	Hội thảo cấp trường	0,25			1		1	0.5
	Tổng		1	2	2		2	3.5

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 3.5

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: Tổng số bài báo cáo (quy đổi)/ số cán bộ cơ hữu của Khoa = $3.5/16=0.22$

50. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	1	3	
Từ 6 đến 10 báo cáo			
Từ 11 đến 15 báo cáo			
Trên 15 báo cáo			
Tổng số cán bộ tham gia	1	3	

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

51. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2018-2019	
2019-2020	
2020-2021	
2021-2022	
2022-2023	

52. Nghiên cứu khoa học của người học

52.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	

Từ 1 đến 3 đề tài			30	
Từ 4 đến 6 đề tài				
Trên 6 đề tài				
Tổng số người học tham gia			30	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

52.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	2	4	8	7	7
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố					

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

53. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục: 180.060 m²

54. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT: 363 m²

55. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):

- Nơi làm việc : 10.515 m²
- Nơi học : 20.230 m²
- Nơi vui chơi giải trí : 36.878 m²

56. Diện tích phòng học (tính bằng m²)

- Tổng diện tích phòng học: 9.611 m²
- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 10,94 m²/ 1 SV

57. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin - Thư viện: 445 đầu sách; 13.366 bản.

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT: 75

58. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 03
- Dùng cho người học học tập: 160

Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: 0,18 máy/người học

VIII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 16 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 93,75% (15/16 người)

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu

của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 6,25% (01/16 người)

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 93,33% (14/15 người)

2. Người học:

Tổng số người học chính quy (người): 878 SV

Tỷ số người học chính quy trên giảng viên: $878/15 = 58,5$

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào: 80,06%

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 82%.

Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 15,4%.

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Theo báo cáo khảo sát việc làm sinh viên tốt nghiệp. Năm 2023, sinh viên tốt nghiệp của Nhà trường ở bậc đại học chuyên ngành Kiến trúc, đạt 95,24%.

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): 41,9%.

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): 44,2%.

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,9

Tỷ số doanh thu từ NCKH, chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: 0

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,34

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1,25

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,22

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 0,18

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 10,94

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: 5,4

PHỤ LỤC 2. QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG TĐG CTĐT

BỘ XÂY DỰNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG
MIỀN TRUNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 384/QĐ-ĐHXDMT

Phủ Yên, ngày 28 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo
Ngành Kiến trúc, trình độ đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG

Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-HĐTĐHXDMT ngày 09/9/2019 của Hội đồng trường Trường Đại học Xây dựng Miền Trung về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Xây dựng Miền Trung;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Kế hoạch số 108/KH-ĐHXDMT ngày 29/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung về Đảm bảo chất lượng năm học 2021-2022;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Kiến trúc, trình độ đại học gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Giúp việc cho Hội đồng có Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Kiến trúc, trình độ đại học theo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng – Bộ Giáo dục và Đào tạo V/v hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT.

Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Chủ tịch Hội đồng phân công. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng các đơn vị liên quan và các ông/bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- CT HĐT, BGH;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KT&ĐBCL. 2



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS.KTS. Nguyễn Vũ Phương

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH
ĐÀO TẠO NGÀNH KIẾN TRÚC, TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

*(Kèm theo Quyết định số ...384./QĐ-ĐHXDMT ngày 28 tháng 6 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung)*

TT	Họ và tên	Chức danh, Chức vụ	Nhiệm vụ
1.	Nguyễn Vũ Phương	PGS.TS.KTS, Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ
2.	Phan Văn Huệ	TS, Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch HĐ
3.	Trần Văn Hiến	TS.KTS, Trưởng khoa Kiến trúc	Phó Chủ tịch HĐ
4.	Nguyễn Văn Trạm	ThS, Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Thành viên-Trưởng Ban Thư ký
5.	Dương Văn Danh	ThS, Giám đốc Trung tâm Thông tin Thư viện	Thành viên
6.	Nguyễn Văn Thành	ThS, Giám đốc Trung tâm Đào tạo nghề và Ứng dụng	Thành viên
7.	Trịnh Tiến Dũng	TS, Trưởng phòng Công tác Học sinh - Sinh viên	Thành viên
8.	Lê Đàm Ngọc Tú	TS, Trưởng phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế	Thành viên
9.	Nguyễn Thị Khánh	ThS, Phó trưởng phòng Tổ chức Hành chính	Thành viên
10.	Nguyễn Đình Đại	ThS, Trưởng phòng Tài chính Kế toán	Thành viên
11.	Phạm Trung Nguyên	ThS, Phó trưởng phòng Quản lý Đào tạo	Thành viên
12.	Lê Trọng Hoài	ThS, Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	Thành viên
13.	Đình Văn Vinh	ThS, Phó trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Thành viên
14.	Trần Minh Loan	ThS, Chuyên viên phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Thành viên
15.	Ngô Đức Quý	ThS.KTS, Phó trưởng khoa Kiến trúc	Thành viên
16.	Lê Tiến Vinh	TS.KTS, Trưởng bộ môn Kiến trúc Công trình - khoa Kiến trúc	Thành viên
17.	Lê Ngọc Thùy Dung	Sinh viên lớp D19K	Thành viên

(Danh sách gồm có 17 người).

DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH


(Kèm theo Quyết định số 384/QĐ-ĐHXDMT ngày 28 tháng 6 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
Nhóm 1: 03 tiêu chuẩn (Tiêu chuẩn 1, Tiêu chuẩn 2, Tiêu chuẩn 3)			
1.	Trần Văn Hiến	TS.KTS, Trưởng khoa Kiến trúc	Trưởng nhóm
2.	Trần Thanh Quý	ThS, Giảng viên khoa Kiến trúc	Thành viên- thư ký
Nhóm 2: 03 tiêu chuẩn (Tiêu chuẩn 4, Tiêu chuẩn 5, Tiêu chuẩn 10)			
1.	Ngô Đức Quý	ThS.KTS, Phó trưởng khoa Kiến trúc	Trưởng nhóm
2.	Võ Hoàng Vũ	ThS, Giảng viên khoa Kiến trúc	Thành viên- Thư ký
Nhóm 3: 02 tiêu chuẩn (Tiêu chuẩn 6, Tiêu chuẩn 7)			
1.	Nguyễn Thị Khánh Trang	ThS, Phó trưởng phòng Tổ chức Hành chính	Trưởng nhóm
2.	Phạm Việt Cường	ThS, Chuyên viên phòng Tổ chức Hành chính	Thành viên- Thư ký
3.	Nguyễn Thị Ngọc Lê	CN, Chuyên viên phòng Tổ chức Hành chính	Thành viên
4.	Ngô Vũ Mai Ly	ThS, Chuyên viên phòng Tổ chức Hành chính	Thành viên
5.	Đình Thị Quỳnh Anh	CN, Chuyên viên phòng Tổ chức Hành chính	Thành viên
Nhóm 4: 02 tiêu chuẩn (Tiêu chuẩn 8, Tiêu chuẩn 11)			
1.	Phạm Trung Nguyên	ThS, Phó trưởng phòng Quản lý Đào tạo	Trưởng nhóm
2.	Võ Thanh Toàn	ThS, Chuyên viên phòng Quản lý Đào tạo	Thành viên- Thư ký
Nhóm 5: 01 tiêu chuẩn (Tiêu chuẩn 9)			
1.	Nguyễn Đình Đại	ThS, Trưởng phòng Tài chính Kế toán	Trưởng nhóm
2.	Ngô Văn Thống	ThS, Chuyên viên phòng Tài chính Kế toán	Thành viên- Thư ký
3.	Dương Văn Danh	ThS, Giám đốc Trung tâm Thông tin Thư viện	Thành viên

(Danh sách gồm có 14 người)


DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ
 (Kèm theo Quyết định số 324/QĐ-DHXDMT ngày 26 tháng 6 năm 2022
 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1.	Nguyễn Văn Trạm	ThS, Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Trưởng Ban thư ký
2.	Đình Văn Vinh	ThS, Phó trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Thành viên
3.	Trần Minh Loan	ThS, Chuyên viên phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Thành viên
4.	Trần Thanh Quý	ThS, Giảng viên khoa Kiến trúc	Thành viên
5.	Võ Hoàng Vũ	ThS, Giảng viên khoa Kiến trúc	Thành viên
6.	Phạm Việt Cường	ThS, Chuyên viên phòng Tổ chức Hành chính	Thành viên
7.	Võ Thanh Toàn	ThS, Chuyên viên phòng Quản lý Đào tạo	Thành viên
8.	Ngô Văn Thống	ThS, Chuyên viên phòng Tài chính Kế toán	Thành viên

(Danh sách gồm có 08 người) 

QUYẾT ĐỊNH

Về việc kiện toàn Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo
Ngành Kiến trúc, trình độ đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐT ngày 28/10/2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Xây dựng Miền Trung về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Xây dựng Miền Trung;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 384/QĐ-DHXDMT ngày 28/6/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Kiến trúc, trình độ đại học;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Khảo thi và Đảm bảo chất lượng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Kiến trúc, trình độ đại học gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Giúp việc cho Hội đồng có Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Kiến trúc, trình độ đại học theo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng – Bộ Giáo dục và Đào tạo V/v hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT.

Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Chủ tịch Hội đồng phân công. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng các đơn vị liên quan và các ông/bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- CT HĐT, BGH;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KT&ĐBCL.



**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH
ĐÀO TẠO SẴN KIẾN TRÚC, TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

(Kèm theo Quyết định số 344/QĐ-ĐHXDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung)

TT	Họ và tên		Chức danh, Chức vụ	Nhiệm vụ
1.	Phan Văn	Huệ	TS, Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ
2.	Trần Văn	Hiển	TS.KTS, Trưởng khoa Kiến trúc	Phó Chủ tịch HĐ
3.	Nguyễn Văn	Trạm	ThS, Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Thành viên-Trưởng Ban Thư ký
4.	Nguyễn Nguyễn	Khang	ThS, Trưởng phòng Tổ chức Hành chính	Thành viên
5.	Dương Văn	Danh	ThS, Giám đốc Trung tâm Thông tin Thư viện	Thành viên
6.	Nguyễn Văn	Thành	ThS, Giám đốc Trung tâm Đào tạo nghề và Ứng dụng	Thành viên
7.	Trịnh Tiến	Dũng	TS, Trưởng phòng Công tác Học sinh - Sinh viên	Thành viên
8.	Lê Đàm Ngọc	Tú	TS, Trưởng phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế	Thành viên
9.	Nguyễn Thị Khánh	Trang	ThS, Phó trưởng phòng Tổ chức Hành chính	Thành viên
10.	Nguyễn Đình	Đại	ThS, Trưởng phòng Tài chính Kế toán	Thành viên
11.	Phạm Trung	Nguyên	ThS, Phó trưởng phòng Quản lý Đào tạo	Thành viên
12.	Lê Trọng	Hoài	ThS, Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	Thành viên
13.	Đình Văn	Vinh	ThS, Phó trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Thành viên
14.	Trần Minh	Loan	ThS, Chuyên viên phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Thành viên
15.	Ngô Đức	Quý	ThS.KTS, Phó trưởng khoa Kiến trúc	Thành viên
16.	Lê Tiến	Vinh	TS.KTS, Trưởng bộ môn Kiến trúc Công trình - khoa Kiến trúc	Thành viên
17.	Lê Ngọc Thủy	Dung	Sinh viên lớp D19K	Thành viên

(Danh sách gồm có 17 người).

DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH

Kèm theo Quyết định số *AM/QĐ-DHXDMT* ngày *18* tháng 9 năm 2023
 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung

TT	Họ và tên		Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
Nhóm 1: 06 tiêu chuẩn (Tiêu chuẩn 1, Tiêu chuẩn 2, Tiêu chuẩn 3)				
1.	Ngô Đức	Quý	ThS.KTS, Phó trưởng khoa Kiến trúc	Trưởng nhóm
2.	Trương Anh Bích	Châu	ThS, Giảng viên khoa Kiến trúc	Thành viên- Thư ký
Nhóm 2: 03 tiêu chuẩn (Tiêu chuẩn 4, Tiêu chuẩn 5, Tiêu chuẩn 10)				
1.	Ngô Đức	Quý	ThS.KTS, Phó trưởng khoa Kiến trúc	Trưởng nhóm
2.	Trương Anh Bích	Châu	ThS, Giảng viên khoa Kiến trúc	Thành viên- Thư ký
Nhóm 3: 02 tiêu chuẩn (Tiêu chuẩn 6, Tiêu chuẩn 7)				
1.	Nguyễn Thị Khánh	Trang	ThS, Phó trưởng phòng Tổ chức Hành chính	Trưởng nhóm
2.	Phạm Việt	Cường	ThS, Chuyên viên phòng Tổ chức Hành chính	Thành viên- Thư ký
3.	Nguyễn Thị Ngọc	Lê	CN, Chuyên viên phòng Tổ chức Hành chính	Thành viên
4.	Ngô Vũ Mai	Ly	ThS, Chuyên viên phòng Tổ chức Hành chính	Thành viên
5.	Đinh Thị Quỳnh	Anh	CN, Chuyên viên phòng Tổ chức Hành chính	Thành viên
Nhóm 4: 02 tiêu chuẩn (Tiêu chuẩn 8, Tiêu chuẩn 11)				
1.	Phạm Trung	Nguyên	ThS, Phó trưởng phòng Quản lý Đào tạo	Trưởng nhóm
2.	Võ Thanh	Toàn	ThS, Chuyên viên phòng Quản lý Đào tạo	Thành viên- Thư ký
Nhóm 5: 01 tiêu chuẩn (Tiêu chuẩn 9)				
1.	Nguyễn Đình	Đại	ThS, Trưởng phòng Tài chính Kế toán	Trưởng nhóm
2.	Ngô Văn	Thống	ThS, Chuyên viên phòng Tài chính Kế toán	Thành viên- Thư ký
3.	Dương Văn	Danh	ThS, Giám đốc Trung tâm Thông tin Thư viện	Thành viên

(Danh sách gồm có 12 người)

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ

(Kèm theo Quyết định số 34/QĐ-ĐHXDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2023
của Trường Đại học Xây dựng Miền Trung)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1.	Nguyễn Văn Trạm	ThS, Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Trưởng Ban thư ký
2.	Đình Văn Vinh	ThS, Phó trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Thành viên
3.	Trần Minh Loan	ThS, Chuyên viên phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Thành viên
4.	Trịnh Liên Hương	ThS, Chuyên viên phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Thành viên
5.	Lê Thị Kim Loan	ThS, Chuyên viên phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Thành viên
6.	Phạm Huy Khánh	ThS, Chuyên viên phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Thành viên
7.	Trương Anh Bích Châu	ThS, Giảng viên khoa Kiến trúc	Thành viên
8.	Phạm Việt Cường	ThS, Chuyên viên phòng Tổ chức Hành chính	Thành viên
9.	Vô Thanh Toàn	ThS, Chuyên viên phòng Quản lý Đào tạo	Thành viên
10.	Ngô Văn Thống	ThS, Chuyên viên phòng Tài chính Kế toán	Thành viên

(Danh sách gồm có 10 người)

Số: 26 /QĐ-ĐHXDMT

Phù Yên, ngày 01 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc kiện toàn Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo
Ngành Kiến trúc, trình độ đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HDT ngày 28/10/2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Xây dựng Miền Trung về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Xây dựng Miền Trung;

Căn cứ Quyết định số 384/QĐ-ĐHXDMT ngày 28/6/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Kiến trúc, trình độ đại học; Quyết định số 711/QĐ-ĐHXDMT ngày 18/9/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung về việc kiện toàn Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Kiến trúc, trình độ đại học;

Theo đề nghị của các ông Phụ trách phòng Tổ chức – Nhân sự, Phụ trách phòng Quản lý chất lượng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Kiện toàn Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Kiến trúc, trình độ đại học (Hội đồng) gồm các ông, bà có tên trong danh sách kèm theo (Phụ lục I).

Giúp việc cho Hội đồng gồm có các nhóm công tác chuyên trách và Ban thư ký với danh sách kèm theo (Phụ lục II, III).

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Kiến trúc, trình độ đại học theo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học; Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng – Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo.

Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên trong Hội đồng do Chủ tịch Hội đồng phân công. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ. *Trần Văn Tuấn*

Điều 3. Trường các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường và các ông, bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 2cs

- Như Điều 3;
- ĐU, HĐT, BGH (b/c);
- Lưu: VT, QLCL.





**PHỤ LỤC 1 - DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KIẾN TRÚC, TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**
(Kèm theo Quyết định số 261/QĐ-ĐHXDĐT ngày 01 tháng 4 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung)

TT	Họ và tên	Chức danh, Chức vụ	Nhiệm vụ
1.	Phan Văn Huệ	TS, Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng
2.	Lê Đức Thường	TS, Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch Hội đồng
3.	Ngô Đức Quý	ThS.KTS, Phụ trách khoa Kiến trúc	Phó Chủ tịch Hội đồng
4.	Trịnh Tiến Dũng	TS, Phụ trách phòng Quản lý chất lượng	Ủy viên - Trưởng ban thư ký
5.	Nguyễn Văn Trạm	ThS, Phụ trách phòng Hành chính - Quản trị	Ủy viên
6.	Dương Văn Danh	ThS, Phụ trách phòng Tổ chức - Nhân sự	Ủy viên
7.	Phạm Trung Nguyên	ThS, Phó trưởng phòng Quản lý Đào tạo	Ủy viên
8.	Nguyễn Đình Đại	ThS, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính	Ủy viên
9.	Lê Đàm Ngọc Tú	TS, Trưởng phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế	Ủy viên
10.	Nguyễn Nguyễn Khang	ThS, Trưởng phòng Công tác sinh viên	Ủy viên
11.	Nguyễn Văn Thành	ThS, Phụ trách Trung tâm Thông tin - Thư viện	Ủy viên
12.	Phạm Ngọc Tân	ThS, Phó trưởng phòng Quản lý chất lượng	Ủy viên
13.	Đình Văn Vinh	ThS, Phó trưởng phòng Tổ chức - Nhân sự	Ủy viên
14.	Trần Minh Loan	ThS, chuyên viên phòng Tổ chức - Nhân sự	Thành viên
15.	Nguyễn Thị Khánh Trang	ThS.KTS, Phó trưởng khoa Kiến trúc	Ủy viên
16.	Lê Trọng Hoái	ThS, Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	Ủy viên
17.	Tạ Thị Hoái Thu	Sinh viên lớp D20KTR1	Ủy viên

(Danh sách gồm có 17 người).



LỤC II - DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH

Kèm theo Quyết định số 16.1./QĐ-ĐHXDĐT ngày 01 tháng 4 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung)

ST	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
Nhóm 1: 06 tiêu chuẩn (Tiêu chuẩn 1, Tiêu chuẩn 2, Tiêu chuẩn 3)			
1.	Ngô Đức Quý	ThS.KTS, Phụ trách khoa Kiến trúc	Trưởng nhóm
2.	Trương Anh Bích Châu	ThS, giảng viên khoa Kiến trúc	Thành viên - thư ký
Nhóm 2: 03 tiêu chuẩn (Tiêu chuẩn 4, Tiêu chuẩn 5, Tiêu chuẩn 10)			
1.	Ngô Đức Quý	ThS.KTS, Phụ trách khoa Kiến trúc	Trưởng nhóm
2.	Trương Anh Bích Châu	ThS, giảng viên khoa Kiến trúc	Thành viên - Thư ký
Nhóm 3: 02 tiêu chuẩn (Tiêu chuẩn 6, Tiêu chuẩn 7)			
1.	Nguyễn Thị Khánh Trang	ThS.KTS, Phó trưởng khoa Kiến trúc	Trưởng nhóm
2.	Phạm Việt Cường	CN, chuyên viên phòng Tổ chức - Nhân sự	Thành viên - Thư ký
3.	Nguyễn Thị Ngọc Lê	ThS, chuyên viên phòng Hành chính - Quản trị	Thành viên
4.	Ngô Vũ Mai Ly	ThS, giảng viên khoa Kinh tế và Quản lý xây dựng	Thành viên
5.	Đinh Thị Quỳnh Anh	CN, chuyên viên phòng Hành chính - Quản trị	Thành viên
Nhóm 4: 02 tiêu chuẩn (Tiêu chuẩn 8, Tiêu chuẩn 11)			
1.	Phạm Trung Nguyên	ThS, Phó trưởng phòng Quản lý đào tạo	Trưởng nhóm
2.	Võ Thanh Toàn	ThS, chuyên viên phòng Quản lý đào tạo	Thành viên - Thư ký
Nhóm 5: 01 tiêu chuẩn (Tiêu chuẩn 9)			
1.	Nguyễn Đình Đại	ThS, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính	Trưởng nhóm
2.	Ngô Văn Thông	ThS, giảng viên khoa Kinh tế và Quản lý xây dựng	Thành viên - Thư ký
3.	Dương Văn Danh	ThS, Phụ trách phòng Tổ chức - Nhân sự	Thành viên

(Danh sách gồm có 12 người)

Trần



PHỤ LỤC III - DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ

(Kèm theo Quyết định số 261/QĐ-DHXDMT ngày 01 tháng 4 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1.	Trịnh Tiến Dũng	TS, Phụ trách phòng Quản lý chất lượng	Trưởng Ban thư ký
2.	Phạm Ngọc Tân	ThS, Phó trưởng phòng Quản lý chất lượng	Phó trưởng Ban thư ký
3.	Nguyễn Văn Trạm	ThS, Phụ trách phòng Hành chính - Quản trị	Thành viên
4.	Đinh Văn Vinh	ThS, Phó trưởng phòng Tổ chức - Nhân sự	Thành viên
5.	Trần Minh Loan	ThS, chuyên viên phòng Tổ chức - Nhân sự	Thành viên
6.	Trịnh Liên Hương	ThS, chuyên viên phòng Quản lý chất lượng	Thành viên
7.	Lê Thị Kim Loan	CN, chuyên viên phòng Quản lý chất lượng	Thành viên
8.	Phạm Huy Khánh	ThS, chuyên viên phòng Quản lý chất lượng	Thành viên
9.	Trương Anh Bích Châu	ThS, giảng viên khoa Kiến trúc	Thành viên
10.	Phạm Việt Cường	CN, chuyên viên phòng Tổ chức - Nhân sự	Thành viên
11.	Võ Thanh Toàn	ThS, chuyên viên phòng Quản lý đào tạo	Thành viên
12.	Ngô Văn Thông	ThS, giảng viên khoa Kinh tế và Quản lý xây dựng	Thành viên

(Danh sách gồm có 12 người)

PHỤ LỤC 3. KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ CTĐT

BỘ XÂY DỰNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG
MIỀN TRUNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 25 /KH-ĐHXDMT

Phủ Yên, ngày 28 tháng 6 năm 2022

KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC CÁC NGÀNH

**Kiến trúc, Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông, Kinh tế xây dựng,
Quản lý xây dựng, Kỹ thuật cấp thoát nước, Kế toán**

I. Mục đích tự đánh giá

Nhằm bảo đảm và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ đại học và để đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục (KĐCLGD).

II. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá các hoạt động của đơn vị thực hiện CTĐT theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trong một chu kỳ KĐCLGD.

III. Công cụ tự đánh giá

Công cụ tự đánh giá là Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các tài liệu hướng dẫn: Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng v/v thay thế Tài liệu đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH ban hành kèm theo Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD; Công văn số 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục v/v hướng dẫn chung về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH.

IV. Hội đồng tự đánh giá

1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá CTĐT trình độ đại học các ngành: Kiến trúc, Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông, Kinh tế xây dựng, Quản lý xây dựng, Kỹ thuật cấp thoát nước, Kế toán được thành lập theo các Quyết định số 384, 385, 386, 387, 388, 389 /QĐ-ĐHXDMT ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung, mỗi Hội đồng gồm có 17 thành viên (danh sách kèm theo).

2. Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách (danh sách kèm theo).

3. Phân công thực hiện nhiệm vụ

a) Nhóm thư ký

- Giúp Hội đồng chuẩn bị kế hoạch, triển khai hoạt động tự đánh giá CTĐT;
- Chuẩn bị các thủ tục để tiến hành đánh giá ngoài, thẩm định kết quả đánh giá

và công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục;

- Ban thư ký thực hiện phụ lục về cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trong báo cáo tự đánh giá của các chương trình;

- Các thành viên của Ban thư ký làm thư ký cho các nhóm công tác chuyên trách có nhiệm vụ giúp Trưởng nhóm thu thập thông tin, minh chứng.

b) Các nhóm công tác

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm công tác chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng	Ghi chú
1	Tiêu chuẩn 1, Tiêu chuẩn 2, Tiêu chuẩn 3	Nhóm 1	27/6/2022-; -13/11/2022	
2	Tiêu chuẩn 4, Tiêu chuẩn 5, Tiêu chuẩn 10	Nhóm 2	27/6/2022-; -13/11/2022	
3	Tiêu chuẩn 6, Tiêu chuẩn 7	Nhóm 3	27/6/2022-; -13/11/2022	
4	Tiêu chuẩn 8, Tiêu chuẩn 11	Nhóm 4	27/6/2022-; -13/11/2022	
5	Tiêu chuẩn 9	Nhóm 5	27/6/2022-; -13/11/2022	

V. Tập huấn nghiệp vụ tự đánh giá

1. Thời gian: 6/2022

2. Thành phần: Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách.

3. Nội dung, chương trình tập huấn

- Quy trình tự đánh giá và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT;

- Xác định nội hàm, phân tích tiêu chí; thu thập và xử lý thông tin, minh chứng; đánh giá tiêu chí và viết báo cáo.

VI. Dự kiến các nguồn lực và thời điểm cần huy động/cung cấp

Để chuẩn bị cho hoạt động tự đánh giá và đánh giá ngoài, Hội đồng tự đánh giá cần huy động và sử dụng các nguồn lực sau:

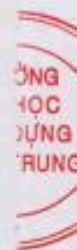
TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời điểm cần huy động	Ghi chú
1	Tiêu chuẩn 1	- Phân tích các tiêu chí trong tiêu chuẩn. - Thu thập, phân tích, xử lý, mã hóa thông tin và minh chứng.	- Hội đồng tự đánh giá. - Nhóm công tác chuyên trách: Nhóm 1. - Khoa có CTĐT. - Phòng TC-HC. - Phòng QLĐT. - Phòng KT&ĐBCL.	27/6/2022 -; 13/11/2022	

		- Viết báo cáo cho từng tiêu chí trong tiêu chuẩn.	- Tổ chức, cá nhân ngoài trường liên quan. - Cơ sở vật chất, kinh phí.		
2	Tiêu chuẩn 2	- Phân tích các tiêu chí trong tiêu chuẩn. - Thu thập, phân tích, xử lý, mã hóa thông tin và minh chứng. - Viết báo cáo cho từng tiêu chí trong tiêu chuẩn.	- Hội đồng tự đánh giá. - Nhóm công tác chuyên trách: Nhóm 1. - Khoa có CTĐT. - Phòng QLĐT. - Phòng CT HS-SV. - Phòng KT&ĐBCL. - Tổ chức, cá nhân ngoài trường liên quan. - Cơ sở vật chất, kinh phí.	27/6/2022 -:- 13/11/2022	
3	Tiêu chuẩn 3	- Phân tích các tiêu chí trong tiêu chuẩn. - Thu thập, phân tích, xử lý, mã hóa thông tin và minh chứng. - Viết báo cáo cho từng tiêu chí trong tiêu chuẩn.	- Hội đồng tự đánh giá. - Nhóm công tác chuyên trách: Nhóm 1. - Khoa có CTĐT. - Phòng QLĐT. - Phòng CT HS-SV. - Phòng KT&ĐBCL. - Giảng viên. - Nhà tuyển dụng, cựu sinh viên, sinh viên. - Cơ sở vật chất, kinh phí.	27/6/2022 -:- 13/11/2022	
4	Tiêu chuẩn 4	- Phân tích các tiêu chí trong tiêu chuẩn. - Thu thập, phân tích, xử lý, mã hóa thông tin và minh chứng. - Viết báo cáo cho từng tiêu chí trong tiêu chuẩn.	- Hội đồng tự đánh giá. - Nhóm công tác chuyên trách: Nhóm 2. - Khoa có CTĐT. - Phòng TC-HC. - Phòng QLĐT. - Phòng KH&HTQT. - Phòng KT&ĐBCL. - Trung tâm TT-TV - Giảng viên. - Nhà tuyển dụng, cựu sinh viên, sinh viên. - Cơ sở vật chất, kinh phí.	27/6/2022 -:- 13/11/2022	
5	Tiêu chuẩn 5	- Phân tích các tiêu chí trong tiêu chuẩn. - Thu thập, phân	- Hội đồng tự đánh giá. - Nhóm công tác chuyên trách: Nhóm 2. - Khoa có CTĐT.	27/6/2022 -:- 13/11/2022	

X
TR
ĐA
XÁ
HIỆP

		<p>tích, xử lý, mã hóa thông tin và minh chứng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Viết báo cáo cho từng tiêu chí trong tiêu chuẩn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phòng TC-HC. - Phòng QLĐT. - Phòng CT HS-SV. - Phòng KT&ĐBCL. - Trung tâm TT-TV - Giảng viên. - Cựu sinh viên, sinh viên. - Cơ sở vật chất, kinh phí. 		
6	Tiêu chuẩn 6	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích các tiêu chí trong tiêu chuẩn. - Thu thập, phân tích, xử lý, mã hóa thông tin và minh chứng. - Viết báo cáo cho từng tiêu chí trong tiêu chuẩn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hội đồng tự đánh giá. - Nhóm công tác chuyên trách: Nhóm 3. - Khoa có CTĐT. - Phòng TC-HC. - Phòng TC-KT. - Phòng KH&HTQT. - Giảng viên. - Cơ sở vật chất, kinh phí. 	27/6/2022 -:- 13/11/2022	
7	Tiêu chuẩn 7	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích các tiêu chí trong tiêu chuẩn. - Thu thập, phân tích, xử lý, mã hóa thông tin và minh chứng. - Viết báo cáo cho từng tiêu chí trong tiêu chuẩn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hội đồng tự đánh giá. - Nhóm công tác chuyên trách: Nhóm 3. - Khoa có CTĐT. - Phòng TC-HC. - Phòng TC-KT. - Viên chức khôi phục vụ. - Cơ sở vật chất, kinh phí. 	27/6/2022 -:- 13/11/2022	
8	Tiêu chuẩn 8	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích các tiêu chí trong tiêu chuẩn. - Thu thập, phân tích, xử lý, mã hóa thông tin và minh chứng. - Viết báo cáo cho từng tiêu chí trong tiêu chuẩn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hội đồng tự đánh giá. - Nhóm công tác chuyên trách: Nhóm 4. - Khoa có CTĐT. - Phòng QLĐT. - Phòng TC-HC. - Phòng CT HS-SV. - Đoàn TNCS HCM. - Sinh viên. - Cơ sở vật chất, kinh phí. 	27/6/2022 -:- 13/11/2022	
9	Tiêu chuẩn 9	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích các tiêu chí trong tiêu chuẩn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hội đồng tự đánh giá. - Nhóm công tác chuyên trách: Nhóm 5. 	27/6/2022 -:- 13/11/2022	

		<ul style="list-style-type: none"> - Thu thập, phân tích, xử lý, mã hóa thông tin và minh chứng. - Viết báo cáo cho từng tiêu chí trong tiêu chuẩn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Khoa có CTĐT. - Phòng TC-KT. - Phòng TC-HC. - Phòng CT HS-SV. - Trung tâm TT-TV. - Viên chức toàn trường. - Sinh viên. - Cơ sở vật chất, kinh phí. 		
10	Tiêu chuẩn 10	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích các tiêu chí trong tiêu chuẩn. - Thu thập, phân tích, xử lý, mã hóa thông tin và minh chứng. - Viết báo cáo cho từng tiêu chí trong tiêu chuẩn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hội đồng tự đánh giá. - Nhóm công tác chuyên trách: Nhóm 2. - Khoa có CTĐT. - Phòng TC-HC. - Phòng QLĐT. - Phòng CT HS-SV. - Phòng KH&HTQT. - Phòng KT&ĐBCL. - Trung tâm TT-TV. - Đoàn TNCS HCM. - Giảng viên. - Nhà tuyển dụng, cựu sinh viên, sinh viên. - Cơ sở vật chất, kinh phí. 	27/6/2022 -:- 13/11/2022	
11	Tiêu chuẩn 11	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích các tiêu chí trong tiêu chuẩn. - Thu thập, phân tích, xử lý, mã hóa thông tin và minh chứng. - Viết báo cáo cho từng tiêu chí trong tiêu chuẩn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hội đồng tự đánh giá. - Nhóm công tác chuyên trách: Nhóm 4. - Khoa có CTĐT. - Phòng TC-HC. - Phòng QLĐT. - Phòng CT HS-SV. - Phòng KH&HTQT. - Phòng KT&ĐBCL. - Giảng viên. - Nhà tuyển dụng, cựu sinh viên, sinh viên. - Cơ sở vật chất, kinh phí. 	27/6/2022 -:- 13/11/2022	



VII. Dự kiến thu thập thông tin từ nguồn ngoài cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT

1. Ngoài cơ sở giáo dục

- Thông tin về nhu cầu của thị trường lao động liên quan đến CTĐT.

- Các góp ý, phản hồi của nhà sử dụng lao động và cựu sinh viên liên quan đến CTĐT.

- Các thông tin liên quan đến CTĐT của cơ sở giáo dục đại học khác.

2. Ngoài đơn vị thực hiện CTĐT

Minh chứng và số liệu liên quan đến ngành đào tạo được đánh giá.

VIII. Dự kiến thuê chuyên gia tư vấn để giúp Hội đồng triển khai TĐG
(nếu có)

** Tập huấn tự đánh giá chương trình đào tạo*

- Mục đích: Giúp Hội đồng tự đánh giá, các nhóm công tác chuyên trách, Ban thư ký nắm rõ quy trình, cách thức thực hiện tự đánh giá theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT áp dụng.

- Vai trò của chuyên gia: Phân tích, hướng dẫn về quy trình tự đánh giá và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT áp dụng.

** rà soát hệ thống thông tin, minh chứng và hiệu chỉnh Báo cáo tự đánh giá*

- Mục đích: Giúp Hội đồng tự đánh giá, các nhóm công tác chuyên trách, Ban thư ký bổ sung thông tin, minh chứng, hoàn chỉnh báo cáo tự đánh giá.

- Vai trò của chuyên gia: Xem xét và góp ý về thông tin, minh chứng, báo cáo tự đánh giá.

IX. Lập Bảng danh mục mã minh chứng

Sau khi các nhóm công tác chuyên trách thực hiện xác định nội hàm, phân tích tiêu chí tìm minh chứng cho từng tiêu chí; phân loại và mã hoá các minh chứng thu được. Hội đồng tự đánh giá thảo luận các minh chứng cho từng tiêu chí đã thu thập được và lập Bảng danh mục mã minh chứng.

X. Thời gian và nội dung hoạt động

Thời gian thực hiện tự đánh giá CTĐT dự kiến trong 24 tuần (từ 06/6/2022 đến 20/11/2022, theo lịch trình như sau:

Thời gian	Các hoạt động
Tuần 1 (06/6- 12/6/2022)	<ol style="list-style-type: none">Họp Lãnh đạo nhà trường và lãnh đạo các Khoa để thảo luận mục đích, yêu cầu, thời gian biểu và xác định các thành viên của Hội đồng tự đánh giá CTĐT.Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá CTĐT.Họp Hội đồng tự đánh giá CTĐT để:<ul style="list-style-type: none">Công bố Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá;Tập huấn về quy trình tự đánh giá và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT;Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng;Dự thảo kế hoạch tự đánh giá CTĐT.

Thời gian	Các hoạt động
Tuần 3 - 4 (13/6-26/6/2022)	<ol style="list-style-type: none"> 1. Phổ biến chủ trương triển khai tự đánh giá đến toàn thể cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và sinh viên tham gia thực hiện CTĐT. 2. Tổ chức hội thảo/hội nghị về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai tự đánh giá cho đội ngũ chủ chốt liên quan. 3. Hội đồng tự đánh giá CTĐT đề thông qua: <ul style="list-style-type: none"> • Bản kế hoạch tự đánh giá CTĐT; • Dự thảo đề cương báo cáo tự đánh giá (dựa trên cơ sở tài liệu hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và điều kiện cụ thể của đơn vị); • Trình Hiệu trưởng phê chuẩn Kế hoạch tự đánh giá.
Tuần 5 – 8 (27/6-24/7/2022)	<ol style="list-style-type: none"> 1. Công bố kế hoạch tự đánh giá đã được phê duyệt, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng. 2. Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng. 3. Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được. 4. Phân tích thông tin và minh chứng thu được. 5. Phân tích, lý giải nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu trong từng tiêu chí của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT.
Tuần 9 – 14 (25/7-4/9/2022)	<ol style="list-style-type: none"> 1. Các nhóm công tác chuyên trách viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết). 2. Trưởng các nhóm công tác chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).
Tuần 15-16 (5/9-18/9/2022)	Hội đồng tự đánh giá CTĐT: <ul style="list-style-type: none"> • Xem xét các báo cáo của từng tiêu chuẩn, tiêu chí do các nhóm chuyên trách dự thảo; • Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá; • Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được; • Xác định các thông tin cần thu thập bổ sung; • Ban thư ký tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo tự đánh giá CTĐT.
Tuần 17-18 (19/9-02/10/2022)	<ol style="list-style-type: none"> 1. Hội đồng tự đánh giá CTĐT xem xét dự thảo báo cáo tự đánh giá và đề xuất những chỉnh sửa (nếu cần). 2. Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp với các bộ môn, phòng, ban, ... để thảo luận về báo cáo tự đánh giá, xin ý kiến góp ý.
Tuần 19-22 (03/10-30/10/2022)	<ol style="list-style-type: none"> 1. Công bố bản báo cáo tự đánh giá (đã chỉnh sửa sau góp ý của các bộ môn, phòng, ban, ...) trong nội bộ nhà trường và Khoa có CTĐT. 2. Các bộ môn, phòng ban, cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên, người học, đóng góp ý kiến phản biện về báo cáo tự đánh giá.
Tuần 23-24 (31/10-	<ol style="list-style-type: none"> 1. Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá theo các ý kiến phản biện;



Thời gian	Các hoạt động
13/11/2022)	2. Hội đồng tự đánh giá CTĐT thông qua báo cáo tự đánh giá lần cuối và nộp báo cáo tự đánh giá cho lãnh đạo Khoa thực hiện CTĐT và Hiệu trưởng để xem xét.
Tuần 25 (14/11-20/11/2022)	1. Gửi báo cáo tự đánh giá và công văn cho Bộ Xây dựng, Bộ Giáo dục và Đào tạo. 2. Nhà trường bảo quản báo cáo tự đánh giá, lưu giữ các thông tin minh chứng theo thứ tự mã minh chứng đã ghi trong báo cáo tự đánh giá.

Thông qua Kế hoạch, Hiệu trưởng yêu cầu:

Hội đồng tự đánh giá, các nhóm công tác chuyên trách và Ban thư ký triển khai thực hiện nghiêm túc nội dung của Kế hoạch này theo đúng tiến độ đã vạch ra.

Ban thư ký Hội đồng chịu trách nhiệm kiểm tra tiến độ công việc của các nhóm công tác chuyên trách theo định kỳ 02 tuần/ lần và báo cáo kết quả cho Chủ tịch Hội đồng tự đánh giá.

Ban thư ký Hội đồng xây dựng kế hoạch chi tiết theo tuần cho từng vấn đề cụ thể để các nhóm công tác chuyên trách triển khai thực hiện và giúp Hội đồng tự đánh giá kiểm tra, giám sát tiến độ công việc.

Ban thư ký Hội đồng phối hợp với phòng Tài chính Kế toán xây dựng dự toán kinh phí để thực hiện công tác tự đánh giá.


Phòng Tài chính Kế toán thực hiện quá trình thương thảo với Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục để hoàn thiện hợp đồng thẩm định hồ sơ tự đánh giá, hợp đồng đánh giá ngoài, hợp đồng thẩm định và công nhận kết quả chương trình đào tạo.

Các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường phải có trách nhiệm phối hợp với các nhóm công tác chuyên trách, thu thập minh chứng của đơn vị mình để phục vụ công tác tự đánh giá.

Sau khi hoàn thành Báo cáo tự đánh giá, mỗi nhóm công tác chuyên trách và Ban thư ký được Nhà trường hỗ trợ kinh phí và công nhận như một sáng kiến cải tiến cấp trường.

Tập thể, cá nhân không hoàn thành nhiệm vụ phải chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng Nhà trường./.

Nơi nhận:

- Bộ Xây dựng (để b/c);
- CT HĐT, BGH;
- Các Hội đồng tự đánh giá;
- Các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường;
- Các nhóm công tác chuyên trách;
- Ban thư ký;
- Lưu VT, KT&ĐBCL. 



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS.KTS. Nguyễn Vũ Phương

Số: 66 /KH-ĐHXDMT

Phú Yên, ngày 19 tháng 10 năm 2023

**KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH THỜI GIAN THỰC HIỆN TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC CÁC NGÀNH
Kiến trúc, Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông, Kinh tế xây dựng,
Quản lý xây dựng, Kỹ thuật cấp thoát nước, Kế toán**

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng về việc thay thế Tài liệu đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDDH ban hành kèm theo Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD;

Căn cứ Công văn số 2085/QLCL ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Cục Quản lý chất lượng về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo;

Căn cứ Kế hoạch số 25/KH-ĐHXDMT ngày 28/6/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung về Kế hoạch tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học các ngành: Kiến trúc, Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông, Kinh tế xây dựng, Quản lý xây dựng, Kỹ thuật cấp thoát nước, Kế toán.

Hiệu trưởng ban hành Kế hoạch điều chỉnh thời gian thực hiện công tác tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học các ngành cụ thể như sau:

TT	Thời gian	Các hoạt động
1	06/6/2022- 12/6/2022	<ol style="list-style-type: none">Họp Lãnh đạo nhà trường và lãnh đạo các Khoa để thảo luận mục đích, yêu cầu, thời gian biểu và xác định các thành viên của Hội đồng tự đánh giá CTĐT.Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá CTĐT.Họp Hội đồng tự đánh giá CTĐT để:<ul style="list-style-type: none">Công bố Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá;Tập huấn về quy trình tự đánh giá và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT;Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng;Dự thảo kế hoạch tự đánh giá CTĐT.
2	13/6/2022- 26/6/2022	<ol style="list-style-type: none">Phổ biến chủ trương triển khai tự đánh giá đến toàn thể cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và sinh viên tham gia thực hiện CTĐT.Tổ chức hội thảo/hội nghị về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai tự đánh giá cho đội ngũ chủ chốt liên quan.Họp Hội đồng tự đánh giá CTĐT để thông qua:



3

TT	Thời gian	Các hoạt động
		<ul style="list-style-type: none"> Bản kế hoạch tự đánh giá CTĐT; Dự thảo đề cương báo cáo tự đánh giá (dựa trên cơ sở tài liệu hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và điều kiện cụ thể của đơn vị); Trình Hiệu trưởng phê chuẩn Kế hoạch tự đánh giá.
3	27/6/2022-27/11/2022	<ol style="list-style-type: none"> Công bố kế hoạch tự đánh giá đã được phê duyệt, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng. Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng. Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được. Phân tích thông tin và minh chứng thu được. Phân tích, lý giải nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu trong từng tiêu chí của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT.
4	28/11/2022-16/7/2023	<ol style="list-style-type: none"> Các nhóm công tác chuyên trách viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết). Trưởng các nhóm công tác chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).
5	17/7/2023-29/10/2023	<p>Hội đồng tự đánh giá CTĐT:</p> <ul style="list-style-type: none"> Xem xét các báo cáo của từng tiêu chuẩn, tiêu chí do các nhóm chuyên trách dự thảo; Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá; Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được; Xác định các thông tin cần thu thập bổ sung; Ban thư ký tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo tự đánh giá CTĐT.
6	30/10/2023-05/11/2023	<ol style="list-style-type: none"> Hội đồng tự đánh giá CTĐT xem xét dự thảo báo cáo tự đánh giá và đề xuất những chỉnh sửa (nếu cần). Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp với các bộ môn, phòng, ban, ... để thảo luận về báo cáo tự đánh giá, xin ý kiến góp ý.
7	06/11/2023-03/12/2023	<ol style="list-style-type: none"> Công bố bản báo cáo tự đánh giá (đã chỉnh sửa sau góp ý của các bộ môn, phòng, ban, ...) trong nội bộ nhà trường và Khoa có CTĐT. Các bộ môn, phòng ban, cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên, người học, đóng góp ý kiến phản biện về báo cáo tự đánh giá.
8	04/12/2023-17/12/2023	<ol style="list-style-type: none"> Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá theo các ý kiến phản biện. Hội đồng tự đánh giá CTĐT thông qua báo cáo tự đánh giá lần cuối và nộp báo cáo tự đánh giá cho lãnh đạo Khoa thực hiện CTĐT và Hiệu trưởng để xem xét.



TT	Thời gian	Các hoạt động
9	18/12/2023- 24/12/2023	<ol style="list-style-type: none"> Gửi báo cáo tự đánh giá và công văn cho Bộ Xây dựng, Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nhà trường báo quản báo cáo tự đánh giá, lưu giữ các thông tin minh chứng theo thứ tự mã minh chứng đã ghi trong báo cáo tự đánh giá.

Hiệu trưởng yêu cầu Hội đồng tự đánh giá, các Nhóm công tác chuyên trách, Ban thư ký và các đơn vị liên quan thực hiện nghiêm túc nội dung của Kế hoạch này./.

Nơi nhận:

- CT HĐT, BGH;
- Các Hội đồng tự đánh giá;
- Các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường;
- Các Nhóm công tác chuyên trách;
- Ban thư ký;
- Lưu VT, KT&ĐBCL.

HIỆU TRƯỞNG



TS. Phan Văn Huệ

